

NGUYỄN BẠT-TUY

NGÔN-NGỮ-HỌC VIỆT-NAM

CHỮ VÀ VĂN VIỆT KHOA - HỌC

NGÔN - NGỮ

339, đường Phan đình Phùng

Saigon

1958

TỰA

Sau gần mười năm, quyển **CHỮ VÀ VĂN VIỆT KHOA-HOC** của chúng tôi xuất-bản từ 1949 lại có dịp ra mắt bạn-đọc, nhưng lần này cùng với tập **NGÔN-NGŨ-HOC VIỆT-NAM** đã đăng trong tập Kỷ-yếu Hội Khuyến-học năm 1953.

Tập **NGÔN-NGŨ-HOC VIỆT-NAM** vốn là một bài diễn-thuyết của chúng tôi về học-ngữ ở Hội Khuyến-học năm 1952, trong đó chúng tôi đã trình-bày một cách khái-quát quan-điểm của chúng tôi về một môn học mà tới nay ta vẫn thờ-ơ với, và tuy vậy rất quan-hệ cho tiền-đề văn-hóa của ta. Chúng tôi cũng đã nhấn mạnh vào một hệ-thống phân ngành trong môn học này hơi khác sự phân-ngành thông-thường của các nhà khảo-cứu Âu-Tây. Từ bấy đến nay, quan-điểm của chúng tôi không có gì thay-đổi mà chỉ một ngày một vững-chắc hơn sau nhiều dịp nghiên-cứu về mọi mặt. Bởi vậy chúng tôi chỉ bổ-túc một chút còn đề y nguyên-văn với chủ-ý là nhắc lại một cái gì tuy sơ-lược và khá xa về trước nhưng vẫn có một giá-trị vĩnh-cửu — theo thiên-ý của chúng tôi. Vả lại, rồi đây chúng tôi sẽ lần-lượt khảo-xét rộng rãi từng điểm nêu ra trong tập này ở nhiều thiên nghiên-cứu khác, mà thiên đầu sẽ là quyển **HOC-ÂM-LỜI VIỆT-NAM** với bản-dịch ra ngữ Pháp để đối-chiếu (**Phonologie vietnamienne**) sắp ra trong một ngày gần đây.

Còn tập **CHỮ VÀ VĂN VIỆT KHOA-HỌC** có thể coi là chỉ phụ-diễn một điểm trong tập trên. Nếu tập trên nêu ra những đại-cương với vài nhậ-xét liên-biểu thì tập dưới này nhằm vào một đích nhất-định ; cải-cách chữ viết theo những nguyên-tắc học-âm-lời thích đáng. Sự cải-cách này có thể chia ra làm hai phần :

1. Một phần tối-thiểu tới mục 72, trong đó chỉ nêu ra những sửa-đổi cần-thiết nhất. Chính những sửa-đổi này đã được đem ra áp-dụng trong sự chuyển-viết âm thanh ở tập **NGÔN-NGỮ-HỌC VIỆT - NAM** và, mặc dầu với tính-cách chưa hẳn tích-cực của nó, đã tỏ ra rất hữu-hiệu. Sự cải-cách chữ viết cho sự dùng hàng ngày có thể căn-cứ vào phần này, với một chút thay-đổi duy-nhất là dấu > đặt trên các chữ chỉ âm chắt của y, w, m, n, sẽ thay bằng dấu ˘ cho tiện hơn, khiến ta có : ỹ, Ẃ, ẵ, ẵ. Trong tập **NGÔN-NGỮ-HỌC VIỆT-NAM**, vì thiếu dấu, chúng tôi đã chỉ giọng chắt bằng dấu ㄹ để phía trên, bên mặt chữ.

2. Một phần triệt-đề từ mục 73 trở đi, trong đó chúng tôi gắng đạt tới cái chính-xác của khoa-học, và những dấu mới tạo thêm ra trong phần này cốt dùng cho những công-cuộc nghiên-cứu âm-lời hơn là cho sự viết hàng ngày. Lẽ cố-nhiên chúng tôi vẫn mong-ước rằng lối viết khoa-học thuần-túy có thể dùng làm lối viết thường, nhưng nếu không được thế thì áp-dụng những cải-cách tối thiểu cũng đã là một bước tiến dài lắm rồi. Đã đành rằng chín năm qua đã cho thấy rằng ngay đến một sửa đổi nhỏ nhất cho cách viết thường cũng chưa có cái may được thực-hiện và những kinh-nghiệm mà chúng tôi thấu-thập được ở **Hội nghị Thống-nhất Ngôn-ngữ** năm 1956 (1) trong đó chúng tôi có hân-hạnh làm Trưởng-ban Âm-thanh, cũng đã không

(1) Xem Văn-hóa nguyệt-san số 16, tháng 11, 1956 tr. 1779 — 1834.

có gì là khuyến-khích, chúng tôi vẫn tin-lương rằng lời nói của chúng tôi thế nào cũng sẽ có tiếng vang.

Vả lại, chúng tôi không ngần-ngại mà nói rằng những điều trình-bày trong hai tập này là hẳn một cuộc « phát minh » trong môn học-âm-lời, với những nguyên-tắc mới chống-đối lại các nguyên-tắc sẵn có của Âu-Mỹ. Những bạn đọc chưa quen với môn học sẽ thấy nó khúc-mất khó-hiểu nhưng với một chút cố-gắng sẽ tìm thấy ở nó nhiều ngạc-nhiên đầy hứng-thú. Còn những bạn đọc chuyên-môn hơn cũng sẽ thấy nó khác-lạ, vì không giống những cái mà bạn đã học, đã đọc trong các sách Âu-Mỹ. Chúng tôi chỉ xin các bạn đề nhiều thì-giờ nghiên-ngẫm nó, như chúng tôi đã đề rất nhiều thì-giờ mà cống-hiến nó cho các bạn. Chúng tôi hy-vọng rằng một ngày kia — dẫu ngày đó xa mấy đi nữa — các bạn sẽ nói với chúng tôi, như ông Maurice Durand, nguyên Giám đốc viện Bác-cổ Viễn-đông đã viết khi bình-phẩm quyển CHỮ VÀ VẦN VIỆT KHOA-HỌC : «*Ông bạn đã làm được ở đó một việc cực hay và mới-mẻ (Vous avez fait là de l' excellente besogne et du neuf).*»

Sài-gòn, ngày 1 tháng 9, 1958

NGUYỄN BÁT-TUY

NGÔN-NGỮ-HỌC VIỆT-NAM

TÁC - GIẢ GIỮ BẢN-QUYỀN

In lần thứ-nhất : Sài-gòn 1953

In lần thứ-nhì : Sài-gòn 1958

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1948, Ông A. G. Haudircourt, một nhà khảo-cứu uyên-thâm về các ngữ Á-Đông, hồi đó còn làm cố-vấn kỹ-thuật trường Bác-cổ Viên-dông, có tổ-chức một cuộc nói chuyện ở Hà-Nội lấy đầu-đề là « *Vỡ lòng về học-ngữ* » (Initiation à la linguistique). Sau đó ít lâu, gặp ông dưỡng bệnh ở nhà thương Grall Sài-Gòn, tôi không bao-giờ quên câu nói của ông với tôi : « Tôi đã nói chuyện về ngôn-ngữ ở Hà-Nội : hình như không mấy ai hiểu tôi. »

Nay tôi lại theo con đường đầy chông-gai cũ ấy và lại cũng nói chuyện về ngôn-ngữ¹ : phải chăng tôi đã không biết liệu thời-thế mà làm một việc chính mình đã thấy một lần kết-quả ra sao rồi. Cái kết-quả ấy, tôi đã từng biết với quyển CHỮ VÀ VĂN VIỆT KHOA-HỌC mà tôi đã cho ra cách đây hai năm : số người, chịu đọc nó rất ít, mà hiểu nó lại càng ít hơn. Nếu tôi tìm được sự an-ủi ở những người hiểu sách tôi, tức thay phần-đóng lại là những nhà ngôn-ngữ nước ngoài.

Bởi vậy tôi thú thật rằng tôi đã rất bi-quan trước khi đem câu chuyện ra nói cùng các thính-giả của tôi : chỉ có lòng yêu ngôn-ngữ nước-nhà là đã giúp tôi đủ can-dảm nói. Nhưng sau câu chuyện, tôi không còn có gì để bi-quan nữa : tôi đã được khích-lệ rất nhiều và

(1) Buổi nói-chuyện của Hội Khảo-cứu Việt-Nam, tổ-chức tại trụ-sở «Pháp-Việt Bình-dân Học-Viện», chúa nhật 19 tháng 10, 1952.

rất mừng rằng chúng ta không còn thờ-ơ với ngành khảo cứu ngôn-ngữ của ta.

Sự thờ-ơ ấy, dù sao cũng không đáng trách cho lắm vì nó bắt-nguồn từ cái hoàn-cảnh hội-sống và chính-trị đã và đang chi-phối chúng ta. Trước kia, dưới thời đo-hộ của người Pháp, ngữ ta đã bị liệt vào hàng một ngữ phụ-thuộc và cuộc sinh-hoạt của ta bó-buộc phải dựa vào ngữ Pháp. Những người đi học, muốn có một địa-vị, phải có những bằng-cấp về ngữ Pháp : họ không còn thì giờ đâu chú-trọng vào ngôn-ngữ của họ. Một số người khác, phụng-sự cho tiếng-nói nước-nhà chỉ có một cách là viết văn, viết báo, thì chung-quy vẫn là lấy cây-viết làm kế sinh-nhai. Còn những người tìm-tòi đề tìm-tòi kể ra rất hiếm, vì nếu không có một nguồn lợi riêng đề sống, đó là một con đờng đưa đến nghèo nàn túng-thiếu và tuyệt-vọng, vì những hy-sinh của mình người đời không biết đã dành, mà ngay đến cái kết-quả của những hy-sinh ấy cũng không ai hiểu nổi.

Ngày nay, tuy ngữ Việt đã dần-dần được nâng-đỡ, ta phải thành-thật mà nói, nó vẫn còn thiếu nhiều điều-kiện đề nảy-nở và chiếm một địa-vị xứng-đáng với tư-cách ngôn-ngữ một dân-tộc « độc-lập ». Cái cảnh tranh tối tranh sáng lúc này còn là một trở-lực lớn-lao cho sự phát-triển của nó. Những cố-gắng về chính-trị và quân-sự của nhà cầm-quyền đã lấn-áp cả những vấn-đề văn-hóa mà ngôn-ngữ là trụ-cốt.

Nhưng ở địa-vị người dân một xứ-sở, người con một nòi-giống, ta không được phép đứng-dưng mãi với ngôn-ngữ ta. Nói, viết được ngữ mình chưa phải là đã hiểu nó, hiểu nó chưa phải là đã đủ bổn-phận

với nó. Hiểu rõ ngôn-ngữ mà biết phát-huy những cái gì là đẹp là hay của nó, biết sửa-đổi những cái gì là kém là dở của nó, đó mới là cái đích cao-quý mà ta phải nhắm vào. Muốn vậy, ta phải tìm cách khuyến-khích cho môn học-ngữ được nhiều người chú-ý đến, nhất là những người lãnh cái trọng-trách dạy ngữ Việt.

Và lại không gì bằng một người Việt tìm-hiểu ngữ Việt với tất cả tấm lòng nhiệt-thành và kiên-nhẫn. Vẫn biết những cuộc tìm-tòi của Âu-Tây giúp-ích cho ta không phải là ít, nhưng đó vẫn chưa phải là tất-cả và ta vẫn có bổn-phận và có-thể làm hơn trong phạm-vi của ta. Vì vậy mà tôi mạo-muội đề án-hành đòi chút tài-liệu sau đây với mục-đích giới thiệu vài ý-kiến sơ-lược về học-ngữ Việt-Nam mà tôi sẽ còn có dịp phụ-diễn trong những công-cuộc khảo-cứu đầy-đủ về sau này.

Tôi cũng xin hạn-đọc chú-ý rằng một số dấu đề chuyển-viết âm-thanh dùng ở đây đã dựa theo cách viết thông-thường cho đỡ quá mới-lạ đối với người chưa quen với môn học. Thực ra một cách chuyển-viết âm-lời xác-đáng phải khác, như tôi đã trình bày ở quyển CHỮ VÀ VĂN VIỆT KHOA-HỌC.

Và để chấm-dứt lời-tựa này, tôi trân-trong cảm-ơn Ông G. Meillon, giáo-sư ngữ Việt ở viện Quốc-gia ngữ Phương-Đông ở Pháp, với tấm tình tri-kỹ của một người mến-yêu tiếng-nói Việt-Nam và tận-tâm cùng người bạn Việt-Nam, đã không ngại khó-nhọc giúp tôi nhiều tài-liệu quý-giá về cuộc thí-nghiệm âm-thanh ở Viện Âm-lời Pari mà tôi đã nhờ ông làm giùm.

Sài-gòn, ngày 1 tháng 10 năm 1952

NGUYỄN BẠT-TUY

Thưa quý ông,

Thưa quý bà,

Thưa quý bạn,

Đề hướng-ứng vào chương trình hoạt-động của hội-Khuyến-học mà từ mấy tháng nay đã tỏ ra rất có kết quả nhờ sáng-kiến của ông Hội-trưởng, hôm nay tôi rất hân hạnh trình-bày cùng quý vị một vấn-đề hơi mới : Ngôn-ngữ-học Việt-Nam.

Trước hết, tôi trân-trọng xin lỗi cùng quý vị về một điều : tôi quả đã lừa-dối quý vị khi nêu lên cái đầu-đề « Ngôn-ngữ học » vì tôi thực lòng muốn nói : « học-ngữ ». Đó là một quan-niệm riêng của tôi về sự ghép tiếng và dùng tiếng theo một tinh-thần thuần-tùý Việt-Nam. Bởi vậy, trừ cái đầu-đề cốt để cho người mới nghe khỏi hồ-ngờ — theo tôi tưởng và tôi rất mong rằng tôi đã làm — từ đây trở đi, những tiếng chuyên-môn tôi dùng về học-ngữ sẽ hoàn-toàn giản-dị và dễ-hiểu.

Sau nữa, với một số thí-giờ có hạn, tôi chỉ có - thể bàn một cách khái-quát về một vấn-đề quá rộng. Tôi sẽ không đi sâu vào những chi tiết mà chỉ chú-trọng vào sự làm nổi bật cái gì là thật Việt-Nam trong môn học này. Tôi muốn nói : những cái mà người Việt-Nam đã tìm ra và có thể không lấy làm hồ-thẹn trước những công trình khảo-cứu của người nước ngoài về ngữ ta, nhất là người Pháp.

Tim-tôi về môn này từ nhiều năm nay, tôi đã có dịp cho ra mắt bạn-đọc một vài ý-kiến về học-âm-lời trong một quyển sách của tôi nhan-đề là « Chữ và văn Việt khoa-học ». Tôi đã có cái may được làm quen với một số nhà-ngôn-ngữ Âu-Mỹ và tôi đã được khuyến-khích rất nhiều. Vậy đầu « cái tôi vẫn là đáng ghét »,

tôi không có cách gì khác hơn là trình-bày cùng quý-vị những điều tin-tưởng của tôi về tương-lai học-ngữ Việt-Nam, căn-cứ vào những cái chính mình đã nhận-xét và đã cố đòi phần được chứng-thực.

Vậy tôi xin nhập đề ngay và chia cuộc nói chuyện này ra làm ba phần :

— Tính cách quan-hệ của học-ngữ.

— Hệ-thống của học-ngữ.

— Một điểm học-ngữ Việt-Nam : học.âm-lời Việt-Nam.

1.— TÍNH CÁCH QUAN-HỆ CỦA HỌC - NGỮ

Học-ngữ là một môn học hãy còn ít người biết đến, nhất là ở nước ta. Vậy mà chính đó là một cái gì rất quan-trọng do tính cách quan-trọng của ngôn-ngữ, một chế-độ vừa có tính-cách thuộc-người mà bó-buộc, vừa có tính-cách thuộc-nhóm mà cõ-truyền.

Là một chế-độ thuộc-người ⁽¹⁾, ngôn-ngữ là một phương-tiện để trao-đổi tư-tưởng riêng cho loài người. Người ta nhận thấy rằng chỉ loài người mới có những điều-kiện cần-thiết cho sự phát-âm. Hình dáng ngay-ngắn của người ta rất có lợi cho việc tạo ra hơi-nói cũng như hơi-thở nhờ một bộ máy hô-hấp đặc-biệt với một cơ-quan của tiếng-nói mà không sinh-vật nào khác có được. Bộ óc nữ-nang khác thường của người rất tiện cho sự giao-cảm với các giác-quan khác, nhất là thính-giác, và sự điều-khiển các bồn-năng về lý-trí.

Người ta đã từng nói đến tiếng-kèn của các loài vật, như là tiếng hót của loài chim. Để mong tìm ở đó đôi-chút triệu-chứng của tiếng nói. Vẫn biết những vật-tinh-

(1) Một tiếng ghép mới có nghĩa : a. thuộc riêng về người ; b. có tính-cách người.

khôn như chó, mèo, cũng có những cách biểu-lộ những tình-cảm đủ vẻ : tức-giận, đau-dớn, sợ-hãi hay vui-mừng. Nhưng những cách đó vẫn chỉ là những tiếng kêu chứ không phải là tiếng-nói.

Chính vì thuộc người mà ngôn-ngữ còn là một chế độ bó-buộc. Cái hội-sống của loài người vốn rất phức-tạp, sự tiến-hóa của loài người căn-cứ vào những tăng-tiến về hiểu-biết, hiểu-biết lẫn nhau và hiểu-biết các sự-vật khác. Tuy ngôn-ngữ có nhiều cách phát-lộ ra : bằng âm-thanh, bằng cử-chỉ, bằng chữ viết, vì nó là một « hệ-thống những dấu-hiệu », nói đến ngôn-ngữ vẫn là nói đến âm-thanh.

Ta thử tưởng-tượng một dân-tộc không có ngôn-ngữ, một hội-sống không ai nói với ai một tiếng, và không ai nghe thấy của ai một lời ! Người ta có thể bảo rằng một người câm tuy không nói được, nhưng vẫn nghe được, vẫn hấp-thụ được những quan-niệm rõ ràng về âm-thanh, và nếu người ấy tập viết, tập đọc, người ấy sẽ diễn-đạt được tư-tưởng nếu không bằng tiếng-nói thì bằng tiếng - viết. Nhưng ta phải thành-thực nhận rằng ở đó vẫn thiếu một phần cái gì « của người » vì người bó-buộc phải có tiếng-nói. Một cá-nhân thiếu tiếng-nói có thể khổ một phần nào, thì cả một hội-sống thiếu tiếng-nói sẽ khổ bao-nhiều vì sự hiểu lẫn nhau hay không hiểu nhau.

Là một chế-độ thuộc nhóm (1). ngôn-ngữ không phải đầu-đầu cũng giống nhau vì mỗi nhóm người có

(1) Một tiếng ghép mới, có nghĩa : a) thuộc riêng từng nhóm ; b) có tính cách của một nhóm.

một ngôn-ngữ riêng. Nhóm ấy trước hết là hán từng giống, như giống Mã-lai có ngữ Mã-lai, giống Thái có ngữ Thái : đó là *ngữ-giống*. Nhưng thường-thường nhóm ấy là một quốc-gia và dân một nước nào thì nói ngữ nước ấy : đó là *ngữ-nước*. Nhiều khi, ngay trong một nước, mỗi miền có một ngôn-ngữ riêng. Ta không kể trường-hợp của những nước mà miền này nói ngữ nước này, miền kia nói ngữ nước khác vì chịu nhiều ảnh-hưởng khác nhau, như nước Thụy (Suisse) mà miền gần Đức thì nói ngữ Đức, miền gần Pháp thì nói ngữ Pháp. Ta chỉ kể trường-hợp của những nước trong đó mỗi miền nói một ngữ hơi khác, như ở nước ta, miền Bắc nói một giọng, miền Nam nói một giọng : đó là những *ngữ-miền*. Trong mỗi miền như vậy còn chia ra nhiều vùng : ở ngoài Bắc, không ai còn lạ gì những giọng kẻ Noí, giọng kẻ Bưởi : đó là những *ngữ-vùng*.

Nhân vì thuộc-nhóm, ngôn-ngữ còn là một chế độ cổ-truyền vì trong cùng một nhóm nó « truyền » từ đời nọ qua đời kia mà biến-chuyển theo đà tiến hóa của mỗi nhóm. Tính-cách cổ-truyền ấy bắt-nguồn từ cái tính cách bó-buộc : mỗi người trong một nhóm không phải chỉ bó-buộc có ngôn-ngữ mà thôi : họ còn phải — tôi xin nhấn mạnh vào tiếng « phải » — tìm - cách thuận theo những luật phát âm và đàn tiếng cho hợp với thói-quen chung của đoàn-thể trong đó họ sống. Mỗi đoàn-thể vốn có một cách ăn-nói riêng, từ nhỏ đến lớn, ta luôn-luôn cố-gắng để khỏi ra ngoài khuôn-khổ đã vạch sẵn. Một đời khi, nếu có dịp rời khỏi đoàn-thể mình mà tiếp-xúc với một đoàn-thể khác trong một khoảng-thời khá lâu, rất có-thể rằng ta nhiễm cách ăn-nói của đoàn-thể mới đến nỗi khi ta trở về, người trong đoàn-thể cũ nhận ra ngay những biến-đổi về ngôn-ngữ của ta. Một người

Bắc vào ở trong Nam hay một người Nam ra ở ngoài Bắc lâu năm thường chịu theo luật bó-buộc ấy cả, mà nhiệm những thói cổ-truyền của miền họ ở.

Như vậy ngôn-ngữ quả là một cái gì rất phức-tạp ở chỗ nó có nhiều sai-biệt trong cả khoảng-không lẫn khoảng-thời. Muốn hiểu biết nó, không có một môn học hẳn-hoi, không sao đạt đến đích được. Môn ấy là học-ngữ mà ở nước ta, hơn cả ở các nước nào khác, rất cần được chú - trọng tới, vì nó có liên-quan đến ngôn-ngữ đã đánh, mà còn dính-liu đến nhiều môn học khác.

Trước hết, học-ngữ là một môn học khảo-xét về ngôn-ngữ. Ta có-thể tự hỏi nhờ đâu mà ngày nay ta có đủ tiếng-nói để diễn-đạt tư-tưởng, đủ sách-vở để traugiỏi tri-thức. Phải chăng nhờ những người xưa đã phát-minh chữ viết qua những nhận xét về âm-thanh, thiết-lập mẹo-luật qua những tìm - tòi về ngôn-từ ? Những người ấy, không nhiều thì ít, đều có những quan-niệm về học ngữ mà mỗi đời đều mỗi tìm cách cải-thiện.

Thí-dụ như chúng ta ở vào thế.kỷ 20 này mà biết được những cách ăn-nói xưa về thế.kỷ 17, phải chăng là nhờ quyền tự-vị của cổ de Rhodes ? Thật biết bao-nhiều là ngạc-nhiên, bao-nhiều là bỡ-ngỡ khi ta thấy người xưa nói *lầu* đối với *trần* của ta (hiện nay ở miền Trung còn có nơi nói *lưu*), *blời* đối với *trời*, *giời* của ta, *mlớn* đối với *lớn*, *nhón* của ta. Ta cũng thấy rằng người xưa nói *kháo* đối với *khéo* ngày nay và ta không có lý gì nghi-ngờ cách phát-âm ấy khi mà phát-âm của *ở* chính là *khảo* chứ không phải *xảo*, và chính là *khảo* đã cho *kháo* rồi *khéo*, chứ *xảo* chỉ là một âm biến khác của *khảo* mà thôi.

Học-ngữ cũng là một phần của môn học-hội-sống⁽¹⁾ giúp ta biết rõ được một trạng-thái nào của một hội-sống ở một điểm-không hay điểm-thời nhất-định. Một đoạn văn dịch từ nho ra nôm, vào năm 1763, về truyện *Lê nương* trong quyển *Truyện-ký mạn-lục* mà ông Hoa-Bằng đã có công dịch-âm bằng chữ Rô-ma cho ta thấy cách tư-tưởng của các nhà nho thời ấy ra sao :

« Họ Nguyễn tên là Diễm, họ cả huyện Đông-Sơn chung, em gái họ *chénh* (?) hàng bên ngoại, người Trần Khát-Chân vậy, cùng vợ « con buôn » ở huyện Cẩm-Giang là họ Lý, *đối mở phố phần chung* ngoài thành Tây-Đô. Láng-giềng gần *giao-bén*, lòng yêu *quanh-nhất*, song điều chưa có con...»⁽²⁾

Cách tư-tưởng ấy nhất-định không phải là của người dân thường, dù ở thời ấy hay thời này. Một nhà .nho nay, chính ông Hoa-Bằng, đã diễn-dịch lại : « Nguyễn Thị Diễm, người trong một họ lớn ở Đông-Sơn, là em gái họ ngoại của Trần Khát-Chân, Nguyễn-thị cùng với Lý-thị, vợ người lái buôn ở Cẩm-Giang, mở đối nhà nhau một ngôi hàng phần ở ngoài thành Tây-Đô. Liền kề láng giềng, đối bên đi lại, tình-hiếu trở nên thân-mật. Song cả hai đều chưa có con...» Nhưng nếu là một người dân thường, họ sẽ còn nói khác nữa : *bà họ Nguyễn, bà họ Lý* vào chỗ *Nguyễn thị, Lý thị*. Đó là vì ta phân biệt được hai hội-sống : hội-sống của những người nhiễm nhiều tư-tưởng Tàu và hội-sống của những người tư-tưởng giản-dị theo tính-thần nói-giống.

(1) Sociologie (xã-hội-học).

(2) *Mới 175 năm nay, văn xuôi của ta đã đổi khác nhiều.*
TRI TÂN số 73, 1942, tr. 3-4.

Cái tinh thần ấy, nó lẫn-mát ngay ở dân-gian, nó bộc-lộ ở những cách tạo tiếng, dùng tiếng, và chính chỉ ở dân-gian mới có một tinh-thần thuần-túy nhất. Ta hãy lấy vài thí dụ về ngữ ta. Người dân ta vốn quen suy nghĩ hoàn-toàn theo thứ-tự « tiếng-định sau tiếng-bị-định » : đó, là một quan-niệm bầm-sinh bất - di bất-dịch. Một con đường lớn, họ gọi là *đường cái*, một con đường lớn thường có quan-trải, họ gọi là *đường cái quan*, và tiếng *đường* đối với họ là tiếng chính phải đến óc họ trước nhất. Khi các nhà nho « nhồi » cho họ tiếng *quan-lộ*, tiếng *đường* vẫn đến óc họ trước nhất và họ nói : *đường quan-lộ*, mà không cần hỏi xem một trong hai tiếng *đường* hay *lộ* tiếng nào là thừa.

Khoa-học tiến bộ lên. Người dân thấy hai thanh sắt dài vô-tận trên đó, có xe-lửa chạy nên gọi là *đường-sắt*. Phái học mới tìm được ở tự-diễn Tàu tiếng *thiết-lộ* để dịch *chemin de fer* của Pháp hay *railroad* của Anh, nghiễm-nhiên gọi là *đường thiết-lộ*, tuy họ hiểu rằng *lộ* là « đường » rồi (1). Người dân không hiểu mà nói sai đã đành, người có học hiểu mà vẫn nói sai là một điều đáng tiếc vì họ chưa có một quan-niệm rõ-ràng về ngôn-ngữ họ.

Trong bao nhiêu đời nay, ta xa dần được cách tư-tưởng theo Tàu cũng là nhờ ở, chỗ cái quan-niệm về ngôn-ngữ ta mỗi ngày một rõ-ràng thêm. Nhưng tiếc thay đó chỉ là một liên bộ chậm-rãi theo cuộc tiến-hóa của xã-hội ta mà thôi, chớ chính ta chưa hề bao-giờ tìm cách hiểu đến triệt-đề những âm-thanh ta phát ra, những lời tiếng ta nghĩ ra. Những quyển « văn-phạm » ta viết,

(1) Cũng như *đường xích-đạo* mà ta thấy trong hầu hết các sách địa-đư, và không biết bao-nhiều tiếng khác thuộc về loại « nói rườm » ngày chủ-nhật, cây cỏ-thụ, vua Hùng-Vương, v. v.

những quyền « tự-vị, từ-diễn » ta soạn tới nay chỉ mới là những nét vẽ phác sơ-sài về ngôn-ngữ trong đó còn bao-nhiều cái vụng-về, sơ-sốt, vì thiếu một hiểu-biết chắc-chắn về học-ngữ.

Học-ngữ quan-hệ là vậy, và trong khi ở các nước môn học ấy đã phát-triển đến cực-độ thì ở nước ta nó còn là một cái gì mới-lạ chưa được mấy ai chú-ý đến.

II.— HỆ-THỐNG CỦA HỌC-NGỮ

Nhưng học-ngữ gồm những ngành nào ? Người ta đã từng rất phân-vân trong sự định lấy một hệ-thống hẳn-hoai cho học-ngữ. Không cần phải xét lại những kết-quả tốt-đẹp về môn học này mà người Âu-Tây đã hái được qua bao-nhiều đời tìm-tòi khảo-cứu, ta có-thể luận từ tính-cách ngôn-ngữ ra để phân-ngành cho học-ngữ.

A.— Trước hết, nếu xét thẳng tiếng-nói ở một thời, dù của dân-tộc nào, ta cũng thấy có ba phần chính : âm, nghĩa và mẹo.

« Âm » đây không phải là thứ âm nghe thấy trong vũ-trụ, như tiếng gió thổi, thông reo, mưa tuôn, sóng vỗ, mà phần-nhiều chỉ là *tiếng-động* ; cũng không phải là tiếng đàn-bầu nào-nùng của ta hay tiếng dương-cầm thánh-thót của Tây mà ta gọi là *âm-nhạc*. Âm đây là âm của lời-nói, tức là *âm-lời*, và ngành học về âm lời là *học-âm-lời*, ứng với tiếng *phonétique* của Tây.

« Nghĩa » là linh-hồn của tiếng-nói. Trừ tiếng-nói, không còn gì có nghĩa nữa : nếu ta cho rằng tiếng gió thổi có một nghĩa mạnh-mẽ hay dịu-dàng tùy theo sức gió, tiếng mưa tuôn có một nghĩa dồn-dập hay âm-thầm tùy theo thể mưa, những nghĩa ấy vẫn phải nhờ đến tiếng

nói mà gây thành một ý-niệm. Vậy ngành học về nghĩa là *học-ngĩa*, ứng với tiếng *sémantique* của Tây.

« Mẹo » vẫn biết có một nghĩa rất rộng, nhưng ở đây chỉ riêng cách dùng tiếng-nói trong một ngữ để diễn-là tư-tưởng cho chính : đó là *mẹo ngữ*, và ngành học về mẹo-ngữ là *học-mẹo-ngữ*, ứng với tiếng *grammaire* của Pháp mà ta quen dịch là *văn-phạm*. Thực ra *văn-phạm* phải có nghĩa là « khuôn-phép làm văn », và nếu quý-vị cho phép, tôi sẽ gọi là *học-mẹo-văn* để chỉ tiếng *rhétorique*, cũng như *học-thể-văn* để chỉ tiếng *stylistique*. Ngay trong học-mẹo-ngữ ta còn phân-biệt được ba chi: *học-mẹo-âm* để chỉ dẫn về cách phát-âm; *học-mẹo-tiếng* để dạy về cách dùng tiếng, và *học-mẹo-lời*, ứng với tiếng *syntaxe* của Pháp, để giảng về phép cấu-tạo lời-nói (!).

B. — Lại nữa, nếu xét tiếng-nói qua các thời, ta thấy rằng tiếng-nói không giữ nguyên một trạng thái mà có một tinh-cách rất « động » bên cạnh cái bề ngoài « tĩnh » mà ta tưởng có ở hiện-trạng của nó. Các ngành trên kia phải theo đó mà chia ra tĩnh, động như sau đây :

Về học-âm-lời, ta sẽ có *học-âm-lời tĩnh* để khảo-xét về âm-lời theo trạng-thái hiện-hữu, và *học-âm-lời động* để theo dõi những biến-chuyển của âm-thanh qua các đời. Thí-dụ : khi ta nói rằng muốn nói *ph*, người nay để môi dưới áp vào răng trên mà phì hơi ra, là ta ở trong phạm vi học-âm-lời tĩnh. Trái lại, nếu ta nói rằng người xưa mím lại hai môi lại để phì hơi ra mà nhún mạnh vào biến đổi « hai-môi thành môi răng », là ta đã tiến vào khu-vực học-âm-lời động.

(!) Tôi sẽ dẫn-giảng rõ-ràng về sự phân-biệt này ở một dịp khác.

Về học-nghĩa, ta sẽ có *học-nghĩa tĩnh* để khảo-xét về cái nghĩa hiện-tại của tiếng, và *học-nghĩa động* để suy-tìm những biến-chuyển về nghĩa của một tiếng qua mỗi thời. Thí-dụ : khi ta giảng rằng tiếng *hử* dùng để hỏi là ta bàn theo học-nghĩa tĩnh. Còn nếu ta đi sâu vào nguồn-gốc tiếng *hử* để thấy rằng nó chính là một hình-thức xưa của *hứa* 許 theo thiết-âm : *hư* 許 *ngữ* 語 thiết, vận *ngữ* = *hử*, với nghĩa gốc của *hứa*, là ta đã bàn theo học-nghĩa động. Ngày nay, khi ta hỏi ai : *anh có đi không hở*, ta có một quan-niệm mập-mờ về tiếng-hỏi *hử*, chứ ngày xưa, tổ-tiên ta hiểu rõ là : « anh có đi hay không thì hứa đi ! » (1)

Về học-mạo-ngữ, ta sẽ có *học-mạo-ngữ tĩnh*, để khảo-xét về cách đàn tiếng, dùng tiếng hiện nay, và *học-mạo-ngữ động* để đi ngược thời gian mà hồi-phục nguyên-trạng của những cách ăn-nói xưa. Đoạn văn nôm trích trên kia hiển cho học-mạo-ngữ, những tài-liệu thiết-thực nhất : theo học-mạo-ngữ tĩnh, một câu như *mở đối nhà nhau một gói hàng phần* chứng-tỏ cái luật « xuôi-y » trong ngữ ta, nghĩa là luật « tiếng-định đứng sau tiếng-bị-định ». Trái lại, theo học-mạo-ngữ động, một câu như *đối mở phố phần* tổ-cáo một xu-hướng xưa, trong văn-chương, về luật « ngược-y », nghĩa là luật « tiếng-định đứng trước tiếng-bị-định » mà ta còn thấy trong ngữ Tàu.

Tất-cả những cái tĩnh, động trên đây chung-đúc vào môn tổng-quát là học-ngữ mà giúp ta phân-biệt một ngành *học-ngữ tĩnh* và một ngành *học-ngữ động*. Người Âu-Tây trước kia chỉ chú-ý đến học-ngữ-động và tiếng *linguistique* dùng riêng vào nghĩa ấy. Gần đây, người ta thấy rằng nếu

(1). Do đó, một câu như : *rủ nó đi, nó chỉ ù-hử*, ta phải hiểu là «...nó chỉ ù-hứa cho qua (chứ không đi thực)». Ta còn nói chệch *hử* thành *hơ*, *hà*.

nhều khi những biến-chuyển dần-dần của ngôn-ngữ được văn-tự ghi chép đầy-đủ như trường-hợp biến-đổi của tiếng La-tin thành tiếng Pháp, có lúc văn-tự tiến theo không kịp ngôn-ngữ và tiếng viết không còn ở chung một hệ-thống với tiếng-nói nữa. Trong ngữ Pháp, xưa kia « vua » gọi là *roy* nên viết là *roi*, ngày nay *roi* không thích hợp đề chỉ một cách phát-âm khác là *rwa* nữa.

Bởi vậy người ta đã có *linguistique historique* hay *diachronique*, ứng với tiếng *học ngữ động* của ta để khảo-xét về lịch sử âm-thanh, lịch sử bộ-tiếng, lịch-sử mẹo-ngữ, và *linguistique statique* hay *synchronique*, ứng với tiếng *học ngữ tĩnh* của ta, để khảo xét về mỗi giai đoạn.

C— Ngoài những sự phân-biệt chính trên đây, trong học-ngữ còn biết bao nhiêu ngành khác nữa.

Một ngữ có thể có nhiều thành phần. Ngữ ta, ngoài một số lớn tiếng nho là những tiếng đọc chệch ở âm Hán ra mà ta gọi gồm là *ngữ-nho*, còn có những tiếng gốc hoặc ở tiếng Hán xưa, hoặc ở tiếng nho, hoặc ở những tiếng nào khác, mà ta gọi gồm là *ngữ-nôm* vì xưa kia những tiếng ấy do chữ nôm diễn-là được. Cái học về ngữ-nho sẽ gọi là *học-ngữ-nho* và cái học về ngữ-nôm sẽ gọi là *học-ngữ-nôm*. Hai tiếng này là hai tiếng mới: ta sẽ nhận thấy tính-cách quan-hệ của nó về sau này một khi hai ngành học mà nó chỉ sẽ được định-nghĩa và khảo-xét kỹ-càng.

Nhưng mỗi tiếng nho, mỗi tiếng nôm không phải đầu-đầu cũng phát-âm như nhau. Thí-dụ cùng một chữ 舟 ngoài Bắc đọc là *thuyền*, trong Nam đọc là *thoán*; cùng một kẻ thứ-hai cần phải nói với một cách khinh-thường, người Bắc gọi là *máy*, người Trung-trên gọi là *mì*,

người Nam và người Trung-dưới gọi là *mày*. Vậy mỗi miền có những cách ăn-nói hơi khác nhau mà ta gọi là *ngữ-miền* và cái học về ngữ-miền là *học-ngữ-miền* (*dialectologie*).

Một ngữ có-thể có văn-tự như ngữ Việt, ngữ Miên, ngữ Lào, hay không văn-tự như ngữ Mán, ngữ Lô-lô, v.v. Nhờ văn-tự ấy đọc qua sách-vở xưa, nhà ngôn-ngữ có thể tìm đúng lại nhật-ký của mỗi bản văn rồi ghi-chép được cách viết và cách hiểu của mỗi tiếng để gom-góp thành một quyển *điền-tiếng theo-sử* (*dictionnaire historique*). Đó là ngành *học-sử-tiếng* (*philologie*).

Nhưng nếu cách dùng tiếng mỗi thời một khác, đồng một thời không có tiếng nào có cách dùng giống nhau cả. Tưởng là một tiếng này trùng-nghĩa với tiếng kia. chẳng qua là vì chưa chịu tìm đến những chỗ sai-khác tế-nhị giữa mỗi tiếng mà thôi. Ở buổi đầu, có-thể rằng để chỉ một vật, người ta mượn tới hai tiếng ở hai gốc khác nhau, nhưng dần-dần một trong hai tiếng cũng phải hoặc mai-một đi, hoặc biến nghĩa đi. Thí-dụ hai tiếng má gốc Xiêm và chó gốc ở tiếng nhỏ cầu 狗 : ngày nay má đã nhường bước cho chó mà giữ phận phụ-thuộc trong tiếng đôi chó-má chứ ít thấy dùng một mình. Nhất là về những tiếng trừu-tượng thì sự sai-khác không phải chỉ về lý-trí mà còn về tình-cảm. Đó là cả một khoa dùng tiếng mà cái *học-dùng-tiếng* (*lexicologie*) giúp ta có được một ý-niệm rõ-ràng : một ngữ mà còn những tiếng trùng-nghĩa thì ngữ ấy còn xa mới đi được đến chỗ tinh-vi. Chẳng hạn trong ngữ ta, cùng một ý « mang » mà ta có nào là : *ẵm, bế, bẵ, bẵng, bẵng, cầm, cắp, cõng, chở, đem, đeo, đeo, địu, đội, gánh, gồng, khiêng, khuôn, quấy, vác, xách, ôm,*

v.v., mà chính ngữ Pháp cũng không đủ tiếng để dịch cho ỏn.

Cái học-dùng-tiếng ấy nhắc cho ta cái học-mẹo-ngữ chỉ khác là một đảng chú-trọng về ý-nghĩa, một đảng về mẹo-luật. Những mẹo-luật ấy áp-dụng theo phương-diện riêng còn đưa tới *học-dạng-tiếng* (*morphologie*). Theo ngành học này, người ta không còn gọi tên mỗi loại tiếng theo ý-nghĩa nữa. Một động-từ (tôi sẽ gọi là tiếng-năng) không còn là một tiếng chỉ hành-dộng, một tĩnh-từ (tôi sẽ gọi là tiếng-tính) không còn là một tiếng chỉ một tính, một thể nữa. Người ta có thể định-nghĩa cho danh-từ (tôi sẽ gọi là tiếng-tên) chẳng hạn trong ngữ Việt như một tiếng có thể có một tiếng-số (*những, các, mấy, v.v.*), một tiếng-loại (*cái, con, người v.v.*) đứng trước, hay một tiếng-chỉ (*này, kia, đó v.v.*), một trong bốn tiếng-tính (*đực, cái, trống, mái*) đứng sau. Thí dụ : *những gà, con gà, gà này, gà mái*, tỏ rằng *gà*, là một danh-lừ. Nếu người ta chỉ danh-từ bằng A, tĩnh-từ và động-từ bằng B, các loại khác bằng C, người ta có thể hình-dung mỗi câu nói bằng những chữ-đầu kia không khác gì một công-thức đại-số. Câu *những con gà mái này ăn thóc* sẽ thành CCABCBA.

Cuối cùng, bất-cứ một ngữ nào cũng phải có nguồn-gốc và có khi nhiều ngữ có cùng nguồn-gốc mà lập-thành một *họ ngữ* (*famille de langues*). Muốn tìm đến nguồn-gốc ấy, người ta phải so-sánh các ngữ với nhau mà luận ra những tính-cách chung của một họ ngữ, do đó, của ngữ mẹ mà người ta chưa biết. Thí-dụ ngữ La-tin đã cho ngữ Pháp, ngữ Ê-l-pa-nha, ngữ Poóc-tu-gan, v.v. : đó là họ ngữ La-tin. Lại nữa, ngữ Hán đã cho những phần thuộc Hán của ngữ Việt, ngữ Nhật, ngữ Cao-ly, v.v. : đó là họ ngữ

Hán. Ngành học này gọi là *học-mạo-ngữ đối-chiếu* (*gram-maire comparée*).

Nhờ ngành học này một phần rất lớn, và cũng nhờ ngành học-sử-ngữ, người ta sẽ tìm ra được nguồn-gốc của mỗi tiếng trong một ngữ mà định xem mỗi tiếng đã xuất hiện từ đâu, vào thời nào, và bằng cách nào. Đó là *học-nguồn-tiếng* (*étymologie*) mà dưới đây tôi sẽ có dịp trình-bày vài quan-diểm.

Thưa quý-vị, trên đây tôi đã phác qua các ngành ở trong phạm-vi học-ngữ. Thật là một sự kể-lẽ lâu-lắt tuy còn sơ-sài, và quý-vị chắc vẫn chờ-đợi một cái gì thật Việt Nam, như tôi đã nêu lên ở đầu câu chuyện. Những cái thật Việt-Nam ấy, sẽ phản-chiếu được những đặc-tính ngôn-ngữ ta và, để làm thí-dụ, tôi chỉ xin nói riêng về học-âm-lời mà dành các vấn-đề khác cho những cuộc nói chuyện về sau này, nếu có dịp.

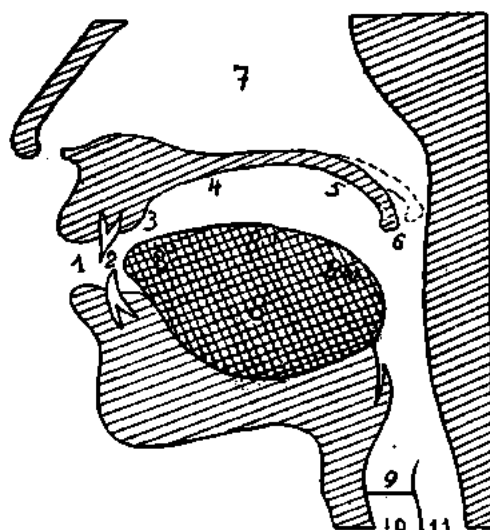
III.— MỘT ĐIỂM HỌC-NGỮ VIỆT-NAM: HỌC-ÂM-LỜI VIỆT-NAM

Học-âm-lời, như tôi đã nói, là ngành học khảo-cứu về âm của lời-nói. Người Âu phân-biệt *phonétique* là ngành học về âm ấy xét như một hiện-tượng vật-lý và *phonologie* là ngành học về âm ấy xét như một hiện-tượng hội-sống. Tôi gọi gồm cả là học-âm-lời mà phân-biệt bốn ngành :

- Học-âm-lời miêu-tả ;
- Học-âm-lời tác-dụng ;
- Học-âm-lời quan-hệ ;
- Học-âm-lời đối-chiếu ;

A — Học-âm-lời miêu-tả.— Học-âm-lời miêu-tả là ngành học tả các âm và các cách phát-âm, căn-cứ vào sự nhận-xét các cử động của cơ-quan phát-âm và các tính-cách của âm,

Cơ-quan phát-âm gồm có :



- 1 — Môi
- 2 — Răng
- 3 — Nướu
- 4 — Cúi
- 5 — Màng-cúi
- 6 — Đuôi-cúi
- 7 — Khoang mũi
- 8 — Lưỡi
- (8' : đầu lưỡi :
- 8'' : mặt lưỡi :
- 8''' : cuống lưỡi)
- 9 — Dải-âm
- 10 — Họng-thở
- 11 — Họng-ăn

Hai lá phổi như một cái bể thổi khi-trời vào cơ-

quan tiếng-nói, qua họng-thở đến miệng hay mũi mà ra ngoài. Khi-trời mà ta thổi ra gọi là *hơi-thở*, nhưng khi-trời theo tiếng-nói ra thì mạnh và mau hơn nên gọi là *hơi-nói*.

Hai *dải-âm* căng trong cuống họng-thở có thể rung chuyển mà phát ra những *âm kêu*, hoặc không rung mà dễ thoát ra những *âm mạt*.

Nắp-họng vốn dùng để đẩy cửa họng-thở cho đồ ăn khỏi lọt vào khi ăn, mỗi khi có *hơi-thở* hay *hơi-nói* thì mở ra cho qua miệng.

Màng-cúi là phần màng-gân nối-dài cái cúi. Màng-cúi

có-thể nâng lên hay hạ xuống : nếu nâng lên, nó ngăn không cho miệng thông với mũi khiến khí-trời ra cả đằng miệng mà thành *âm-miệng* ; nếu hạ xuống, nó để một phần hay tất cả khí-trời ra đằng mũi mà thành *âm-mũi*. Con đường do đó hơi-nói thoát ra gọi là *đường-rên* vì giọng hơi-nói phải nhờ hoặc khoang miệng, hoặc khoang mũi mới rên lên được, và ta phân-biệt *đường miệng* với *đường mũi*.

Cửa là một cái vòm xương ở phía trên miệng, phủ một chất nhờn. Ngoài việc dùng để nếm như lưỡi, cửa là chỗ cho lưỡi áp vào mà phát ra âm. Phần cửa ở gần nướu gọi là *đầu-cửa*.

Hai lượt răng trên dưới cũng là chỗ phát-âm : phần sau *lợi*, ở chỗ chân răng gọi là *nướu*. (1)

Cái *lưỡi* luôn-luôn cử-động, khi thì chạm vào đầu răng để phát ra những *âm-răng* mà ta không có, vào nướu để phát ra những *âm-nướu*, vào đầu-cửa để phát ra những *âm-đầu-cửa*, vào cửa để phát ra những *âm-cửa*, khi thì áp cuống vào màng-cửa để phát ra những *âm-màng-cửa*.

Cặp môi, khi cử-động cũng phát ra những *âm môi*. Nếu cả hai môi mím lại hay chúm tròn, đó là những *âm hai-môi* ; nếu môi dưới sát vào răng-cửa trên, đó là những *âm-môi-răng*.

Tất cả những chỗ chạm nhau ấy gọi là *điểm-phát*, nghĩa là những điểm do đó một âm được phát ra. Cái độ mở rộng hay hẹp của hai bộ-phận đối với nhau ở điểm-phát gọi là *độ-khuếch*.

Những cử-động của cơ-quan phát-âm sinh ra ba loại âm căn-bản :

1— Cả phần trước, phần sau, người Bắc gọi là *lợi*, người Nam gọi là *nướu*. Nay biệt nghĩa mà dùng tiếng *nướu* riêng cho phần sau.

— Những âm-chính như *e, a, o, é, ơ, ó, i, ư, u*, là âm tự nó phát ra thành tiếng, bao-giờ cũng kêu.

— Những âm-phụ như *b, đ, g, p, t, k, m, n, ng*, v.v., là những âm phát ra mau, phải dựa vào âm-chính mới thành tiếng được, và khi thì kêu, khi thì mặt.

— Những âm-bán như *o, y*, trong *oa, ay*, vừa có tính cách kêu của các âm-chính, vừa có tính-cách mau của các âm-phụ.

Riêng về âm-phụ, vì *kiểu-phát* rất nhiều, người ta còn chia ra :

— Những âm-ép là âm do hai bộ-phần xấp lại gần nhau cho hơi-nói thoát ra như bị « ép ». Loại này gồm có : một âm-hô (hô = thở ra) là âm do hơi-nói bị ép trong cuống-họng mà ra như một hơi-thở : *h* ; những âm-rung là âm do đầu lưỡi hay cạnh lưỡi bị khí-trời làm rung lên mà thành : *l, r* ; những âm-phì là âm do hơi-nói cọ-sát mà phì ra : *v, ph* ; những âm-xì là âm do hơi-nói xì ra mà thành : *đ, x* ; những âm-suyt là âm do lưỡi uốn cong lên mà phát ra như khi ta nói « suyt » : *gi, s* ; một âm-khi là âm do hơi-nói « khi » ra : *kh*.

— Những âm-cản là âm do hai bộ-phần đóng hắt lại như « cản » rồi mở cho hơi-nói bật ra. Cách thoát của hơi nói này rất mạnh như « phá » nên còn gọi là âm-phá : *b, p, đ, t, g, k, m, n, ng*, v.v.

— Những âm-cản-ép là âm vừa bị « cản » vừa bị « ép » mà thoát ra : *ch* và *tr* ở vài trường-hợp.

Nay ta đã có-thể bàn về một loại âm căn-bản là âm-chính mà dành âm-bán cho hẳn một cuộc nói chuyện khác, vì là một vấn-đề cần phải giảng-giải nhiều, trong khi âm-phụ sẽ được xét đến ở đoạn nói về học-âm-lời tác-dụng dưới đây.

Âm-chính Việt-Nam chưa được người Âu biết rõ cho lắm, nhất là về *u*. Theo điểm phát, ta phân-biệt được :

— Ba *âm-trước* : *e, ê, i*, khi lưỡi đưa về phía trước, môi đưa lại phía sau, mép-giành ra. Vì cử-động đặc-biệt này của mép, ta còn gọi được *e, ê, i* là những *âm-giành*. (1)

— Ba *âm-giữa* : *a, ơ, u*, khi lưỡi và môi vẫn ở chỗ thường.

— Ba *âm-sau* : *o, ô, u* khi lưỡi phồng lên mà rút lại phía sau để cặp môi-chúm tròn mà đưa về phía trước. Vì cử-động đặc-biệt này của môi, ta còn gọi *o, ô, u* là những *âm-chúm*.

Theo độ-khuếch, ta phân-biệt được :

— Ba *âm-rộng* : *e, a, o*, vì dù ở trước, giữa hay sau, mặt lưỡi cũng ở cách xa của hơn hết mà để một lối rộng cho hơi-nói thoát ra. Riêng *e* và *o* của ta rộng hơn của Pháp, nên nhiều khi ta lẫn lẫn *e, o* trong *exemple, école* thành *ê, ô*.

— Ba *âm-trung* : *ê, ơ, ô*, vì dù ở trước, giữa hay sau, mặt lưỡi cũng ở trung-độ, không xa mà không gần của quá. Âm *ơ* này ứng với âm *ə* của Anh mà các nhà-âm-lời Mỹ đã gọi là «âm-chính giữa-trung» (mid-central vowel) (2).

1 — Đáng chú-ý là không một tự-vị nào ghi tiếng này vốn có một nghĩa mạnh hơn « nhếch ».

2 — Người Pháp chia ra những âm kín (fermé) như *ê, ô, i*, và những âm mở (ouvert) như *e, a, o*. Người Anh, rõ-ràng hơn, theo độ nâng của lưỡi mà chia ra : âm-cao (high) ứng với âm-hẹp của ta như *i, u*, âm-trung (mid) như của ta, và âm-thấp (low) ứng với âm-rộng của ta.

Ông Lê Ngọc Trụ (*Chánh-lâm Việt-ngữ*, tập 1) phân-biệt ba loại : hẹp, khép, mở, và ông Bùi Đức Tịnh (*Văn-phạm Việt-Nam*, trang 103) cũng dựa theo mà phân-biệt : hẹp, khép, mở. Nhưng tiếng «khép, mở, hờ» không rõ nghĩa cho lắm vì ý «hẹp» có thể hàm trong ý «mở, hờ» : một cái gì mở, hờ cũng có thể mở «rộng» hay mở «hẹp», hờ «rộng» hay hờ «hẹp».

— Ba âm-hẹp : i, u, u, vì dù ở trước, giữa hay sau, cuống lưỡi cũng ở gần cửa hơn hết mà để một lối rất hẹp cho hơi-nói thoát ra. Riêng u, mà chưa một ai định cho được một vị-trí rõ-ràng trong hệ-thống âm-chính, đó là một âm ở sát cửa, giữa i và u.

Nếu ta kể thêm ba âm kéo-dài, gọi là âm-hai, của ba âm-hẹp i, u, u, ta có bảng-kê âm-chính sau đây :

		Điểm-phát		
		Trước	Giữa	Sau
Độ-khuếch	Rộng	E	A	O
	Trung	Ê	Ơ	Ô
	Hẹp	I	U	U
	Kéo.dài	IÊ (ia)	ƯƠ (ua)	UÔ (ua)

Hai âm ă, á chỉ là giọng ngắn của a, ơ và không thể kể là hai âm riêng-biệt được. Những nhà đặt ra chữ « quốc-ngữ », vì từng thế trước sự phân-biệt a, ơ thường trong an, ơn với a, ơ ngắn trong ă, ơ, nên đã phải tạo ra hai chữ ă, á. Riêng tôi, nhận thấy chữ á, tiện hơn, ơ, từ đây tôi sẽ dùng á để chỉ âm-giữa cho đồng loại có dấu-mũi với á, ơ.

Những người khảo-cứu về sau này cứ theo vết xe cũ mà bàn đi bàn lại về hai âm ă, á. Thậm-chí như ông Lê-văn Lý, trong quyển *Le parler vietnamien*, một luận-án tiến-sĩ của ông về học-âm-lời tác-dụng, cũng đã tỏ ra rất lúng-túng trước bài toán mà cái giá-trị mập-mờ và cái địa-vị quá bấp-bênh của hai âm này đã nêu ra. (1)

(1) Vì những ngộ-nhận về hai chữ ă, á, mà luận-án của ông Lê Văn Lý đủ hồng ở vài chỗ, với những sự so-sánh âm không thích-dáng. Có-nhiên bau giám-khảo người Pháp cũng không biết gì hơn ông, nhưng các vị ấy cũng không có gì đáng trách, vì họ vẫn chỉ là người Pháp.

Trong một bài bình-phẩm về quyền sách đó mà tôi đã thông-dạt cho hai ông G.Meillon, giáo-sư Việt-văn Viện Quốc-gia Đông-phương ngữ Pari, và ông A. Haudricourt, cổ-văn kỹ-thuật Viện Bác-cổ, cùng hai giáo-sư trường Đại-học Califoócnia ở Mỹ là các ông Emeneau và Shafer, tôi có dẫn-giải rằng bất-cứ một âm chính Việt nào cũng có-thể thường hay ngắn và không thể coi *a, á* là hai âm riêng được Ông Haudricourt đã nhận thấy điểm đó và có đáp : « Tôi nghĩ rằng điểm cốt-yếu của công-việc ông là đã tìm ra bốn âm-chính ngắn mới của *e, é, o, ó*. Tôi sẵn-sàng giới-thiệu phát-kiến của ông trong tập Kỷ-yếu Hội Ngôn-ngữ. » (1) Sự tìm ra bốn âm này chỉ là một trong những điều mà tôi đã nhấn mạnh vào, nhưng trình-bày ra đây, tưởng không phải là vô-ích.

Đó là về cách viết các tiếng *anh, ách, énh, éch, inh, ich*. Từ trước đến nay, người ta vẫn tin rằng *ch, nh* cuối trong các tiếng ấy là một với *ch, nh* đầu trong *cha, nha*, nghĩa là những âm-đầu-của, cũng như người ta tưởng rằng trong *anh, ách* có âm *a*, nghĩa là âm-giữa rộng.

Tôi đã chứng-tỏ được rằng đây là một cách phát-âm đặc-biệt có tới hai điểm-phát : một điểm chính ở đuôi-của vì âm-cuối trong những tiếng trên đây chính là một âm-đuôi-của (âm-miệng với *ách, éch, ich*, âm-mũi với *anh, énh, inh*), và một điểm phụ ở đầu-của cốt để giữ cho âm-chính, vốn là những âm ngắn, khỏi biến lượng : *i* ngắn trong *inh, ich*, *ê* ngắn trong *énh, éch*, *e* ngắn trong *anh, ách*.

1. — « Je pense que l'essentiel de votre travail est d'avoir découvert 4 nouvelles voyelles brèves *e, é, o, ó*. Je suis prêt à présenter votre découverte dans le bulletin de la Société de linguistique. » (Vi thiếu dấu ◡ để trên *e, é, o, ó*, chúng tôi đã phải dịch là *e* của *e, é, o, ó* »).

Nếu ta dùng **k** sau những âm-chính ngắn, **g** sau những âm-chính thường, và nếu ta thay **nh** cuối bằng **nk** để phân-biệt với **nh** đầu, ta sẽ có những vần ghép đúng như sau đây:

		Âm-miệng cuối	Âm-mũi cuối
Âm-rộng E	thường :	ég (éc)	eng
	ngắn :	ék (ách)	enk (anh)
Âm-trung Ê	thường :	эг (эс)	эг
	ngắn :	эк (эч)	энк (énh)
Âm-hẹp I	thường :	ig (ic)	ing
	ngắn :	ik (ich)	ink (inh)

Đối với các bạn người Nam, những tiếng có âm-chính ngắn trên đây không gọi được cho các bạn một ý-niệm phát-âm nào vì chính các bạn đã lẫn cả âm-chính mà đọc âm-trước **e, ê, i** thành âm-giữa **a, â, ư**, và âm-phụ mà đọc âm-màng-của thành âm-nôi. Thí-dụ các bạn đọc **enk (anh)**, **ék (ách)** là **ăn (ăn)**, **át (ất)**; **энк (énh)**, **эк (эч)** là **ân (ân)**, **át (ất)**; **ink (inh)**, **ik (ich)** là **ưn, út**.

Vậy tôi xin lấy một bằng-cớ khác hợp với khả-năng phát-âm của các bạn mà cũng thuộc loại có hai điểm phát, để chứng-thực nhận-xét trên. Khi các bạn nói : **óc, óc, óc** hay **oong, óong, uung**, các bạn thấy hai môi chúm tròn lại và cuống lưỡi đánh lên màng-cửa. Cử-động của môi ứng với cách phát các âm-chính **o, ô, u**, còn cử-động của lưỡi tỏ rằng điểm-phát của âm-phụ cuối là ở màng-cửa : âm cuối chưa bằng **ng** là đúng và đó là trường-hợp những **o, ô, u** thường.

Nhưng khi các bạn nói : **óc, óc, óc**, ngoài sự thấy cuống-lưỡi đánh lên màng-cửa để phát âm-phụ cuối, các bạn còn nhận ra rằng hai môi mím hẳn lại như cách

phát các âm *p* hay *m*. Tại sao vậy ? Đó là vì trong các tiếng dưới, *o*, *ô*, *u* là những âm ngắn phải nhờ đến một cử-động phụ của cơ-quan phát-âm ở môi để giữ cho khỏi biến lượng. Cử-động ấy sinh ra một điểm-phát phụ mà ta có-thể ghi là (*p*), (*m*), cũng như ta đã có (*ch*), (*nh*) để chỉ điểm phát phụ trong *ék*, *enk*, v.v.

Nếu ta dùng *k*, *nk* sau những âm-chính ngắn, *g*, *ng* sau những âm-chính thường như trên, ta lại có :

		Âm-miệng cuối	Âm-mũi cuối
Âm rộng <i>O</i>	{ thường :	<i>óg</i> (óoc)	<i>ong</i> (oong)
	{ ngắn :	<i>ók</i> (óc)	<i>onk</i> (ong)
Âm-trung <i>Ô</i>	{ thường :	<i>ôg</i> (ôóc)	<i>ông</i> (ôông)
	{ ngắn :	<i>ôk</i> (ôc)	<i>ônk</i> (ông)
Âm-hẹp <i>U</i>	{ thường :	<i>úg</i> (úuc)	<i>ung</i> (uung)
	{ ngắn :	<i>úk</i> (úc)	<i>unk</i> (ung)

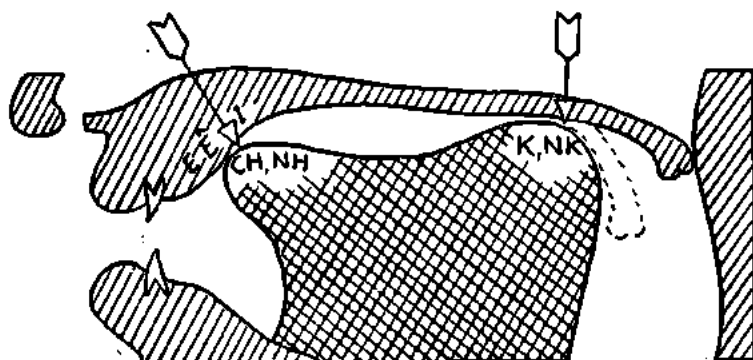
Những tiếng có âm-chính ngắn ở bảng trên và bảng dưới này tỏ rằng một điểm-phát phụ chỉ cần đến khi nào muốn giữ nguyên lượng ngắn cho âm-chính trước một âm-màng-cửa. Với các âm-chính sau (*o*, *ô*, *u*), điểm-phát chính thấy rõ ngay nên ta không lăm ; với các âm-chính trước (*e*, *ê*, *i*) điểm-phát chính bị che-khuất hẳn nên ta đã lấy điểm-phát phụ làm điểm-phát chính : *ch*, *nh* cuối không còn lý-do nào tồn tại nữa và tôi xin nhường quyền định-đoạt về số-phần hai chữ ghép ấy cho Bộ Giáo-dục để đem lại cho ngữ Việt một cách viết xác-đáng. Riêng đây ta thấy rằng những điểm-phát phụ ở đầu-cửa (*ch*, *nh*) và môi (*p*, *m*) không phải để « phát » ra âm-phụ cuối mà để giữ nguyên lượng ngắn cho âm-chính : ta sẽ gọi đó là những *điểm phát giả* đối với *điểm-phát thực* ở màng-cửa.

Những hình-vẽ dưới đây cho ta thấy vị-trí của mỗi điểm-phát ra sao :

Với E, Ê, I ngắn

Điểm-phát giả
(Đầu-của)

Điểm-phát thực
(Màng-của)

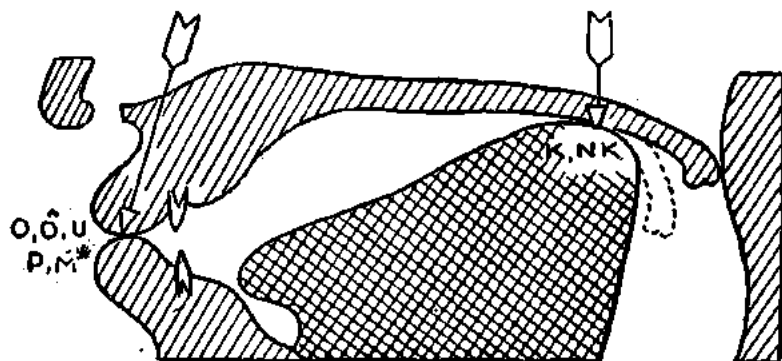


Điểm-phát thực của âm-phụ cuối ở màng-của (màng-của nâng lên khi là *k*, hạ xuống khi là *nk*). Điểm-phát giả thì ở đầu-của (*ch, nh*) và lẫn luôn với điểm-phát của âm chính (*e, ê, i*).

Với O, Ô, U ngắn

Điểm-phát giả
(Môi)

Điểm-phát thực
(Màng-của)



Điểm-phát thực của âm phụ cuối cũng ở miệng của như trên (màng của nâng lên khi là *k*, hạ xuống khi là *nk*.) Điểm-phát giả thì ở môi (*p*, *m*) và lẫn luôn với điểm-phát thực của âm-chính (*o*, *ô*, *u*) vốn là loại âm không có điểm phát đơn như *e*, *ê*, *i*, v.v., mà có điểm phát tạp, nghĩ là một điểm chính ở cửa và một điểm thứ ở môi : người ta còn gọi *o*, *ô*, *u*, là âm-sau-chúm là vì thế.

Nhân đó, nhờ những nhận xét trong sự miêu-tả âm thanh, ta biết chắc rằng âm-chính trong *anh*, *ách* không phải là *a* mà là *e* vì nó đồng-loại âm trước với *ê*, *i* trong *ênh*, *inh*, cũng như *o*, *ô*, *u* đồng-loại âm-sau trong *ong* *ông*, *ung*.

B.— Học âm lời tác-dụng.— Khác với học âm-lời miêu-tả là một ngành học tự-nhiên, học âm-lời tác-dụng là một ngành học có tính-cách xã-hội. Nó không còn căn-cứ vào những khả-năng phát-âm mà vào những tác-dụng của khả-năng ấy. Thí-dụ ta nói : người Việt-Nam ghép được những vần có âm-chính ngắn : *ink* (*inh*), *unk* (*ung*) *unk* (*ung*), cũng như những vần có âm-chính thường : *ing* (*iing*), *ung* (*iung*), *ung* (*uung*). Xét về mặt miêu-tả, ta có-thể kể được cả hai loại vần trên đây, nhưng xét về mặt tác-dụng, ta chỉ kể được những vần *ink*, *unk*, *unk*, vì những vần *ing*, *ung*, *ung* không «dùng» được vào đâu trong ngữ Việt, tuy vẫn dễ phát-âm.

Tác-dụng của ngôn-ngữ vốn có hai : tác-dụng lý-trí và tác-dụng tình-cảm. Ở đây ta chỉ cần xét về tác-dụng trên vì bất-cứ một dịp nào cũng giúp cho tác-dụng dưới trà-trộn vào được. Nhưng nhờ đâu mà ngôn-ngữ có được những tác-dụng đó ? Phải chăng là nhờ các thành-phần của tiếng-nói, các âm, với các đặc-tính của nó, như lực, lượng, và riêng trong ngữ Việt, thanh, cũng như trong một số đông các ngữ Á-Đông mà ta gọi là ngữ có thanh?

Những âm ở đây không còn xét về phương diện miêu-tả tỉ mỉ nữa, mà chỉ có tính cách tiêu-biểu hướng về sự diễn-tả các ý-niệm. Đó là âm-tiêu (phonème) nghĩa là âm có giá trị tiêu-biểu, và ở mỗi ngữ, âm-tiêu có-thể là một «âm» hơi khác. (1)

Mỗi âm-tiêu có một số *sắc-riêng thích-đáng* (*traits per-tinents*) giúp cho ta phân-biệt được nghĩa của một tiếng. Thí-dụ về âm :

Hai tiếng *ba, ma* cho ta thấy với cùng một âm-chính *a*, có một âm-môi miệng *b* đối với một âm-môi mũi *m*. *B* có cái sắc-riêng thích-đáng là đường-rèn ở miệng và *m* có cái sắc-riêng thích-đáng là đường-rèn ở mũi : ngoài ra không còn sắc-riêng thích-đáng nào nữa vì hai âm-tiêu đồng điểm-phát và độ-chạm. Ta có một sự *đối-ngịch* (*opposition*) giữa hai âm-tiêu và đó là sự *đối-ngịch tay-đôi* về đường-rèn : *b x m*.

Ba tiếng *ba, đa, ga*, cho ta thấy với cùng một âm-chính *a*, có một âm-môi *b*, một âm-nổi *đ*, một âm-màng. của *g* đối lẫn nhau. *b* có cái sắc-riêng thích-đáng là điểm-phát ở môi, *đ* có cái sắc-riêng thích-đáng là điểm-phát ở nổi, (2) *g*, có cái sắc-riêng thích-đáng là điểm-phát ở màng-cửa (3) : ngoài ra không còn sắc-riêng thích-đáng nào nữa vì cả ba âm-tiêu đều đồng đường-rèn và độ-chạm. Ta có một sự *đối-ngịch tay ba* về điểm-phát ; *b x đ x g*.

Ngoài những đối-ngịch về đường-rèn, về điểm-phát mà ta đã thấy, còn những đối-ngịch giữa âm-chính về

1.— Ngữ Việt không có âm-răng như ông Lê-Ngọc-Trụ đã nói trong quyển Chánh-tả Việt-ngữ (tập I), và ông Bùi Đức-Tỉnh, trong quyển Việt-Nam văn-phạm, tr.130. đ, t Việt là những âm-nổi, nghĩa là những âm mà điểm-phát ở nổi, phía sau răng.

2.— Họg không-phải là điểm-phát của những âm như *g, k, kh, ng*, Tiếng *gut-turale* (âm-họng) của Pháp để chỉ những âm ấy là một cách dùng sai-lầm từ xưa mà ngày nay đã có tiếng *vélair* (âm-màng-cửa) thay vào. Hai ông Trụ và Tỉnh cũng nên chú-trọng vào điểm này. Chỉ có âm-hô *h* mới là âm-họng.

độ-khuếch (âm rộng x âm trung x âm hẹp : *em* x *ém* x *im*) về số (âm đơn x âm hai : *im* x *iêm*), về thanh (*am* x *âm* x *ám* v. v.) ; nhất là giữa âm-phụ về độ-chạm.

Đến đây chắc ai cũng lấy làm lạ tại sao tôi không đả-động chút nào đến tính-kêu (sonorité) của âm mà lại nêu ra độ-chạm, một quan-niệm mới về âm mà tôi dịch ra tiếng Pháp là *degré de contact*. Đó là vì tôi đã tìm ra rằng tính-kêu ấy rất thất-thường, trong khi độ-chạm mới là cái sắc-riêng thích-dáng rõ-ràng và thường-trụ của mỗi âm. Muốn chứng-thực điều đó, ta phải trở lại với học-âm-lời miêu-tả.

Những cuộc thí-nghiệm rất công-phu ở Viện Khảo-cứu âm-lời Pari do ông G. Meillon, giáo-sư ngữ Việt ở Viện Đông-phương ngữ bèn Pháp, làm giúp tôi đã giúp tôi chứng-thực được tính-cách thất-thường của tính kêu ấy, dù là của âm miệng hay âm-mũi, âm đầu hay âm cuối.

Về âm-miệng, cùng một âm trong hai tiếng khác nhau có-thể khi thì kêu, khi thì muted, dù âm ấy vẫn được coi là âm kêu. Thí-dụ **b** trong **băb** (*bóp*) thì có rung-động của dải-âm mà trong **băp** **bênk** thì không (hình 1 và 2).

Với hai âm khác nhau, khi phát hai tiếng **găg** (*gác*) và **kăg** (*các*) (hình 3 và hình 4) ta thấy **g** đầu rõ-ràng là một âm kêu, **k** đầu rõ-ràng là một âm muted, vì các bản ghi phát-âm một đàn có những rung-động của dải-âm, một đàn không có. Đó cũng là trường hợp của **găk** (*gắc*), **kăk** (*cắc*) (hình 5 và hình 6).

Trái lại, khi phát-âm hai tiếng **đăđ** (*đát*) và **tăđ** (*tát*) ta thấy **đ** đầu, vốn có tiếng là một âm kêu, không tỏ ra

khác t dần một chút nào vì không có rung-động của dải-âm (hình 7 và 8). (1)

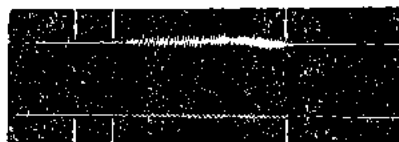
Chính vì thế mà những âm-phụ cuối đều bị liệt vào loại âm mất dưới ba hình thức duy-nhất : *p, t, k* : (c) những hình trên đây đều giống nhau về chỗ các âm cuối thiếu rung-động của dải-âm.

Về âm-mũi, những nhận-xét lại trái-ngược hẳn. Các nhà-âm-lời từ trước đến nay vẫn công-nhận rằng âm-mũi (*m n, ng*) là những âm kêu. Trong ngữ Việt điều ấy chỉ được chứng-thực khi đó là một âm cuối. (Xem hình 9 và 10 với *rờm-rộp, rằm-rập*). Trái lại, ở đầu tiếng-âm-mũi thường mất, vì chính ông Meillon, người dịch, thân lâm cuộc thí-nghiệm này, đã phải viết cho tôi : « Sự thiếu tính-kêu của âm-mũi ở đầu tiếng hay gặp trong ngữ Việt. Tôi đã có dịp nhấn mạnh vào điểm đó trong vài bài nghiên-cứu. . . Không một rung-động nào = tính-mạ» (2). (Xem hình 11 và 12 với *man-mát, mẩn-mất*)

Ở những hình dưới đây, ta thấy hai đường nằm, đường trên là đường tính-kêu do những rung-động của dải-âm mà thành, đường dưới là đường tính-rền, do những rung-động của khí-trời qua mũi mà thành. Những số ngắn chỉ giới hạn của mỗi âm.

1.— Những bản-ghi của ông Lê văn Lý trong quyển *Le parler vietnamien*, cho ta vài chỗ có *đ* kêu (số 22, 36) và những chỗ khác có *đ* mất.

2.— «Le manque de sonorité des nasales, à l'initiale, est fréquent en vietnamien. J'ai eu l'occasion de le souligner ici dans certains travaux... Aucune vibration = assourdissement.» Những bản-ghi của ông Lê văn Lý cũng đồng tính-cách như vậy. Xem số : 2-11, 13-15, 20, 25, 27, 29-31, 36.



b á b

1) *báp*



b á p b é nh

2) *báp-bénh*



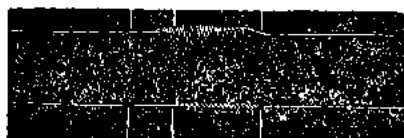
g á g

3) *gác*



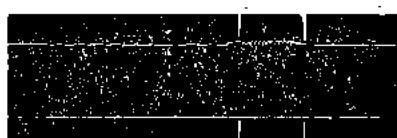
k á g

4) *các*



g á k

5) *gác*



k á k

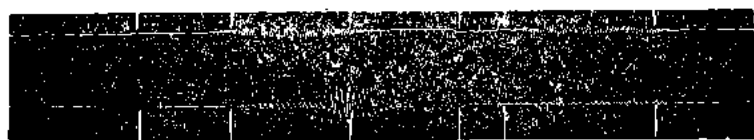
6) *các*



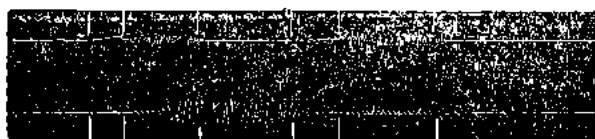
đ á đ
7) *đạt*



t á đ
8) *tạt*



đ à m đ ậ b
9) *đám-rạp* (1)



đ à m* đ ậ p
10) *đám-rạp* (2)



m a n m á đ
11) *màn.mát*

1,2— Người phát-âm trong cuộc thí-nghiệm này là một người Hà-nội nên âm phát ra là **đ** chứ không phải là **r**. Dấu (*) để lên những chữ m, n (**m***),
để rằng đó là những âm-chết khác **m**, **n** thường.



m a n* m á t

13) mắt - mắt

Khác với ở những hình từ 1 đến 8, đường tính-rên ở những hình từ 9 đến 12 có nhiều rung-động ở *m* và *m** cuối, tỏ rằng đó là những âm-mũi. Trái lại, *m* đầu ở hai hình 11 và 12, tuy là âm-mũi mà không thấy có rung-động ở đường tính-rên vì những rung-động ấy phát ra trễ mà lẫn vào âm-chính theo sau.

Tóm lại, muốn biết rõ tính-kêu, tính-mặt của một âm phải nhờ đến các máy ghi-âm, chứ những nhận xét bằng giác-quan không đủ. Mà một khi nhận-xét rồi, ta thấy cách ghi âm hiện nay còn sai-sót nhiều (thí-dụ những âm mặt mà ghi bằng những chữ âm kêu), thì làm sao căn cứ vào hình - thức mà định lấy sắc-riêng thích-dáng của mỗi âm được.

Nay theo sự tìm-tòi của tôi, ta phải đi con đường khác.

Trước hết ta có-thể nhờ đến giác-quan, không phải để xem dải-âm ở đầu-họng ta có rung hay không, mà để xem cách cử-động của các cơ-quan phát-âm mạnh hay yếu. Trừ *h* là âm thoát thẳng từ cuống-họng ra, và luôn luôn lỏng, ta thấy rõ rằng :

— Về âm - đầu, muốn phát-âm các chữ *t, r, v, d, gi, b, đ, g, m, n, ng*, lưỡi hay môi chỉ chạm nhẹ vào các bộ-phận khác : đó là những cử-động «lỏng» phát ra những âm-lỏng. Trái lại, muốn phát-âm các chữ *ph, x, s, p, l, k* (c),

lưỡi hay môi phải chạm mạnh vào các bộ-phận khác : đó là những cử-động « chặt » phát ra những âm-chặt.

— Về âm-cuối, muốn phát ra những vận *áp, át, ác, am, an, ang*, lưỡi hay môi cũng chạm nhẹ vào các bộ-phận khác mà đề âm-chính kéo dài được : đó cũng là những cử-động lỏng phát ra những âm-lỏng, và nếu *m, n, ng* sau *a* tỏ ra đồng-loại với *m, n, ng* trước *a*, (*ma, na, nga*), *p, t, k* sau *a* chính ra cũng ứng với *b, đ, g* trước *a* (*ba, đa, ga*). Ta phải có : **áb, áđ, ág** mới đúng vì âm cuối trong các vần này là những âm-lỏng. (1)

Trái lại, muốn phát ra những vần *ấp, ắt, ắc, ăm, ản, ăng*, lưỡi hay môi chạm mạnh vào các bộ-phận khác khiến âm-chính không kéo-dài được mà có lượng rất ngắn : đó là những cử-động chặt phát ra những âm-chặt, và nếu *p, t, c (k)* sau *a* tỏ ra đồng-loại với *p, t, c (k)* trước *a* (*pa, ta, ca*), *m, n, ng* sau *a* chính ra phải là những âm-chặt khác hẳn những âm-lỏng *m, n, ng* trước *a*. (2) Đây là những âm mới mà học-âm-lời quốc-tế chưa hề biết tới vì người Âu chưa nhận rõ được tính-cách phát-âm đặc-biệt của ta cũng như của Tàu, của phần-đông các ngữ ở châu Á này.

Sau nữa, ta có-thể thí-nghiệm bằng một phương-pháp rất giản-dị, với một cái ống thủy-tinh chừng 4 li đường kính và 80 phân chiều dài, bẻ gấp như hình chữ V, có một nhánh uốn ngang ra để tiện ngậm vào, mà ta gọi là nhánh A, và một nhánh chia nấc thành từng phân, mà ta gọi là nhánh B. Ta hãy đổ nước vào ống tới hai phần ba, rồi ngậm lấy đầu nhánh A mà lần-lượt phát ra các âm đầu và cuối.

Nhưng ta nhận thấy rằng những thí-nghiệm này

1. 2. Xib. CVVVKH, 64—72.



chỉ áp-dụng cho các âm-môi vì các âm khác có điểm-phát, nghĩa là chỗ hơi nói bị bít lại, ở quá phía trong mà đầu ống không đi tới và không có cách gì ngậm kín. Vậy là chỉ ngậm đầu ống mà phát ra được những âm-

đầu là hai âm-ép *v, ph*, hai âm-cản miệng *b, p*, âm mũi *m*, và những âm-cuối là các âm-cản môi, mà suy ra các âm khác. ⁽¹⁾

Về các âm-đầu, khi phát-âm, hơi-nói tích ở miệng tuôn vào nhánh A mà nhờ sức-ép của nó, dồn nước qua thêm nhánh B khiến mực nước nhánh B cao lên. Mực nước ấy sẽ lên nhiều hay ít tùy ở sức mạnh phát-âm cho từng âm.

Với *v, b* trong *va, ba*, độ-chạm lỏng giữa các bộ-phần phát-âm (ở đây là hai môi) không giữ được nhiều khí-trời nên sức-ép của hơi-nói cũng kém và mực nước lên ít. Trái lại, với *ph, p* trong *pha, pa* (mượn ở tiếng Pháp), độ chạm chặt giữa các bộ-phần phát-âm giữ hết cả khí-trời, nên khí bật ra, hơi-nói có một sức-ép mạnh hơn và mực nước cũng lên cao hơn. Trung-bình mực nước lên như sau đây với bốn âm ấy :

		Lỏng	Chặt
Âm-ép :	v :	2-3 phần	ph : 4-5 phần
Âm-cản :	b :	1,5-2,5 phần	p : 3,5-4,5 phần

Sự sai-khác về mực nước giữa từng cặp âm đầu *v-ph, b-p* tỏ rằng những âm-chặt có nhiều sức-mạnh hơn những

⁽¹⁾— Sự đối-chiếu các bức đồ-của (palatogramme) ở quyển *Học-âm-lời Việt-Nam* sẽ cho thấy rõ các sai-biệt hơn nữa.

Âm-lồng, hay nói một cách khác, sức mạnh của **ph, p** chứng-tỏ rằng đó là những âm-chặt, cũng như sức-yếu của **v, b** chứng-tỏ rằng đó là những âm-lồng.

Riêng âm mũi **m** đầu không có âm-chặt cũng như các âm-mũi đầu khác, vì ở đầu một tiếng, âm-mũi chặt rất khó phát, mà dù có phát được thì cũng không hợp với tinh-cách tự-nhiên của ngôn-ngữ. Ngoài ra, ta nhận thấy rằng nếu thí-nghiệm với **m**, mực nước sẽ lên rất ít (0,5 phân là cùng), vì khi-trời đã thoát ra đáng mũi một phần lớn rồi. Muốn thấy rõ, ta lại để đầu ống A vào một lỗ mũi rồi bịt lỗ-mũi kia lại : với **v, b** mực nước không rung-chuyển, mà với **m** mực nước lên từ 1,5 phân đến 2 phân vì đã chịu sức-ép của phần khi-trời qua mũi.

Suy ra các âm khác, ta có bảng âm-đầu xếp theo độ-chậm sau đây :

Âm-hó	Âm-rung	Âm-ép	Âm cản	Âm-cản-ép
Âm-lồng :	h	l, r	v, d, gi	b, đ, g, m, n, ng nh
Âm-chặt :			ph, x, s, kh	p, t, k (c) ch, tr ở vài ca

Với các âm-cuối còn quan-hệ hơn vì, ngoài sự tìm ra giọng lồng, chặt của mỗi âm nhờ sự so sánh sức-mạnh phát-âm, ta thấy thêm một mối liên-quan chặt chẽ giữa âm-phụ cuối và âm-chính đứng trước.

Vẫn những thí-nghiệm với các âm-môi, và lần này ta có đủ hai âm-miệng **b, p** và hai âm-mũi **m, m'**. Với **b** trong **áb (áp)**, một phần khi-trời thoát ra ngoài vì cử động chậm chạp và lỏng-lẻo của các bộ-phận phát-âm, còn một phần ở lại trong miệng mà tuôn vào nhánh A : sức mạnh có-hạn của nó khiến mực nước bên nhánh B chỉ lên ít thôi. Với **p** trong **áp (ấp)**, toàn-thể khi-trời ở lại trong miệng vì cử-động mau và chặt của các bộ-phận phát-âm, và khi tuôn vào nhánh A hơi-nói có một sức-mạnh rõ-ràng

do mực nước lên bên nhánh B chứng-tỏ. Trung-bình mực nước lên như sau đây với hai âm-miệng ấy :

Lỏng *Chặt*

Âm-miệng : **b** : 3,5-4 phân **p** : 4-5 phân

Riêng với **m, m'** ta lại phải để đầu nhánh A vào một lỗ mũi như trên và trung-bình mực nước lên như sau đây với hai âm-mũi ấy :

Lỏng *Chặt*

Âm-mũi : **m** : 3 phân **m'** : 4 phân

Sự sai-khác về mực nước giữa từng cặp âm cuối **b-p, m-m'** lần này chứng tỏ hai điều :

a) Về mặt tính-kêu của âm-phụ, **b** cũng mật như **p**, nhưng về mặt độ-chạm, đó là những âm khác hẳn : các âm phải phân-biệt theo độ-chạm mới rõ-ràng vì nếu một âm-chặt như **p** bao-giờ cũng mật, một âm-lỏng như **b** có thể khi thì kêu khi thì mật ở đầu (Xem hình 7,8), còn ở cuối thì bao-giờ cũng mật (Xem hình 7).

b) Về mặt lượng của âm-chính, **a** trước những âm-lỏng như **b, m** thì thường, mà đứng trước những âm-chặt như **p, m'** thì ngắn : một dàng độ-chạm lỏng giữa các bộ-phận phát-âm với âm-phụ cuối để hơi-nói âm-chính tiếp-tục thoát ra mà kéo-dài được, một dàng độ-chạm chặt giữa các bộ-phận ấy đã ngăn không cho hơi-nói âm-chính kéo dài.

Nếu ta suy ra các âm miệng và mũi cuối khác, ta sẽ có từng cặp âm lỏng, chặt đối nhau, và ta có bảng âm cuối, toàn là âm-cản, với thêm hai chữ âm mới **m', n'**, xếp theo độ-chạm như sau đây :

	<i>Âm-miệng</i>			<i>Âm-mũi</i>		
<i>Âm-lỏng</i>	b	d	g	m	n	ng
<i>Âm-chặt</i>	p	t	k	m'	n'	nk

Nhờ những nhận-xét về học-âm-lời miêu-tả trên đây; ta thấy rằng trong học-âm-lời tác-dụng, căn-cứ vào tính-kêu mà định lấy những sắc-riêng thích-đáng của mỗi âm là một điều tối nguy-hiểm. Cái thuyết « độ chạm » của tôi chưa có dịp công-bố vì quyền sách của tôi khảo-sát kỹ về nó chưa có phương-tiện gì in ra cả (!), nhưng tôi sẽ còn nhiều dịp áp dụng nó trong những công-cuộc nghiên-cứu về sau này.

Nay muốn định-nghĩa cho một âm-tiêu, ta có thể đem đối với nó những âm-tiêu khác mà nó ở trong cùng một nhóm với. Sự đối nhau ấy sẽ tìm ở những tiếng giống nhau về những thành-phần khác mà không giống nhau về hai âm-tiêu phải so sánh.

Thí-dụ t đầu trong ta có ba sắc-riêng thích-đáng vì đối với :

đ trong đa, vậy t có tính-cách chặt ;

th trong tha, vậy t không-hô (không có âm hô) ;

k trong ka, vậy t có tính-cách nờu.

Trái lại t cuối trong bát (bắt) có ba sắc-riêng thích đáng khác một chút vì đối với :

đ trong bắđ (bát), vậy t có tính-cách chặt ;

n* trong bắ* (bắt), vậy t có tính-cách miệng ;

k trong bắk (bắt), vậy t có tính-cách nờu ;

Ta nhận thấy rằng t đầu không đối được với n đầu như các nhà-âm lời Âu-Tây vẫn tưởng vì xen vào đó còn thêm không thích-đáng là một đàng t thì chặt mà một đàng n thì lỏng. Chỉ khi nào ở cuối tiếng, t mới có một âm-mũi d-rong-đối cũng chặt là n* (?).

1 — Đó là quyển *Phonologie vietnamienne* (1^{re} partie : *Phonologie descriptive*) sắp ấn-hành nay mai với phần ngữ Việt.

2 — Chợt vì thiên về sự phân-biệt kêu, mặt mà ông Haudricourt, trong cuộc nói chuyện về học-ngữ của ông ở Viện-Bắc-cử đã nói : « t cuối chỉ đối với và k, nó chỉ có hai sắc-riêng thích đáng » (t final ne s'oppose qu'à k et à il n'a que deux traits pertinents). (*Initiation à la linguistique*, trang 13.)

Theo hai giả vị-trí trên đây mỗi âm dựa vào một góc tam-diện : diện đường-rên (miệng hay mũi)—diện điềm-phát—diện kiêu-phát. Chỉ những âm nào giáp lưng nhau như : *v-ph*, *d-x*, *gi-s*, *b-p*, *đ-t*, *g-k*, *m-m'*, *n-n'*, *ng-nk*, v.v., hay ở cùng một phía diện, như : *v-d-gi*, *ph-x-s-kh*, *b-đ-g*, *m-n-ng*, v.v, mới gọi là âm đối-ngịch được. Như vậy, về âm-đầu, nếu *t* đối được với *đ* về độ-chạm (giáp lưng), với *k* về điềm-phát (cùng phía hữu diện âm-cản), với *x* về kiêu-phát (cùng phía trên diện âm-nờu) thì *t* không sao đối được với *n* vì âm này ở phía bên kia mà không giáp lưng. Nói một cách khác, âm nào có chung tới hai diện mà ở cùng một phía, hoặc giáp lưng ở một diện thứ ba là đối được với nhau.

C— **Học-âm-lời quan-hệ.**— Ngành học này, người Âu chưa hề bao giờ đề-cập hẳn-hoì, tuy các nhà-học-ngữ vẫn xét lẽ-tê đến mỗi quan-hệ giữa các âm và đã gom-góp được một số trường-hợp mà họ gán cho học-âm-lời tiến-hóa, dưới cái tên «những luật biến-đổi». Thực ra ta không nên lẫn những luật quan-hệ với những luật biến-đổi vì một đằng xét âm ở trạng-thái hiện hữu qua các tính-cách phát-âm, một đằng theo dõi những biến-chuyển của âm mà giải-thích.

Những luật biến-đổi ấy không những nhận thấy giữa các âm lời, mà còn giữa âm-lời và tư-lưỡng, tình-cảm. Bởi vậy ta chia ra ba mối quan-hệ :

- mối quan-hệ thể chất, giữa các âm-lời ;
- mối quan-hệ tinh-thần, giữa âm lời và các ý-niệm ;
- mối quan-hệ tình-cảm, giữa âm-lời và các cảm-xúc.

Nay tạm gác bỏ hai mối quan-hệ sau, ta hãy khảo xét mối quan-hệ thể-chất. Sự khảo xét này mở đường cho học-âm lời đối-chiếu, vì một khi người ta hiểu được.

rõ những điểm hợp hay điểm-ura giữa các âm, người ta có thể coi là mình đã sẵn-sàng để so-sánh âm nọ với âm kia, tìm nguồn-gốc âm này ở âm khác. Ta hãy nói sơ qua về các mối quan-hệ.

1. — Trước hết là mối quan-hệ giữa âm-chính Muốn tìm mối quan-hệ ấy không gì hơn là căn-cứ vào những vận thơ mà từ bao-nhiều đời nay các nhà-thơ ta đã trau-giồi rất công-phu. Nhưng một nhà-thơ khác hẳn một nhà-âm-lời.

Nhà-thơ nói : vận có vận chính, vận thông. « Vận chính là những tiếng cùng đồng một âm vận với nhau như : a vận với a, e vận với e, am vận với am, iêng vận với iêng, anh vận với anh... Vận thông là những tiếng tuy không đồng một âm như các vận chính, nhưng cùng một giọng phát-âm có thể hiệp vận với nhau được... Nhân cái luật ấy mà định những âm có thể hiệp thành vận như sau này : a, ơ thông được với nhau ; ơ, u thông được với nhau ; e, ê, i thông được với nhau ; o, ô, u thông được với nhau. » ⁽¹⁾ Những luật ấy nhờ kinh-nghiệm cũng có, nhờ nhận-xét của chính mình cũng có.

Nhưng nhà-âm-lời làm một việc ngược lại mà tự hỏi : trong các âm-chính, âm nào hợp với âm nào, có một mối « quan hệ » rõ-ràng với âm nào ? Họ sẽ xem-xét lại các điều-kiện phát-âm rồi có-thể cứ vậy mà xếp cho các âm đi với nhau theo từng loại. Sau đó họ mới tìm cách chứng thực ý-kiến mình bằng các vận thơ.

Trên kia tôi đã chia chín âm-chính Việt theo điểm-

1. — Thapo *Việt-thi* của cụ Trần Trọng Kim, trang 42-43.

phát (âm-trước : e, ê, i; âm giữa : a, â, u; âm-sau : o, ô, u) và theo độ-khuếch (âm-rộng : e, a, o; âm-trung : ê, â, ô; âm-hẹp : i, u, u). Tôi cũng đã nói rằng i, u, u có thể kéo-dài thành ie, uâ, uô. Không cần biết một luật gieo vần nào, tôi chỉ cần căn-cứ vào cái luật căn bản về âm-thanh : « những âm hợp với nhau là những âm đồng điều-kiện phát-âm ». Sự tương-hợp ấy sẽ tuyệt-đối hay tương-đối tuy rằng các điều-kiện kia đầy-đủ hay thiếu-sót.

Những âm-chính đồng điểm-phát, đồng độ-khuếch hợp với nhau nhất : đó là trường-hợp những vần chính mà ai cũng nhận thấy ngay. Ngoài ra toàn là vần thông mà ta có những trường-hợp dưới đây :

— Những âm-chính đồng điểm-phát thông với nhau vì cái lưỡi chỉ đưa lên đưa xuống một chút là ra một trong ba loại âm :

Những âm - trước : e ∞ ê ∞ i ;

Những âm - giữa : a ∞ â ∞ u ;

Những âm - sau : o ∞ ô ∞ u.

Riêng về mối quan-hệ â ∞ u, trong thơ ta không có một thí-dụ nào vì vần u rất nghèo, hoá chăng là có và trường-hợp mà hai âm ấy có âm bán hay âm-phụ theo sau :

aw ∞ uw	{	Cái hoa đã trót gieo cánh biết sao ?
		Miếng cao-lương phong-lưu nhưng lợm,
		Mùi hoặc-lê thanh-đạm mà ngon. (Cung Oán)
ank ∞ unk	{	Chim non thôi-th 11 về rừng,
		Đóa trà-mi đã ngậm trăng non đoài. (Kiều)

— Những âm-chính đồng độ-khuếch thông với nhau vì cái lưỡi chỉ đưa ra đưa vào một chút là ra ba loại âm-trước, giữa và sau :

Những âm - rộng : $e \infty a \infty o$;

Những âm - trung : $\acute{e} \infty \acute{a} \infty \acute{o}$;

Những âm - hẹp : $i \infty u \infty u$.

Ở đây ta phải tự hỏi tại sao lối thông-vận này rất hiếm trong thơ. Ta chỉ lấy được vài thí-vụ :

$a \infty o$	{	<i>Đệm hồng thùý thom - tho mùi sạ,</i>
		<i>Bóng bội-hoàn lấp-lá trắng thanh. (Cung Oán)</i>
$\acute{a} \infty \acute{o}$	{	<i>Vách sương nghi-ngút đèn xanh tờ-mờ,</i>
		<i>Mắt chưa nhấp đồng-hồ đã cạn. (Cung Oán)</i>

— Ngoài ra còn lối thông-vận giữa âm-chính đơn với âm-hai tức là âm-chính kéo-dài ($\acute{e}, i \infty i\acute{e}$; $\acute{a}, u \infty u\acute{a}$; $\acute{o}, u \infty u\acute{o}$), với âm-chính có âm-bán trước-chính ($e \infty we$, $\acute{e} \infty w\acute{e}$, $i \infty wi$, $i\acute{e} \infty wi\acute{e}$, vv.), với âm-chính có âm-bán sau-chính ($\acute{o} \infty \acute{o}w$ (*âu*)). Giữa một số âm chính không đồng điểm-phát mà cũng không đồng độ-khuếch nhưng gần-gũi nhau về vài điều-kiện phát-âm cũng có sự thông-vận : $\acute{e}w \infty aw$, $ay \infty uy$, $\acute{a}y \infty uy$, $aw \infty iw$, vv. Loại này rất nhiều và nhất-nhiất đều có-thể giảng-giải được cả.

2.— Rồi đến mối quan-hệ giữa âm-phụ mà các giọng nói địa-phương có-thể giúp cho ta nhiều tài-liệu quý. Ở Bắc nhiều vùng nói *l* thành *n* và ngược lại : đó là sự hợp nhau giữa *l* và *n*, và câu chề - giễu những người nói ngọng sau đây là một thí-dụ sống nhất : « ông ní nằng tôi có con nợn nói nó năn nóng-nốc » (ông lí làng tôi có con lợn nói nó lăn lông-lốc).

Trong Nam có vùng nói *r* thành *g* vì điểm-phát của *r* đã lùi từ đầu lưỡi xuống cuống lưỡi rồi chính lưỡi cũng không rung-động nữa. Người ta cũng chề-giễu nhau « xắt cái gỗ mua coong cá gó » (xách cái rổ mua con cá rô)

Về miền Trung, nhiều nơi nói *mách* thành *méc*, *lạch* thành *léc*, *bánh* thành *béng* và biến-đổi này đã bị cố. Léopold Cadière giảng-giải một cách lăm-lạc, coi như *a* đã thành *e*, và *ch*, *nh* thành *c*, *ng*.⁽¹⁾ Thực ra, với một cách ghi-âm xác-đáng là *mék* > *még*, *lẹk* > *léc*, *bénk* > *béng*, ta thấy rằng âm-chính không hề biến loại mà chỉ có âm-phụ cuối đổi độ-chạm từ chặt đến lỏng để kéo theo sự biến-lượng của âm-chính từ ngắn đến thường : nhân đó ta có một bằng-cớ rõ-ràng về mối quan-hệ chặt-chẽ giữa hai âm về độ-chạm. Ta sẽ không còn lấy làm lạ trước câu : « *eng oi eng, təc cái đẹtg đi nghẻo* » (anh ơi anh, tắt cái đèn đi ngủ).

Nhưng mối quan-hệ giữa âm-phụ không phải chỉ có về điểm-phát, về kiểu-phát và về độ-chạm mà các thí-dụ đủ loại không thiếu gì. Cái màng-của vòm nâng lên hạ xuống rất dễ, ta còn có mối quan-hệ rất lý-thú về đường-rèn. Sự lập-thành những tiếng có-lặp tóm-tắt được tất-cả những biến-đổi về mặt ấy của đủ các loại âm-cuối như sau đây :

Trong một tiếng ghép như *đèm-đẹp*, tôi gọi *đẹp* là tiếng gốc, *đèm* là vần-lặp, và cả tiếng ghép là tiếng có-lặp. Vậy trừ khi nào tiếng gốc tận-cùng bằng một âm-chính như *lạ* thành *lả-lả*, một âm-bán như *láo* thành *lao-láo*, một âm-mũi như *láng* thành *lang-lang*, bất-cứ tiếng gốc nào có một âm-cản miệng cũng phải đổi âm ấy thành một âm-mũi, đồng điểm-phát và đồng độ-chạm : đó là *luật thuận-âm* bên cạnh một luật khác là *luật thuận-thanh*.

Nếu âm-phụ cuối tiếng gốc là một âm môi miệng, nó sẽ thành một âm-môi mũi đồng độ-chạm ở vần-lặp :

1. — *Phonétique annamite*, trang 5.

Âm-lông : b > m	mób (móp)	mom-mób
	bẹb (bep)	bèm-bẹb
Âm-chặt : p > m*	thấp	thâm*-thấp
	mấp	mầm*-mấp

Nếu âm-phụ cuối tiếng gốc là một âm-nờu miệng, nó sẽ thành một âm-nờu mũi đồng độ-chạm ở vần-lặp :

Âm-lông : đ > n	máđ (mát)	man-máđ
	nhộđ (nhột)	nhòn-nhộđ
Âm-chặt : t > n*	sút	surn*-sút
	bật	bần*-bật

Nếu âm-phụ cuối tiếng gốc là một âm-màng-của miệng, nó sẽ thành một âm-màng-của mũi đồng độ-chạm ở vần-lặp :

Âm-lông : g > ng	ég (éc)	eng-ég
	kạg (cạc)	kàng-kạg
Âm-chặt : k > nk	ék (ách)	enk-ék (anh-ách)
	ạk (ắc)	ànk-ạk (ằng-ắc)

Những biến-đổi rất điều-hòa trên đây thật không ai ngờ tới : đó là theo luật hóa-dị về âm cuối kéo thêm cả sự hóa-dị về thanh. Người ta có-thể nói : *éc-éc ! cạc cạc !* khi bắt-chước tiếng heo, tiếng vịt, mà coi đó là những tiếng tượng-âm ; nhưng khi hai tiếng này đã thành tiếng-trạng thì âm-cuối trong *éc, cạc* phải đổi từ miệng thành mũi và thanh phải biến từ trắc thành bằng mà giữ nguyên bậc bằng hay trầm : / > — ; \ > • (kêu *eng-éc, kêu cang-cạc*).

Nhưng không phải chỉ có thế. Muốn tả một ý không đều, lúc thế này, lúc thế khác, người ta còn áp-dụng luật hóa-dị vào âm-đầu mà để nguyên âm - cuối cùng

thanh : âm l là âm hợp với bất-cứ một âm nào nên đã được lợi-dụng đến triệt-đề :

Cộp, tiếng tượng-âm chỉ tiếng giày, tiếng guốc, thành *cộp-cộp* khi vẫn là tiếng tượng-âm, nhưng khi là tiếng trạng có-thể thành :

còm-cộp, để chỉ một cách đi đều tiếng.

lộp-cộp, để chỉ một cách đi tiếng mạnh tiếng nhẹ, và ta còn có

lộp-cà lộp-cộp để tăng mạnh ý không đều.

Đó cũng là trường-hợp của *cạch-cạch* thành *cánh-cạch* và *lạch-cạch*, *nháp-nháp* thành *nham-nháp* hay *láp-nháp*, *xoạt-xoạt* thành *xoăn xoạt* hay *loạt-xoạt*, v.v. (1)

Còn lại mối quan-hệ giữa các thanh : luật bằng, trắc, mà ai cũng biết, là một, và dưới đây ta còn có dịp bàn qua về những biến-đổi về thanh.

D. Học-âm-lời đối-chiều. Khác với các ngành trên, học-âm-lời đối-chiều so-sánh tiếng-nói giữa các miền hay các thời hay cả giữa các miền ở các thời khác nhau. Bởi vậy sự đối-chiều ấy có-thể *theo-miền*, *theo-thời* hoặc *theo-thời-miền*. Riêng loại *theo-thời* còn có-thể *từng-chặng*, nghĩa là chỉ xét các trạng-thái một ngữ ở hai hay nhiều giai-đoạn khác nhau, và *liên-tiếp*, nghĩa là xét các trạng-thái liên-tiếp của một ngữ qua các thời.

Nhưng cái học này vẫn phải nhờ đến các ngành trên để biết các tính-cách, các tác-dụng của âm-thanh, các

(1) Các tác-giả quyển *Việt-Nam văn-phạm* Trần Trọng Kim đã lần nhừng lần-lập bắt-đầu bằng / này vào loại tiếng « đệm » : *lôm - nhâm*, *lùng-tùng* (trang 155) ; *lãng-bãng* *lông-nhãng*, *lông-chông*, v.v. (trang 158).

Ông Bùi Đức Tịnh trái lại, trong quyển *Văn-phạm Việt-Nam*, không hề nhắc-nhở đến phép lập-thành các tiếng có-lập này.

mối quan-hệ giữa âm-thanh, ngoài sự căn-cứ vào những điều kiện địa-lý và lịch-sử để biết các trường-hợp biến-đổi về âm-thanh. Để chứng-tỏ điều đó, ta có thể áp-dụng học-âm-lời đối-chiếu vào sự nghiên-cứu ngữ Việt, mà hạn-chế nó trong một phạm-vi thật nhỏ.

Ta đã biết rằng ngữ nào cũng có nguồn-gốc. Riêng về ngữ Việt, không ai chối-cãi được rằng cái nguồn-gốc chính của đa-số tiếng Việt là ngữ Hán, tuy nó vốn là một ngữ khác. Vậy ta lại hãy tạm xét học-âm-lời đối-chiếu của ta trong phạm-vi gốc Hán, và bàn về nguồn-gốc các tiếng, tức là về những biến-đổi của âm-thanh.

Nhưng một số lớn các tiếng Việt đã biến từ tiếng Hán ra bằng cách nào ?

Phần-đông các nhà-ngôn ngữ tìm nguồn tiếng nôm ở tiếng nho hiện nay. Họ bảo : 離 li thành lìa, 角 giác thành cắc, 浪 lãng thành sóng, 龍 long thành rồng, 巧 xảo thành khéo, v.v.

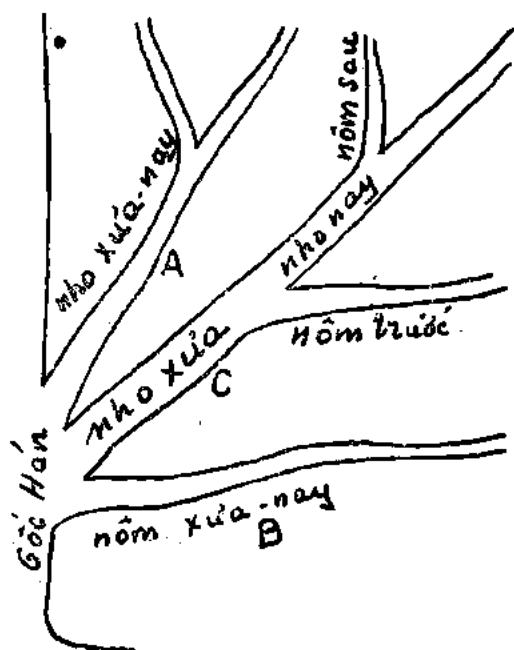
Một vài người tìm xa hơn nữa cho rằng phần-đông tiếng nôm gốc ở âm Hán từ thế-kỷ thứ X, sau khi dân ta đã thoát khỏi ách đô hộ của nhà Đường. Nhờ nhiều tài-liệu về thiết-âm như các bản *Thiết-vận* (601), *Đường-vận* (751), *Quảng-vận* (1007), v.v, các nhà-ngôn-ngữ như Pelliot, Maspéro (1), Karlgren (2), đã tìm lại được âm xưa của Tàu một cách đích-xác không nhiều thì ít.

Nếu ta ví hệ-thống Hán-Việt như một cái cành cây trong số các cành khác (Nhật-Bổn, Cao-Ly, vv.) tỏa từ cái gốc Hán ra, cành ấy sẽ còn chia ra nhiều nhánh nhỏ

1. *Le dialecte de Tch'ang-ngan sous les Tang*. B.E.F.E.O. 1920.

2. *Etudes sur la phonologie chinoise*, *Analytic Dictionary of Chinese and Sino-japanese*, v.v.

hơn đề tượng-trưng các con đường biến-hóa của ngữ Hán sau khi đã lọt vào hệ-thống Việt. Phải trên rõ-ràng tin rằng một trong những nhánh nhỏ ấy là một « nhánh nhỏ » có nhiều nhánh nôm khác, còn phải dưới chú-trương rằng một trong những nhánh nhỏ ấy là một « nhánh nôm ».



Những tìm-tòi liên-tiếp của tôi đã giúp tôi thấy khác hẳn. Cảnh Hán-Việt nói trên có-thể có một « nhánh nhỏ A » không biến-đổi để tồn-tại đến nay, gọi là « nhánh nhỏ xưa nay » mà sinh ra những nhánh nôm. Cảnh ấy cũng có-thể có một « nhánh nôm B » rất

nhỏ, còn tồn - tại đến nay, gọi là « nhánh nôm xưa-nay ». Nhưng cái nhánh chính phải là một nhánh nhỏ C », vì sau này biến-đổi một lần nữa nên gọi là « nhánh nhỏ xưa » mà cho những nhánh hoặc « nhỏ nay », hoặc « nôm nay ».

Một thí-dụ cụ-thể :

Chữ 龍 về đời Đường phát-âm là *liwong* ⁽¹⁾, theo ông Karlgren, và nay là *lonk*. Theo âm nhò hiện nay, chữ ấy đọc là *lonk* (*long*) và nhắc cho ta tiếng nôm *rônk* (*rồng*). Nếu bảo rằng *rônk* đã biến ở *lonk* ra là đã gán nó vào nhánh A. Nếu bảo rằng *rônk* đã biến ở *liwong* ra là gán nó vào nhánh B. Thực ra, trước khi có *lonk* ta đã có một âm nhò xưa là **lônk* nhờ sự kiểm-soát lại thiết-âm : **lư* 𪛗 đồng 𪛗 thiết, âm* lôn 龍, vận đông 冬. Rõ ràng thanh huyền ứng với thanh hạ-bình của lư, vận *ônk* cũng ứng với vận Tàu trong khi vận *onk* của *lonk* là một vận biến, không ở trong hệ-thống âm nhò. Vậy *rônk* thuộc về nhánh C, có trước cả *lonk* vì âm nhò xưa, sau khi đã thành nôm, còn đi một thời nữa mới thành nhò nay.

Từ **lônk* đến *rônk* ta thấy có một biến-đổi về âm-phụ đầu (*l > r*) ; từ **lônk* đến *lonk* phải hai biến-đổi : về vận (*ônk > onk*) và về thanh (*˩ > ˨*) ; còn giữa *lonk* và *rônk* có đến ba điểm sai-khác : về âm-phụ đầu (*l : r*), về vận (*onk : ônk*), về thanh (*˩ : ˨*). *Rônk* đối với *lonk* là anh-em cùng cha mà nay liệt nó vào hàng con của *lonk* thì còn gì bất-công bằng, vô-nghĩa bằng.

Những cái vô-nghĩa ấy thật là nhan-nhân. Nay ta hãy đơn-cử vài thí dụ về thanh, âm, và vận.

1. — Về thanh, trước hết ta hãy nên xem sáu thanh Việt có những loại nào (2).

1. — Đầu (o) đề trước một tiếng tỏ rằng tiếng ấy có thanh hạ-bình.

2. — Cái quan-niệm quá li-mi rằng ngữ Việt có tám thanh (x. *Chính-lu Việt-ngữ* tập II, và *Việt-Nam Văn-phạm* Bùi Đức Tịnh, trang 104 - 105) cần phải đính-chính lại. Hai thanh mà người ta mệnh-danh là « sắc nhập » và « nặng nhập » chỉ là một với hai thanh sắc và nặng. Trong một bài viết ở tập Kỷ-yếu hội Khuyết học 1932, tr. 37 - 38, về *Tiếng bằng và tiếng trắc*, tôi có giảng, giải tại sao những tiếng tận-cùng bằng *c, ch, p, t* chỉ có hai thanh sắc và nặng, còn những tiếng tận-cùng bằng *m, n, ɲ*, có sáu thanh. Những cuộc thí-nghiệm về thanh của tôi gần đây, ở Viện Âm-lời Pari đã chứng-thực được những suy-luận ấy và cho ta thấy rằng những tiếng tận-cùng bằng âm-củ miệng bỏ buộc phải có những thanh miệng như sắc, nặng.

Đứng về mặt bằng, trắc, các thanh Việt chia ra hai loại :

Bằng : ngang, huyền.

Trắc : hỏi, sắc, ngã, nặng.

Đứng về mặt bậc cao, thấp, các thanh Việt chia ra hai loại :

Cao : ngang, ngã, sắc. } Thanh ngã vốn là một

Thấp : huyền, hỏi, nặng. } thanh cao hơn thanh hỏi.

Đứng về mặt giọng bổng, trầm, có đôi-chút thay-đổi trong thứ-tự trên :

Bổng : ngang, hỏi, sắc.

Trầm : huyền, ngã, nặng.

Nếu sự chia loại đầu cần-thiết trong văn thơ, chính thứ-tự sau cùng có tính-cách thiết-thực hơn và được nhận thấy ở nhiều trạng-thái ngôn-ngữ. Cái trạng-thái quan-hệ nhất, ông Maspéro đã nhận thấy khi nói : «Người ta biết rằng hệ-thống những thanh bổng cho những tiếng có âm-đầu mặt hay mặt có hò, và trầm cho những tiếng có âm-đầu kêu hay mũi, hoàn-toàn thông-thường trong những ngữ ở Viễn-Đông. (1)

Nay ta thử thu-hẹp câu chuyện vào trong phạm-vi hai thanh bằng : ngang và huyền, và có-thể dùng cách ghi-âm thường cho dễ nhận-xét. Trái với luật trên, những tiếng nhỏ bắt-đầu bằng *d, v, l, m, n, ng, nh*, (2) không tiếng nào có thanh huyền tuy những tiếng ấy đều ứng với các tiếng Hán có thanh hạ-bình và bắt-đầu bằng những âm-

1- *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite. Les initiales.* BEFEO 1012, trang 60.

2 — Trừ *đầu* là một âm xưa còn lại, chứ theo âm nay phải là *đầu* : di 移 *lân* 鄰 thét, đọc như *ngân* 銀, vận chân 泉 (Từ Nguyên).

kêu hay mũi. Vì đâu lại có chỗ ra ngoài nguyên-tắc như vậy? Đó là vì cả một cái «hệ-thống huyền» trong một lúc, theo những thói-quen sai-lầm về thiết-âm, đã biến-đổi hoàn-toàn, cũng như các hệ thống khác đã biến-đổi một phần, vì xen vào đó còn những biến-đổi của âm-phụ đầu.

Muốn chứng-thực điều đó, ta hãy lấy làm thí-dụ chữ 移, nay đọc là *di*, xưa là **di* :

Trước hết âm của 移 vẫn dùng làm vận cho những tiếng còn thanh huyền, nghĩa là trước kia nó ắt phải có thanh huyền : theo Từ-Nguyên, những chữ 示, 祇, 邪, 咬, 跋 có âm kì đều thiết : căn 勒 *di* (◌) 移.

Rồi thiết-âm của chữ ấy chính ra cũng bắt-đầu bằng một tiếng-âm có thanh trầm nghĩa là dù thế nào đi nữa, những tiếng thiết thành cũng phải có thanh trầm : đặt 達 *li* (◌) 離 thiết, đọc như *di* (◌) 夷 vận chi 支 (T. Ng., tr. 1108-2).

Xác-thực hơn hết là **di* đã có một tiếng chuyển-hoá là dơi đồng thanh huyền. Đó cũng là trường-hợp của **li* 離 mà ta vừa thấy, vốn đã biến thành *lia*, rồi, và có-thể nhờ ngay thiết-âm của 移 chứng-thực được.

Sự tìm ra những trạng-thái xưa về thanh này làm đảo lộn hết thứ-tự biến đổi âm-thanh do những quan-niệm sai-lầm từ trước đưa ra. Một thứ-tự mới mà tôi gọi là thứ-tự « nhánh C » sẽ giúp cho ta tìm ra ;

— Những tiếng nho xưa hiện hay bị quên, như **di* ở trên của 夷 nay đọc là *di*.

— Những tiếng nho xưa hiện nay bị lẫn làm tiếng nôm. Nói riêng về sự biến-đổi huyền-ngang, ta hãy kể vài thí-dụ :

。 揅 *lầu* (> *lầu*) : trong Nam còn dùng *cao-lầu* đối

với cao lâu ngoài Bắc, lâu-đài đối với lâu-đài ngoài Bắc.

。銀 銀 (*> ngân*) có nghĩa là « bõ » và « chừng » ; khi ta nói : cái đó lớn vô ngân là ta đã dùng một tiếng nhỏ xưa mà nói, đúng như câu nhỏ nay : kì đại vô ngân ;

。硯 硯 (*> né*), với nghĩa « bôi-trát », vẫn còn dùng trong thợ-硯, tức « thợ trát tường » mà ta đã dùng để chỉ chung các « thợ-xây » ;

。銀 銀 (*> ngân*) : khi ta nói trong giá trắng ngân là ta hiểu : « trong như giá trắng như ngân (tức là như bạc) » ; (1)

。硯 硯 (*> nghiên*) : khi ta nói nghiên-ngâm, chính ra ta đã dùng một tiếng nhỏ xưa đối với tiếng nhỏ nay trong nghiên-cứu.

Còn nhiều thí-dụ khác chứng-tỏ rằng là trong lựa-là, liêm trong liêm-hải, ngừng trong ngập-ngừng, đi trong có đi, diêm trong diêm-màn, nhiều trong ít-nhiều, vv. , đều là những tiếng nhỏ xưa cả.

— Những tiếng nhỏ xưa đã để lại những tiếng nôm chuyển-hóa rồi mới thành nhỏ nay : vẫn ở trong phạm-vi biến-đổi huyền-ngang, ta có :

Khi thì tiếng nôm chuyển-hóa giữ nguyên thanh huyền :

。藍 * lâm *> chàm* (*> lam*) : ngày nay áo chàm và áo lam không đồng màu nữa ; (2)

。欄 * lân *> ràn* (*> lan*) ;

。郎 * lang *> chàng* (*> lang*) ;

。麻 * liêm *> rêm* (*> liêm*) : gần Hà-nội có một làng tên nôm là Chêm gốc ở tên chữ là Từ * liêm (*> liêm*) ;

1 — Nếu hiểu là « như cá ngân » thì tiếng ngân này cũng cũng một gốc.

2 — Dấu * chỉ một hình-thức xưa được tái lập.

。墟 * lờ > ló (> ló) : tiếng *hoả-lò* là một tiếng xưa còn lại, hồi mới có biến-đổi ở > o mà chưa có biến-đổi ㄣ > — ;

。麻 * má > mè (> ma) : tiếng *mè* vẫn thông-dụng ở Trung và Nam trong khi ở Bắc người ta quen dùng *vương* ;

。屑 * mì > mạy (> mi) ;

。蒙 * mông > mùng (> móng) : ở Bắc quen dùng tiếng *màn*, nhưng đó là một cách dùng sai-lầm nên bỏ ;

。鼻 * nghi > ngờ (> nghi) : ta còn ghép cả hai tiếng biến thành *nghi-ngờ* ;

。源 * nguyên > nguồn (> nguyên) ;

。匙 * thi > thìa (> thí) : *thìa* còn cho *chìa* để chỉ những vật có hình-dáng như cái thìa : *chìa-khoá*, *chìa-với* ;

。園 * viên > vườn (> viên) ;

。圩 * vu > bờ (> vu), vv ;

Khi thì tiếng nôm chuyển-hoà biến thành một thanh khác cũng ở bậc trầm :

。颯 * dẳng > nhặng (> dẳng) ;

。顛 * lỏ > sọ (> lỏ) : *lỏ* còn cho *lầu* trong *đầu-lầu* ;

。模 * mỗ > mẫu (> mỗ) ;

。教 * ngáo > đạo (> ngao) : *ngao-du* tức là « đạo chơi », vv.

— Những tiếng nho xưa đã thành thẳng nho nay rồi, do đó có tiếng nôm chuyển-hoà :

。留 * lưu > lưu > lâu : cùng một âm *lưu, tự 流 thuộc vào trường-hợp trên, vì ta có : *lưu > lâu (> lưu) : *thuộc lâu* là « thuộc như nước chảy » ;

。臺 * lì > lí > lai ;

。蓮 * liễn > liên > sen ;

。捫 * mồn > mồn > mơn : cùng một âm *mồn, tự 捫 thuộc vào trường-hợp trên vì ta có : * mồn > bơn (> mồn) ;

。鵠 * ngà > nga (> ngan) ;

。雲 * vân > vân > mây : trong Nam còn nói : trời vân-vũ ;

。圍 * vi > vi > vây, vv.

— Những tiếng nho xưa đã để lại những tiếng nôm chuyển-hoá rồi mới thành nho nay và do đó lại có thêm một lớp nôm chuyển-hoá nữa. Nếu ta gọi lớp nôm gốc ở tiếng nho xưa là « nôm trước » và lớp gốc ở tiếng nho nay là « nôm sau », ta có một loại biến-đổi quan-hệ nhất, không những chứng-tỏ được sức phát-triển của ngữ nho qua các thời-đại mà còn giúp ta phỏng-dịnh được hẳn những thời-kỳ chuyển-hoá.

Thí-dụ như tự 南, quen đọc là nam, còn có một âm xưa là *nám theo thiết-âm ; na (𠂔) 那 hám 含 thiết-âm nam (𠂔) 男, vận đám 𠂔 (T. Ng. tr. 2332). Tiếng * nám ứng với âm Bắc-kinh và Nam-kinh ° nan cũng như với âm Quảng-đông nám Với thanh huyền, nó nhắc cho ta tiếng nôm trong khi tiếng nho nay nam nhắc cho ta tiếng nôm. Ta có-thể dự-đoán rằng tiếng nôm sinh ra từ ngày có « chữ nôm » nghĩa là chậm lắm từ đời Hàn Thuyên, dưới nhà Trần (đầu thế-kỷ XIII). Vậy ta có-thể không lầm mà quyết-đoán rằng nôm có trước nam, nôm, và biến-đổi huyền-ngang xảy ra trước thế-kỷ XIII).

Về trường-hợp này ta còn kể được :

。連 liên > rền > (liên > luôn) : ta nói nước bạc rền là nước bạc ra « luôn » mãi một mặt ;

。移 * di > dơi (> di > đì) : không nên lẫn dơi này với ròi gốc ở *lì 離 đã nói đến ở trên ;

。迷 * mē > mō (> mé > mơ) ;

。摸 * mō > mò > (mó > mó) : mò là tìm cách « mó » cho được, tuy không trông thấy ;

。輪 * luān > lān (> luān > lān), v v.

2. — Về âm ta có-thể xét riêng về những biến-đổi của một âm, âm-màng-của chắt *k* chẳng hạn. Ta có :

a) Những biến-đổi bình-thường nhất :

k > *đ* : 妓 *kí* > *đĩ*, 具 *kụ* > *đu*

k > *g* : 閭 *kág* (các) > *gág* (gác) ; 近 *kận* * > *gần* *

k > *h* : 谷 *kók* (cốc) > *hók* (hốc)

k > *kh* : 介 *kán* (cán) > *khan* (khăn) ; 乾 *kan* > *khan*

k > *ng* : 吟 *káb* (cáp) > *ngáb* (ngáp)

k > *n* : 笠 *káp* (cáp) > *níp* ; 國 *kwók* (quốc) > *nướg* (nước)

k > *v* : 踏 *káp* (cáp) > *váp* ; 刮 *kwák* (quát) > *vót*

k > *z* : 散 *kám* (cảm) > *zám* (dám) (vót)

b) Những biến-đổi mà lâu ngày âm gốc bị quên đi và âm biến được coi lầm là âm nho :

k > *ng* : 梗 *kènk* (cảnh) $\left\{ \begin{array}{l} \textit{kènk} \text{ (cảnh)} > \textit>kàng \text{ (càng xe)} \\ \textit>ngènk} \text{ (ngạnh)} > \textit>nzénk} \text{ (nhánh)} \\ > \textit>nzènk} \text{ (nhành)} \end{array} \right.$

Sự lầm-lẫn này nhắc cho ta một lầm-lẫn khác với *kh*, về tiếng *khảo* 巧 mà thiết-âm là : *khỉ* 起 *cảo* (giảo) 錢, và đã cho một loạt tiếng biến sau đây :

Nho xưa và nay Nôm thế-kỷ XVII Nôm nay
(theo tự-vị cổ de Rhodes)

巧 *khảo* $\left\{ \begin{array}{l} \text{—————} > \textit>kháo \text{ —————} > \textit>khéo} \\ \text{—————} > \text{—————} > \textit>xảo} \end{array} \right.$

Tiếng *xảo*, cũng như tiếng *ngạnh* trên kia, phải coi là một tiếng nôm gốc ở tiếng nho *khảo*, không khác gì

xảy đủ biến từ *khỉ* 起, vì ta vẫn nói « người này xảo lắm » với một nghĩa hơi khác đi, tuy ta quen ghép *tính-xảo*, *xảo-trá*, *xảo ngôn*, *đầu-xảo*.

c) Những biến-đổi đã thành hệ-thống khiến ta dễ lầm về nguồn - gốc các tiếng vì sợ không nghĩ đến các tiếng gốc. Đó là biến-đổi *k > gi* mới xảy ra rất gần đây và vẫn còn nhiều dấu-vết :

茄 * *ka* (ca) > *kà* (> *gia*)

夾 * *káp* (cáp) > *kép* (> *giáp*)

束 * *kán* (cản) > *kén* (> *giản*)

絞 * *káo* (cảo) > *kéw* (> *giáo* (đao))

膠 *kaw* (cao) > *kew* (> *giao*) : thuốc nấu lên cho quánh lại là *cao*, và chất dính để dán là *keo*. Ngoài ra từ 膠 còn có một âm là *kaw* (cạo) đã biến thành *kew* (*kẹo*), chất ngọt nấu cho quánh lại để ăn.

交 *kaw* (cao) > *kew* (*keo*) > (*giao*) : ta vẫn nói « xin một *keo* âm-dương », « dấu một *keo* », và người Thổ, người Lào quen gọi ta là *Keo* vì xưa kia ta là giống *Cao-chỉ*.

Nhưng tiêu-biểu nhất là sự tồn-tại song song của hai tiếng chỉ « mười xu » : *giác* ở miền Trung và các ở miền Nam, cùng gốc ở các 角 mà thiết-âm là :

𧈧 古 *ngac* 岳 (*nhạc* là âm biến), theo Đường-vận ;

cát 訖 *ngac* 岳 theo Tập vận, Vận-hội và Chính-vận ;

cát 吉 (*cát* là âm biến) *ngac* 𧈧 (*nhạc* là âm biến) theo Từ-nguyên và Từ-hải.

Ta có những biến-đổi sau đây tuy nghĩa của mỗi phát-âm :

HÁN

VIỆT

Nho

Nôm

Cồ	: K _{ag}	k _{ag} (cac)	g _{ag} (gac): sừng hươu
Trung-cồ	: kwê, kyo	k _{ag} (cac)	g _{ók} (góc)
Nay	: cwê	j _{ag} (giác)	k _{ak} (cắc): mười xu

Tiếng cắc có ngay từ khi tự 角 còn đọc là cac, trước khi có tiếng giác, nên nhờ đó ta biết rằng biến-đổi $k > gi$ chỉ xảy ra sau khi người Việt vượt quá tỉnh Quảng-nghĩa là miền cuối cùng dùng tiếng giác, sớm lắm là vào khoảng năm 1470 trở đi, tức là năm ta chiếm được Bình-định, nơi đó tiếng cắc phát-sinh.

3. — Về vận, những biến-đổi âm-thanh cũng hiển ta nhiên trạng-thái bất-ngờ. Nếu ta thu-hẹp vấn-đề trong những vận có ㅏ (ơ) thôi, ta nhận ra những điểm sau đây :

a) Trước hết là những biến-đổi thông thường, rất dễ thấy :

ㅏ > ㅑ : ㅑ v_{an}k (v_{an}g) > v_{an}g : 恨 h_{an}n* > h_{an}n* (h_{an}n)

ㅑ > ㅣ : ㅑ t_{am}n* > t_{im}n* ; ㅑ k_{ap} > k_{ip}

ㅑ > ie : ㅑ th_{at} > th_{iet} ; ㅑ th_{at} > th_{iet} (th_{iet})

ㅑ > u : ㅑ h_{ap} > h_{up} ; ㅑ f_{at} > b_{ut}

b) Rồi đến những biến-đổi đã cho vài tiếng nôm có ㅏ (ơ) mà ta vẫn coi lầm là tiếng nho :

ㅑ su (s_ư (s_ở) ㅑ u ㅑ th_{iet}) $\left\{ \begin{array}{l} x_ua \\ s_o > th_o (th_o-ㅑu) \end{array} \right.$

ㅑ su (s_{ác} (s_{óc}) ㅑ u ㅑ th_{iet}) $\left\{ \begin{array}{l} th_ua \\ s_o (s_ư-l_uợc) > th_o \\ (l_o-th_o) \end{array} \right.$

c) Đặc-biệt nhất là biến-đổi của một tiếng có ㅑ đã cho hai tiếng nôm mà một bị coi lầm là tiếng nho :

ㅑ b_{at} (b_i (t_i) ㅑ át ㅑ th_{iet}) $\left\{ \begin{array}{l} b_{ut} \\ v_{iet} \end{array} \right.$

Tất-cả những biến-đổi về thanh, âm và vận trên đây giúp cho sự sinh-hoá một hay nhiều tiếng nên lập thành những *họ-tiếng* mà ta đã thấy nhiều thí-dụ. Ta có-thể kể thêm vài họ-tiếng «đồng con cháu» hơn mà trình-bày bằng lối ghi-âm thường.

Có họ có một «ông tổ», đã sinh con đẻ cái một cách điều-hòa mà biến dần ý-nghĩa.

§ *lĩnh* → *riêng*

↘ *lĩnh* (lĩnh đi một chỗ)

↓ *lảnh* → *lảng* (nói lảng đi)

↓ *lánh* → *tránh*

Có họ có một «ông tổ», mà ý-nghĩa bị hiểu chệch đi khi dùng sang ngữ Việt, và chính chỉ thứ mới chỉ rõ nghĩa gốc.

摺 *sát* → *sạt*

↘ *sướt* → *sượt*

↘ *soát* (*suýt-soát*)

↘ *xát* (*cọ-xát*)

Có họ có một «ông tổ» lâu ngày bị quên-lãng đến nỗi vị trưởng chi thứ bị nhận lầm là tổ ; phát-âm gốc đã biến và bị bỏ quên :

𠂔 **di* → *dời*

↘ *di* → *đi*

↓ *day* (*đi chân* : *đay chân*)

↓ *nhay* (*đay hai hàm răng dễ cắn*)

↓ *nhai* (*nhay mà nghiêng nát*)

↓ *nhời* (*nhai lại*)

Sự thiết lập họ tiếng này căn-cứ vào những khả-năng biến âm, biến thanh đã đánh, mà còn phải tùy ở những mối liên-lạc về ý-nghĩa. Nhờ đó, ta có-thể kiểm-soát và ấn-định một cách chắc-chắn chính-là của mỗi tiếng, và đôi khi cải-chỉnh những sai-lầm mà các tự-vị có-thể mắc phải. Thí dụ tiếng nhỏ *xỏ* 𢶏 xé, đã biến âm-chính thành *xé* và *xẻ* với nghĩa : 1. bỏ dọc (*xẻ gỗ*) ; 2. đào dài thành một đường (*xẻ rãnh*) ; 3. san chia (*xẻ com*).

Việt-nam tự-điền của hội Khai-tri tiến-đức ghi nghĩa (3) dưới một hình-thức giả-tạo sẽ không sát với phát-âm, rồi lại ghép *mở.sẻ* (nghĩa 2). **Đại nam quốc âm tự vị** P. Của không ghi tiếng *sẻ*, nhưng các tự-vị khác đều mắc cái lầm chung ấy cả. (1)

Trên đây chỉ là mới nói riêng về vài thanh, vài âm, vài vận. Nếu khảo-xét tỉ-mỉ đầy-đủ hơn, như tôi sẽ trình-bày ở một dịp khác, ta hãy tưởng-tượng còn biết bao-nhiều điều phải cải-chỉnh về nguồn-gốc các tiếng, tức là về trạng-thái biến-đổi của các hiện-tượng âm-thanh.

Ngoài ra, trong sự tìm nguồn-gốc tiếng-nói, ta sẽ còn nhờ nhiều đến sự khảo-xét các tiếng địa-phương, nhất là tiếng Hà-tĩnh, là một miền còn giữ được nhiều tiếng cổ nhất, và tiếng Mường vốn có những hình-thức gần-gũi với các tiếng Việt. Các tài-liệu về văn-tự từ xưa để lại cũng sẽ là những bằng-chứng quý-báu cho các trạng-thái ngôn-ngữ ở các thời : chữ nôm trong các áng văn nôm sẽ mở rộng cửa đón những ai biết tìm đến nó ; tập *Hoa-Di dịch* . ngữ có-thể cho ta biết vài

1.— Nếu bảo rằng *xẻ* đã biến âm-đầu thành *sẻ* thì cũng vô lý nữa vì, theo luật gắng sức tối thiểu thường chỉ có biến-đổi của > mới trong ngữ Việt, chứ không có biến-đổi nếu > của.

trạng-thái, phát-âm về thế-kỷ XV, và gần đây quyền tự-vị của cổ de Rhodes cho ta thấy rõ-ràng ngôn-ngữ ta về thế-kỷ XVII ra sao.



Đến đây cuộc nói chuyện đã khá dài và xin quý vị cho phép tôi ngừng lời. Vì thi-giờ có hạn, tôi đã phải bỏ qua nhiều vấn-đề phải nói, và đó là điều đáng tiếc. Nhưng tôi mong rằng quý vị đã có một ý-niệm khái-quát về học-ngữ và đôi-chút tin-tưởng vào tương-lai học-ngữ Việt-Nam.

Người ta vẫn nghĩ rằng ngữ Việt chỉ bị xao-lãng về phương-diện phổ-thông và thực-hành mà thôi. Chính cái học căn-bản đã bị bỏ quên trong bóng tối, cái học mà ở các nước, người ta vẫn coi là đầu dây mối nhợ cho sự hiểu-biết lời-tiếng và cải-thiện ngôn-ngữ.

Rồi đây trong các trường, nhất là ở bậc đại-học với một chương-trình đầy-đủ về ngữ Việt, học-ngữ với các ngành của nó sẽ giữ một vai quan trọng. Ta còn đợi đến bao giờ mới lo dọn một con đường quang quẻ cho người sau tiến tới ?

NGUYỄN BẠT . TUY

CHỮ VÀ VĂN VIỆT KHOA-HỌC

Tác-giả giữ bản - quyền

In lần thứ nhất : Saigon 1949

Cải - bản : Saigon 1969

TẶNG CÁC BẠN-NƯỚC

Dù ở “đây” hay ở “kia”

TỰ A

Con người sống trong xã-hội, tất-nhiên có ngôn-ngữ cần-thiết dùng vào sự xã-hội sanh-hoạt để biểu-diễn tư-tưởng và trao-đổi ý-kiến. Muốn ghi lại ngôn-ngữ đó, phải dùng văn-tự.

Từ trước thế-kỷ XIX, người ta chỉ chú-trọng đến bác-ngữ-học, khảo tiếng-nói đã thành văn, mà không nghiên-cứu chánh ngay tiếng-nói. Vì vậy nên có nhiều chữ viết dùng ghi không đúng âm, và lại thường là chữ mượn sẵn của mấy xứ văn-minh nhiều ảnh-hưởng, như chữ latinh bên phương Tây hay chữ Tàu bên Viễn-đông.

Cùng một dấu chữ tiêu-âm mà phát-âm nhiều cách, như chữ *u* latinh đọc ra ở Pháp hoặc ở Nhật. Về chữ Hán biểu-ý, ai cũng biết, cùng một chữ Hán mà người Tàu phương Bắc phát-âm không giống người Tàu phương Nam ; người Nhật phát-âm thành giọng Hán-Hòa, người Việt-nam, thành giọng Hán-Việt. Thành thử, lối chữ viết không theo đúng nguyên-tắc ghi-âm : “ mỗi dấu, mỗi âm ; mỗi âm, mỗi dấu ”. Chữ “ quốc-ngữ ” của mấy cố-đạo bày ra thế cho chữ nôm của nước ta cũng làm vào lối ấy.

Đến thế-kỷ XIX, nhờ khoa-học tấn-triển, kỹ-nghệ mở-mang, các đế-quốc tủa đi kiếm thị-trường khắp thế-giới, nhờ thám-hiêm, khảo-sát cái văn-minh cổ, mấy nhà bác-học đề-ý đến sự liên-quan ngôn-ngữ của các dân-tộc đồng chung văn-hóa. Khoa ngôn-ngữ-học được bày để hồ-cứu thêm khoa bác-ngữ-học từ trước, và khoa âm-vận-học, một ngành của ngôn-ngữ-học, khảo ngay tiếng-nói, phân-tích các thành-phần của mỗi tiếng, xét cách phát-âm và chỗ phát-âm của mỗi âm-thể, cách các âm, vận, thanh hài-hòa nhau hoặc biến-chuyển lẫn nhau trong ngôn-ngữ. Xét ra, không có chữ nước nào hoàn-toàn ; phải định một “ tự mẫu quốc-tế ” để dùng vào việc khảo-cứu, đúng theo khoa-học.

VI

Vì tiếng Việt-nam, nhờ âm-vận-học mà ta được biết hệ-thống Việt ngữ nằm trong nguyên-tắc căn-bản là “luật tương-đồng đối xứng của các âm-thể : các âm-thể đồng tánh-cách phát-âm và chỗ phát-âm đi chung nhau và đối lẫn nhau.”

. . .

Ông giáo-sư Nguyễn Bạt-Tuy trong quyền này, lần-lượt dẫn-giảng và áp-dụng nguyên-tắc ấy vào việc chấn-chỉnh lối viết chữ Việt lại cho hợp-lý. Ông vạch ra chỗ sai-lầm từ trước của các nhà bày chữ “quốc-ngữ” là không theo đúng nguyên-tắc ghi-âm. Chỗ khám-phá đặc-sắc của ông làm đồ thuyết ghi-âm tiếng Việt của các học-giả tây-phương là : “*một âm-chính “thường” hay “ngắn” theo độ-chạm của âm-phụ đứng sau*”^{*}. Nói theo danh-từ quen dùng — vì tác-giả dùng toàn danh-từ tiếng nôm mới — là “trong một vần căn (vần có phụ-âm kèm sau) thì phần nguyên-âm “thường” hay “ngắn” tùy thuộc phần phụ-âm “trọc” hay “thanh” đứng sau.”

Như vần *ap, ăp, op, ơp...*, theo nguyên-tắc này sẽ viết : *ab, ap, ob, op...*, vì phụ-âm môi trọc *b*, đi đôi với nguyên-âm “thường” *a, o* ; phụ-âm môi thanh *p* đi đôi với nguyên-âm “ngắn” *a, o* (ta thường viết *ă, ơ*).

Thành ra phần phụ-âm thanh đứng sau chỉ-dịnh phần nguyên-âm trong một vần. Cũng như ta đã quen viết vần *ai, ăy, ao, ău* ra *ai, ay, ao, au* : trông vào một chữ cuối *y, u* là biết ngay nguyên-âm đứng trước là nguyên-âm ngắn : *ă*. Như vậy hai nguyên-âm ngắn *ă* và *ơ* là thừa.

. . .

Gần đây, tình-thế chánh-trị thuận-tiện, có phong-trào cải-cách chữ “quốc-ngữ” ; những người đề-xướng chú-trọng đến phương-diện giản-tiện và mỹ-thuật. Lối của ông Nguyễn Bạt-Tuy trình bày có phần hợp-lý hơn, nhưng chưa tiện ngay cho sự thực-hành : phải đổi cả lối viết và thêm nhiều phụ-âm mới, như loại “*ty-âm thanh*”. Tuy-nhiên đứng về mặt

^{*} Nguyên-tắc số 4, trang 35.

VII

nghiên-cứu khoa-học, công-trình của ông — quyển này cùng với những loại sách ông sắp cho ra sẽ có nhiều lợi-ích hiển-nhiên. Nó là nền-tảng vững-chắc cho tương-lai văn-hóa nước Việt ; quyển “ Chữ và văn Việt khoa-học ” giúp ta truy-nguyên được ngôn-ngữ, diễn-chế văn-tự, nhứt-tri chánh-tả và đặt bày danh-từ mới cần-thiết cho sự phát-triển của dân-tộc để cùng hòa nhịp với thế-giới.

Vì lẽ quan-trọng ấy, tôi xin ân-cần giới-thiệu cùng các học-giả đã tận-luy với tiếng mẹ-đẻ.

Janvier 1950

LÊ NGỌC-TRỤ

LỜI NÓI ĐẦU

Quyển sách này ra đời sau rất nhiều năm khảo-cứu của người-viết. Nhưng nó cũng đã ra đời ngoài ý-muốn của người-viết vì đáng lẽ nó phải ra sau nhiều quyển khác.

Điều đó rất dễ hiểu.

Nước Việt-Nam trong vòng ba trăm năm nay, từ khi có quyền vị-tiếng Việt-Poóctingan-Latin của cổ de Rhodes, đã biết một nền học mới bằng chữ “ quốc-ngữ ”, sau bao nhiêu đời lận-đận với chữ nho và chữ nôm. Có trong tay thứ chữ thuận-tiện ấy, các nhà-học, nhà-văn ta tuy đã trau-dồi cho tiếng-nói nước-nhà không phải là ít, nhưng có một điều đáng tiếc là không ai chú-ý đến cái nguyên-tắc căn-bản của âm ta mà chỉ yên-phận thực-hành “ chánh-sách hường sắn ” dù thứ chữ ấy hãy còn không biết bao-nhiêu là nhầm-lỗi.

Thảng-hoặc có một vài người nghĩ đến cái-cách điều nọ, sửa-đổi điều kia thì những chương-trình đưa ra chỉ là theo cái thích của từng người mà không ai chịu tìm-hiểu để đi đến một cái học chuyên-môn trước khi nghĩ đến một chương-trình cái-cách. Vì tìm-hiểu một sự-vật đã không phải là dễ, mà trở nên chuyên-môn về một vấn-đề cũng không kém bề khó-khăn, huống-hở là nói đến “ cái-cách ”.

Đứng trước cái tình-trạng ấy, chúng tôi thấy có bốn-phần phải bổ-khuyết những cái gì còn thiếu, và chúng tôi bắt-tay vào việc. Chúng tôi đã khảo về học-ngữ một cách tổng-quát để đi đến học-âm-ngữ và sau cùng nhận ra rằng bao-nhiêu tìm-tòi cũng ồng nếu chưa nắm được manh-mối của âm-thanh Việt, tư-tưởng Việt.

Chúng tôi đã thấy rằng ngữ Việt không khác gì một căn nhà nền-móng lung-lay mà người ta chỉ nghĩ đến chuyện xây lại bức tường này xiêu, thay vào cái cột kia một. Nhiều người muốn cho thêm phần diêm-dứa lại tình son son thép vàng vài cái rầm, chạm-trổ bào-gọt vài cái rui ! Căn nhà ấy dù lộng-lẫy đến đâu, trước cơn gió mạnh, cũng vẫn là một căn nhà nát.

Muốn củng-cố lại căn nhà ấy, chúng tôi đã vui-lòng làm cái việc âm-thầm của một người thợ-dấu và chúng tôi đã không ngại đào sâu. Chúng tôi đã chuyên-khảo về học-âm-lời và học-mẹo-lời.

Về học-âm-lời, chúng tôi đã tìm ra những nguyên-tắc đặc-biệt của âm-thanh Việt. Tiếc thay, một đảng chúng tôi sẽ bó-huộc phải ra trước một quyền bằng tiếng Pháp để biểu-dương những nguyên-tắc kia, một đảng chúng tôi thấy ra một quyền bằng tiếng Việt chưa phải lúc vì môn học ấy hãy còn quá lạ, số tiếng chuyên-môn cũng khá nhiều, tuy chúng tôi đã soạn sẵn cả. Quyền này ra trước vừa đề các bạn làm-quen sơ với môn học ấy, vừa đề công-bố một chương-trình cải-cách chữ Việt, kết-quả của công-cuộc tìm-lòi của chúng tôi vậy.

Về học-mẹo-lời, chúng tôi sẽ nêu ra những ý-kiến táo-bạo : chống lại óc sinh nho và tư-tưởng theo một linh-thần thuần Việt. Riêng lúc này chúng tôi tạm " táo-bạo " trong những tiếng chuyên-môn thuộc phạm-vi môn học chúng tôi đang khảo mà vẫn trọng thói-quen của bạn-đọc ở các tiếng khác. Xin các bạn miễn cho khỏi giăng-giải vì chúng tôi sẽ có dịp giảng-giải nhiều, và quyền sách này cũng ra trước đề bạn-đọc hiểu qua về tinh-thần Việt và biết qua phương-pháp đặt tiếng của chúng tôi.

Riêng về chương-trình cải-cách chữ-viết, đối với một căn nhà, cái " chắc " phải đề lên trước cái " lộng-lẫy " thế nào, thì đối với một cách chuyên-viết, cái " đúng " phải đề lên trước cái " đẹp " như thế. Và lại chính nhờ cái " đúng " ấy mới có cái " tiện ", mà cái " tiện " căn-cứ vào cái " đẹp " chỉ là một cái tiện nhất-thời, thường bao-giờ cũng dành cho ta những cái " bất-tiện " không ngờ. Công-việc " dùng chữ này vào chữ kia cho tiện, thay dấu này vào dấu kia cho đẹp " chỉ là một công-việc phụ, mà công-việc chính phải là làm sao dùng chữ cho đúng với âm mình muốn phát và ghép chữ cho đúng với văn mình muốn ghép.

Muốn đạt đến cái đúng ấy, không gì bằng bắt-đầu từ chỗ đầu là sự tìm-hiểu các đặc-tính phát-âm của ta. Về sự tìm-hiểu này, người Pháp đã đi trước ta rất nhiều, nhưng vẫn chưa nắm được những nguyên-tắc căn-bản. Vì không hiểu những nguyên-tắc ấy mà cố Cadière đã thốt ra trước ủy-ban cải-cách chữ “ quốc-ngữ ” năm 1902 một câu rất hợp với lời ví “ vung mùa chẻ đất lệch ” của ta : “ Ta không nên buộc cho chữ quốc-ngữ những điểm-khuyết vốn có ở chính ngữ Việt. ”

Nay đúng lúc nước-nhà bước vào một giai-đoạn mới, đến lượt ta nghĩ đến hồn-phận ấy vẫn chưa là muộn. Nhất là với một người Việt tìm-hiểu ngữ Việt, cái ngữ tổ thân-yêu của họ, mà họ nói hàng ngày, mà họ nhận-xét được từ âm-thanh thu qua tai cho đến những cử-động của bộ-quan phát-âm cảm qua óc, chắc-chắn cái kết-quả phải khác.

Chúng tôi xin nhường phần bình-phẩm kết-quả ấy cho bạn-đọc, nhất là các nhà chuyên-môn.

Chúng tôi chỉ biết một điều : gắng góp một phần nhỏ vào công-cuộc kiến-thiết văn-hóa nước-nhà, và được như thế là chúng tôi thỏa-nguyện.

Saigon, ngày 10 tháng 9 năm 1949

LỜI - LỆ

Trước khi vào đề chúng tôi xin bạn-đọc chú-ý đến mấy điều sau đây :

A. — **CÁCH DÙNG TIẾNG.** — Có một số tiếng mà vì óc luận-thuận ta vẫn hay dùng lẫn xin định rõ nghĩa lại để tiện cho sự hiểu-biết :

Âm (son) theo một nghĩa rộng là phần tiếng nào đập vào quan-nghe của ta ; theo một nghĩa hẹp, khi chỉ về lời-nói, là những tiếng do quan-nói của ta phát ra mà ta có-thể gọi là **âm-lời** để đối với **âm-nhạc** hay các âm khác. Môn **học-âm-lời** là môn khảo về âm trong tiếng-nói.

Chữ (lettre, caractère) là một dấu chỉ một âm và không phải là một **tiếng** như người ta vẫn gọi lẫn. Sự nhầm-lẫn ấy có từ khi ta dùng chữ nhỏ trong đó mỗi tiếng là một chữ, khiến cái quan-niệm về **tiếng** và **chữ** không thể phân-tách được rõ-ràng. Nhưng đến khi có chữ “ quốc-ngữ ” ra đời thì hai quan-niệm ấy trái với nhau như đen với trắng. Nếu có khi một **chữ** chỉ được một **tiếng-viết** thì thường-thường một **tiếng-viết** do nhiều chữ lập thành : **âm s** là một **âm** trong **tiếng-nói sách** cũng như **chữ s** là một **chữ** trong **tiếng-viết sách**, hay nói tắt, trong **tiếng sách**.

Vần (sylabe) là một hay nhiều âm cùng phát ra một hơi mà lập thành một tiếng hay một phần tiếng. Ta không nên lẫn **vần** với **vận**, tuy tiếng trước gốc ở tiếng sau mà ta có-thể biệt-nghĩa thành “ sự trở lại của cùng một âm ở cuối hai hay nhiều câu thơ ” (rime). Ngữ Việt là một ngữ ít-vần nên một tiếng thường là một vần, nhưng cũng có nhiều khi có hai vần hay ba vần ghép thành.

Tiếng (mot), hiểu theo âm-thanh, là một âm hay một nhóm âm phát ra mà chỉ một ý nhất-định. Hiểu theo hình-thức, **tiếng** là một chữ hay một nhóm chữ diễn-là một âm ấy. Bởi vậy ta có **tiếng-nói** và **tiếng-viết**. Ngoài ra chúng tôi sẽ phân-biệt trong tiếng Việt, **tiếng nhỏ** là tiếng do âm Tàu

biến thành mà dựa vào một chữ Tàu (hay chữ nho) và *tiếng nôm* là tiếng đã biến ở âm nho hay bất-cứ một âm nào ra : *tiếng nôm* không còn một nghĩa xấu-xa như xưa nữa mà là một tiếng dùng trong học-ngữ.

Ngữ (langue) là tiếng-nói của một giống dân, nghĩa là nói chung các tiếng của giống dân ấy quen-dùng để diễn-đạt ý-nghĩ. **Ngữ** có *ngữ nước*, *ngữ tề* (langue nationale) là thứ ngữ trong một nước đối với người nước ấy, và *ngữ ngoài* (langue étrangère) là thứ ngữ của một nước đối với người nước khác. *Ngữ nước* có-thể chia ra nhiều *ngữ-miền* (dialecte) là những ngữ nói trong từng miền : ngữ Trung, ngữ Nam là những ngữ-miền trong ngữ Việt ; và mỗi ngữ-miền còn có nhiều *ngữ-vùng* (patois).

B. — CÁCH CHUA-ÂM. — Mỗi thứ ngữ khi cần khảo về âm đều nhờ đến những phương-pháp chua-âm riêng và ta không nên lẫn chua-âm với ghi-âm. Ghi-âm tức là diễn-tả cái âm nghe thấy ra mặt giấy : chữ “ quốc-ngữ ” là một cách ghi-âm. Những cách ghi-âm thường ít khi đi-đổi với âm vì sau một thời-gian dài, không kể những sai-nhầm vốn có, âm hay biến mà cách ghi-âm vẫn còn như cũ : người ta cần phải ghi lại âm mới để chua bên cạnh âm cũ đã ghi mà gọi là chua-âm. Lạ như tiếng Pháp chỉ nghĩa “ vua ” xưa đọc là *roy* nên ghi là *roi*, nhưng nay cách đọc khác đi mà phải chua là *rwa* tuy vẫn viết là *roi*.

Phương-pháp chua-âm của chúng tôi căn-cứ vào những nguyên-tắc học-âm-lời mới và tức là cách viết mới mà chúng tôi đề-xướng trong quyển này. Những âm ghi đều in chữ ngà và những âm chua in chữ đậm. Khi lối ghi cũ được xét đến trước thì lối chua mới đề trong khung [] ; trái lại nếu lối chua mới được xét đến trước thì lối ghi cũ đề trong liềm ().

Những thí-dụ về biến âm mà chúng tôi nêu ra không phải đề bàn về một môn học-âm-ngữ mà chỉ cốt đề nêu rõ ích-lợi của cách chua-âm mới trong môn học ấy.

BIỂU-MỤC

Tựa	V-VII
Lời nói đầu	IX-XI
Lời-lệ	XII-XIII
Biểu-mục	XV-XX
Sách trích-dẫn	XXI-XXII
Chữ-tất	XXIII

CHƯƠNG I

Chữ “ quốc-ngữ ”

A. — SỬ CHỮ “ QUỐC-NGŨ ”	1-21
1. — Sự tìm-biết đất Việt	1-4
a) Thời-kỳ các nhà-thám-biễn,	1
b) Thời-kỳ các nhà-buôn	2
c) Thời-kỳ các nhà-truyền-đạo.	3
2. — Sự đặt chữ “ quốc-ngữ ”	4-7
a) Phải chăng là một sản-phẩm Pháp ?	5
b) Phải chăng là một sản-phẩm Bồ-tát-gan ? . .	6
B. — CÁC CHƯƠNG-TRÌNH SỬA-ĐỔI CHỮ “ QUỐC-NGŨ ”	7-21
1. — Chương-trình sửa-đổi năm 1902	9-14
2. — Chương-trình sửa-đổi năm 1906	14
3. — Chương-trình sửa-đổi năm 1928	15-20
a) Cái đích thiết-thực của ông Vĩnh	15
b) Những sửa-đổi về dấu-thanh	16
c) Những sửa-đổi về chữ âm-chính	17
d) Những sửa-đổi về chữ âm-phụ.	18
3. — Giá-trị các chương-trình trên đây	20-21

CHƯƠNG II

Những nhận-xét về âm-thanh

A. — BỘ-QUAN PHÁT-ÂM	22-26
1. — Vị-trí và cử-động	22-24
2. — Những tiếng chuyên-môn cần biết	24-26
B. — SỰ PHÁT-ÂM	26-34
1. — Âm-chính	27-28
a) Âm-trước	27
b) Âm-giữa	»
c) Âm-sau	»
2. — Âm-bán	29
3. — Âm-phụ	29-34
a) Âm-thở	29
b) Âm-rung	»
c) Âm-ép	30
d) Âm-cản	32
e) Âm-cản-ép	32
C. — NHỮNG NGUYÊN-TẮC MỚI VỀ ÂM-THANH.	34-36
1. — Một âm kêu hay mạt theo độ-chạm của các quan phát-âm	31
2. — Một âm chỉ phát-đóng khi độ-khuếch rất hẹp.	»
3. — Một âm mũi phát-mở không bao-giờ chặt.	35
4. — Một âm-chính thường hay ngắn theo độ-chạm của âm-phụ.	»
5. — Khi hai âm-chính đi với nhau thế nào cũng có một âm yếu và âm yếu ấy sẽ thành âm-bán nếu là một âm hẹp.	»
6. — Một âm-bán vì có tính-cách của âm-phụ nên cũng có lỏng chặt và vì có	

- giọng âm-mũi nên cũng khó phát-mở
khi là âm chắt »
7. — Thanh là tính-cách riêng của âm-
chính và bao-giờ cũng thuộc vào âm-
chính mạnh nhất trong tiếng . . . »
- D. — CHỮ “QUỐC-NGŨ” TRƯỚC NHỮNG NGUYÊN-
TẮC ẤY. **36-41**
1. — Những điều nhận thấy 36-39
- a) Trong ghi-âm. 36
- b) Trong ghép âm 37
- c) Trong chưa thanh 39
2. — Những điều luận ra 39-41
- a) Chữ rôma qua quan-niệm về chữ của
người Pháp 40
- b) Âm Việt qua quan-niệm về âm của
người Pháp »

CHƯƠNG III

Chương-trình sửa-đổi cách ghi âm-thanh

- A. — SỬA-ĐỔI BẢN-CHỮ **42-59**
1. — Những chữ thừa phải bỏ : ă, â, oo, ôô 43
2. — Những chữ không tiện phải thay . . 43-48
- a) **Â** thay cho *ơ* 44
- b) **Y** thay cho *í* bán lỏng »
- c) **W** thay cho *u, o* bán lỏng 45
- d) **D** thay cho *d*. »
- e) **K** thay cho *c, q*. 46
- f) **Z** thay cho *d*. »
- g) **F** thay cho *ph* »
- h) **J** thay cho *gi* 47
- i) **S** thay cho *x* và ngược lại »
- j) **Nz** thay cho *nh* đầu 48
3. — Những chữ dùng lộn phải sắp lại . . 49-51
- a) **B, p** phải dùng vào chỗ riêng của **p** cuối 49

XVIII

b) D, t phải dùng vào chỗ riêng của t cuối	50
c) G, k phải dùng vào chỗ riêng của c , <i>ch</i> cuối	»
d) Ng, nk phải dùng vào chỗ riêng của ng , <i>nh</i> cuối	51
4. — Những chữ thiếu phải tạo thêm . . .	51-55
a) Ỡ phải tạo thêm để đi-đôi với <i>y</i> . . .	52
b) Ỡ phải tạo thêm để đi-đôi với <i>w</i> . . .	53
c) Ỡ phải tạo thêm để đi-đôi với <i>m</i> . . .	54
d) Ỡ phải tạo thêm để đi-đôi với <i>n</i> . . .	»
5. — Những chữ ghép phải thu lại thành đơn	55-59
a) C thay cho <i>lr</i>	57
b) Ç thay cho <i>ch</i>	»
c) ñ thay cho <i>nz</i>	58
d) ņ thay cho <i>ng</i>	»
e) ņ thay cho <i>nh</i>	59
B. — SỬA-ĐỔI BẢN DẤU-THANH.	59-64
1. — Cách ghi thanh của Tầu	60-63
a) Về thanh âm	60
b) Về thanh dương	61
c) Về thanh thượng	62
d) Về thanh khứ	»
2. — Cách sửa dấu-thanh của ta	63-64
a) Để dấu sang bên chữ.	63
b) Để dấu xuống dưới chữ.	64
CHƯƠNG IV	
Chương-trình sửa-đổi cách ghép âm-thanh	
A. — VỀ ÂM	65-74
1. — Tên chữ	65-66
a) Những sai-nhầm về cách gọi tên chữ .	65

b) Cách đặt tên mới	66
c) Những ích-lợi của cách gọi tên này.	68
2. — Thứ-tự chữ	69-72
a) Cách xếp chữ.	69
b) Sự ích-lợi của cách này	71
3. — Bản-kê các chữ viết.	72-73
B. — VỀ THANH	74-77
1. — Tên thanh	74-75
2. — Thứ-tự thanh	75-77
3. — Bản-kê các dấu-thanh	77
C. — VỀ VĂN	78-85
1. — Tên các loại văn.	78-79
a) Các loại văn theo chỗ đứng của âm.	78
b) Các loại văn theo số âm	79
2. — Thứ-tự các văn	79-82
a) Văn-chính	79
b) Văn-ban	80
c) Văn-phụ	»
3. — Cách đánh-văn.	83
a) Ghép âm	83
b) Ghép thanh	85

CHƯƠNG V

Giá-rị cuộc sửa-đổi này

A. — GIÁ-TRỊ KHOA-HỌC : SỰ KHẢO ÂM BẮC-NAM	86-91
1. — Những biến-đổi về điểm-phát	88-89
a) Âm-gan-lợi d, t, n, ñ	88
b) Âm-màng-của g, k, q, ã	89
2. — Những biến-đổi về độ-chạm	89
a) Âm-môi b, p, m, ã	90
b) Âm-gan-lợi d, t, n, ñ	»
c) Âm-màng-của g, k, q, ã	»

B. — GIÁ-TRỊ HỌC-VẤN : SỰ TRA VI-TIẾNG . . .	91-94
1. — Mẫu A	92
2. — Mẫu I	»
4. — Mẫu W	93
4. — Mẫu T	»
C. — GIÁ-TRỊ THỰC-HÀNH	94-96
1. — Trong sự viết	94
2. — Trong sự đánh máy.	95
3. — Trong sự in	»
4. — Trong sự đánh tin-điện	96
D. — GIÁ-TRỊ TIÊU-BIỂU.	96-100
1. — Cách dùng địa-phương.	97-98
2. — Cách dùng quốc-tế	98-100

CHƯƠNG VI

Đề đưa cuộc sửa-đổi này đến thực-hành

A. — VIỆC SỬA-SOẠN	101-112
1. — Phép viết-đúng	101-103
a) Cách viết chữ	101
b) Cách ghép tiếng	103
2. — Phép đọc-đúng.	103-112
a) Vận có γ đối với γ̣	104
b) Vận có w đối với ẉ	105
c) Vận có n đối với ṇ	106
d) Vận có η đối với η̣	107
e) Thi-dụ chung cho các vận.	108
B. — VIỆC KHUYẾN-KHÍCH.	112-115
1. — Về mặt văn-hóa	112-113
2. — Về mặt kinh-tế	113-114
3. — Về mặt chính-trị	114-115
Lời-kết.	116-118
Biểu-dẫn	119-125

SÁCH TRÍCH-DẪN

Cải-cách chữ Việt *

- Aymonier — *Nos transcriptions* Saigòn 1886.
 Nguyễn công Hoà — *Projet de nouvel alphabet annamite*.
 Saigòn 1907.
 Congrès international des études d'Extrême-Orient — *Compte-rendu*. BEFEO, t. III tr. 126-127.
 L. Cadière — *La question du quốc-ngữ*. REVUE INDOCHINOISE 1904. Nửa năm đầu : tr. 585, 700, 872 ;
 nửa năm cuối : tr. 58.
 Tây-Zương — *Quốc ngữ mới*. AVENIR DU TONKIN.
 Phụ-trương ngày 3, 7, 10, 14, 28-12-1928.
 Vi huyền Đắc — *Việt-tự*.
 Phạm xuân Thái — *Việt-ngữ cải-cách*. Saigòn 1948.

Khảo-cứu ngữ Việt **

- A. Chéron — *Cours de langue annamite*, Hà-nội 1904.
 — *Notes sur les Mường de la province de Sơn-tây*.
 BEFEO, t. V. Hà-nội 1905.
 — *Notes sur les dialectes Nguồn, Sác et Mường*.
 BEFEO, t. VII. Hà-nội 1907.
 L. Cadière — *Le dialecte du Bas-Annam. Esquisse de phonétique*. BEFEO, t. XI, tr. 67-110. Hà-nội 1911.
 H. Maspéro — *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite*. BEFEO, t. XII. Hà-nội 1912.
 — *Le dialecte de Tchang-ngan sous les T'ang*.
 BEFEO, t. XX. Hà-nội 1920.

* Không kể các bài báo rất nhiều gần đây.

** Không kể những sách Anh, Pháp đã dùng để khảo về học-âm-lời hay những thiên khảo-cứu không nói đến trong quyển này.

A. G. Haudricourt và A. Martinet — *Propagation phonétique ou évolution phonologique ? Assourdissement et sonorisation d'occlusives dans l'Asie du Sud-Est*. BSL, t. XL. Paris 1947.

Lê văn Ngu — *Lược-khảo Việt-ngữ*. Qui-nhơn 1942.

Trần trọng Kim, Phạm duy Khiêm và Bùi Kỷ — *Việt-nam văn-phạm*. Hà-nội 1940.

Khảo về đất Việt

Ch. Gosselin — *L'empire d'Annam*. Paris 1904.

Ch. Maybon — *Histoire moderne du pays d'Annam*.

E. Teston và M. Percheron — *Indochine moderne*.

L. Auroousseau — *Sur le nom de Cochinchine*. BEFEO, t. XXIV. tr. 563-579. Hà-nội 1925.

L. Fournereau — *Le Siam ancien*. (ANNALES DU MUSÉE GUIMET).

Vị-tiếng

Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum. — A. de Rhodes. Rôma 1651.

Việt-nam quốc-âm tự-vị — Huỳnh-tĩnh P. Cửa. Sài-gòn 1896.

Việt-nam tự-điền — Hội Khai-trí tiến-đức. Hà-nội 1931.

Pháp-Việt tự-điền — Đào duy Anh. Huế 1936.

Dictionnaire Français-Siamois — M. F. Lunet de Lajonquière. Paris 1904.

Index des caractères chinois contenus dans le dictionnaire Chinois-Anglais de Williams — Phan đức Hòa. Sài-gòn 1886.

Dictionnaire Chinois-Français — P. S. Couvreur S. J. Ho kien Fou 1890.

Vương-vân ngữ đại từ-điền 王雲五大辭典. Thượng-hải 1941.

Từ-nguyên 辭源. Thượng-hải 1941.

CHỮ - TẮT

BEFEO	Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient
VNTD	Việt-nam tự-diễn Hội Khai-trí tiến-dức
BSL	Bulletin de la Société de Linguistique de Paris
cch.	cùng chỗ
xch.	xem chỗ
lch.	lời-chua
tr.	trang
t.	tập

CHƯƠNG I

CHỮ “QUỐC-NGŨ”

Quốc-ngữ là “ngữ nước” và *chữ quốc-ngữ* là “chữ ngữ nước” có thể thối và ai cũng có-thể hiểu được là thế.

Nhưng gọi thứ chữ rôma mà ta hiện nay đang dùng là chữ “quốc-ngữ” thì không biết thứ chữ nôm các cụ ngày xưa vẫn dùng là chữ “ngoại-ngữ” chẳng, trong khi cả hai thứ chữ cùng là chữ mượn, một dâng của Tây, một dâng của Tàu. Thật thì tiếng ấy đặt ra cốt để cho người học chú-ý đến buổi đầu và để phân-biệt với chữ nôm trong sự viết-lách. Bây-giờ chữ “quốc-ngữ” đã hoàn-toàn là của ta, đã là một cách duy-nhất để diễn-tả âm-thanh ta, lời-ý ta, tượng cái tên ấy nên bỏ mà gọi là *chữ Việt*, cũng như *tiếng Việt* là tiếng của ta, *ngữ Việt* là ngữ của ta.

1 A. — SỬ CHỮ “QUỐC-NGŨ”. — Kể về chữ “quốc-ngữ”, sử nó rất mập-mờ vì tới nay các nhà khảo-sử vẫn chưa quyết-định được là ai đã đặt ra nó và cái ý-kiến thông-thường vẫn là các cố-đạo người Poóctugan¹ đã đem nó đến nước ta đầu tiên. Ta hãy xem ý-kiến ấy ra sao, và nếu sự-thực đã rõ rằng chữ ấy là chữ rôma do người phương Tây đem lại, thì tưởng trước hết ta cũng nên biết sự làm quen với đất Việt của họ có từ đời nào, và ra làm sao, để đưa đến sự chế-đặt ra chữ “quốc-ngữ”.

2 I. — Sự tìm biết đất Việt. — Sự tìm biết này có thể chia ra làm ba thời-kỳ : thời-kỳ các nhà-thám-hiềm, thời-kỳ các nhà-buôn, thời-kỳ các nhà-giảng-đạo.

a) *Thời-kỳ các nhà-thám-hiềm.* — Theo những tài-liệu người ta thu-thập được đến bây-giờ thì đất Việt xưa mãi đến thế-kỷ XII mới có người phương Tây nói đến một cách hơi rõ-ràng. Đó là Marco Polo, một nhà du-lịch người Italya²

¹ Tiếng dịch-âm của *Portugal*. So-sánh với Bồ-đào-nha. Chính phải chưa là Poóctugan, mà đây chỉ là chưa tìm.

² Tiếng dịch-âm của *Italia (Italie)*. So-sánh với Ý-đại-lý (lợi).

đã đặt cho nước ta cái tên là *Caugiga* trong đó ta nhận thấy ba tiếng *Giao-chi-quốc* là tên người Tàu dùng để gọi nước ta từ lâu.

Tiếp đến đầu thế-kỷ XIV, trong quyển *Sử Mông-cổ*, một người Iran ³ là Rasid-ad-din cũng có chưa tên *Kafchekuo*.

Nhưng từ năm 1497, sau khi người Bồ-tugal Vasco de Gama tìm ra mũi-đất Hảo-vọng ngày 22 tháng 11, những người kế-chân ông lần-lượt tiến vào Ấn-độ, chiếm lấy Malacca năm 1511 và đến Canton năm 1511 mà mở-đường cho sự hiểu-biết và xâm-lược các xứ ở Viễn-dông.

3 b) Thời-kỳ các nhà-buôn. — Sự hiểu-biết ấy đối với đất Việt có lẽ chậm hơn cả và bắt-đầu từ đất Bắc của nhà Trịnh mà người Tây đã gọi bằng nhiều tên hơi khác nhau.

Theo L. Auronsseau, những tên ấy như sau này: *China-cochim*, trong bức địa-đồ của người Italya Albert Contino năm 1502; *Chanacochim*, trong bức địa-đồ của người Italya khác là Nicolo de Canerio năm 1503; *Quachymchina*, trong một lá thư của Jorge de Albuquerque gởi cho vua Bồ-tugal năm 1515 vv... ⁴

Ngoài ra L. Fournereau còn cho ta biết một số địa-đồ có giá-trị lịch-sử đáng kể: bức địa-đồ của anh em Van Lagran năm 1595 còn chưa tên đất Bắc là *Cauchinchina*; của J. Bon-dius trong bản in năm 1613 chưa là *Cochinchina*; của Pieter Goos năm 1666 đã chưa đất Bắc là *Gan-nan* và đất Trung là *Couchinchina*. Cho đến bức địa-đồ của cố Placide vào khoảng năm 1683 thì cho ta những tên: *Tonquin* để chỉ đất Bắc, *Cochinchine* để chỉ đất Trung, và đặc-biệt nhất

³ Tiếng dịch-âm của Iran (*Persé*). So-sánh với *Ba-lu*.

⁴ *Sur le nom de Cochinchine*, BEFEO, t. XXIV, tr. 563.

là *Golfe de Cochinchine* để chỉ vịnh Việt-Bắc mà sau này người ta gọi là *Golfe du Tonkin* ⁵.

Vậy những tên ấy tỏ rằng người Tây biết đất Bắc trước, và chỉ sau khi ông Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa (Quảng-bình, Quảng-trị và Thừa-thiên) năm 1558, tiếng *Cochinchine* mới bắt-dầu nói lan đến miền Trung để sau này, khi miền Bắc đã có tên *Tonkin* (Đông-kinh), miền Trung đã có tên *Annam* (An-nam), người Pháp sẽ dùng riêng tiếng ấy để gọi miền Nam.

Trong các nhà-buôn đến đất Việt, người Poóctugan đến nhiều và được dân ta tin-cậy hơn cả. Sự buôn-bán của họ được phồn-thịnh nhất là sau khi có cuộc Nam-Bắc phân-tranh mà đất nhà Trịnh và nhà Nguyễn đã tách ra, lấy sông Gianh làm giới-hạn : cửa Phố (Faifo) ở Trung và Phố Hiến ở Bắc là chỗ qua lại luôn-luôn của họ. Trong sự qua lại ấy, các nhà-buôn Poóctugan thế nào cũng có học ngữ Việt để tiện cho sự trao-đổi và ghi-chép những điều mắt thấy tai nghe.

4 c. — Thời-kỳ các nhà-truyền-đạo. — Trái lại, không như với các nhà-buôn, miền Trung bình như mới chính là đất các nhà-truyền-đạo đến trước nhất.

Năm 1593 một cố-đạo người Poóctugan là Diego Aduarte đến đất nhà Nguyễn và ở đây ba năm.

Ngày 18-1-1615, một cố-đạo người Italya là Busomi đến Cửa Hàn (Tourane) và ở lại Quảng-nam đến năm 1639.

Ba năm sau, tức là năm 1618, một cố-đạo người Italya khác là Cristoforo Borri cũng tới và có viết một thiên ký-sự về đất nhà Nguyễn ⁶. Nhưng theo thiên ký-sự ấy ta không thấy đả-động gì đến ngữ Việt và nhân đó ta dự-đoán rằng người Italya không chú-ý gì về mặt ấy.

⁵ *Le Siam ancien.*

⁶ Ch. Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam*, tr. 30.

Cho đến đầu năm 1625, một cố-đạo người Pháp bắt-đầu đến đất nhà Nguyễn : đó là cố Alexandre de Rhodes.

Trong lúc đó, ở đất nhà Trịnh, một cố-đạo người Italya tên là Baldinotti là người đến trước nhất và ở đây từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1626 rồi trở về Macao, sau khi chưa đặt một nền-móng gì cho việc truyền-đạo, phần vì không biết rõ tiếng-nói trong xứ, phần vì gặp sự nghi-ngờ của nhà Trịnh.

Bởi vậy Bề-trên trong giáo-hội mới phái cố de Rhodes ra Bắc sắp-đặt việc truyền-đạo. Cố ở đây hơn ba năm (tháng 3 năm 1627 đến tháng 5 năm 1630) rồi bị trục khỏi đất Bắc mà trở về Macao.

5 2. — Sự đặt chữ “ quốc-ngữ ”. — Cố de Rhodes là một người rất chú-ý đến cách ăn-nói trong xứ nên, theo Ch. Maybon, mới đến đất này, cố chăm-chỉ học ngữ Việt ngay và trong vòng sáu tháng đã « giảng-đạo cho người trong xứ bằng tiếng của họ được »⁷.

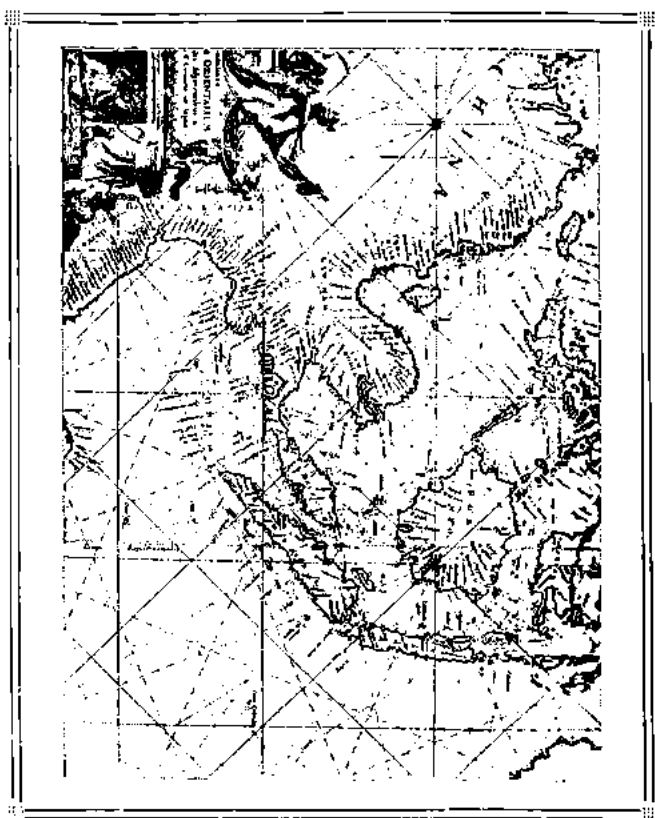
Vậy trong hơn bảy năm trời ở Bắc và ở Trung, cố de Rhodes đã tìm cách hiểu-biết người Việt, từ sử Việt đến ngữ Việt. Nhờ đó, ngoài nhiều sách nói về đất Việt, cố cho xuất-bản được, ở thành Rôma⁸ nước Italya năm 1651, một quyển cương-yếu giáo-lý Latin-Việt cho dân đạo dùng và một quyển vị-tiếng Việt Poctugan-Latin⁹ cho các nhà-giảng-lạo dùng.

Chính quyển vị-tiếng sau này đã mở-đường cho sự học ngữ Việt bằng chữ rôma của ta, nhưng một câu-hỏi bắt ta phải suy-ngĩ : thứ chữ trong quyển ấy ai đã đặt ra trước nhất ? Về vấn-đề này tài-liệu còn quá hiếm và ta chỉ có-thể suy-luận mà ra thôi.

⁷ Cch.

⁸ Tiếng dịch-hán của Roma (Rome). So-sánh với La-mã.

⁹ *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*.



Đất Việt giữa thế-kỷ XVII

(Mặt bức đồ của Pieter Goos, 1666).

Theo bức đồ này, đất Việt mới lan đến miền Trung bây-giờ có tên là Cochinchina trong khi miền Bắc là Gan-nan, Miền Nam chỉ là kết-quả của bao-nhiều cố-gắng của tổ-tiên ta về sau này, và phải chăng đó là một cái gương sáng cho những ai còn giữ óc địa-phương soi vào !

tlon, vide blon.

tlon : *liso*, *esforregadio* : lauis, e. lubricus, 2, vm. alij eron. cũ tlon : *periodo redondo* : rotunda periodus. thou, idem.

tlon con mắt lén : *regalar os olhos, pôlos em aluo*. aç. tolere oculos, vel ita aperire vt albugo appareat. tlon tlao con mắt lén : *com medo por os olhos em aluo* : aperire oculos prout timore ita vt albugo appareat.

tlóp bảnh, cá : *requeritar apas, peixe* : recalcare placentas, piscem &c. alij tróp, at de oriza dicitur, rang com.

tlót, vide blót.

tlót : *esforregar* dilabor, tris. tlót chân : *esforregar os pés* : falli pedem in lubrico. trót, idem.

tlóu : *esperar* : expecto, as. confido, is. tlóu thầy đén : *espero ao mestre que vem* : expecto magistrum aduenturum. tlóu cây ngưỡ : *confiar em alguém* : sperare in aliquem. tróu, idem.

tlóu : *sambor* : tympanum, i. đánh tlóu : *tocar o sambor* :

tympanum pulsare. glóu tlóu, idem. tlóu cái : *sambor redondo* : tympanum rotundum.

tlóu : *vigia* : vigilia, 2. no. Item autem diuidunt in quinque vigilias. tlóu một : *a primeira vigia* : vigilia prima. tlóu hai : *a segunda* : vigilia secunda, &c sic de alijs.

tlóu, no-i tlóu : *lugar de uao* : peruius patensque omnibus locus. nhà tlóu thà : *caza aberta ao vento, ladroes* &c. : peruia vento patensque latronibus domus. tróu trái, idem. thuyền tlóu gió : *embarcação aberta ao vento sem ter aonde se abrigar* : patens omnibus ventis cymba, si ne loco aprico aut proteo.

tlúa : *pollo meyo dia* : hora circa meridiem. tlúa sê đén : *chegarei pollo meyo dia* : meridiem hora circiter adueniam. đầ tlúa : *già he tarde* : tarda iam hora est, loquendo scilicet à matutino tempore vsque ad meridiem, nam à meridie ad vespem dicitur, đầ tlúa : *jà he tarde* : hora iam tarda est, à vespere vero vsque ad mediam no.

Chữ “quốc-ngữ” giữa thế-kỷ XVII

(Mặt trong quyển vị-tiêng của cổ de Rhodes, 1651).

Ta nhận thấy, ngoài những cách nói đặc-biệt : *blon*, *tlon* (= *trộn*), *tlon* (= *trộn*), *tlót chân* (= *trợt, trượt chân*), những cách ghép âm cũng khác : *tlóu* (= *trông*) *tlóu* (= *trông*), vv.

Ngữ-Việt đã biến-dời bao-nhiêu trong ba thế-kỷ !

6 a) *Phải chăng là một sản-phẩm Pháp ?* Một số người Pháp muốn giành lấy công đầu ấy đã tìm cách bác cái thuyết rằng các người đầu tiên đặt ra chữ “ quốc-ngữ ” là các cố-đạo người Poóctugan. Ch. Maybon bàn về thuyết ấy có nói : “ Không phải là không thể được rằng ý-kiến ấy phải đặt vào số những nhầm-lẫn đã được thừa-nhận mà không có kiểm-soát ở miền Đông-dương. Thực thế, ý-kiến ấy dựa nhất vào điều rằng phương-pháp chuyển viết “ quốc-ngữ ” qui cho vài nhóm cái giá-trị mà nó có trong ngữ Poóctugan, Nhưng người ta biết rằng ngữ Poóctugan là thứ ngữ buôn-bán thông-dụng từ thế-kỷ XVII trong sự giao-dịch giữa người Việt và người Âu ; ngữ ấy được dùng không những bởi các người thông-dịch, mà còn bởi những người truyền-đạo, những người Poóctugan, điều đó khỏi phải nói, và cả những người Etpánha¹⁰, Itália hay Pháp. Vậy không có gì là lạ nếu có ảnh-hưởng của ngữ Poóctugan trong sự cấu-tạo chữ « quốc-ngữ ».

Ông lại viện cớ thêm rằng : “ Khi nhà in châu Âu (về loại này là những máy-in của ban truyền-bá mà nhà-in nhiều-ngữ đã được Urban VIII lập lên năm 1627) cho đúc lần đầu-tiên những chữ “ quốc-ngữ ”, đó là nhân dịp những tác-phẩm của một nhà-truyền-đạo người Pháp ”.

Rồi vẫn lời ông : “ Theo một bản thông-tri cho ủy-ban Khảo-cổ Đông-dương (buổi họp ngày 15-2-1912, tờ-trình của ủy-ban năm 1912, tr. 113), cố Cadière cho biết rằng những tài-liệu mà cố đã lục tìm ở Viện-sách Tòa-thánh đã khiến cố nhận thấy được một cách chắc-chắn rằng phương-pháp chuyển-viết gọi là “ quốc-ngữ ” mà người ta thích qui bần cho các nhà-truyền-đạo Poóctugan, trong trạng-huống hiện nay của nó, chính là một công-nghiệp Pháp, công-nghiệp của giám-mục d'Adran ”¹¹.

10 Tiếng dịch-âm của *España* (*Espagne*). So-sánh với *Tây-ban-nhà*.

11 *Histoire moderne du pays d'Annam*, tr. 36, lch. 3-4.

7 b) *Phải chăng là một sản-phẩm Poóctugan ?* Thật ra chúng ta không có cái may được xem những tài-liệu qui-hóa kia của cổ Cadière, nhưng có một tài-liệu rõ-ràng nhất ở ngay trước mắt ta là tính-cách thứ chữ ta đang dùng. Thứ chữ ấy phần-nhiều, ta không nói là cả, — vì những sửa-dổi không sao tránh được, — đều có giá trị những chữ Poóctugan.

Huống chi, chính cổ de Rhodes, trong lời-lệ ở đầu sách, đã nói rằng có dùng hai quyền vị-tiếng của hai nhà-truyền-đạo Poóctugan làm tài-liệu: quyền Việt-Poóctugan của Gaspar de Amaral và quyền Poóctugan-Việt của Antoine Barbosa. Nếu cần nói thêm, ta có-thể kể về thời ấy rằng một cổ-đạo Poóctugan khác là Ferreira cũng soạn được một quyền vị-tiếng Poóctugan-Việt mà nay hình như không còn nữa ¹².

Như vậy ta thấy rằng khi người Pháp bắt-tay vào việc soạn vị-tiếng, ở đất Việt đã có hai quyền khác do người Poóctugan in ra rồi, không kể một quyền thứ ba cũng ra cùng lúc với quyền người Pháp. Dù Ch. Maybon có muốn dựa vào chỗ « hai cổ kia đến đất Việt nhiều năm sau cổ Rhodes, trong khi cổ này đã biết rõ thứ tiếng bản-xứ mà cổ vẫn dùng để giảng đạo » thì những kinh-nghiệm của những cổ Poóctugan trước bỏ đầu ? Xét ra các cổ-đạo đến đầu-tiên là người Poóctugan từ năm 1593, rồi tới người Italya, rồi mới tới người Pháp từ năm 1625. Trong khoảng cách 32 năm ấy, không có lý gì mà những cổ-đạo đến trước, vốn là những người cần-cù, có nhiều thi-giờ tìm-hiệu, có nhiều dịp giao-thiệp với dân trong xứ, lại chuyên việc dò-xét, không những cho đạo mà cho nhiều mặt khác, bỏ qua được cái yếu-lố của mọi sự hành-động là nói được ngữ trong xứ và diễn-đạt ngữ ấy ra, nếu ngữ ấy chưa được diễn-đạt, hay cách diễn-đạt chưa hợp

¹² Ch., tr. 39.

với họ. Ba cổ Poóctugan sau này chỉ là tiếp-tục công-việc các cổ trước, cũng như cổ de Rhodes đã tiếp-tục công-việc các cổ ấy.

Vậy theo lẽ-phải mà nói, chữ « quốc-ngũ » có-lẽ do người Poóctugan đặt ra trước nhất, nhưng dưới một hình-thức khác với chữ bây-giờ. Dù sao không vì thế mà cái công của cổ de Rhodes hay nếu muốn, cả cổ d'Adran, đối với nền học ta giảm đi chút nào : nếu không đặt ra được, thì hai vị sau đây cũng đã sửa-chữa, dân-xếp cho đầy-đủ hơn, khéo-léo hơn, mà mở-đường cho những quyền vị-tiếng sau này.

8 B. — CÁC CHƯƠNG-TRÌNH SỬA-ĐỔI CHỮ “ QUỐC-NGŨ ». — Nhưng đó là cái công. Còn cái giá-trị ? Ta không được biết phương-pháp gốc của người Poóctugan trong sự ghép vần Việt ra sao, nhưng đối với quyền vị-tiếng của cổ de Rhodes người Pháp này, L. Finot đã không tiếc lời ca-tụng : « Quyền vị-tiếng ấy vẫn là nền-tảng cho các công-cuộc về sau, những-công cuộc chỉ bổ-túc cho nó và có khi làm hư-hỏng nó. Những người biết-của tìm được ở nó một năng-xét rất tinh-túy về học-âm-ngũ và sự tai-tính của một cách ch. yền-viết tới nay đã thách-đố mọi sự công-kích ¹³.

Lời khen-ngợi ấy có quá-dáng hay không, ta có-thể tìm-xét được ở những trang dưới đây và ở những thiên chuyên-khảo về âm-thanh Việt sau này của chúng tôi. Riêng lúc này chúng tôi tưởng nên dẫn ý-kiến của một hội-viên khác cũng như L. Finot, của viện Bác-cổ, A. Chéon, trong một bài khảo cứu về ngữ Mường ở tỉnh Sơn-tây :

“ Cuộc nghiên-cứu này trước hết là thuộc loại học-ngữ và dung-hàm những so-sánh về bản-tiếng, nên chúng tôi tưởng không phải theo phương-pháp hiện nay của chữ « quốc-ngũ » trong sự chuyển-viết, dù là những ngữ miền Mường, dù là cả ngữ Việt. Phương-pháp ấy, thực thế, chưa

những cái bất-thường mà trong một công-việc thuộc loại này, sẽ có cái nguy là làm cho sai-lạc các kết-quả. Cái phương-pháp mà chúng tôi theo thì căn-cứ vào phương-pháp đã được sắp-đặt bởi Hội-ngị Hà-nội năm 1902 (cui Premier Congrès des Études d'Extrême-Orient, tr. 126-127), nghĩa là vừa lấy ngay những phương-pháp của cách viết thường làm nền-lảng, nó chỉ loại bớt **những cái bất-thường và những cái kỳ-quái** mà làm cho nó hợp-lẽ với nó ” ¹⁴.

Lời nói của A. Chéron đã làm quả cân thăng-bằng đối với lời ca-lung của L. Finot : dù ta muốn coi nó là của một nhà khảo-cứu xét một bản-chữ về mặt khảo-cứu và cho những dịch khảo-cứu, lời ấy vẫn chưa một sự-thật rõ-ràng về giá-trị tổng-quát của chữ « quốc ngữ », không ai chối-cãi được. Mà về mặt giá-trị ấy, ông Lê văn Nụ đã bàn một cách rất phải rằng :

“ Chữ quốc-ngữ của ta ra đời đã ba trăm năm nay, những người sáng-chế ra nó vị-tất đã nghiên-cứu được tường-tận những đặc-tính của tiếng ta về âm, vận và thanh. Ngay từ buổi đầu nó đã trải qua vài phen sửa-đổi — những người thực-hành cải-cách có-lẽ là hai ông A. de Rhodes và Evêque d'Adran — mới chính-đốn được đến ngày nay, thì không lẽ gì quyết-định được rằng từ nay về sau nó không phải sửa-đổi nữa cho đến ngày hoàn-thiện. Song nói cho công-bằng thì hiện giờ những thí-nghiệm cải-cách chữ quốc-ngữ vẫn chưa thành-thực. Lỗi ấy không phải hoàn-toàn tự những kẻ đề-xương cải-cách. Chữ quốc-ngữ của ta dùng chữ cái La-mã để phiên-âm, những phạm-vi phát-âm của tiếng ta rất rộng, không thể dung ở trong chữ cái La-mã. Vậy chúng ta có thể nói rằng : trừ phi đặt thêm chữ mới để bổ-khuyết vào, chữ quốc-ngữ của ta không bao giờ hoàn-toàn được ” ¹⁵.

¹⁴ *Notes sur les Mœurs de la province de Son-tây*. BEFEO, t. 7, tr. 328, lch. 4. Những tiếng đề đậm là tự ý chúng tôi.

¹⁵ *Lược-khảo Việt-ngữ*, tr. 58.

Vậy chữ « quốc-ngũ » của cổ de Rhodes vẫn còn nhiều điểm kém và chúng-có là từ đầu thế-kỷ XX đã mấy lần người ta tìm cách sửa-đổi nó. Ta có-thể kể ba chương-trình sửa-đổi quan-trọng nhất về những năm 1902, 1905 và 1928.

9 1. — Chương-trình sửa-đổi năm 1902. — Năm 1902, ở Hội-nghị Khảo-cứu Viễn-dông, người ta lập ra một ủy-ban xét về việc sửa-đổi chữ « quốc-ngũ » có ông Chéron làm chủ-tịch và các hội-viên là các ông Bahonneau, Finot, Gérini, Hoàng trọng Phu, Pelliot, Simonin. Ủy-ban ấy họp ngày 6 tháng 12 và đến ngày 8 tháng 12, ở buổi họp toàn-thể giải-tán, người ta đề ra lời-nguyện rằng phương-pháp chuẩn-y hội ủy-ban phải được chạnh-phủ Toàn-quyền thừa-nhận.

Tờ phúc-trình của ủy-ban cho ta biết về đại-cương những sửa-đổi như sau đây :

10 “ Những nhân-viên Ủy-ban đã thỏa-thuận về sự cần phải dựa theo ba nguyên-tắc sau đây trong công-việc họ ” :

1° Người ta phải gắng cho mỗi chữ một giá-trị thời, và bao-giờ cũng diễn-lã cùng một âm bằng cùng một chữ. Vậy ta phải bỏ cách dùng g đầu hoặc trong gang, hoặc trong gi, vì hai chữ đầu ấy phát-âm khác nhau, và ta cũng phải ghi bằng cùng một chữ âm đầu của ca và ke, vì hai cách viết ấy chỉ ứng với cùng một âm.

2° Những cách ghi-âm dùng cho ngữ Việt nên gần với các cách dùng cho các ngữ khác.

3° Vì còn một số sách, mà vài quyển rất tốt, đã xuất-bản bằng lối ghi-âm cũ, ta nên chỉ nghĩ đến những sửa-đổi do hai nguyên-tắc trên bắt phải có.

11 “ Sự diễn-lã các âm-chính đã được coi là thoả-đáng ; xét cho cùng, sửa-đổi hẳn về mặt ấy không có cái lợi gì đáng kể. Tuy vậy Ủy-ban nghĩ rằng dấu-mũ trên đ, trong

chữ âm-chính ấy, có một giá-trị khác hẳn trong *ô* và *ê*¹⁶ nên thay *á* bằng *a'* có râu thì hơn. Ủy-ban cũng nghĩ rằng ta phải bỏ hẳn thói-quen mà vài tác-giả vẫn có, trái với phương-pháp cổ de Rhodes, là thay *y* vào *i* trong vài cái (*ky*, *ly*, *my* trong địa-đồ), mà không có gì chứng-nhinh được. Vấn-đề đúng *u* trong những tiếng như *nguyễn*, *thuyết*, sẽ dành lại cho đến khi bàn rõ hơn ”.

12 “ Về các âm-phụ, Ủy-ban đề-nghị những sửa-đổi như sau này :

1° *c*^v (hay nếu không thì *c*) sẽ có giá-trị của *ch* hiện nay. Âm *ch* hiện nay vốn gần âm-của mặt mà các nhà-học-ngữ, thường chuyển-viết bằng *c*^v (hay *c*) ; ngoài ra đó lại còn là một âm-cản không thở, và Ủy-ban dành *h* cho riêng những cái mà chữ ấy chỉ một âm-thở. Sau cùng, chữ *c* hiện nay quen-dùng trong những tiếng như *ca*, mà nó có cùng một giá-trị của *k* trong *ke*, sẽ bỏ mà thay bằng *k* ; vậy người ta sẽ viết *ká*, *cợ*, *khác*.

2° *d* không ngang sẽ có giá-trị thường của *d* Pháp, hiện nay chỉ bằng *đ* có ngang. Âm hiện nay do *d* chỉ sẽ có *z* chỉ.

3° *g* sẽ giữ mãi giá-trị âm-họng không thở, dù trước *i* : vậy người ta sẽ viết *ge* mà không viết *ghe*, *gi* mà không viết *ghi* còn *gi* hiện nay dùng để chỉ âm-của kêu ứng với *c* (vốn là *ch*) mặt, chữ ấy sẽ thay bằng *j* ; người ta sẽ viết *já* mà không viết *giá*.

4° *h* vốn bao giờ cũng có giá-trị một âm-thở, sẽ biến khỏi *ghe* từ nay viết là *ge* ; *chợ* viết là *cợ* ; *khách* viết

¹⁶ Một cái nhầm : *ô* là dấu giọng ngắn của *ơ*, một âm cùng loại “trung” với *ô*, *ê*, tuy hai âm này không có dấu riêng để phân-biệt ngắn, dài.

là *khác*¹⁷; *nhà* viết là *ñà*; trái lại ta sẽ dùng nó trong *phép* vì *ph* đầu còn một giọng thờ nhẹ mà không phải là *f*¹⁸.

5° *g* sẽ thay *gi* (âm-của *kêu*); thí-dụ: *jả* vào chỗ *giả*.

6° *k* vẫn giữ việc cũ và thay *c* hiện nay khi *c* ấy có giá-trị của *k*; vậy *ká* sẽ thay cho *cá*.

7° *nh* hiện nay, ở đầu hay ở cuối, chỉ riêng một âm mà không thờ, sẽ chuyển-viết bằng *ñ*: *ñà* mà không phải *nhà*, *báñ*¹⁹ mà không phải *bánh*.

8° *ph* sẽ vẫn dùng vì âm mà nó chỉ không lẫn là âm-môi-răng chưa trong chữ Pháp bằng *f*, mà còn giữ lại vài giọng thờ.

9° *q* không ứơng với một âm nào khác là *k* đầu, sẽ bỏ mà thay bằng *k*. Sự phân-biệt hiện nay giữa *cua* và *qua* có lý-do của nó: trong *cua* giọng mạnh ở *u*; giọng ấy ở *a* trong *qua*. Nhưng không có lẽ gì ghi chỗ-đứng khác nhau ấy của giọng mạnh bằng sự biến-đổi chữ đầu; trái lại hình như đó là lẽ tự-nhiên mà ta giữ *u* khi âm ấy giữ phần một âm-chính mạnh (*kua* vào chỗ *qua* hiện nay) và thay nó bằng *w* khi nó chỉ rõ-ràng một âm-ban (*kua* vào chỗ *qua*).

10° *s* trong cách ghi âm hiện nay chỉ âm-ép gần-lợi; nay ta thay nó bằng *ʃ* còn hơn; nếu không có *ʃ* ta có-thể dùng *s* hiện nay.

11° *x* hiện nay chỉ một âm rất gần âm-sát của; dù Ủy-ban chưa hẳn đồng-lòng về ý-kiến ấy, có lẽ thay *x* bằng

17 Hai cái nhầm: ch chữ là *k*, một âm-căn, và khách chính là *khék*. Xem § 32.

18 Giọng thờ nhẹ ấy ngày nay không còn nữa, mà chắc-chắn là lời ấy còn trong một số tiếng thờ.

19. Ba cái nhầm: *nh* cuối không phải là *nh* đầu, Xem § 32.

ç là bon vì chữ ấy chỉ đúng cách phát-âm bon²⁰.

12° z sẽ thay d hiện nay, dù ta không muốn liệt cho chữ ấy một giá-trị nhất-định mà chính âm Việt không có.

13 “ Phương-pháp ghi thanh không cần đến một nhận-xét đặc-biệt nào cả ”²¹.

Ở buổi họp đầu, cố Cadière ngỏ vài lời bài-bác chương-trình ấy nhưng tán-thành những nguyên-tắc mà người ta đã dựa vào. Ở buổi họp toàn-thể, ông Bonifacy bày-tỏ vài ý-kiến : về mặt khoa-học, phương-pháp của ủy-ban đối với ông không tỏ ra có những cái lợi đáng kể hơn cách chuyển-viết sẵn có mà về mặt thực-hành, muốn cho những kẻ đã họ : lối chuyển-viết cũ làm quen với lối chuyển-viết mới sẽ rất khó. Ông Pelliot bác hai ý-kiến ấy.

Cố Cadière tuyên-bố rằng về mặt khoa-học, cách chuyển-viết mới đánh là hơn cách thông-thường, nhưng về mặt thực-hành, sự sửa-đổi chữ “ quốc-ngữ ” sẽ gây ra nhiều nỗi khó-khăn khá lớn đủ khiến ta phải bỏ mọi dự-định về loại ấy. Chính về loại ấy mà cố Cadière trần-thuật sáu ý-kiến :

— Người ta không có thể trừ hết những nỗi khó-khăn vốn có của sự chuyển-viết ngữ Việt và phương-pháp chuyển-viết nào vốn-nhiên cũng là phải không hoàn-toàn ;

— Ta không nên buộc cho chữ “ quốc-ngữ ” những điểm-khuyết sẵn có ở chính ngữ Việt ;

— Nếu phương-pháp của ủy-ban đề-xương trừ bỏ được vài nỗi khó, trái lại, nó gây ra những nỗi khó khác ;

20 Bốn cặp niêm : thực ra thì trái hẳn thế vì s vốn chỉ một âm-của mà x chỉ một âm-gan-lợi.

21 Comptes-rendus du premier Congrès international des Etudes d'Extrême-Orient. BEFEO, t. III, tr. 126-127.

— Sự sửa-đổi chữ “quốc-ngữ” sẽ khiến một số lớn các sách không đọc được, như những quyển vị-tiếng của cổ Taberd và cổ Génibrel, quyển Bài-day²² và Tập-sưu các bài²³ của ông Chéon ;

— Một số lớn người Việt không biết chữ nho và không biết lối chữ nào khác là chữ “quốc-ngữ” sẽ rơi xuống trạng-huống những kẻ mù chữ ;

— Cả một bộ đồ-dùng lớn về nhà-in sẽ trở nên vô-dụng.

Ông Maitre sửa lại vài trong những ý-kiến ấy và bác những cái gì quá-đáng trong lời cổ Cadière. Ông Chéon có ông Babonneau ủng-hộ quyết giữ dự-án đã đề ra.

Sau cùng mấy ủy-viên người Italya đứng ra dàn-hòa. Ông Nocentini, ủy-viên chánh-phủ nhà-vua Italya và hội-học Phirénxê²⁴ vạch rõ rằng tất-cả những lời-bác mà người ta đem đối lại với dự-án của ủy-ban đều dựa vào những duyên-cớ thực-hành. Ông hỏi không biết dự-án ấy có được toàn-lhẽ tập-thành không, nếu chỉ dùng vào công-việc khoa-học.

Ông Pullé, ủy-viên chánh-phủ Italya và Viện-học Bôlô-nya²⁵ cho rằng có hai phương-pháp chuyển-viết cùng một lúc thì có-lẽ sẽ phiền-phức, nhưng sự kinh-nghiệm đã chứng-tỏ rằng một phương-pháp khoa-học và hợp-lẽ kết-cuộc bao-giờ, và rất nhanh là khác, cũng được thừa-nận. Vậy người ta có thể khỏi ngần-ngại mà hướng-ứng theo đề-ngị của ông Nocentini.

Và người ta đòi lời-nguyên theo ý này : “ Hội-nghị xét rõ sự ích-lợi về mặt khoa-học của một cách chuyển-viết ngữ Việt đơn-giản và hợp-lẽ, giao cho viện Bác-cổ định cho sự dùng về mặt khoa-học, một phương-pháp ứng với tất-cả những điều-kiện trên những nền-tảng đã do ủy-ban đề-ngị ”.

²² *Cours de langue annamite.*

²³ *Recueil de textes.*

²⁴ Tiếng dịch-âm của Firenze (Florence). Chính là Phirénxê mà ta lược âm.

²⁵ Tiếng dịch-âm của Bologna (Bologné).

Lời-nguyện ấy được toàn-thể ưng-chuẩn và từ đó các thiên khảo-cứu của Viện Bắc-cổ thường dùng đến lối chuyển-viết khoa-học của Hội-ngị 1902 tuy rằng lối ấy thật chẳng khoa-học chút nào. Ấu cũng là một điều mà người dân chẳng nên tiếc.

14 2. — Chương-trình sửa-dổi năm 1906. — Đến năm 1906, vấn-đề chữ “ quốc-ngữ ” lại được khơi ra ở những buổi họp của Hội-đồng cải-lương học-chánh bản-xứ. Hội-đồng có lập ra một ủy-ban cải-cách chữ “ quốc-ngữ ” do ông Nordemann làm chủ-tịch. Dự-án bản-cũi hôm 21 tháng 4 được ưng-chuẩn bởi một nghị-định Toàn-quyền ngày 16 tháng 5.

Từ Hà-nội, người ta hỏi gấp ý-kiến ủy-hội địa-phương cải-lương học-chánh bản-xứ “ Nam-kỳ ”. Ủy-hội này dành buổi họp ngày 23 tháng 11 cho vấn-đề sửa-dổi chữ “ quốc-ngữ ”, nhưng vài hội-viên đã phát-biểu những lời phản-đối kịch-liệt. Vấn-đề thêm gay-go, xoay ra chiều chính-trị và bản dự-án bị chôn-vùi.

Dù sao trước những chương-trình sửa-lỗi viên-vòng ấy, một người hiểu-biết như cố Cadière cũng không im tiếng được, và ta không lấy làm lạ khi thấy nó đã bị xét-đoán một cách rất nghiêm-khắc :

“ Cuộc sửa-dổi được Hội-đồng cải-lương học-chánh chấp-thuận không làm thỏa-mãn những nguyên-vọng chính-đáng mà người ta đã bày-tỏ. Nó thừa-nhận những thuyết thật là sai-nhầm. Nó gây sự lộn-sộn trong tiếng-nói và cách viết, và làm trở-ngại cho sự học tiếng Việt ; nó thu-nạp những cái kỳ-quặc, nó diễn-tả những vẻ phong-phú và vi-diệu của tiếng-nói còn kém phương-pháp cũ. Xét về mặt khoa-học, cũng như về mặt thực-hành và khoa dạy, nó thật là một cuộc thoái-bộ ” ²⁶.

²⁶ *Souvenir d'un vieil annamitisant*, INDOCHINE, số 207, ngày 17-8-14, tr. 19.

15 3. — **Chương-trình sửa-dổi năm 1928.** — Các cuộc sửa-dổi trên kia, như ta thấy, đều do người Pháp chủ-trương, nhất là về cuộc đầu, thật toàn là những nhà học rộng cả. Nay đến lượt một người Việt, một nhà-văn và nhà-báo, ông Nguyễn văn Vĩnh với lối *Quocj ngũw mcejj* của ông trên mặt tờ *Trung-Bắc tân-văn* vào khoảng cuối năm 1928.

Chúng tôi lấy làm tiếc không có trong tay những bài báo của ông Vĩnh, nhưng dựa vào lời chỉ-trích của ông Tây-Zương, biệt hiệu của cổ Hue, một cổ-đạo Pháp ²⁷, chúng tôi xin hiến các bạn một cuộc hàn-cải khá sôi-nổi về chương-trình sửa-dổi này.

16 a) *Cái đích thiết-thực của ông Vĩnh.* — Khởi-xướng ra cuộc sửa-dổi này, ông Vĩnh đã để lộ một cái óc vì ông trước nên chương-trình bị nắm lấy để bài-xích ngay từ buổi đầu. Theo ông, cái cơ khiến ông nói về vấn-đề này là hiện nay những chữ hoạt của báo ông vì dùng lâu đã mòn, nét in thì nhòe-nhoet mà mập-mờ. Báo ông muốn dùng những cách tối-tân để từ nay có thể in nhanh, rõ và dễ, mà không gặp những nỗi bức-mình rất nhiều của phương-pháp in bằng chữ hoạt. Ông sẽ có thể dễ y-nguyên mà dùng các máy lớn Âu-Mỹ là những máy mà những đồ-phụ như hộp-chữ, ngăn-chữ không đủ để chứa một số lớn chữ âm-chính của “quốc-ngữ” hiện nay với sáu mươi dấu đối với mười bốn dấu ở các ngữ khác.

Và đây là ý-kiến ông Tây-Zương :

“ Không ở trong hơn, tôi thấy khó phê-bình sức mạnh của lẽ ấy. Nhưng tôi thấy lạ-lùng rằng trong khi các dân văn-minh chế-tạo những máy thích-hợp với ngữ nước họ thì dân Việt dám đi tào-bại ngữ mình cho thích-hợp với những máy-in ngoài. Trước hết, hình như sự cần-dùng một số hợp-

²⁷ Người viết mấy quyển vị-tiếng : *Lexique chinois — annamite — français*, *Dictionnaire annamite — chinois — français*, vv.

chữ lớn hơn không phải là một nỗi trở-ngại đến ngăn-cản các kỹ-sư, các nhà tạo-lát, ngay các người bản-xứ. Vậy theo điều ấy, chẳng cần gì phải thay-đổi lối viết cổ-truyền.

“ Còn ở ca mà sự cần-dùng ấy thành khẩn-thiết, trong bao-nhiều cách có được để làm việc sửa-đổi, người ta có-thể nói quyết rằng ủy-hội giáo-tên (ban cải-cách Trung-Bắc tân-văn) của chúng ta đã chọn cách trái khoa-học nhất và riêng-biệt hẹp-hòi nhất ” ²⁸.

17 b) *Những sửa-đổi về dấu-thanh.* — Về vấn-đề dấu-thanh, ông Vĩnh tín dùng chữ để chỉ thanh mà dồn xuống cuối tiếng, thì đây là lời-bác của ông Tây-Zương :

“ Nhưng khoa-học bắt rằng mỗi chữ phải phát-âm được, và đây thì có năm chữ cảm ! Ngữ nào cũng có những cái khác-thường như thế, người ta sẽ đáp lại chúng tôi. Chữ “ quốc-ngữ ” chính nó cũng có vài cái. Có-lẽ, nhưng các nhà cải-cách của chúng ta không thấy sự sai-khác cốt-yếu giữa các ngữ châu Âu và ngữ họ ; ngữ họ hoàn-toàn phiên-âm, những ngữ kia, chuyển-hóa. Trong những ngữ trên, ngoài việc phiên-âm chữ còn dùng để cho ta đoán được căn-tiếng gốc, còn trong ngữ dưới, cùng những chữ ấy chỉ ở đấy để dịch một âm...

... “ Như vậy, những tên riêng : Hà-nội, Sài-gòn, Huế, Chợ-lớn, Hải-phòng, Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-đức đã quen với chúng ta. Nhưng nay mà người ta viết *Hafnoic, Saigons, Hué, Chaelœnj, Haizphong, Minhménh, Tucedric, Thiéuctric*, ta sẽ kinh-rợn bởi mình cái giọng chương-lai do đó mà có sẽ ra sao. Thật là một cuộc hoàn-toàn tạo lại tất-oà những sách-vở trong các nước văn-minh.

... “ Báo T. B. (Trung-Bắc) trình-bày với chúng ta những chương-trình thay dấu-thanh. Trước hết tìm tới các

²⁸ Phụ-trương *Avenir du Tonkin* ngày 2-12-28.

dấu in hiện có ; (hay dùng những vần ước-định (*fa fi, fe, fu*) ; hay sau cùng đặt ra những dấu mới. Vào những chương-trình ấy người ta có-thể thêm ba cách. Cách thứ nhất đã dùng ở Tàu, cốt ở sự viết vào bên một tiếng, một chữ-số chỉ số thanh. Như thế, đã định rằng những chữ-số 2, 3, 4, 5, 6 ứng với những thanh *huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã* thì người ta biết ngay phải phát-âm những tiếng có chữ-số ấy ra sao. Thành ra người ta có *Ba1, Ba2, Ba3, Ba4, Ba5, Ba6*. Với cách này khỏi phải thay-đổi gì về máy-in, máy-chữ hay máy-tin-điện cả. Điểm kém duy-nhất của cách này là thiếu mỹ-thuật.

“ Một cách khác cốt ở sự giữ lại các dấu-thanh hiện có mà in cho cùng hàng với các chữ khác ; nếu cần người ta có-thể vạch dưới, để một vạch lên trên, hay đặt những dấu ấy vào trong một vòng nhỏ cho riêng-biệt.

“ Sau cùng một cách nữa cốt ở sự dùng những dấu có sẵn và như thế, khỏi cần đặt ra năm dấu, mà hai là đủ. Ví dụ ta lấy dấu *o* nhỏ mà người ta thường cho đi với chữ *n* để chỉ một số (*n°*). Sau khi đã ước-định rằng lùỵ theo dấu ấy đặt trước hay sau, trên hay dưới, nó sẽ chỉ một thanh *huyền, sắc, nặng, hỏi*, hay *ngã*, ta chỉ cần thêm một dấu khác vào dấu ấy để có một loạt năm thanh đầy-đủ, ngoài thanh ngang.

“ Nhưng tôi sẵn-lòng nhận rằng hai cách sau không áp-dụng được vào máy-chữ và máy-tin-điện hiện dùng. Chỉ có cách đầu là tiện ”.

18 b) *Những sửa-đổi về chữ âm-chính*. — Về chữ âm-chính, ông Vĩnh bàn đến sự sửa-đổi *ă, ơ* và *ư* vì cho rằng trong bản-chữ Pháp không có ba chữ ấy.

Riêng với *ă* có người bàn dùng *a* có dấu huyền tức là *à* để thay, có người bàn dùng *a* và *e* giáp lưng, tức là *æ* để thay, và cách sau được tán-thành. Nhưng từ Trung-Bắc ngày

8-11-28 lại bảo rằng cả dấu ngắn lẫn chữ giáp lưng α đều bỏ mà thay bằng dấu-lược ('). Lại những lý-lẽ đối lại của ông Tây-Zương :

“ Trước hết, xét riêng mà nói, người ta không thể để cho tính-cách bất-định của dấu-lược giữ một chân này hay chân khác trong học-âm-lời, vì tự nó, nó không có một nghĩa rõ-ràng. Nhưng xét chung mà nói, trong những ngữ chính-xưa nay, dấu ấy giữ một chân nhất-định là thay một chữ đã lược, nhưng không đâu, theo tôi biết, dấu ấy làm biến giọng một âm-chính hay một vần, vậy là một cuộc đổi-mới về học âm-lời, đổi-mới trái với sự thông-dùng quốc-tế mà kết-quả sẽ là khiến người đọc nước ngoài phải bối-rối. Vài tiếng sẽ không đọc được là khác : *a'e, a'ng* ” ²⁹.

Còn với σ , u thoát tiền người ta tính thay σ bằng ϕ có dấu-tách (') ở trên, rồi lại thiên về chữ kép do ϕ và e giáp lưng ghép thành : α . Ít lâu sau người ta lại bỏ e cam vào σ và u có dấu-tách vào $\hat{u}$. Nhưng những lời-bàn ấy không được thừa-nhận.

19 c) *Những sửa-đổi về chữ âm-phụ*. — Về chữ âm-phụ, báo Trung-Bắc bàn thay $\hat{d}$ bằng $\hat{d}$ một cách rất phải, nhưng lại thay $\hat{d}$ bằng $\hat{g}$, lấy cớ rằng nhiều miền đọc $\hat{d}$ thành $\hat{g}$ và còn cho rằng cách đọc sau mới đúng. Đây là một dịp để ông Tây-Zương thốt ra những lời rất mỉa-mai vì ông nhận thấy rằng âm Bắc là âm gốc nên mới đúng nhất, và ông lấy làm lạ rằng một người Việt như ông Vĩnh mà không hiểu âm-Việt. Rồi ông kết-luận : “ Chữ đáng dùng lúc này là z nhưng cách viết mới đã chiếm mất để thay dấu-hỏi, do đó sự lúng-túng và sự thừa-nhận đáng-thương kia ”.

Nhân đó ông Tây-Zương nêu ra vài sửa-đổi mà ông cho là hợp-lẽ nhất :

29 Phụ-trương *Avenir du Tonkin* ngày 7-12-28.

“ Về *ch*, có người đã cố-xuýt thay bằng nhóm *tj* mà quyết-định rằng *ch* là một âm-răng chứ không phải một âm-bọng. Như vậy người ta viết *tjâm* vào chỗ *châm*. Ý-kiến này có vẻ chính-đáng. Nó dựa vào nguồn-âm Tàu của *ch* Việt vốn là *tch*. Và còn trạng-thái lạ-lùng và khá thông-thường này là làm biến *tr* thành *ch*. Vậy người ta viết *tja* cho *cha*, *atj* cho *ach*. Tuy vậy, như lát nữa tôi sẽ nói, cách dùng *y* đáng lựa hơn cách dùng *j* để chỉ *i* âm-bán, và ta viết *tja*, *aty* có phần hơn. Cách viết này có diễn-tả đúng âm phải tỏ ra không? Chưa chắc, vì hình như người ta đứng trước một trạng-thái không có trong bản-chữ Helát-Latin³⁰, tuy rất thông-thường trong những ngữ vùng miền Bắc và miền Tây nước Pháp. Tốt hơn cả, phải chăng là cho nó một chữ riêng? Và như vậy, trong ca này, sự dùng *c* thật nên. Chữ này là chữ âm-bọng thì bỏ, nhưng sẽ còn lại để chỉ âm *ch*, âm mở, và lại, nó có na-ná trong vài ngữ, ngữ Anh, ngữ Italya, và ngữ Esperanto. Ta nên nhớ rằng chữ này đã được các nhà-bọc-Đông thừa-nhận với giá-trị ấy. Họ chỉ chưa nó bằng một dấu để phân-biệt với *c* thường, nhưng sự thêm dấu sẽ vô-ích trong sự giả-thiết của ta vì *c* ấy chỉ có âm ấy thì không lo nhầm-lẫn. Vậy *ca* sẽ đọc là *cha*; *ac*, *ach*; *cac*, *chach* v.v.³¹

Về nhóm *nh*, có hai cách giải-quyết: hoặc thay bằng nhóm *nj*, hoặc bằng *ñ* có dấu ngã Etpánha. Đối với cách viết thứ nhất, vì có đã nói ở trên, tôi muốn *ny* hơn. Người ta sẽ viết *nya* vào chỗ *nha*, *any* vào chỗ *anh*³². Cách chuyển-viết này có hợp với sự-thực không, tôi sẽ không dám xác-định, vì *ch*, *nh* hình như là một âm riêng-biệt và nhân thế, phải được chỉ bằng một dấu riêng. Như vậy dấu-ngã Etpánha với tôi, hình như xứng-đáng để giữ việc ấy. Đó sẽ là thêm một lối nữa vào cách viết hiện nay, nhưng nếu tính-cách

30 Tiếng dịch-âm của Hellas (Grèce). So-sánh với Hy-lạp.

31 Một cái nhầm: vẫn cái nhầm chung như trên kia, § 12, leh. 17.

32 Hai cái nhầm: vẫn cái nhầm chung như trên kia, § 12. leh. 18.

hoàn-toàn khoa-học của nó đáng như thế, thì có ai là người ân-hận ?

... “ Vào *gi* âm-ép, người ta có thể thay chữ *j* hay chữ *y*. Ngữ Esperanto đã chọn chữ thứ nhất, chữ thứ nhì với tôi có lẽ đáng dùng hơn, trước hết vì cách dùng của nó đã thắng trong lối viết được các nhà-học-Đông thừa-nhận dễ chuyển-viết âm *i* bán, sau nữa vì nó có giá-trị ấy trong ngữ Pháp và ngữ Anh, ví-dụ : *yeux, yarda*. Nhân đó *gia, gie, gi, gio, giu* sẽ thành *ga, ye, yi, yo, yu* ” 33.

Ngoài ba cuộc vận-động cải-cách trên đây còn một số chương-trình mà ta chia được ra làm hai loại : loại có tính-cách chuyên-môn đứng-dẫn như của ông Aymonier (*Nos transcriptions*), và loại nêu ra theo sở thích của từng người như của các ông Nguyễn công Hoa (*Projet de nouvel alphabet annamite*) với những cách dùng chữ theo Tây chỉ làm người đọc tức-cười, Vi huyền Đắc (*Việt-tự*) với lối viết dựa theo chữ nho, Phạm xuân Thái (*Việt-ngữ cải-cách*) với một phương-pháp na-nà như của ông Vĩnh mà còn rắc-rối hơn.

Nhất là gần đây, trên mặt báo, một phong-trào thay dấu-thanh bằng chữ đặt ở cuối tiếng đột-nhiên sống lại một cách mạnh-mẽ hơn bao-giờ hết.

20 4. — Giá-trị các chương-trình trên đây. — Nói tóm lại, ta đã dự xem một cuốn phim gần đầy-đủ về các cuộc cải-cách “ không tiếng vang ” — trừ cuộc cải-cách năm 1902, dù sao cũng đã phải thu hẹp trong cách dùng của Viện Bác-cò mà vẫn theo những lẽ-lối hủ-lậu — và cũng về các cuộc bàn-cãi “ không vang tiếng ” hơn chút nào.

Riêng về cuộc cải-cách của ông Vĩnh, ta thấy thực đáng tiếc, vì không hiểu về học-âm-lời mà bàn về một vấn-đề âm-lời đã là quá lạm rồi, mà còn có gan bàn về cải-cách chuyển-

33 Ba cái nhầm : So-sánh *y* trong *yeux* với *gi* trong *giữ* thật là táo-bạo.

viết âm-lời thì thật chỉ là đợi cảnh thất-bại trước mắt. Bị đè bẹp dưới ngọn bút của ông Tây-Zương, ông chỉ có những lý-lẽ về “thực-tế” để đối lại mà ông quên rằng nếu “thực-tế” cần cho mọi cuộc cải-cách, “lý-thuyết” còn cần hơn vì chính nó mới là điểm-khởi. Những người theo dấu ông cũng đã nhầm như thế có-lẽ vì chưa nhận thấy duyên-do sự thất-bại của người trước.

Còn ông Tây-Zương, cũng như phần-nhiều các “ông Tây” khác, dù ở chân một người sửa-đổi hay một người chỉ-trích, ông chỉ nhìn thấy có hai điều : bản-chữ “của Tây” và khoa âm-lời “của Tây”. Ông quên rằng ông đang bàn về cách chuyên-viết một ngữ Á-dông, có những cần-dùng khác Âu-lây, và phải dựa vào một khoa âm-lời khác khoa Âu-lây một chút, một chút thôi. Bởi vậy, mỗi lần ông trưng cái “văn-minh”, cái “khoa-học” ra, chúng tôi phải nghi-ngờ mà hỏi mình : **phải chăng các dân văn-minh phương Tây thế nào thì dân ta phải như thế, và khoa-học em có thể thôi ư ?**

Riêng đối với bạn-đọc, mục này không phải là vô-ích, vì nó đã giúp cho các bạn rộng đường so-sánh, tìm-hiểu và cả... thận-trọng trong việc bình-phẩm nữa.

Chúng tôi chỉ mong các bạn hiểu cho rằng không mấy khi một công-cuộc thành- tựu nếu người đề-xướng chưa đủ tư-cách, nếu người bàn-cãi chỉ nghĩ đến ý-riêng và người hưởng- ứng chỉ dựa theo vì cái thích một lúc. Nhất là trong cuộc sửa-đổi bản-chữ, bản-văn Việt này, cả một ngày sau của ngữ nước hay dở là ở những hành-vi hay dở của chúng ta. Chúng tôi đã hết-lòng trong bona-phận của người đề-xướng, các bạn sẽ là người hưởng- ứng, bình-phẩm hay đối-kháng, nếu cần.

Nhưng dù sao, ta hãy nên nhìn vào gương trước.

Và dưới đây là những cái gì mà chúng tôi muốn trình-bày cùng các bạn.

CHƯƠNG II

NHỮNG NHẬN-XÉT VỀ ÂM-THANH

Sau nhiều năm khảo-cứu, chúng tôi nhận thấy rằng bao-nhiều chương-trình cải-cách chữ “quốc-ngữ” chỉ căn-cứ vào hình-thức mà bỏ quên những nguyên-tắc căn-bản. Người ta chỉ tìm cách cho chữ này tiện, chữ kia đẹp, mà không nghĩ rằng những chữ ấy có diễn-tả đúng âm muốn tả không. Khoa âm-lời Âu-Tây còn nhiều điểm-khuyết nên khi đem áp-dụng vào sự chuyển-viết ngữ Việt, người ta đã để lại bao-nhiều điểm-nghi mà chưa giải-quyết được. Tìm ra được những nguyên-tắc thiết-yếu về học-âm-lời Việt-nam, chúng tôi có-thể nói rằng cách chuyển-viết từ đây không còn gì là bí-mật nữa.

Vấn biết môn học-âm-lời chưa ai đề-cập về ngữ Việt, bằng tiếng Việt, và nó ra lúc này cũng rất phải lúc rồi. Nhưng ở buổi đầu, chúng tôi chỉ tạm nói sơ-lược, không mong để bạn-đọc hiểu rõ từng chi-tiết, mà chỉ cốt cho bạn-đọc hiểu rõ các tiếng chuyên-môn mà quyển sách này phải dùng đến. Hai quyển *Khảo về âm Việt* và *Khảo về thanh Việt* ra mắt bạn-đọc sau này sẽ giảng tường-tận. Chúng tôi xin nói qua về bộ-quan phát-âm, sự phát-âm và các nguyên-tắc mới về âm-thanh để đi đến những nhận-xét rõ-ràng về trạng-huống chữ “quốc-ngữ” hiện nay.

21 A. — BỘ-QUAN PHÁT-ÂM. — Người ta nói nhờ ở bộ-quan phát-âm gồm có hai lá phổi, hai dải-âm, nắp-họng, màng-cửa, cửa, lưỡi, răng và môi.

I. — Vị-tri và cử-động. — Mỗi quan trong bộ-quan ấy đều dự một phần vào việc phát-âm nhờ ở vị-tri và những cử-động của nó.

Hai lá *phổi* như một cái bể thổi khí-trời vào bộ-quan của tiếng-nói qua họng-thở đến miệng hay mũi mà ra ngoài.

Hai *dải-âm* căng trong cuống họng-thở, khi khi-trời đi qua, hoặc rung-động thì thành ra những âm-chính (bao giờ cũng kêu) hay những âm-phụ *kêu*, hoặc không rung-động thì thành những âm-phụ *mặt*. Hai dải-âm căng cách nhau bao-nhiều, giọng nói càng thấp bấy-nhiều.

Nắp-họng vốn dùng để đậy cửa họng-thở cho đồ-ăn khỏi lọt vào khi ăn, mỗi khi có hơi-nói hay hơi-thở thì mở ra cho qua miệng.

Màng-cửa là phần màng-gân nối-dài cái cửa. Màng-cửa có-thể nâng lên hay hạ xuống : nếu nâng lên, nó ngăn không cho miệng thông với mũi khiến khi-trời ra cả đáng miệng mà thành *âm-miệng* ; nếu hạ xuống, nó để một phần hay tất-cả khi-trời ra đáng mũi mà thành *âm-mũi*.

Cửa là một cái vòm xương ở phía trên miệng, phủ một chất nhón. Ngoài việc dùng để nếm như lưỡi, cửa là chỗ cho lưỡi áp vào mà phát ra những âm-cửa. Phần cửa ở gần gan-lợi gọi là *đầu-cửa*.

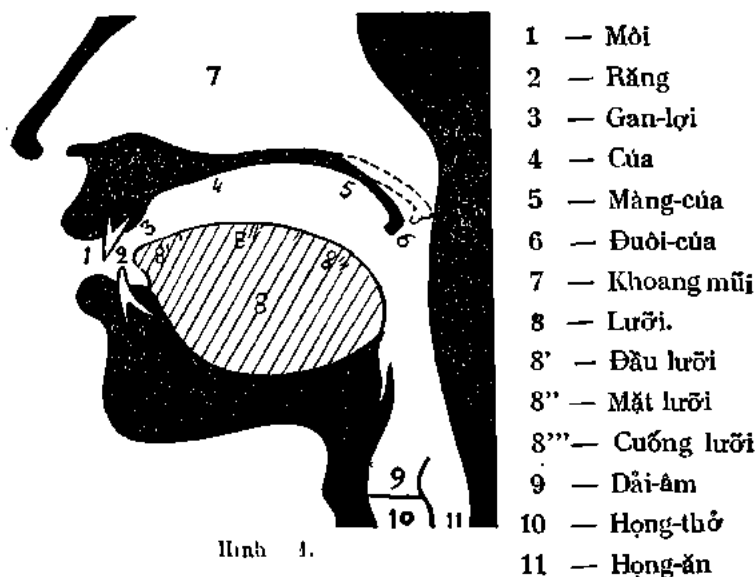
Cái *lưỡi* luôn-luôn cử-động, khi thì chạm đầu vào răng để phát ra những *âm-răng*, vào gan-lợi để phát ra những *âm-gan-lợi*, vào đầu-cửa để phát ra những *âm-đầu-cửa*, vào cửa để phát ra những *âm-cửa*, khi thì áp cuống vào màng-cửa để phát ra những *âm-màng-cửa*.

Hai *lượt răng* trên dưới cũng là chỗ phát-âm ; khi môi dưới áp vào răng trên ta có những *âm-môi-răng*. Phần sau lợi³⁴ trên răng gọi là *gan-lợi*, chỗ mà đầu lưỡi áp vào để phát những *âm-gan-lợi*.

Cặp *môi* đối với vài âm-chính hay âm-phụ cũng có một phần việc quan-trọng mà ta sẽ thấy được khi đứng nói trước

³⁴ Trong Nam còn gọi lợi là nướu. Nếu ta dùng riêng tiếng *nướu* để chỉ gan-lợi ta sẽ có thêm một tiếng chuyên-môn.

một cái gương : đó là khi ta phát những *âm-môi*.



Hình 1.

Bộ quan phát âm.

22 2. — Những tiếng chuyên-môn cần biết.

a) *Sự cử-phát*. — Môi cử-động của một quan trên đây để phát ra một âm gọi là *sự cử-phát*. Ta chia ra cách cử-phát và việc cử-phát.

Cách cử-phát có nhiều mà sinh ra ba loại âm :

— *Âm-ép* là âm do hai quan xáp lại gần nhau cho hơi-nói thoát ra như bị “ép”. Loại này gồm có :

Âm-thở là âm do hơi-nói bị ép trong cuống-họng mà ra [như một hơi-thở : **h**].

Âm-sát là âm do hơi-nói cọ-sát vào một hay hai quan nào mà ra : **v**, **ph**.

Âm-si là âm do hơi-nói si ra mà thành : **đ, x**.

Âm-uốn là âm do lưỡi uốn cong lên mà si ra : **gi, s**.

Âm-rung là âm do đầu lưỡi hay cạnh lưỡi bị khi-trời làm rung lên mà thành.

— **Âm-cản** là âm do hai quan đóng hẳn lại như “cản” rồi mở ra cho hơi-nói thoát khỏi. Cách thoát của hơi-nói này rất mạnh như “phá” nên còn gọi là **âm-phá** : **b, p, đ, t, g, k, m, n, ng, nh** cuối.

Âm-cản-ép là âm vừa bị “cản” vừa bị “ép” mà thoát ra : **ch, tr** ở vài ca.

Việc cử-phát có hai. Khi các quan phát-âm đóng rồi mở ra để phát-âm gọi là **phát-mở** mà sinh ra những **âm phát-mở** như **b** trong **ba**, **n** trong **nê** hay mở rồi đóng lại để phát-âm gọi là **phát-đóng** mà sinh ra những **âm phát-đóng** như **n** trong **ên**, **t** trong **át**. Những âm phát-mở thường là một âm-chính hay một âm-phụ, âm-bán trước-chính (ở trước âm-chính). Những âm phát-đóng bao-giờ cũng là một âm-phụ hay âm-bán sau-chính (ở sau âm-chính).

b) **Điểm-phát**. — Chỗ hai quan gần nhau nhất để phát ra một âm gọi là điểm-phát.

Về âm-chính, khi điểm-phát ở trước là **âm-trước** : **e, ê, i**, ở giữa là **âm-giữa** : **a, ơ, ư**; ở sau là **âm-sau** : **o, ô, u**.

Về âm-phụ, điểm-phát có thể ở môi, răng, gan-lợi, đầu-cúa, cửa, màng-cửa, họng mà sinh ra **âm-môi** : **b, p, m, v, ph**; **âm-gan-lợi** : **đ, t, n, d, x**; **âm-dầu-cửa** : **ch, nh** cuối; **âm-cửa** : **s, gl, tr** ở vài ca; **âm-màng-cửa** : **ng, nh** cuối; **âm-họng** : **h**.

c) **Độ-khuếch**. — Độ mở rộng hay hẹp của hai quan đối với nhau ở điểm-phát gọi là **độ-khuếch**. Với âm-chính, độ-khuếch có thể rộng mà thành **âm-rộng** : **e, a, o**; trung mà thành **âm-trung** : **ê, ơ, ô**; hẹp mà thành **âm-hẹp** : **i, ư, u**. Với

âm-phụ, vì hai quan khi phát-âm chạm vào nhau, ta còn gọi là *độ-chạm*, và chỗ chạm nhau là *điểm-chạm*. Độ-chạm của một âm có-thể lỏng mà thành *âm-lỏng* : **b, đ, g**, vv., hay chặt mà thành *âm-chặt* : **p, t, k**, vv. ³⁵.

d) *Đường-rèn*. — Một âm khi phát ra có-thể theo hai đường-rèn : đường miệng mà thành *âm-miệng* : **b, đ, g**, vv., hay đường mũi mà thành *âm-mũi* : **m, n, ng**, nh cuối.

e) *Lực*. — Lực là sức dẫn vào một âm khiến âm ấy yếu hay mạnh đối với âm khác. Trong những vần **iê, ươ, uô**, ba âm **i, ư, u** là âm mạnh và ba âm **ê, ô, ơ** là âm yếu.

f) *Lượng*. — Lượng là giọng dài ngắn của âm-chính. Âm-chính Việt có hai giọng : *thường* như **a** trong **a, ma, am**, và *ngắn* như **ă** trong **ăm**.

23 B. — SỰ PHÁT-ÂM. — Muốn nói, người ta ai-ai cũng dùng đến một lối chung mà chính mình ít-khi để-ý đến là thu hẹp lối thở khi-trời ra và làm căng hai dải-âm trong cuống-họng thở khiến nó rung lên. Sự thở khi-trời ra vì đó mà kém đi nên nhiều-khi muốn nói lâu và nhanh người ta phải nén hơi.

Bộ-quan phát-âm của người ta cũng như một cái đàn phát lên được các âm, nhưng vì cách tổ-chức tự-nhiên khác hẳn nên loại âm phát ra cũng khác : đó là loại âm-lời khác hẳn loại âm-nhạc của cái đàn.

Bởi vậy tuy mỗi thứ ngữ có một số âm riêng, nhưng nói chung các thứ ngữ, số âm ấy có hạn hẳn-hoại vì sức phát-âm của người ta, dù thuộc giống nào, cũng có hạn cả. Những âm ấy là những phần gốc của tiếng-nói, là những tổ-tiếng. Ở ngữ nào người ta cũng chia ra hai loại tổ-tiếng chính : những *âm-chính* là những tổ-tiếng cốt-yếu phát ra khi cuống-họng bóp lại, làm căng và rung dải-âm suốt trong lúc phát-âm như **e, ê**,

35 Những tiếng này riêng của chúng tôi, chưa có trong học âm-lời Âu-Tây.

i, và *âm-phụ* là những tổ-tiếng phụ-thuộc phát ra khi cuống-họng bóp lại, làm căng dải-âm một chút rồi để chùng ngay, như **b**, **c**, **d**. Một âm-chính mà phát nhanh như một âm-phụ thì gọi là *âm-bán*, nghĩa là “bán chính bán phụ”, như **γ** trong *hay*, **o** trong *hoa*, **u** trong *qua*.

Khác với ngữ Âu-Tây, ngữ Việt còn có thanh bên cạnh âm là phần tiếng do các cử-dộng lên xuống của cuống-họng mà thành. Thanh ta chia ra *thanh bằng* như ngang, huyền, *thanh trắc* như bồi, sắc, ngã, nặng, và cũng chia ra *thanh thấp* như huyền, ngã, nặng, *thanh cao* như ngang, bồi, sắc.

Dưới đây là cách phát-âm Việt với những chỗ sai-khác giữa các miền nếu có.

24 1. — *Âm-chính*. — Âm-chính có-thể theo điểm-phát mà chia ra âm-trước, âm-giữa, âm-sau, và theo độ-khuếch mà chia ra âm rộng, âm trung, âm hẹp.

a) *Âm-trước*: **e**, **ê**, **i**. — Lưỡi đưa về phía trước, môi đưa lại phía sau, hai mép giành ra. Môi khép ít, mép giành ít và đầu lưỡi cách xa gan-lợi khi nói **e** (âm rộng); môi khép hơn, mép giành hơn và đầu lưỡi lại gần gan-lợi hơn khi nói **ê** (âm-trung); môi khép hơn nữa, mép giành hơn nữa và đầu lưỡi lại gần gan-lợi hơn nữa khi nói **i** (âm hẹp).

25 b) *Âm-giữa*: **a**, **ơ**, **u**. — Lưỡi và môi vẫn ở chỗ thường. Miệng mở rộng và mặt lưỡi xa của hơn hết khi nói **a** (âm rộng); miệng hơi hẹp và mặt lưỡi hơi gần của khi nói **ơ** (âm trung); miệng hẹp nhất và mặt lưỡi gần của nhất khi nói **u** (âm hẹp).

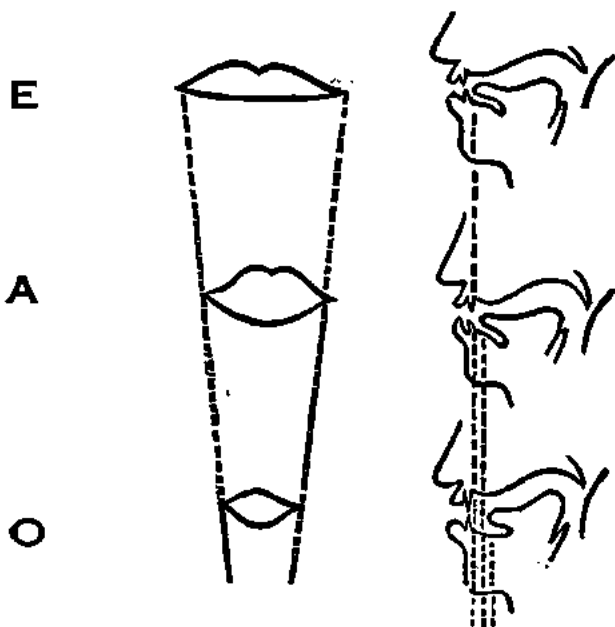
26 c) *Âm-sau*: **o**, **ô**, **u**. — Lưỡi phòng lên mà rút lại phía sau trong khi cặp môi chúm tròn mà đưa ra phía trước. Môi còn rộng và cuống lưỡi còn xa màng-cửa khi nói **o** (âm rộng); môi hơi nhỏ lại và cuống lưỡi hơi gần màng-cửa khi

nói **ô** (âm trung) ; môi nhỏ hơn hết và cuống lưỡi gần màng-cửa hơn hết khi nói **u** (âm hẹp).

Như vậy khi tính theo độ-khuếch của âm-chính, ta có bản âm-chính sau đây :

	Âm-trước	Âm-giữa	Âm-sau
Âm rộng :	e	a	o
Âm trung :	ê	â (ơ)	ô
Âm hẹp :	i	ư	u

Dưới đây là dáng môi và chỗ-đứng của lưỡi khi phát ba âm mở **e, a, o** do đó ta suy ra các âm khác.



Hình 2.

27 2. — **Âm-bán.** — Bốn âm-bán trong ngữ Việt vốn ở hai âm-chính i, u mà ra nên cũng do cùng một cử-dộng của các quan phát-âm, chỉ khác là những cử-dộng ấy nhanh hơn mà lỏng hay chặt:

Âm-bán trước (của I) : { Lông : i trong ai
Chắt : y trong ay

Âm-bán sau (của u) :

{	Lỏng :	u trong <i>ơu</i>
	Chặt :	u trong <i>âu</i>

28 3. — **Âm-phụ.** — Âm-phụ Việt tuy chia ra ba loại chính : *âm-ép*, *âm-cần* và *âm-cần-ép*, nhưng vì loại “ép” có nhiều vẻ nên ta có thể tách ra : *âm-thở*, *âm-rung* mà gồm các *âm-sát*, *âm-si*, *âm-uốn* riêng vào loại âm-ép.

a) **Âm-thở**. — Khi-trời ra khỏi phổi bị ép trong cuống-họng rồi thoát ra đằng miệng như một “ hơi-thở ” mà không dính-dang gì đến các quan sinh-âm ở miệng. Hơi nói vì đó rất yếu khiến âm yếu theo và ta có một âm **mat h**.

29 b) *Âm-rung*. — Khi-trời ra khỏi phổi làm rung lưới mà sinh bại âm lỏng :

		Đường-rèn	
Bộ-chạm		Miệng	Mũi
— Phần rung là cạnh lưỡi : đầu lưỡi dính vào gan-lợi trên, khi-trời do hai bên lưỡi thoát ra làm bật rung hai cạnh lưỡi (hình 3).	Lỏng	l	
— Phần rung là đầu lưỡi : đầu lưỡi rút lại phía sau mà rung lên (hình 3).	Lỏng	r	



Hình 3.

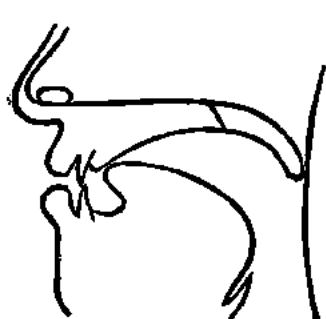
Lời-chua. — I. — R ở nhiều miền Bắc bị lẫn với đ. Từ Thái-bình trở vào ít bị lẫn. Ở vài miền Nam, trái lại, như ở vùng Bắc-liên, Trà-vinh, người ta lẫn r với g và người ta nói *xong gỏi, cái gở* vào chỗ *xong rồi, cái rồ*. Đó là vì ở Bắc, điểm-phát của r gần với điểm-phát của đ nên khi lưỡi không rung, tự-nhiên âm phát ra là một âm-ép gan-lợi.

II. — Sự lẫn l với n là một điều thông-thường, nhất là ở các vùng quê Bắc, vì chính ra l chỉ là một n rung. Người ta thường có câu chệ: *ông ný nằng tôi có con nợn nói nó nẫu nóng-nổc* để chỉ những người không nói được l, khi một câu nói đúng phải là: *ông lý làng tôi có con lợn nói nó lẫn lỏng-lốc*.

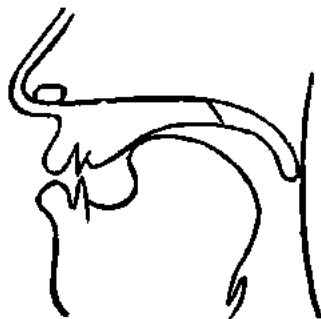
III. — L còn hay biến ra r khi sự rung-động ở cạnh-lưỡi đã chuyển ra đầu lưỡi. Đó là ca của một số lớn tiếng nôm đã biến ở tiếng nho ra.

30 b) Âm-ép. — Quan do đó khi-trời thoát ra không đóng hẳn lại mà chỉ thu hẹp lại thôi. Khi-trời ở phổi ra, qua một lối nhỏ nên co-sát mà thành tiếng. Có 6 âm-ép miệng :

	ĐỘ-CHẠM	Đường-rèn	
		Miệng	Mũi
— Phần ép khi-trời là môi và răng: khi-trời lách qua lối hẹp giữa môi dưới khít vào răng trên mà ra (âm-sát).	Lỏng	v	
	Chặt	ph	
— Phần ép khi-trời là đầu lưỡi và gan-lợi: khi-trời lách qua lối hẹp giữa đầu lưỡi sát vào gan-lợi trên mà ra (hình 4: âm-si).	Lỏng	d	
	Chặt	x	
— Phần ép khi-trời là lưỡi và cửa: lưỡi trũng lòng xuống, hai mép dính lên cửa, khi-trời như đi qua một cái máng mà ra (hình 4: âm-uốn).	Lỏng	gi	
	Chặt	s	



D, X



Gi, S

Hình 4.

Lời-chua. — I. — Khi phát những âm-ép miệng không thể nào há rộng được.

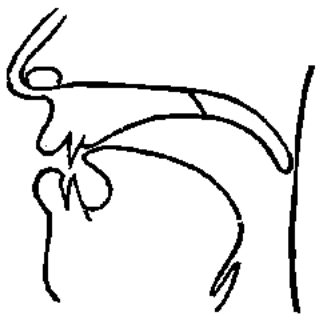
II. — V ở trong Nam nói như v, có-khi nói như bv.

III. — D ở Bắc đọc rõ là âm z, ở Trung hay Nam có-khi là v, có-khi là zv.

IV. — **G** và **s** ở miền Bắc đọc thiếu uốn lưỡi nên gần như **d** và **x**, và tuy cùng là loại âm-cửa, **g** không giống hẳn âm-cửa **j** của Pháp.

31 d) Âm-cản. — Quan do đó khi-trời thoát ra khép hẳn lại mà cản khi-trời rồi bỗng mở ra : khi-trời ở phôi ra vương phải mà bật thành âm. Âm ấy sẽ là âm-miệng nếu màng-cửa nâng lên và là âm-mũi nếu màng-cửa hạ xuống. Trong ngữ Việt có 6 âm-cản miệng và 6 âm-cản mũi :

	Bộ-chạm	Đường-rèn	
		Miệng	Mũi
— Phần cản khi-trời là môi : cặp môi mím lại rồi bỗng mở ra.	Lỏng	b	m
	Chặt	p	m
— Phần cản khi-trời là đầu lưỡi và gan-lợi : đầu lưỡi dính vào sau răng trên rồi rời ra (hình 5).	Lỏng	đ	n
	Chặt	t	n
— Phần cản khi-trời là cuống lưỡi và màng-cửa : lưỡi rút lại phía sau, cuống lưỡi cong lên và áp vào màng-cửa rồi rời ra (hình 6).	Lỏng	g	ng
	Chặt	c, k	nh cuối



D, T



N, N chặt



G, K, C, CH cuối

Hình 6.

NG, NH cuối

Lời chua. I. — Chúng tôi cố ý vẽ miệng há rộng để tỏ rằng muốn phát một âm của loại gan-lợi, mở miệng rộng cũng được, khác hẳn một âm-ép (hình 5), lúc nào cũng phải siết chặt hai hàm răng lại. Thực ra khi phát âm đ hay n miệng hơi khép lại.

II. — P tới nay chỉ là một âm cuối trong ngữ Việt sau các âm-chính ngắn. Về âm p đầu, người Nam học ngữ Pháp phát-âm khó hơn người Bắc, và ta không nên lấn làm ta khi thấy nhiều người Nam có “đổ-đạt” mà vẫn đọc *ne pas* là “nơ ba”. Đó là khả-năng riêng của mỗi miền mà sự chịu luyện-tập dễ thay-đổi.

III. — Đ, t hay n, n chặt ở cuối tiếng, người Nam phát-âm thành g, k hay ng, nh cuối. Xem § 108 về niên-đổi Bắc-Nam.

IV. — C, ch hay ng, nh cuối, người Nam hay phát-âm thành đ, t hay n, n chặt. Xem § 109 về niên-đổi Bắc-Nam.

32 b) Âm-cản-ép. — Loại này gồm có ba âm vừa có tính-cách cản vừa có tính-cách ép :

	- chạm	Đường-rèn	
		Miệng	Môi
— Phần ép và cản khi-trời là lưỡi và đầu-của.	Lỏng Chặt	ch	nh
— Phần ép và cản khi-trời là lưỡi và của.	Chặt	tr	

Lời-chua. — I. **Ch** ở trong Nam hay “**đa-yơ**” như **đ** nên phải lấy **ch** Bắc làm chuẩn-dịch. Trái lại **tr** ở nhiều miền ngoài Bắc hay lẫn với **ch** nếu không biến thành **gi** nên phải lấy **tr** Nam làm chuẩn-dịch. Nhưng về âm **tr** ta phải phân-biệt một giọng cân-rung (nghe rõ có **t** và **r**) và một giọng cân-si như tả ở trên. Xem cách phân-biệt ở dưới, §§ 75 và 127.

II. — Vì điểm-phát của **nh** và **ch** như thế, người ta đã lẫn nó với điểm-phát của **e** (*a*), **ê** (*ê*), **i** mà chua những vần có âm-căn cuối thành những vần có âm-căn-ép cuối như: *anh, ênh, inh, ach, êch, ich*. Ngũ Việt vốn chỉ có âm-căn cuối, ta thấy rõ chỗ nhầm-lẫn ấy ra sao. Xem thêm §§ 42 và 44.

II. — Ba nhóm âm **kh**, **th** và **tr** phá-rung ở vài ca chỉ là ba âm ghép không thể coi như âm đơn mà xét ở đây được.

C. — **NHỮNG NGUYÊN-TẮC MỚI VỀ ÂM-THANH.**
— Chúng tôi chỉ nêu ra đây những nguyên-tắc cốt-yếu với các thí-dụ mà dành sự giảng-giải rõ-ràng lại các thiên khảo-cứu sau này :

1. — **Một âm kêu hay mạt theo độ-chạm của các quan phát-âm.** — Nếu lấy **đ**, **t** làm thí-dụ thì **đ** là âm kêu vì đầu lưỡi “chạm lỏng” vào gan-lợi, và **t** là âm mạt vì đầu lưỡi “chạm chặt” vào gan-lợi: **đ** là một âm lỏng, **t** là một âm chặt. Ngẫu đó ta chia các âm Việt ra :

12 âm-phụ lỏng (kêu) : **l, r, v, d, gi, b, đ, g, m, n, ng, nh** đầu.

12 âm-phụ chặt (mạt) : **ph, x, s, p, t, k, m** chặt, **n** chặt, **nh** cuối, **ch, tr** ở vài ca.

1 âm-phụ yếu (mạt) : **h**

34. 2. — **Một âm chỉ phát-đóng khi độ-khuếch rất hẹp.** — Những âm-chính không bao-giờ phát-đóng vì có độ-khuếch rất rộng, trừ ba âm hẹp **l, ư, u** là âm khi phát-đóng thì thành âm-bán. Cũng vì vậy mà các âm-ép chỉ phát-đóng

“dờ” trong khi các âm-cản mới thực là phát-dòng “băn”, và ngữ Việt vốn không hợp với lối phát-dòng “dờ” chỉ có toàn âm-cản ở cuối tiếng.

35 3. — Một âm-mũi phát-mở không bao-giờ chặt.
— Nếu có thêm đường-ền qua mũi, những âm-chặt phát-mở rất khó-khăn và vì vậy tới nay ta không nhận thấy ba âm chặt của **m, n, ng**. Ba âm-bán cũng có những âm chặt khó phát-mở vì lẽ ấy.

36 4. — Một âm-chính “thường” bay “ngắn” theo độ-chạm của âm-phụ đứng sau. — Nếu lấy **ap**, **áp** làm thí-du thì **a** trong **ap** “thường” vì **p** là một âm lỏng, nghĩa là thật ra là **b**, còn **a** trong **áp** “ngắn” vì **p** là một âm chặt, nghĩa là chính là **p**. Nhân đó **m, n, ng** trong **ăm, ăm, ăng** là những âm chặt khác **m, n, ng** lỏng trong **am, an, ang** và cần phải được chỉ bằng những chữ khác, cũng như nếu **p** trong **ap** là **b**, **t** trong **at** là **đ**, **c** trong **ac** chính là **g** và **c** trong **ác** phải là **k**.

37 5. — Khi hai âm-chính đi với nhau thế nào cũng có một âm yếu, và âm yếu ấy sẽ thành âm-bán nếu là một âm hẹp. — Là kết-quả của nguyên-tắc trên, nguyên-tắc này căn-cứ trên 9 âm-chính trong đó ba âm hẹp có **i, u** thành âm-bán trong các vần **eu, êu, iu** hay **ai, oi, ui**, và ba âm trung **ê, ơ, ô** vẫn là âm-chính trong **iê, uơ, uô**, tuy **i, ơ, u** là âm mạnh. Nhân đó **ia, ua, ua** cũng chỉ là **iê, uơ, uô**, vì một âm yếu không thể là một âm rộng được.

38 6. — Một âm-bán vì có tính-cách của âm-phụ nên cũng có lỏng, chặt và vì có giọng âm-mũi nên cũng khó phát-mở khi là âm chặt. — Những âm như **i, u** sau **o, ơ** trong **oi, êu** là những âm-bán lỏng, còn **y, ư** sau **a, ă** trong **ay, ău** là những âm-bán chặt.

39 7. — Thanh là tính-cách riêng của âm-chính và bao-giờ cũng thuộc vào âm-chính mạnh nhất

trong tiếng. — Thanh không bao-giờ thuộc vào một âm-phụ hay một âm-bán, và ngay trong một âm-hai như *lô, uơ, uô*, thanh vẫn thuộc vào âm-chính mạnh là *i, ư, u*.

40 D. — CHỮ QUỐC-NGŨ TRƯỚC NHỮNG NGUYÊN-TẮC ẤY. — Dựa vào những nguyên-tắc trên đây và ôn lại những điều đọc qua trên sách-báo, ta có-thể xét giá-trị chữ “quốc-ngữ” một cách rõ-ràng. Ta sẽ không nói đến những sai-nhầm vì thiếu cẩn-thận trong một số các sách cần đến một cách viết đúng-dắn, ngay trong Việt-nam tự-diễn của Hội Khai-trí tiến-đức. Ta sẽ không nói đến những sai-nhầm vì thói-quen của một vài dân miền, viết theo âm phát ra, như ở trong Nam người ta viết *ban* thành *bang*, *vãng* thành *vắn*, vv. Vậy ta chỉ nói đến những sai-nhầm do một số người đặt chữ “quốc-ngữ” và phiên-âm các tiếng Việt đã để lại cho chúng ta mà phân-biệt những điều nhận thấy với những điều luận ra.

41 I. — Những điều nhận thấy.

a) *Trong ghi-âm.* — Theo Việt-nam văn-phạm Trần trọng Kim, bản-chữ Việt gồm có 12 chữ âm-chính: *a, ă, â, e, é, i, ỹ, o, ô, ơ, u, ư*, và 25 chữ âm-phụ: *b, c, ch, d, đ, g (gh), gi, h, k, kh, l, m, n, ng (ngh), nh, p, ph, q, r, s, t, th, tr, v, x*. Những chữ ấy, cũng như trong phần-nhiều các ngữ dùng chữ rô-ma, không diễn-tả hết các âm trong ngữ Việt, mà cũng không diễn-tả được đúng, nên người ta thấy:

42 — Về âm-chính, một chữ âm này là một chữ âm khác biến giọng mà thành: *ă, â*, chỉ là *a, ơ* có giọng ngắn mà không phải là hai âm-chính riêng như người ta vẫn tưởng, vì ngay cách gọi tên hai chữ ấy cũng chỉ là *a, ơ* có thanh sắc: *á, ó*. Vả lại nếu về *a, ơ* ngắn người ta có *ă, â* trong *băng, bâng*, người ta không có dấu nào khác để chỉ *u, ư* ngắn trong *bung, bưng*, trong khi *o, ô* dài trong *bop, bốp* lại ngắn trong *bong, bông*.

Ngoài ra, **a** trong *anh*, *ach* chỉ là **e** vì theo cách phát-âm trên kia, đầu lưỡi đã áp lên gan-lợi mà phát ra một âm-chính trước cùng loại với **ê**, **i** trong *ênh*, *êch*, *inh*, *ich*, và **a**, **â**, trong *ay*, *ây* chỉ là **e**, **ê** vì cùng một cử-động như thế trong khi **a**, **â** trong *au*, *âu* lại là **o**, **ô** vì cuống lưỡi đã nâng sát màng-cửa mà phát-âm³⁶.

43 — Về âm-bán, các âm-bán đều do những chữ âm-chính chỉ cả: **o** trong *hoa*, **u** trong *qua*, nhất là khi nó đứng cuối tiếng: *đau*, *cau*. Trái lại âm-bán trước mà người ta thấy ở cuối tiếng như trong *bay*, *say* thường bị dùng lầm trong *quy*, *ky*, ngay trong *yếu*, ba tiếng chính ra cùng-tận-cùng hay bắt-đầu bằng một âm-chính: **kwi**, **ki**, **iêw**.

44 — Về âm-phụ, một chữ theo tên gọi tưởng là diễn âm này thì khi đem dùng lại diễn âm khác: những chữ **e**, **g**, có-lên “ép” (*xê*, *jê*) lại diễn một âm-cản trong *con gấu*; những chữ **l**, **r**, **s**, **x**, tuy có tên “sau-chính” (*e-lờ*, *e-rờ*, *ét-xờ*, *ít-xờ*) mà chỉ diễn những âm trước-chính trong: *làm rồi sẽ xuống*.

Hai ba chữ ghép lại mới thành một âm: **ch**, **gh**, **ng**, **nh**, **nh**.

Hai chữ cùng chỉ một âm: **g** và **gh** trong *ga*, *ghe*, **e** và **k** trong *ca*, *ke*, **ng** và **ng**h trong *ngõ-nghe*.

Riêng ba chữ âm-cản-ép **nh** và **ch** ở đầu tiếng như trong *nhà*, *nho*, *cha*, *cho* đã dùng nhầm để chỉ âm-cản mũi ở cuối tiếng như trong *anh*, *inh*, hay âm-cản miệng ở cuối tiếng như trong *ach*, *ich*. Thật ra ở cuối tiếng nào cuống lưỡi cũng đập lên màng-cửa và với những nhận-xét về âm-chính trên kia, ta phải chua các tiếng ấy là **enk**, **ink**, **ek**, **ik**.

45 b) *Trong ghép âm*. — Ghép lại với nhau, những chữ ấy không diễn-tả các âm theo những lệ nhất-định:

³⁶ Xem những lời-giảng rõ-ràng ở *Phonologie vietnamienne* (Tome I).

— Về âm-chính, cùng một âm-chính cuối có-thể do hai chữ khác nhau diễn-tả tùy theo âm-chính trước là âm nào: với *a, o*, người ta có *ao, eo*, nhưng với *ê, i, ơ, u*, người ta có *êu, iu, ou, uu*. Hai âm cuối có-thể do cùng một chữ diễn-tả tùy theo âm-chính trước là âm nào: cùng một chữ *u* cuối, với *ơ* người ta có *ou* trong *rượu*, nhưng với *â* người ta có *âu* trong *râu* đọc bằng giọng khác.

46 — Về âm-bán, cùng một âm-bán trong hay đầu tiếng có-thể do hai chữ khác nhau diễn-tả tùy theo âm-chính sau là âm nào: với *a, e* người ta có *oa, oe* trong *hoa, hơe*, nhưng với *ê, ơ*, người ta có *uê, uơ* trong *thuê, thuơ*.

Cùng một âm-bán trong có-thể do hai chữ khác nhau diễn-tả tùy theo âm-phụ trước là âm nào: với *h* ta có *hoa, hơe*, nhưng với *q* ta có *qua, que*.

Cùng một chữ âm-chính có-thể khi thì chỉ một âm-bán, khi thì chỉ một âm-chính tùy theo âm-phụ trước là âm nào, hay tùy theo cả hình-thức của âm ấy: với *q* người ta có *qua, qui*, nhưng với *m* người ta có *mua, mui* trong khi với *e*, chữ chỉ cùng một âm với *q*, người ta cũng có *cua, cui*.

47 — Về âm-phụ, cùng một chữ cuối có-thể theo bất-cứ một âm-chính nào, dài hay ngắn, khi chữ âm-chính đã có dấu riêng: với *a, ă; ơ, â; oo, o; ôô, ô*, người ta lần-lượt có những vần sau đây:

{	<i>ap, at, ac, am, an, ang</i>	{	<i>ơp, ơt, ơc, ơm, ơn, ơng</i>
{	<i>ăp, ăt, ăc, ăm, ăn, ăng</i>	{	<i>âp, ât, âc, âm, ân, âng</i>
		{	<i>oong</i>
		{	<i>ông</i>

Cùng một chữ cuối có-thể theo các hạng âm-chính khác nhau, khi người ta đã cố-ý cho mỗi âm một giọng riêng: với nhóm *o, ô, u, ư*, chữ *e* lập thành những vần ngắn: *oe, ôe, ue, ưe*, nhưng với nhóm *e, ê, i* chữ *e* lập thành những vần dài: *ee, êe, ie*.

Cùng một âm-phụ đầu có-thể do hai chữ diễn-tả tùy theo âm-chính sau là âm nào : với nhóm **a, o, ô, ơ, u, ư**, chữ âm-phụ đầu sẽ là **c, g** hay **ng**, nhưng với nhóm **e, ê, i**, chữ âm-phụ đầu sẽ là **k, gh** hay **ngh** như sau đây :

k **ê**, **kê**, **ki** bên cạnh **ea, eo, cô, cơ, eu, cư**
g **he, ghê, ghi** — **ga, go, gô, gơ, gu, gur**
nghe, nghệ, nghi — **nga, ngo, ngô, ngơ, ngu, ngư**

48 c) Trong *chưa-thanh*. — Về *chưa-thanh*, những lối biểu giá-trị âm và ghép âm một cách sai-nhầm có kể-quả là khiến dấu-thanh nhiều-khi dùng không đúng chỗ. Giờ quyền Việt-nam tự-diễn ta thấy :

Dấu-thanh đứng nhầm trên âm yếu chứ không phải âm mạnh trong một số âm-chính : nếu dấu-huyền đứng trên **i** trong *đia* thì nó lại đứng trên **ê** trong *điều* tuy **i** vẫn là âm mạnh trong cả hai tiếng ; nếu dấu-nặng đứng dưới **u** trong *lụa* thì nó lại đứng dưới **ô** trong *luộc* tuy **u** vẫn là âm mạnh trong cả hai tiếng ; nếu dấu-sắc đứng trên **ư** trong *cửa* thì nó lại đứng trên **ơ** trong *cười* tuy **ư** vẫn là âm mạnh trong cả hai tiếng.

Dấu-thanh đứng nhầm trên âm-bán chứ không phải âm-chính trong một số văn bản-trước : nếu dấu-sắc đứng trên **i** trong *quí* thì nó lại đứng trên **u** trong *úy* tuy **u** vẫn là âm-bán trong cả hai tiếng, nhất là trong *quýnh* ta lại thấy nó trên **ư** ; nếu dấu-nặng đứng dưới **i** trong *quí* thì nó lại đứng dưới **u** trong *tuy* tuy **u** vẫn là âm-bán trong cả hai tiếng, để rồi lại đứng dưới **ê** trong *luyện* tuy **ư** mới thực là một âm **i** mạnh nhất nhóm *uyê*.

49 2. — Những điều luận ra. — Muốn tìm duyên-cớ của những nhầm-lẫn trên đây, ta có-thể đi từ cái diễm gốc là chữ “ quốc-ngũ ” mới có trong vòng gần ba trăm năm nay, và tuy qua mấy lần sửa-đổi của các cổ-đạo, thứ chữ ấy vẫn còn ở thời-kỳ non-nớt, do những người không phải là người

Viết đặt ra cho người Việt dùng. Như vậy, chịu trách-nhậm trước tiên là người đặt chữ đã đành, nhưng những kẻ dùng chữ mà không biết vun-xới cho chữ một ngày một đúng, một ngày một hay chẳng là một điều đáng tiếc lắm sao ! Dù sao, từ cách diễn-âm, ghép âm đến cách chua-thanh, mỗi cái trái tai nghịch mắt đều có duyên do ở sự học mượn lập nhờ mà ra cả, và vì đó ta cũng nên đoán qua ý-kiến của người Pháp về ngữ ta ra sao.

50 a) *Chữ rôma qua quan-niệm về chữ của người Pháp.* — Chữ rôma tuy do mấy cổ-đạo Poóctugan đem vào xứ này, nhưng sau được cổ de Rhodes sửa-đổi thì hoàn-toàn như một sản-phẩm của người Pháp, vì từ cách gọi tên đến cách ghép chữ, mỗi-mỗi đều có dấu-vết của người Pháp pha vào. Và chính vì đó mà có những chỗ luộm-thuộm như trên kia.

Với sự quen-dùng của người Pháp, **e, g** có một tên “ép” (xê, jê) và một giọng “ép” trước **e, ê, i**, như trong : *cette*, này, *céder*, nhường, *cible*, bia, *germe*, mầm, *gémir*, rên, *gibier*, con thối, trong khi trước **a, o, ô, u**, hai chữ ấy có một giọng “cân” như trong : *car*, vì, *comme*, như, *côte*, bờ bệ, *culture*, đồng, *gare*, ga, *goûter*, nếm, *guider*, dẫn. Bởi vậy trong ngữ Việt, muốn giữ một giọng “cân” trước **e, ê, i**, họ “tưởng” cân phải đổi **c** thành **k**, **g** thành **gh**, và nhân đó **ng** thành **ngh** mà quên rằng chữ chỉ là một lệ-tức và ngữ Pháp là ngữ Pháp, ngữ Việt là ngữ Việt.

Với sự nghèo chữ của người Pháp, **ch, ng, nh** là một chức-cùng để chỉ những âm đáng-lẽ phải do những chữ đơn diễn-tả, trong khi ở ngữ Itália người ta viết **ch** uốn lưỡi (tr) là **c**, ở ngữ Etpánha người ta viết **ng** là **ñ**.

51 b) *Âm Việt qua quan-niệm về âm của người Pháp.* — Có-lẽ khi áp-dùng chữ rôma vào sự diễn âm Việt, các cổ-đạo xưa đã lúng-túng nhất trước hai cái giọng riêng thường đi-dôi với nhau mà họ thấy trong **an — ản, oong — ong, vv.** Bởi

vậy họ đã dùng không trừ một cách nào đến tay họ được :

Ở chỗ này, họ cho rằng hai giọng dài ngắn của âm-chính là do chính âm ấy mà ra nên họ đã tạo ra hai chữ âm-chính *ă* đối với *a*, *â* đối với *ơ*. Sau này người ta còn kiếm thêm một cách là viết kép chữ âm-chính để tỏ giọng dài : *oo* đối với *o*, *ôô* đối với *ô*.

Ở chỗ khác, tưởng như họ cũng có đôi-chút hiểu-biết về ảnh-hưởng của âm-phụ sau đối với âm-chính trước nên đã thêm *h* vào *e* để diễn-tả những vần *êch* đối với *êc*, *ích* đối với *ic*, *ach* đối với *ec*, hay đổi *g* thành *h* sau *n* để diễn-tả những vần *êngh* đối với *êng*, *inh* đối với *ing*, *anh* đối với *eng*. Thực ra đó chỉ là một cách dùng nhầm chữ vì hiểu nhầm tính-cách của âm như ta đã thấy.

Nhưng ở nhiều chỗ rõ-ràng họ đã nghĩ rằng có một loại âm-phụ riêng đi-đôi với một loại âm-chính riêng sẽ tạo ra một giọng riêng. Không nói gì đến các âm đầu như chúng tôi đã kể trên kia với *c* — *k*, *g* — *gh*, v.v., âm-phụ cuối *e* đi với *ă*, *â*, *o*, *ô*, *u*, *ư* có một giọng riêng : *êc*, *éc*, *oc*, *óc*, *uc*, *urc*, mà đi với *a*, *e*, *ê*, *i*, *ơ*, lại có một giọng riêng : *ac*, *ec*, *êc*, *ic*, *ơc*.

Nói cho đúng, người đặt chữ đã làm việc thiếu những nguyên-tắc nhất-định rõ-ràng không phải vì lỗi ở họ mà ở một môn học-âm-lời hãy còn sơ-sốt. Nay theo những nguyên-tắc mới về âm-thanh ta, đã đến lúc ta đặt được những sửa-đổi của ta trên nền-lảng bền-vững của những cái gì giảng-giải được, chứng-minh được.

CHƯƠNG III

Chương-trình sửa-đổi cách ghi âm-thanh

Một âm thường do một chữ diễn-là : đó là *chữ đơn*. Nhiều khi vì thiếu chữ, người ta phải ghép hai ba chữ làm một để diễn-là một âm : đó là *chữ ghép*, và chữ ghép do hai chữ lập thành gọi là *chữ-hai*. Tất-cả những âm trong một thứ ngữ hạp thành *bản-âm* thì tất-cả những chữ diễn-là những âm ấy cũng hạp thành *bản-chữ*. Ngoài ra vì còn có thanh, ngữ Việt cũng cần đến một số dấu-thanh hạp thành *bản-dấu-thanh*.

Nhưng có một điều đáng chú-ý về bản-chữ Việt là bản-chữ ấy tới nay, vì một đích dung-hòa, đã thu-gồm tất-cả những âm ghi được trên đất Việt mà diễn ra một cách tổng-quát, nên có chữ miền này đọc thế này mà miền khác đọc thế khác : đó là vì những lý-do lịch-sử và thổ-ngoi. Bởi vậy người Bắc không nên bực-mình rằng chữ *r* họ không quen đọc mà vẫn có trong bản-chữ, người Nam không nên phàn-nàn rằng chữ *v* họ khó phát-âm mà chưa bỏ đi. Bản-chữ Việt là bản-chữ chung của nói-giống ta, không thể phân-biệt miền nọ miền kia mà cũng không thể vị riêng miền nào cả.

Còn những chữ mà mỗi miền đọc khác nhau một chút, chúng tôi đã chỉ rõ trong mục “sự phát-âm” mà chọn lấy giọng đáng coi là giọng chính để sửa-đổi theo giọng ấy. Vậy chương-trình sửa-đổi này gồm có hai điểm chính : sửa-đổi bản-chữ và sửa-đổi bản-dấu-thanh.

52 A. — SỬA-ĐỔI BẢN-CHỮ. — Tính-cách các âm Việt trên kia chúng tôi đã nói qua và đã vạch rõ những cái thừa cái thiếu của bản-chữ Việt. Nhưng không phải chỉ có thừa hay thiếu mà thôi : còn những sai-nhầm phải chữa lại, những lộn-sộn phải xếp lại. Bởi vậy việc sửa-đổi bản-chữ này phải theo năm cách.

- Bỏ bớt những chữ thừa.
- Thay những chữ không tiện bằng những chữ tiện hơn.
- Sắp lại những chữ dúng lộn.

— Tạo thêm những chữ thiếu.

— Thu lại thành đơn những chữ ghép.

53 1. — Những chữ thừa phải bỏ : ă, â, oo, ôô. — Như ta đã biết, giọng dài, ngắn của âm-chính trước do âm-phụ sau định-đoạt. Chữ âm-phụ sau phải là một cái “dấu” để chỉ rõ lượng âm-chính trước, vậy đặt những chữ để chỉ lượng ấy là thừa.

Những chữ thừa ấy, ta đã có dịp nói đến rất nhiều là : ă, â, oo, ôô, và nay bỏ đi, ta sẽ đem số chữ âm-chính Việt từ 11 xuống 9, con số chính-dáng mà vì từng thế trước bài toán “thường, ngắn”, các nhà đặt chữ đã tăng thêm một cách vô-lý.

Nhờ bỏ hai chữ ă, â, ta sẽ thoát được cái nạn phải nghe những cách đánh-vần trở-lại :

tăm : “tê-á-em-tăm huyền tăm” với một âm-chính có thanh trắc trong một tiếng bằng.

bắt : “bê-á-tê bắt sắc bắt” với một thanh trắc thêm vào một tiếng trong đó âm-chính đã có thanh trắc.

Nhưng cái lợi lớn nhất là nhờ đó các nhà “cải-cách” đỡ hân ra tán vào về một cái gì chỉ có ở trong trí tưởng-tượng, và các nhà khảo-cứu từ nay chú-ý được đến âm-phụ cuối là động-cơ chính trong những biến-đổi về lượng của âm-chính.

Lệ như khi *tăm* 𣎵 và *bắt* (bát) 𣎵 cho ta *tăm* (tăm) và *bát* (bát) thì chính là âm-phụ cuối đã biến từ lỏng đến chặt mà khiến âm-chính trước biến từ dài đến ngắn, chứ không phải là tự âm-chính ấy đã biến từ hình-thức *a* đến *ă*.

54 2. — Những chữ không tiện phải thay. — Có một số chữ mà cách-dùng hơi bất-tiện trong khi có những chữ giản-dị hơn hay tiện hơn : ta sẽ lần-lượt thay những chữ ấy đi cho hân-chữ hoàn-toàn thêm.

a) **Â** thay cho **ơ** — Ở mục trên ta đã nói đến hai âm không hề có là **ă** và **â**, và đã quyết bỏ hai chữ âm ấy. Nhưng xét ra chữ **ă** với cái dấu-mũ để coi hơn chữ **ơ** với cái râu lồi-thò. Ngoài ra **ă** rất tiện cho ba việc :

Về xếp chữ trong bản-âm, như ta sẽ thấy trong bản-chữ Việt mới, **ă** đi với **ê** và **ô** là những âm cùng loại “trung”, nên rồi ra dấu-mũ sẽ thành một dấu tiện-lợi để chỉ riêng những âm trung mà giúp cho sự học võ-lòng của trẻ nhỏ dễ-dàng hơn.

Về xếp chữ trong máy-chữ, đáng-lẽ phải dùng 7 chữ **e, a, o, ơ, i, u, u** và một dấu-mũ để chỉ 9 âm-chính Việt, ta sẽ chỉ cần 6 chữ mà bỏ **ơ** vì $e + \wedge = ê, a + \wedge = â, o + \wedge = ô$.

Về cấu-tin-diện, **ơ** không có dấu nào, trái lại **ă** ứng với **â** Pháp tuy ở mỗi ngữ là một âm khác nhau.

Như vậy **ă** sẽ được dùng không phải với tên “ơ” cũ mà là với tên “ơ”, còn **â** ngắn hay thường là do âm-phụ sau chặt hay lỏng. Và bản-chữ âm-chính của ta sẽ thành :

e, a, o, ê, â, ô, i, u, u

Nhờ đó khi bàn về những biến-đổi từ ngắn đến dài của **ă**, ta vẫn có cùng một chữ âm-chính mà chỉ có chữ âm-phụ cuối là biến :

Nho

Nôm

Ñ > N { **ă** **găn** (chán) : **gân** (chơn)

P > B { **ă** **hăp** : **hăp** (hóp)

55 b) **Y** thay cho **i** bán lỏng. — Tất-cả những âm **i** sau-chính trong các vần **ai, oi, oi, ói, ui, ui** đều là những âm bán phải do **Y** chỉ. Ta có **Y** trước-chính và sau-chính như sau đây :

Trước : **ye, ya, yo, yê, yâ, yô, yi, yư, yu**

Sau : **(ey), ay, oy, (éy), ây, ôy, (iy), uy, uy**

Trong các cuộc khảo âm ta thấy rõ thế nào là một âm-chính **l** hay một âm-bán **y** :

	Nho		Nôm
I > Y	尉 wí (úy)	:	ủy (an-ủi)
	隹 çwí (chùý)	:	zủy (dúi)
	Tàu		Nho
I > Y	點 tyên	:	diêm (điêm)
	免 myên	:	miên (miễn)

Và những vần như *yêu, quyen*, chính ra có một âm-chính **l** sẽ phải viết : *lêw, kwiên*.

56 c) **W** thay cho **u**, **o** bán lỏng. — **W** có những cách dùng trước-chính hay sau-chính. Riêng về âm-bán sau-chính, thật ra nhờ **w** mà ta sửa lại được hai vần *ao, eo* thành *aw, ew*. Ta có :

Trước : *we, wa, wo, wê, wà, wô, wi, wir, wu*
 Sau : *ew, aw, (ow), êw, áw, (ów), iw, urw, (uw)*

Trong các cuộc khảo âm **w** dễ thành **u** hay ngược lại :

	Nho		Tàu
W > U	𠂔 hwá (hóa)	:	kủô (của)
	𠂔 hwà (hòa)	:	lúô (lúa)
	Tàu		Nho
U > W	火 hủô	:	hwả (hỏa)
	裸 lủô	:	lwã (lõa)

57 d) **D** thay cho **đ**. — Chữ **đ**, nói cho đúng, về mặt dùng chữ không có gì là trái với lẽ-phải. Nhưng vì muốn cho hợp với cách viết thông-thường mà tiện cho sự học ngữ-ngoài của ta, ta nên đổi **đ** thành **d** là chữ mà ta sẽ có **z** thay. Ta sẽ có **d** dễ đi-đổi với **t** :

Lỏng : *de, da, do, dê, dâ, dô, di, dư, du*
 Chặt : *te, ta, to, tê, tá, tồ, tì, tư, tu*

58 e) K thay cho e, q. — Như ta đã thấy, **k, e, q** cùng chỉ chung một âm-cản màng-cửa. Nếu dùng riêng **k** để chỉ âm ấy, không những ta biết trọng luật “mỗi âm một chữ” mà còn dùng được chữ thừa **e** để thay **tr** như dưới đây. Ta sẽ có **k** để đi-đổi với **g** là chữ có một cách viết lổ-lã **gh** trước **e, ê, i** cần phải bỏ:

Lỏng : **ge, ga, go, gê, gá, gô, gi, gur, gu**

Chặt : **ke, ka, ko, kê, ká, kô, ki, kur, ku**

Trong các cuộc khảo-âm, những biến-đổi giữa **g, k** trước-chính sẽ rõ-ràng, không còn khi là **e** khi là **q** nữa :

	Nho	Nôm
$K > G$	ㄗ Kí (kỳ)	: gí (ghi)
	ㄗ Kận (cận)	: gận (gần)
	ㄗ Kwá (quá)	: gwá (góa)

59 f) Z thay cho d. — Chữ **d** mà ta thường gọi là “**dê trên**” chính là chữ “**dê**” trong ngữ Âu mà chỉ khác “**dê**” (**đ**) Việt một cái vạch ngang. Nay thay **d** bằng **z**, không những đem được vào bản-chữ Việt một chữ đã thông-dụng trong các nước mà còn lấy được **d** để thay vào **đ**. Ta sẽ có **z** để đi-đổi với **s**³⁷.

Lỏng : **ze, za, zo, zê, ză, zô, zi, zur, zu**

Chặt : **se, sa, so, sê, sá, sô, si, sur, su**

60 g) F thay cho ph. — Trong ngữ Anh, ngữ Pháp, **ph** dùng lẫn với **f** : *phonographe, phonograph*. Nhưng sự ghép một chữ âm-cản với một chữ âm-thở để chỉ một âm-ép mỗi là một điều không những vô-lý vì hai chữ ấy không dính-dáng gì đến âm phải phát, mà còn là một điều thừa vì sẵn

37 Xem sự đổi chỗ lẫn cho nhau giữa **s** và **x**, § 52.

có **f** rồi. Dù ta muốn nghĩ đến thứ âm-căn thờ mà người ta dự-đoán là hồi xưa có-thể có, âm ấy nay không còn nữa. Họa-chăng là ta phải tìm đến âm **phô** trong quốc-ngữ Tàu, một âm đi từ **p** mà đọc phỉ ra như ta đọc phỉ t trong **th**, **k** trong **kh**. Vậy ta có **f** để di-dôi với **v**.

Lồng : **ve, va, vo, vê, vâ, vô, vi, vư, vu**

Chặt : **fe, fa, fo, fê, fâ, fô, fi, fur, fu**

Những biến-dổi từ âm Tàu qua âm nho cho ta thấy **ph** và **f** khác nhau ra sao :

	Tàu	Nho
Ph > F	批 phỉ	: fê (<i>phê</i>)
	譜 phủ	: fồ (<i>phồ</i>)

61 b) **J** thay cho **gi**. — Một số lớn các tiếng có **gi** trong ngữ Việt chính ra bắt-dầu bằng một âm-ép của mà ta phải chưa bằng **j** để cho di-dôi với **x** :

Lồng : **je, ja, jo, jê, jâ, jô, ji, jur, ju**

Chặt : **xe, xa, xo, xê, xâ, xó, xi, xur, xu**

Âm **j** ấy thường gốc ở một âm-căn măng-của **k** Tàu hay căn-ép của **c** (*tr*) nho :

	Tàu		Nho
			xưa nay
K > J	膠 Kyaw	: kaw ³⁸	jaw (<i>giáo</i>)
	解 Kyắy	: kắy	jắy (<i>giải</i>).
	Nho		Nôm
C > J	紙 cỉ (<i>chỉ</i>)	: jễ ³⁹	giấy
	者 cả (<i>trả</i>) ³⁹	: jả	giả

62 i) **S** thay chỗ **x** và ngược lại. — Về vấn-đề này mới trông ta đã nghĩ ngay đến những nỗi lộn-xộn trong sự viết-lách. Nhưng nếu chúng tôi “dám” nêu ra cũng vì nhiều cơ :

38, 39 Xem *Phonologie Vietnamienne* (Tome II).

Người đặt chữ, trong lúc tưng chữ đã dùng chữ **s** để chỉ một âm-cần của trong khi ở ngữ khác chữ ấy chỉ một âm-cần răng. Chữ **s** dùng đúng việc sẽ đỡ cho ta mỗi khi học ngữ ngoài — mà đây là điều không tránh được — phải dùng trí-nhớ định lại giá-trị cho nó.

Chữ **x** chính là để chỉ âm **ks** hay **gz** trong ngữ Anh, ngữ Pháp, nên lập thành bằng **s** và **c** giáp lưng nhau. Cũng chữ ấy, khi dùng để chỉ âm-ép của, ta sẽ hiểu là: “**s** (âm-gan-lợi) đọc theo giọng uốn lưỡi của **c** (âm-cửa)” mà ứng với **ch** trong tiếng Pháp *chien*, chó, hay **sh** trong tiếng Anh *ship*, tàu, tuy nó không phải bản là âm ấy.

63 j) Nz thay cho nh đầu. — Nh đầu là một âm-cần-ép mũi rất gần âm-gan-lợi gọi là âm-đầu-cửa. Nhưng nhóm **nh** do một chữ âm-gan-lợi mũi ghép với một chữ âm-thở không có nghĩa gì, nếu không phải là để chỉ một âm **n** thở theo lối **th** chỉ một âm **t** thở, **kh** chỉ một âm **k** thở.

Xét ra trong âm-đầu-cửa mũi ấy ta phân-biệt được một điểm-phát gần với **z** và một giọng cần mũi lấy **n** làm dấu chỉ. Nếu ghép **n** với **z** ta sẽ có một dấu **nz** hiểu theo ý: “âm-đầu-cửa gần âm-gan-lợi **z** có giọng mũi”:

Lồng: **nze, nza, nzo, nzé, nzâ, nzô, nzi, nzur, nzu**
 Cách dùng **nz** này rất tiện-lợi cho các việc khảo âm.

Với âm-ép gan-lợi lồng **z** là một sự hóa-mũi và hóa-cần-ép hay hóa-miệng rất dễ nhận-xét bằng cách thêm bớt] một chữ **n**:

	Nôm		Nôm
$Z > NZ$	$\left\{ \begin{array}{l} ze^{\check{y}} \quad (day) \\ za^{\check{n}} \quad (dăn) \end{array} \right.$	:	$\left\{ \begin{array}{l} nze^{\check{y}} \quad (nđay) \\ nza^{\check{n}} \quad (nđăn) \end{array} \right.$
$NZ > Z$	$\left\{ \begin{array}{l} nzuôm \quad (nhuộm) \\ nzur \quad (nhừ) \end{array} \right.$	:	$\left\{ \begin{array}{l} zuôm \quad (đuộm, ruộm) \\ zur \quad (dừ) \end{array} \right.$

64 3. — Những chữ dùng lộn phải sắp lại. — Vì những ảnh-hưởng của âm-phụ dưới đối với âm-chính trên đã rõ-rệt, vì sự đi-đổi của âm-lòng và âm-chặt đã tự-nhiên, ta phải nghĩ đến một số chữ khác đang diễn-tả những âm không phải là âm mà nó chỉ. Những chữ ấy còn phải sắp-đặt lại cho âm nào vào chữ ấy, và đây là những điều sửa-đổi cần-thiết.

a) **B, p phải dùng vào chỗ riêng của p cuối.** — Hai chữ **b, p** trong ngữ Việt tới nay có hai công việc riêng: **b** thì trước-chính mà **p** thì sau-chính. Sự tìm ra hai loại lỏng, chặt cho ta thấy rằng nếu âm chặt **p** ít thấy ở trước âm-chính, trừ trong vài tiếng dịch-âm như: *pia* (pile), *pingpong*, thì cả hai loại **b, p** đều có ở sau âm-chính. Hai chữ **a, ơ** đã bỏ, tự-nhiên ta phải có:

Lỏng: **eb, ab, ob, éb, áb, ôb, íb, urb, ub**

Chặt: **ep, ap, op, ép, áp, ôp, íp, ưp up**

Nhờ sự phân-biệt giữa âm cuối **b** và **p**, không những ta có những vần ghép rất đúng mà còn diễn-tả nổi một vài vần lạ trong những ngữ-miền. Lạ như ở Nam, tuy người ta nói như ở Bắc: **xáb** (*sáb*), **kéb** (*kép*), **sếb** (*xếp*), **mọb** (*mọp*), **dọp** (*đọp*), hay **tháp** (*thấp*), **lấp** (*lấp*), nhưng người ta không nói **húb** mà nói **húp**.

Và trong sự khảo âm, những biến-đổi giữa **b, p** sau-chính thật là rõ-ràng:

	Nho	Nôm
$P > B$	吸 hấp	: hấb (<i>hóp</i>)
$B > P$	搭 đáp (<i>đáp</i>)	: đáp (<i>đấp</i>)

65 b) *D, t phải dùng vào chỗ riêng của t cuối.* — Cách dùng hai chữ *d, t* trước-chính đã rõ-ràng, nhưng hai tính chất, lỏng của hai âm cuối lời nay do cùng một chữ *t* diễn-tả phải được phân-biệt hẳn-hoại theo kiểu *b, p*. Vậy ta sẽ có :

Lỏng : *ed, ad, od, эд, ад, อด, ld, urd, ud*

Chặt : *et, at, ot, эт, ат, ôt, it, urt, ut*

Cũng như với *b, p*, ta sẽ diễn-tả nổi những âm Nam như

kín-mít, đối với *kín-mít* ngoài Bắc.

Và trong các cuộc khảo-âm, những biến-đổi giữa *d, t* sau-chính sẽ được diễn-tả một cách đầy-đủ :

	Nho	Nôm
D > T	到 kád (cát)	: kát (cất)
	揭 kiéd (kiết)	: kăt (cất)
T > D	定 thạt	: thịéd (thiệt)
	等 bắt ⁴⁰	: viéd (viết)

66 c) *G, k phải dùng vào chỗ của e, eh cuối.* — Chúng ta đã biết rằng *eh* cuối chỉ là một âm *k* trong *ach*. Ngoài ra âm lỏng cuối đối với *k* là *g*. Vậy muốn diễn-tả hai giọng thường, ngắn của âm-chính trước ta phải có :

Lỏng : *eg, ag, og, эг, аг, өг, lg, urg, ug*

Chặt : *ek, ak, ok, êk, âk, ôk, ik, urk, uk*

Những biến-đổi của *g, k* sau-chính sẽ như sau đây :

	Nho	Nôm
G > K	確 ság (xác)	: cắk (chắc)
	判 bág (bác)	: bắk (bóc)
K > G	白 bẹk (bach)	: bặg (bạc)
	辱 tịk (lịch)	: tịặg (tiệt)

⁴⁰ *Bắt* chỉ là một tiếng biến ở *bắt* ra chứ không phải là một tiếng nho. Xem *Phonologie Vietnamienne* (Tome II).

67 d) Ng, nk phải dùng vào chỗ của ng, nh cuối. — Sự tách-biệt nh đầu với nh cuối đã tỏ rằng nh cuối chính là một âm chặt của ng.

Về ng, theo lối biểu về nz, ta có thể coi chữ ấy là khéo léo rồi : mồn chỉ một âm màng-của mũi lỏng người ta đã dùng một chữ âm-màng-của miệng lỏng g để ghép với một chữ âm-mũi n. Như vậy ngh là thừa.

Nay muốn chỉ một âm-màng-của mũi chặt, không gì tiện bằng theo lối ấy mà ghép chữ âm-màng-của miệng chặt k với âm-mũi n để thành nk. Và ta có :

Lỏng : eng, ang, ong, êng, âng, ông, ing, ung, ung

Chặt : enk, ank, onk, ênk, ânk, ônk, ink, urak, unk

Ong, ông, ung, ung không còn đọc như cũ mà đọc theo giọng của oong, ôông. Sự phân-biệt này rất tiện-lợi cho các cuộc khảo âm và ta có thể nói là không cách nào bằng. Một thí-dụ về luật thuận-âm trong sự lập thành tiếng-lấp cho ta thấy rằng chữ n đã thành hẳn một “dấu mũi” trong ng và nk, và muốn tỏ sự hóa-mũi của g, k ta chỉ thêm n vào là đủ :

	Tiếng gốc		Tiếng có-lấp
G > NG	ég (éc)	:	eng-ég (eng-éc)
	biég (biéc)	:	biêng-biég (biêng-biéc)
	bạg (bạc)	:	bàng-bạg (bàng bạc)
K > NK	ték (tách)	:	tenk-ték (tanh-tách)
	bệk (bệch)	:	bễnk-bệk (bễnh-bệch)
	dạk (đắc)	:	dẫnk-dạk (dẫng-đắc)

68 4. — Những chữ thiếu phải tạo thêm. — Soát lại các chữ thiếu mà ta đã bàn đến, có hai chữ âm-chính ă, ơ đã bỏ, một chữ âm-chính ă và hai chữ âm-bán w, ư đã dùng

lại, năm chữ âm-ép **f, z, s, j, x** một chữ âm-cân-ép **nz** và tám chữ âm-cân **b, p, d, t, g, k, ng, nk** đã định rõ việc.

Còn lại hai âm-bán và hai âm-cân mũi chắt mà ta chưa có chữ để chỉ: một công-cuộc tạo chữ không sao tránh được. Nhưng công-cuộc ấy không có gì là “ghê-gớm” vì hoàn-toàn dựa vào những chữ có sẵn mà chỉ thêm một dấu vào cho khác đi. Ta đã biết rằng bốn âm chắt ấy chỉ phát-động mà không phát-mở được (xem §§ 35, 38). Vậy ta có-thể lấy luôn dấu phát-động thông-dùng trong học-âm-lời là **>** mà đặt lên bốn chữ âm lỏng **γ, w, m, n** để tạo những chữ chỉ âm chắt. Dấu ấy không cồng-kênh cho lắm vì chỉ là một dấu-mũi đề dừng, và nếu ta dùng được dấu-mũi trong **ê, â, ô**, không có lẽ gì ta không dùng được dấu ấy trên bốn chữ này. Nếu những chữ có **>** dưới đây trông chưa được gọn, đó là vì cách đục dấu còn thô-sơ, và trong chữ-in, chúng tôi phải tạm để dấu rời khỏi chữ. Vậy ta sẽ có những chữ mới như sau đây mà đáng-lẽ ta còn trình-bày được đẹp hơn, một khi dấu đục liền được với chữ :

69 a) Ỡ phải tạo thêm đề đi-đôi với Ỡ. — Ỡ chỉ âm chắt của **Ỡ**, và khi ghép với âm-chính, cho ta riêng ba vần có Ỡ sau :

Lỏng : (eg), **ay, oy, (éy), ây, ôy, (iý), ury, uy**

Chắt : **ẽy ẻy ỉy**

Ềy (ay), Ểy (áy), là hai vần thường hay gặp, như trong **keỠ (cag), gễỠ (gáy)**. Ngay đến vần **Ỉy** ta cũng thấy khi một người nói **i đừnk (đừng)** hay **Ễy đừnk (áy đừng)** bằng một giọng rất chắt mà thành **Ỉy đừnk**.

Ngay trong sự khảo âm, những biến-đổi giữa **y** và **ỹ** cũng rõ-ràng đặc-biệt :

	Nho	Nôm
y > ỹ {	排 bây (bãi)	: bờỹ (bây)
	起 khăỹ (khởi)	: sẻỹ (xửỹ)
	Nôm	Nôm
ỹ > y {	nzeỹ (nhay)	: nzay (nhai)
	kweỹ (quay)	: kwáy (quái cỡ)

70 b) **W** phải tạo thêm để đi-đổi với **w**. — **W** chỉ âm chặt của **w**, và khi ghép với âm-chính cho ta ba vần có **W** sau :

Lông : **ew**, **aw**, (**ow**), **êw**, **âw**, (**ôw**), **iw**, **uw** (**uw**)

Chặt : **oW** **ôW** **uW**

Ow (**au**), **ôw** (**âu**) là hai vần thường hay gặp, như trong **trờw** (**kow**), (**trầu cau**). Ngay đến vần **uW** cũng thấy được khi một người mẹ gọi con bằng một tiếng **ôw** (**âu**) rất chặt thành **uW**.

Khi khảo về các biến-đổi giữa **w** và **W** sau-chính hai giọng lông, chặt sẽ được diễn-tả một cách đầy-đủ :

	Nho	Nôm
w > W {	育 bây (bảo)	: bóW (báu)
	槽 tây (lào)	: tóW (táu)

54 III. — CHƯƠNG-TRÌNH SỬA-ĐỔI CÁCH GHI ÂM-THÀNH

71 c) Ỡ phải tạo thêm đề đi-đổi với m. — Ỡ chỉ âm chặt của m và khi ghép với âm-chính cho ta :

Lỏng : em, am, om, ẽm, ăm, ơm, im, um, um

Chặt : ẽm, ăm, ơm, ẽm, ăm, ơm, im, um, um

Với ư, ta để ý thấy rằng tuy ta chưa hề nghe thấy một tiếng có ư thường, nhưng phát một vần có ư thường, nghĩa là có m cuối, cũng không khó hơn một vần có ư ngắn chút nào. Trái lại với u, ta vẫn tưởng chỉ có một giọng thường mà thực ra vẫn có một giọng ngắn chỉ nghe thấy trong những ngữ-miền. Một người Bắc với một người Nam cùng nói : tam, tam (lăm), sâm (xom), sâm (xam), nhưng người Bắc nói um-xum mà người Nam nói um-xum với giọng của ăm-xăm.

Những biến-đổi giữa m, m cho ta thấy rõ chỗ sai-khác ấy ra sao :

	Nho	Nôm
M > Ỡ	𑜎 tam	: tam (lăm)
	𑜎 lam	: lăm (lăm)
Ỡ > M	𑜎 sâm (xam)	: sâm (xom)

72 d) Ỡ phải tạo thêm đề đi-đổi với n. — Ỡ chỉ âm chặt của n và khi ghép với âm-chính cho ta :

Lỏng : en, an, on, ẽn, ần, ôn, in, un, un

Chặt : ẽn, ần, ớn, ẽn, ần, ớn, in, un, un

Nhờ $\tilde{n}$, ta diễn-tả được giọng chắt mà ta thấy trong ngữ Nam với những tiếng $s\tilde{a}$ (*xin*), $t\tilde{i}$ n (*tín*), hay trong ngữ Tàu với những tiếng $ts\tilde{a}$ ứng với âm nho $t\tilde{a}$ n (*> tiến*), 𠵿 𠵿 ứng với âm nho $v\tilde{a}$ n, vv.

Những biến-đổi giữa n , $\tilde{n}$ cho ta thấy hai giọng khác nhau ấy ra sao :

	Nho	Nôm
$N > \tilde{N}$	本 $b\tilde{o}$ n	: $v\tilde{a}$ n
	袒 $d\tilde{a}$ n (<i>đản</i>)	: $tr\tilde{a}$ n
$\tilde{N} > N$	恩 $\tilde{a}$ n	: $\tilde{a}$ n (<i>on</i>)
	𠵿 $\tilde{c}\tilde{a}$ n (<i>chán</i>)	: $\tilde{c}\tilde{a}$ n (<i>chơn</i>)

73 5. — Những chữ ghép phải thu lại thành đơn.
— Bản-chữ Việt sửa-đổi đến đây cho ta những chữ đơn sau này :

9 chữ âm-chính : $\tilde{e}$, a , o , $\tilde{e}$, $\tilde{a}$, $\tilde{o}$, i , u , u

4 chữ âm-bán : $\tilde{y}$, $\tilde{y}$, w , $\tilde{w}$

19 chữ âm-phụ : h , l , r , v , f , z , s , j , x ,

b , p , d , t , g , k , m , $\tilde{m}$, n , $\tilde{n}$,

Còn lại 7 dấu ghép : ng , nk , nz , ch , tr , th , kh trong đó ta phải phân-biệt những chữ ghép với những chữ-hai.

Chữ ghép là chữ để chỉ hai âm ghép với nhau nên có-thể do hai chữ ghép thành mà không phạm đến luật “mỗi âm một chữ”. Đó là ca của tr , th và kh .

Tr là một âm-cản trong những tiếng có một nguồn-gốc riêng, “đáng có **tr**”, như **trổ** (trầu) gốc ở tiếng Việt xưa **blổ** (blầu), Mon **blu**, Khơme **Mlu**⁴¹. Chúng tôi sẽ có dịp khảo về cách dùng **tr** này một cách đầy-đủ hơn⁴².

Th, kh là những nhóm âm-cản thổ do một âm-cản ghép với một âm-thổ mà không cần phải thay bằng chữ riêng. Những biến-đổi: 𑜋 **thảy** (thái) > **hảy** (hái), 𑜊 **không** (khổng) > **hông** (hống), hay ngược lại: 𑜌 **hway** (hoại) > **thway** (thoại), 𑜍 **hò** > **thả** (thở) tỏ rằng âm **h** là một âm độc-lập và ngay đến dấu **t'** vẫn thường dùng để thay **th** cũng chưa thật ổn.

Còn lại những ca của **tr** cần-ép và bốn chữ-hai **ch, nz, ng, nk** là những dấu tuy có hai chữ mà chỉ một âm. Với những âm ấy ta cần phải có những chữ đơn mới.

Nhưng tạo một chữ mới để diễn một âm mới là điều còn dễ vì chỉ là thêm vào thói-quen của người ta một cái gì mãi-mãi rồi cũng quen đi. Trái lại, tạo những chữ mới để thay vào những chữ có sẵn là một điều rất khó vì không những thêm vào thói-quen người ta một “thói mới” mà còn bắt người ta bỏ một “thói cũ” đi nữa. Muốn cho thói cũ dễ bỏ để chóng làm quen với cái thói mới, ta phải kiếm một cái gì tuy mới mà vẫn nhắc được cái cũ, khiến khi đi từ cũ đến mới, người ta không hoang-mang, không chán-nản: đó là điều cốt-yếu trong sự tạo chữ.

Bởi vậy trừ khi nào bó-buộc lắm ta mới tạo ra chữ mới, một phần để tránh những khó-khẩn về vật-chất vì phải đục thêm chữ in mới, một phần để chiều theo thói-quen của người

⁴¹ Xem *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* của cổ de Rhodes, và dưới đây, § 127.

⁴² Xem *Phonologie Vietnamienne* (Tome II).

đôi là thói “sợ mới”, những cái mới bắt phải gắng sức. Trong sự thu đơn lại các chữ kép, ta có thể phân-biệt hai ca : dùng những chữ thừa có sẵn như lấy **e** thay cho **tr**, **ç** thay cho **ch**, **ñ** thay cho **nz**, và mượn những chữ lạ như lấy **η** thay cho **ng**, **ñ̃** thay cho **nk**.

74 a) C thay cho tr. — **Tr** cân-ép có âm giống như âm **e** trong tiếng Italya *cicerone* đọc là *tritrêrônê*. Theo bản-chữ mới tới đây, **e** đã bị loại vì đã có **g**, **k** thay ở đầu và ở cuối, vậy ta có thể lấy lại mà dùng vào chỗ **tr**. Ghép với các âm-chính, **e** cho ta :

Chặt : **ce, ca, co, cê, cã, cõ, ci, cū, cu**

Nhờ đó ta phân-biệt được âm cân-ép với nhóm âm cân rung, và trong sự tìm nguồn-âm hay so sánh các âm, cách làm việc mới dễ-dàng như :

	Tàu	Nho
$C > C$	知 cū	: ci (<i>tri</i>)
	住 cū	: cū (<i>trū</i>)

75 b) Ç thay cho ch. — Âm **ch** có thể dùng chữ **ç** của Pháp vẫn gọi là *c cédille* để chỉ. Tuy chữ này chỉ một âm khác trong ngữ Pháp, nhưng lúc này không phải là lúc rập theo khuôn-mẫu Pháp mà chỉ là lúc mượn những cái gì tiện cho ta thôi. Vậy ta sẽ có :

Chặt : **çe, ça, ço, cê, cã, cõ, çí, çū, çu**

Một cái đuôi thêm vào dưới **e** đủ tỏ sự biến-đổi từ cân-ép của đến cân-ép đầu-của trong một số biến âm :

	Nho	Nôm
$C > Ç$	斬 cãm (<i>trảm</i>)	: çém (<i>chém</i>)
	貯 cũ (<i>trữ</i>)	: çử (<i>chứa</i>)

Nhiều người cho rằng **ch** có-thể thay được bằng **ts** vì, là một âm-cản-ép có lẫn cách cử-phát của **t** và **s**, chưa như thể không có hại gì. Thực ra trong **ch**, hai cách cử-phát của **t** và **s** đã nhập làm một mà thành một âm đơn, khác hẳn “nhóm cản-ép” **ts** mà ta thấy trong ngữ Tàu như **tsăw** 草, **tsu** 蘇, vv. Chỗ khác nhau của một âm và một “nhóm âm” là như thế, và các nhà khảo-cứu Âu-Tây vẫn còn lăm về điểm này.

76 c) **Ñ** thay cho **nz**. — Chữ **ñ** này vốn có trong ngữ Etánpáha nay lấy để thay **nz** mà chỉ cùng một âm-cản-ép mũi thật là tiện. Và lại trong **nz** ta nhận thấy một cách cử-phát “cản mũi” do **n** chỉ và một cách cử-phát “ép” do **z** chỉ, thì dấu **~** không khác gì một dấu thay cho **z**. Vậy ta có :

Lòng : ñe, ña, ño, ñê, ñă, ñô, ñi, ñư, ñu

Sự hóa-cản-ép của âm-cản mũi **n** chỉ cần đến sự thêm một dấu ngã, còn sự hóa-mũi của âm-ép miệng **z** hay hóa-miệng của âm-cản-ép mũi **ñ** không ra ngoài sự luân-chuyển giữa hai chữ ấy :

Nho

Nôm

N > **Ñ** { 𑜀𑜂𑜆𑜐 năw (náo) : ñăw (nháo)

Z > **Ñ** { 𑜀𑜂𑜆𑜐 zăṅ (dăng)⁴³ : ñăṅ (nhặng)

Ñ > **Z** { 𑜀𑜂𑜆𑜐 ñiêw (nhiều) : zîêw (diều)

77 c) **ŋ** thay cho **ng**. — Dấu này vẫn thông-dụng trong lối chuyển-viết quốc-tế (International phonetics). Nay đem nó từ địa-hạt chuyên-môn vào địa-hạt phổ-thông, ta có một chữ mà một số người sẵn biết, không có gì lạ mắt mà lại đẹp. Ngoài ra, **ŋ** tượng-trưng một chữ **n** có dưới **g** dễ nhấc được **ng** cũ và khi in cái sẽ là **N**, viết con sẽ là **ŋ**, viết cái sẽ là **ŋ**. Ghép với âm-chính, **ŋ** cho ta :

Trước : ɲe, ɲa, ɲo, ɲê, ɲă, ɲô, ɲi, ɲư, ɲu

Sau : eɲ, aɲ, oɲ, êɲ, âɲ, ôɲ, iɲ, ưɲ, uɲ

⁴³ **Zăṅ** (dăng) chỉ là âm biến sau này của **Zăṅk** (dăng). Xem *Phonologie Vietnamiennne* (Tome II).

78 d) $\tilde{n}$ thay cho nk. — Theo lối các âm chặt của m, n chưa bằng $\tilde{m}$, $\tilde{n}$, ta cũng có $\tilde{n}$ để chỉ âm chặt của n mà có những cách in cái : $\tilde{n}$, viết con : $\tilde{n}$, viết cái $\tilde{n}$. Ghép với âm chính, $\tilde{n}$ cho ta :

Sau : $e\tilde{n}$, $a\tilde{n}$, $o\tilde{n}$, $ô\tilde{n}$, $â\tilde{n}$, $ô\tilde{n}$, $i\tilde{n}$, $u\tilde{n}$, $u\tilde{n}$

Trong các cuộc so âm, chỉ một dấu > thêm hay bớt trên $\tilde{n}$ đủ tỏ những biến-đổi của âm ấy, như n đã tỏ như thế trong các chữ-hai ng và nk. Thí-dụ :

	Nho	Nôm
$\tilde{n} > \tilde{n}$	$\left\{ \begin{array}{l} 𪛗 l\tilde{a}n (l\tilde{a}ng) \\ 𪛗 khw\tilde{a}n (kho\tilde{a}ng) \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} l\tilde{e}n (l\tilde{a}nh) \\ kw\tilde{a}n (qu\tilde{a}ng) \end{array} \right.$
$\tilde{n} > \tilde{n}$	$\left\{ \begin{array}{l} 𪛗 f\tilde{o}n (ph\tilde{o}ng) \\ 𪛗 the\tilde{n} (thanh) \end{array} \right.$	$\left\{ \begin{array}{l} bu\tilde{o}n (bu\tilde{o}ng) \\ ti\tilde{e}n (li\tilde{e}ng) \end{array} \right.$

79 B. — SỬA-ĐỔI BẢN DẤU-THANH. — Thanh cũng như âm, cần có dấu để diễn-tả. Người xưa, khi đặt ra năm dấu 𪛗, 𪛗, 𪛗, 𪛗, 𪛗 để chỉ thanh Việt, kẻ cũng đã lắm công-phu và khéo-léo rồi. Nhưng các nhà “cải-cách” vẫn chưa lấy thế làm mãn-nguyện mà muốn làm một cái gì khác vì quá vụ vào thực-tế và bị lôi-kéo bởi cái óc theo người. Thật ra cái gì nhầm-lẫn ta sửa-đổi đã đành, còn cái gì phải ta vẫn nên có gan nhận là phải ; trước khi bàn về cách chưa thanh Việt ta có-thể nói qua về cách chưa thanh Tàu để biết rằng không riêng gì các nhà “cải-cách” của ta mới hay rắc-rối.

4* **Lương** (lương) chỉ là âm biến của l\tilde{a}ng. Xem *Phonologie Vietnamienne* (Tome II).

30 I. — Cách ghi thanh của Tàu. — Theo lối cổ truyền, người Tàu chia thanh họ ra năm loại: *âm* 陰, *đương* 陽, *thượng* 上, *khứ* 去, *nhập* 入. Trừ *âm* là loại thanh ngang không dấu, bốn thanh kia chưa bằng bốn chấm ở bốn góc chữ, gọi là *tứ thanh* :

dấu *đương-bình* 陽平 ở góc tả dưới (gần thanh sắc Việt)
 dấu *thượng* 上 ở góc tả trên (thanh hỏi »)
 dấu *khứ* 去 ở góc hữu trên (thanh gần như nặng)
 dấu *nhập* 入 ở góc dưới (thanh nặng »)

Nhưng đây là theo âm Bắc-bình. Hiện nay theo âm “quốc-ngữ” Tàu, thanh nhập đã bỏ và trong phép chia thanh, những chấm ấy thành :

	Chữ nho	Quốc-ngữ Tàu	Âm Tàu	Âm nho
<i>âm</i> :	歎	ㄣ ㄨ ㄣ	hwan	hwan (<i>hoan</i>)
<i>đương</i> :	格	ㄍ ㄘ ㄣ	ká	kék (<i>cách</i>)
<i>thượng</i> :	小	ㄒ ㄣ ㄣ	syáw	tiéw (<i>tiều</i>)
<i>khứ</i> :	步	ㄅ ㄨ ㄣ	pu	bộ

Đến cách ghi thanh bằng chữ rôma, bản bố-cáo của hội Trù-bị thống-nhất quốc-ngữ (Quốc-ngữ thống-nhất trù-bị hội) đã cho ta thấy rằng giải-quyết vấn-đề ấy đã mất nhiều công-phu, mà thật ra cái kết-quả vẫn không có gì đáng kể, vì bị bó-buộc trong vòng-hạn mấy chục chữ rôma, cách ghi thanh vẫn phải nhờ đến chữ. Những chữ thanh ghép trong tiếng vẫn để lộ một cái gì rắc-rối, thiếu tự-nhiên, có lúc vô-lý nữa.

31 a) Về thanh âm có hai ca :

— Đề nguyên tiếng khi là một tiếng mà âm phụ đầu không phải là *m, n, l, r* hay là một tiếng tượng-âm hoặc một tiếng-giúp, như :

發	<i>fa</i>	[<i>fa</i>]	nho	<i>phát</i>	[<i>fát</i> ⁴⁵]
都	<i>tu</i>	[<i>tu</i>]		<i>đó</i>	[<i>đó</i>]

— Thêm *h* vào sau âm-phụ đầu khi âm ấy là *m, n, l, r*, như :

發	<i>mhau</i>	[<i>maw</i>]	nho	<i>miêu</i>	[<i>miéw</i>]
拈	<i>nhian</i>	[<i>nyan</i>]		<i>niêm</i>	[<i>niêm</i>]
拉	<i>lha</i>	[<i>la</i>]		<i>lạp</i>	[<i>lạp</i>]
噴	<i>rhang</i>	[<i>jan</i>]		<i>nhương</i>	[<i>ñưan</i>]

82 b) Về thanh dương có ba ca:

— Đề nguyên tiếng khi là một tiếng bắt-đầu bằng *m, n, l, r*, như :

摩	<i>mo</i>	[<i>mố</i>]	nho	<i>ma</i>	[<i>ma</i>]
南	<i>nan</i>	[<i>nán</i>]		<i>nam</i>	[<i>nam</i>]
來	<i>lai</i>	[<i>láy</i>]		<i>lai</i>	[<i>lay</i>]
人	<i>ren</i>	[<i>jấn</i>]		<i>nhân</i>	[<i>ñăn</i>]

— Thêm *r* vào sau âm-chính trong các tiếng khác và khi âm-chính không phải là *i, u*, như :

德	<i>der</i>	[<i>tấ</i>]	nho	<i>đức</i>	[<i>dúrk</i>]
佛	<i>for</i>	[<i>fổ</i>]		<i>phật</i>	[<i>fật</i>]

— Đổi thành *y, w* những âm-chính *i, u* trong những tiếng có hai âm ấy như :

(i)	別	<i>bye</i>	[<i>pié</i>]	nho	<i>biệt</i>	[<i>bịéd</i>]
(u)	國	<i>gwo</i>	[<i>kúô</i>]		<i>quốc</i>	[<i>kúôg</i>]

⁴⁵ Lỗi chuyển-viết “quốc-ngữ” Tàu và Việt đề chữ ngữ, lỗi mới đề chữ *dâm*.

— Thêm *h* vào cuối tiếng nếu chỉ có một âm-chính, như :

大 *dah* [*ta*] nho *đai* [*day*]

Thật là một phương-pháp kỳ-quái, gần như vô-lý, vì các nhà “cải-cách” của hội “trù-bị” này đã trù-bị cho “quốc-ngữ” Tàu một vẻ tĩ-mĩ trái hẳn với những nguyên-tắc học-âm-lời. Đó không phải là lỗi tự chỗ thiếu hiểu-biết về âm-thanh của họ, vì họ phải là những nhà học rộng, mà là lỗi tự óc thiếu độc-lập của họ, khiến họ quanh đi quẩn lại không dám thoát ra ngoài vòng mấy chục chữ rôma của Tây là cái gì, cũng như bao-nhiều cái khác “của Tây” đã không-chế tinh-thần dân Á-Đông này. Rất nhiều người học chữ Tàu qua loại chữ rôma đã phải phàn-nàn về tinh-cách lười-thôi của lối dùng chữ chỉ thanh ấy vậy.

85 2. — Cách sửa dấu-thanh của ta. — Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng thanh là tinh-cách riêng của âm-chính và thuộc vào âm-chính mạnh nhất trong tiếng. Vậy muốn sửa dấu-thanh, dù phải chú-trọng vào cái tiện, cái đẹp, ta vẫn không đi xa được cái nguyên-tắc kia.

Xét ra năm dấu-thanh cũ có nhiều cái không đẹp: dấu thì ở trên dấu thì ở dưới, nhiều dấu dễ lẫn với nhau như huyền với sắc, hỏi với ngã. Nhưng người dân với quần bút trong tay, thấy rằng năm dấu ấy rất tiện, rất dễ. Công-việc sửa dấu-thanh chưa phải là một công-việc gấp-rút vì chỉ thuộc riêng về hình-thức, khác hẳn sự sửa-đổi chữ và âm có quan-hệ đến tinh-thần tiếng-nói. Cái tinh-thức ấy, nếu muốn sửa-đổi, chỉ có hai cách: để dấu sang bên chữ hay để dấu xuống dưới chữ.

86 a) *Đề dấu sang bên chữ.* — Lối này có cái tiện là khiến dấu-thanh rời được khỏi chữ, dù trong máy-chữ hay trong máy-in. Trong máy-chữ, cùng năm dấu đánh sau các chữ âm-chính có thể đi với một chữ con hay một chữ cái,

miễn là ta khéo tìm kiểu dấu cho đẹp, cho nhã. Trong máy-in, các dấu-thanh sẽ ráp vào bên chữ như các dấu-câu, nhờ đó số hộp-chữ giảm đi được nhiều. Lẽ như vờ 9 chữ âm-chính không thanh ta còn có thêm 45 chữ có thanh, cộng lại 54 dấu về âm-chính. Nếu để dấu-thanh rời khỏi chữ, ta chỉ cần : $9 + 5 = 14$ dấu về âm-chính thôi.

87 b) *Đề dấu xuống dưới chữ.* — Những chữ âm-chính, sau khi sửa lại, cho ta ba chữ có dấu-mũi ẽ, ă, ô. Nếu chồng lên ba dấu-mũi ấy còn có dấu-thanh, tự-nhiên chữ mất vẻ sáng-sủa ; nhất là trong máy-chữ, sự đánh dấu-thanh sẽ rất khó-khăn đối với những chữ cái. Trái lại những dấu đề xuống dưới chữ có nhiều cái lợi :

Trong chữ in, mặt chữ đỡ rậm vì bao nhiêu “dấu-âm” đều đề trên và bao-nhiều “dấu-thanh” đều đề dưới, khiến dòng in thêm bề cân-đối.

Trong máy-chữ, dù với chữ cái hay chữ con, chỉ cần năm dấu thôi mà thật là rõ-ràng, minh-bạch, không phải cái nạn dấu dùng cho chữ con không dùng cho chữ cái, khiến số dấu cần đến phải tăng gấp đôi.

Nhân đó các kiểu dấu phải thay đổi ít-nhiều ;

Ba dấu ẽ, ă, ô có-thể cứ theo thể mà dùng.

Dấu ẽ phải đổi thành ẽ cho bớt chỗ mà còn ngụ ý một cái gì xuống rồi “đồng” lên (Xem tên dấu ấy, § 95).

Dấu ă phải bắt từ dưới lên cho hợp với ý “vút” (Xem tên, § 95).

Dù sao theo ý chúng tôi, lối đề dấu thanh xuống dưới chữ vẫn tiện hơn cả vì đỡ phải tìm nhiều kiểu dấu mới mà đề cho cả sự in lẫn sự đánh máy. Còn nếu lối này có những cái bất-tiện mà chúng tôi không tìm ra và chỉ có các nhà chuyên-môn trong nghề in biết thôi — thí-du như còn phải nghĩ đến những ca vach-dưới — chúng tôi xin nhường quyền định-đoạt cho các ngài.

Chúng tôi chỉ biết xin một điều : đừng bao-giờ thay dấu-thanh bằng chữ mà đề xuống cuối tiếng.

CHƯƠNG IV

Chương-trình sửa-đổi cách ghép âm-thanh

Nói đến ghép âm-thanh tức là nói đến ghép vần, là phải định cho các dấu âm, dấu thanh những thứ-tự nhất-định, những cách gọi rõ-ràng. Vậy trước khi xét về vần Việt, ta cũng nên xét trước về âm-thanh.

88 A. — **VỀ ÂM.** — Là một bản-chữ do người Âu đem lại, lẽ tất-nhiên bản-chữ Việt có tính-cách bản-chữ Âu, nhất là tính-cách Bồcơtugan và Pháp. Ta có-thể xét tính-cách ấy qua tên và chữ mà định lấy một phương-pháp sửa-đổi thích-hợp với ta.

I. — **Tên chữ.** — Bản-chữ Việt tới nay vẫn có một cách đọc lộn-xộn không ra thế nào : b (bê), c (xê), d (dê) đ (đê), g (giê), h (hát), k (ca), l (e-lờ), m (e-mờ), n (e-nờ), p (pê), q (cu), r (e-rờ), s (ét-xi), t (tê), v (vê), x (ich-xi), y (i-gờ-rét). Một vài chữ trong Nam còn đọc khác nữa : h (hác), l (eng-lờ), n (ăn-nờ), s (ét-xờ), x (ít-xờ). Ta hãy thử phân-tách xem cách đọc ấy tự đâu mà ra và thế nào mới là một cách đọc xác-đáng.

87 a) **Những sai-nhầm về cách gọi tên chữ.** — Với những tên chữ tận-cùng bằng một âm-chính trong ngữ Pháp, ngoài vài tên khác nhau như k (ca), q (cu), ta đã theo người Pháp dùng ê làm “âm phụ” cho âm-phụ mà gọi tên một số chữ như : b (bê), c (xê), d (dê), đ (đê), g (giê), p (pê), t (tê), v (vê).

Với những chữ tận-cùng bằng một âm-phụ trong ngữ Pháp, nếu không lấy một âm-phụ khác để thay âm ấy như trong : h (hát), y (i-gờ-rét), ta phải nói rõ thêm một âm-chính *ơ* hay *ỉ* vào sau như trong : m (e-mờ), n (e-nờ, ăn-nờ), l (e-lờ, eng-lờ), r (e-rờ), s (ét-xi, ét-xờ), x (ich-xi, ít-xờ).

Vậy không gì vô-lý bằng một chữ có tên “ép” mà ghép thành một vần “căn-đầu” như trong : ca = xê-a ca, ga = giê-a ga. Trong một trăm đứa trẻ mới tập đánh-vần thì chín mươi chín đứa muốn đánh vần trên thành “xê-a xa”

và vần dưới thành “giê-a gia”: lũ trẻ vô-tội ấy đã bị bao-nhiều trận đòn, bao-nhiều lời mắng là “dẫn đầu”, là “ngu-dốt”, mà thực ra chúng nó chỉ là nạn-nhân của những phương-pháp giáo-đục trái với lý-trí.

Rồi đến những chữ có tên hai-vần bắt-đầu bằng âm-chính mà chuyên ghép thành những vần bắt-đầu bằng âm-phụ: *le* = e-lờ-e le, *ro* = e-rờ-o ro, những chữ mà tên vốn có thanh lại ghép được thành những vần không thanh: *ha* = hát-a ha, *su* = ét-si-u su.

Nhưng không gì lôi-thôi bằng một chữ ghép chỉ một âm mà lúc đánh-vần vẫn gọi tách ra: *nga* = en-giê-a nga, *nhu* = en-hát-u nhu.

90 b) *Cách đặt tên mới.* — Vậy muốn đặt tên cho chữ của ta một cách hợp-lẽ, ta phải chú-trọng vào mấy điều sau này:

— Những âm-chính tự nó đã phát thành âm thì âm phát ra là tên của âm và của chữ: e, a, o, ê, â, ô, i, u, u.

Những âm-phụ phải dựa vào một âm-chính thật yếu để tiện cho sự gọi tên và nhất là ghép vần. Âm ấy là âm *ơ*, âm đã dùng để chắp với âm-phụ mà chỉ tên mấy chữ như ta đã thấy: *m* (e-mờ), *n* (e-nờ), *l* (e-lờ), *s* (ê-lờ), *x* (it-xờ), và cũng đã có tiếng là yếu trong ngữ Pháp hay ngữ Anh vì yếu đến cảm được. Nhưng trong sự ghép âm *ơ* với âm-phụ ta nên đề-y rằng:

— Những âm-phụ có chữ đơn ghép với *ơ* mà thành tên đã đánh: *l* = lơ, *r* = rơ, nhưng những âm có chữ kép cũng ghép với *ơ* mà có tên liền *nz* (ñ) = nhơ, mà không phải nơơ. Những nhóm *th*, *tr*, *kh* cũng thế vì dù là chữ âm ghép không thuộc loại *ợ* (chợ), *ơ* (trơ), *ñ* (nhơ), những nhóm này cũng không còn tính-cách của mỗi âm rời mà đọc là *tơơ*, *lơơ*, *cơơ* nữa.

— Những âm chuyên đứng đầu, nghĩa là những âm-thở, rung, ép hay cần-ép cố-nhiên là có tên phụ-đầu : **h** (hơ), **l** (lơ), **r** (rơ), **v** (vơ), **f** (phơ), **z** (dơ), **s** (xơ), **j** (giơ), **x** (sơ), **ç** (chơ), **e** (trơ), **ñ** (nhơ). Nhưng trong những âm vừa đứng đầu vừa đứng cuối được, nghĩa là 12 âm-cần, có 3 âm-cần

mũi chắt : **m̃**, **ñ**, **ñ̃** rất khó phát khi đứng đầu vì vốn là những âm vừa thoát ra đang miệng vừa thoát ra đang mũi, giọng chắt của ba âm ấy không rõ khi quan phát-âm đóng rồi mở (đứng đầu), mà chỉ rõ khi quan phát-âm mở rồi đóng (đứng cuối). Ba âm ấy sẽ có riêng ba tên phụ-cuối, và ta có : **b** (bơ), **p** (pơ), **d** (dơ), **t** (tơ), **g** (gơ), **k** (kơ), **m** (mơ), **m̃** (âm), **n** (nơ), **ñ** (ân), **ñ** (ngơ), **ñ̃** (âng).

— Những âm bán lỏng **y**, **w** sẽ theo cách gọi tên âm-phụ lỏng mà đọc là yơ, wơ, và những âm-bán chắt **ỹ**, **ũ** sẽ theo cách gọi tên những âm-cần mũi chắt mà đọc là : ây, âu bằng cách ghép âm-bán sau với một âm-chính cùng diêm-phát mà mở bơn. **Ây**, **âu** thật ra phải chưa là **êỹ**, **ôũ** như ta đã biết.

— Bất cứ một tên nào cũng dễ không thanh cho dễ ghép vần, và ta có bản-chữ gọi theo những tên sau đây :

e , **a** , **o** , **ê** , **â** , **ô** , **i** , **ư** , **u** ,
y (yơ), **ỹ** (ây) , **w** (uơ), **ũ** (âu), **h** (hơ) , **l** (lơ) , **r** (rơ) ,
v (vơ) , **f** (phơ), **z** (dơ), **s** (sơ) , **j** (giơ), **x** (sơ), **b** (bơ) ,
p (pơ) , **d** (dơ) , **t** (tơ) , **g** (gơ) , **k** (cơ), **m** (mơ), **m̃** (âm),
n (nơ), **ñ** (ân) , **ñ** (ngơ), **ñ̃** (âng), **ç** (chơ), **e** (trơ) , **ñ** (nhơ).

91 c) *Những ích-lợi của cách gọi tên này.* — Sự đặt tên hàng *ơ* và không thanh cho các chữ có nhiều cái lợi :

Trước hết là hợp với tính-cách Việt. Một số người ồm-cũ sẽ trách chúng tôi là câu-kỳ mà đi lạc nguồn gốc của chữ, vì những chữ ấy ở ngữ Pháp đọc là : bê, pê, dê, vv. Thật ra những chữ ấy cũng chẳng phải là của Pháp mà của ngữ Latin. Thế mà cũng một gốc Latin, những chữ trong ngữ Pháp đọc là a, ê, êê... thì trong ngữ Anh đọc là : ê, bi, ci... Ngay đến các chữ Helát người Pháp đọc là : alfa, bêta, li, cappa, thì người Anh lại gọi là : ælfa, bita, phai, cæpæ,

Chẳng qua mỗi giống dân có một cách gọi tên chữ riêng vì, nếu chúng tôi không nhầm, mỗi giống thích riêng một âm hợp với cách phát-âm của họ : dân Pháp thiên về *ê* trong *b, e, d, g* thì dân Anh thiên về *i*. Dân Việt thiên về *ơ* và có những cách dùng chữ riêng khiến có những khả-năng phát-âm riêng, mà gò-ép theo dân Pháp thì làm gì chẳng có những cái vô-lý trong sự gọi tên chữ.

Và lại nếu xét đến cách gọi tên chữ của các dân hàng-xóm với ta, ta thấy họ đã đi trước ta nhiều. Bản-âm Xiêm cho ta những tên thiên về *ơ* : ko, kho, ngo, cho, vv. ; bản-âm mới trong “quốc-ngữ” Tàu cho ta những tên thiên về *ô* : pò, phò, mò, fò, hay về *ơ* : tơ, thơ, nơ, lơ, vv.

Sau là để cho sự ghép vần. Âm *ơ* vốn là âm yếu, tự-nhiên làm nổi bật giá-trị âm-phụ lên : so-sánh giọng *b* trong *bê* và *bơ*. Nhân đó âm *ơ* là một âm rất nhũn-nhặn, không cản-trở gì cho sự ghép âm nọ với âm kia. So-sánh : *hơ-a* ha với hát-a ha, *sơ-e* se với êt-si-e se.

Nhưng cái lợi lớn nhất là cách đánh-vần được giản-tiện đi nhiều. So-sánh :

Lối cũ : *ca, cã, cá, ke, kê, ki, co, cồ, cơ, cu, cừ* với cách đánh-vần : *xê-a ca, ca-e ke, xê-o co, vv.*

lối mới : *ke, ka, ko, ké, ká, kô, ki, ku, ku* với cách đánh-vần rất đều : cơ-e ke, cơ-a ca, cơ-o co, vv.

Cho đến các chữ-hai còn giản-dị hơn nữa. So-sánh :

lối cũ : *nga, ngă, ngá, nghe, nghe, nghi, ngo, ngó, ngo, ngu, ngư* với cách đánh-vần : en-giê-a nga, en-giê-bát-e nghe, en-giê-o ngo.

lối mới : *nge, nga, ngo, ngé, ngá, ngó, ngi, ngư, ngu* với cách đánh-vần : nge-e nge, ngo-a nga, ngo-o ngo, vv.

92 2. — Thứ-tự chữ. — Từ trước tới nay bản-chữ Việt đã theo mấy bản-chữ Âu như Pháp, Anh mà có thứ-tự : *a, â, â, b, c, d, đ, e, ê, g (gh), gi, h, i, k, l, m, n, ng (ngh), nh, o, ô, ơ, p, ph, q, r, s, t, u, ư, v, x, y.*

Nhưng xét ra, thứ-tự ấy không tỏ được một cái gì, ngoài tính-cách một thói-quen rắc-rối, trái hẳn với lẽ phải, cũng vì quá lâu ngày, dân phương Tây tuy biết là không hay gì mà vẫn không bỏ được. Vậy đã là thói-quen thì sao ta không có được một thói-quen riêng, hợp với ta và với lẽ-phải, mà cứ nhất-nhất theo người : chữ là một dấu chỉ âm, âm có từng loại, vậy chữ cũng phải xếp theo loại cho dễ hiểu, dễ nhớ.

93 a) *Cách xếp chữ.* — Sau cuộc sửa-dổi trên kia, ta có-thể coi là bản-chữ Việt đã có giới-hạn nhất-dịnh, tuy chưa có một thứ-tự rõ-rệt. Cái thứ-tự ấy ta đã thấy trong âm, và việc xếp chữ theo loại âm là một dịp tốt cho ta kiểm-diểm lại các âm trong ngữ Việt. Vậy dựa theo bản-âm trên đây, ta có-thể tóm-lắt cách xếp âm — hay xếp chữ cũng vậy — theo phép chia loại sau này :

Trước hết là những chữ âm-chính chia ra các chữ âm rộng : *e, a, o*, các chữ âm trung : *ê, â, ô*, các chữ âm hẹp : *i, ư, u*, mà thành thứ-tự : *e, a, o, ê, â, ô, i, ư, u.*

Sau đến những chữ âm-bán theo thứ-tự : *ý, ỹ, w, ỹ.*

Rồi đến những chữ âm-phụ chia ra các chữ âm-thở :
 h, âm-rung : l, r, âm-ép : v, f, z, s, j, x, ^hâm-cản : b, p, d,
 t, g, k, m, ^hm, ^hn, ^hñ, ^hñ, ^hâm-cản-ép : ç, c, ñ, mà thành
 thứ-tự : h, l, r, v, f, z, s, j, x, ^hb, p, d, t, g, k, m, ^hm,
^hn, ^hñ, ^hñ, ç, c, ñ.

Hai nhóm th, tr, ~~th~~ vì là những chữ âm ghép, sẽ không có mặt trong bản-chữ, nhưng ta sẽ thấy trong thứ-tự bản-chữ sau t với th, tr, ~~th~~. Và bản-chữ Việt sẽ có thứ-tự hoàn-toàn sau đây :

e, a, o, é, á, ô, i, u, u, ^hy, ^hý, w, ^hw, h, l, r, v, f, ^hz,
 s, j, x, ^hb, p, d, t, g, k, m, ^hm, ^hn, ^hñ, ^hñ, ç, c, ñ.

Nhiều người sẽ bảo rằng xếp như thế là trái với thứ-tự quen-dùng của các ngữ Âu-Tây, và mỗi khi lập những điều-lệ, cách tính-kê theo bản-chữ mình sẽ không hợp với bản-chữ người. Chúng tôi nhận có thể nhưng thiết-tưởng chỉ vì muốn tiện cho người trong vài trường-hợp mà bỏ cả cái tiện mãi-mãi cho mình và vì mình, một cái tiện quan-hệ đến cả một nền học của mình, thì chỉ là sự nhầm mắt theo liều. Và lại xét mấy bản-chữ của Helat ~~th~~, ta có thấy giống mấy bản-chữ của Anh, Pháp, Đức đầu, và trong thế-giới này còn biết bao-nhiều giống dân có những bản-chữ khác nhau mà cũng chẳng sao. Bản-chữ của ta cốt dùng cho hơn hai mươi triệu dân ta, từng giờ, từng phút, còn trong sự giao-thiệp quốc-tế, nếu cần ta vẫn có-thể dùng bản-chữ Anh, Pháp mà không hại gì.

Và lại, phóng tầm con mắt mình ra xa hơn một chút, ở quanh ta, ta thấy biết bao-nhiều dân láng-giềng, tuy không dùng lối chuyễn-viết bằng chữ rôma, mà cũng biết xếp bản-chữ theo bản-âm, như dân Ấn-độ với chữ Phạm, dân Xiêm với chữ Xiêm, vv.

94 b) — *Sự ích-lợi của cách này.* — Bản-chữ này có lợi cho sự học vỡ-lòng của trẻ nhỏ không phải là ít. Ngay từ khi mới dạy đánh-vần, người dạy sẽ phân-biệt được rõ-ràng cho trẻ nhỏ thế nào là âm-môi, âm-răng, vv. Gọi là phân-biệt không phải là nói một cách khô-khan bằng thuyết nọ lý kia, mà bằng những thí-nghiệm trước mắt, những thí-du thiết-thực. Thầy dạy sẽ chỉ cho trò-học thấy khi phát âm **a**, lưỡi cử-lộng ra sao, khi phát âm **b**, cặp môi mấp-máy thế nào. Nhờ đó trò-học không những “thuộc” bản-chữ mà còn “hiểu” bản-chữ nữa, vì bản-chữ là bản-âm. Thầy-dạy sẽ không phải chịu những nỗi bực-mình về sự lâu hiểu, lâu nhớ, nói ngọng, nói nhịu của trẻ nhỏ nữa, mà trẻ nhỏ cũng đỡ phải những trận đòn oan vì nó ngu thì ít, mà vì người dạy thiếu tư-cách thì nhiều.

Nhất là đối với những trò người Nam, muốn dạy cho đọc đúng bản-vần Việt không phải cứ bắt nói theo là đủ. Chẳng hạn như chữ **v** mà họ thường hay đọc thành **γ**, không phải là họ không đọc được mà là họ chưa quen đọc hay không biết cách đọc. Nay nếu ta nhắc cho họ nhớ rằng đó là một âm-môi-răng, muốn đọc phải sát răng-cửa dưới vào môi trên mà phì ra, tự-nhiên họ làm-quen với **v** một cách dễ-dàng.

Không nói gì **v** là chữ dễ tập và cách phát âm thấy rõ ngay. Đến chữ **ḡ** trong **enḡ** (*anh*) mà người Nam đọc thành **an** (*ăn*) và là chữ chỉ thử âm ngậm tận cuối miệng, muốn tập cũng không khó gì. Một người dạy hiểu về âm-thanh — chính ra người nào cũng nên hiểu mới phải — sẽ nhắc cho người học rằng đó là một chữ âm-màng-cửa. Vậy muốn phát âm ấy phải nâng cuống lưỡi lên sát màng-cửa mà giữ cho đầu lưỡi bám lấy hàm dưới. Chừng nào người tập không làm chủ được mình mà để lưỡi bật lên rặng trên trong khi cuống lưỡi vẫn không nhúc-nhích, thì **enḡ** (*anh*) vẫn thành

ã (ãñ); nếu không ta sẽ có đúng vần muốn phát.

Như vậy thuộc một bản-chữ theo bản-âm là dễ nhớ được tính-cách mỗi âm và tránh được những cảnh phát-âm sai-nhầm.

95 3. — Bản-kê các chữ Việt. — Nói tóm lại, bộ mặt bản-chữ Việt sẽ thay-đổi rất nhiều, không những vì các cách-dùng mới của từng chữ mà còn vì mấy chữ mới đã đem được vào ngữ Việt. Ta có-thể nêu tất-cả những chữ Việt với âm nó chỉ trong bản-kê sau đây :

Â M	CHỮ	Trước-chính		Sau-chính	
		Mạnh	Yếu	Mạnh	Yếu
ÂM - CHÍNH					
Rộng	trước	e			
	giữa	a			
	sau	o			
Trung	trước	ê			ê
	giữa	â			ư
	sau	ô			u
Hẹp	trước	i	ê		
	giữa	ư	ư		
	sau	u	u		

AM-BẢN					Lồng	Chặt	Lồng	Chặt	
ÂM-PHỤ	Thở	Trước	Hẹp	lồng chặt	Y Y	ya		ay ey	
			Sau	Hẹp	w w	we	ew	ow	
	Rung	Họng	yếu	h	he				
		Cạnh lưỡi	lồng	l	la				
Cán	Ép	Miệng	Đầu lưỡi	lồng	r	ro			
			Môi (sát)	lồng chặt	v f	vê fá			
			Gan-lợi (si)	lồng chặt	z s	zô si			
			Cửa (uốn)	lồng chặt	j x	jur xu			
			Miệng	Môi	lồng chặt	b̄ p	be	eb	ap
				Gan-lợi	lồng chặt	d t	da	ad ta	at
	Mũi	Màng-cửa		lồng chặt	g k	ge ke	eg ke	ek	
		Môi		lồng chặt	m̄ m̄	mé	ém	ám	
		Gan-lợi	lồng chặt	n̄ n̄	ná	án	án		
		Màng-cửa	lồng chặt	ñ ñ	ñé	ên	ên		
Cán-ép	Miệng	Đầu-cửa	chặt	ç	ça				
		Cửa	chặt	e	ce				
	Mũi	Đầu-cửa	lồng	ñ	ñi				

95 B. — VỀ THANH. — Bàn đến những sửa-đổi về thanh, không riêng gì dấu-thanh mới đáng cho ta chú-ý đến. Ngay về cách gọi tên thanh, cách xếp thứ-tự thanh cũng còn nhiều điều đáng nói.

1. — Tên thanh. — Năm tên thanh *huyền, sắc, nặng, ngã, hỏi* mà ta vẫn thường dùng để chỉ năm thanh, xét ra có nhiều chỗ bất-tiện vì không gọi được một chút tính-cách gì của thanh, trừ tên *nặng*. Nhất là tên *hỏi* còn lẫn với tiếng *hỏi* trong *dấu-hỏi* là dấu đánh sau một câu-hỏi. Bởi vậy tên thanh phải tả nổi lỉnh thanh, cũng như âm có âm lỏng, âm chặt, lượng có lượng dài, lượng ngắn.

Khi ta để ngón tay ngang đầu cuống-họng và lần-lượt nói: *o, ô, ó ỏ, ỗ, ọ*, ta thấy đầu cuống-họng hơi nhô lên với *o*, hơi thụt xuống với *ô* mà ở nguyên chỗ suốt lúc phát-âm, nhô cao lên với *ó* mà như muốn càng ngày càng lên, thụt xuống rồi nhô lên với *ỏ*, nhô lên rồi thụt xuống với *ỗ*, và ở nguyên một chỗ thấp với *ọ* một cách khó-nhọc. Tính-cách của mỗi thanh rõ-ràng là đi-đôi với những cử-động của cuống-họng, và ta có-thể xét những tính-cách ấy như sau đây :

Với *o*, hơi-nói lên một chút rồi kéo-dài một cách đều-đặn, dễ-dàng: đó là một thanh “ngang”.

Với *ô* hơi-nói thấp xuống một chút mà cũng kéo-dài một cách đều-đặn: đó cũng là thanh bằng mà là một thanh “trầm” xuống.

Với *ó* ta cảm thấy một sự cố-gắng nhẹ-nhẹ lúc đầu rồi giọng nói lên cao: đó là một thanh trắc vì giọng nói “trúc-trắc” không đều mà là một thanh “vút” lên.

Với *ỏ*, giọng nói như thụt xuống rồi lại cố-gắng lên cao: đó cũng là một thanh trắc mà “đồng” lên.

Với ố, giọng nói thụt xuống, lên cao như với ó, rồi lại thụt xuống với sức dãn mạnh của cưỡng-họng: đó là một thanh trắc mà là một thanh khiến ta cảm thấy cái gì như “chữ” xuống.

Với ọ giọng nói như bắt-đầu từ một điểm thấp sẵn mà “sụt” xuống: đó là một thanh trắc như ba thanh trên mà là một thanh “sụt” như ta đã thấy.

Theo những tính-cách trên đây của thanh, ta thấy sáu tên đã rõ-ràng: *ngang, trầm, vút, đồng, chữ, sụt*. Những tên ấy không những tả được rõ tính thanh mà còn làm tròn được điều-kiện rằng tên thanh nào chính nó có thanh ấy. Không như những tên cũ, sáu tên mới này gọi hẳn được giọng từng thanh, nhân đó còn giúp cho sự phân-biệt thanh thành hai loại cao, thấp vì *ngang, vút, đồng*, rõ-ràng hàm ý cao và *trầm, chữ, sụt* rõ-ràng hàm ý thấp.

96 2. — Thứ-tự thanh. — Về tính-cách thanh đã vậy, mà về thứ-tự thanh, ta chưa có gì làm chuẩn-dịch cả. Theo lối thường người ta chia ra sáu thanh⁴⁶:

Hai thanh bằng	{	1. — Đoản-bình thanh (giọng đoản-bình: không dấu)
		2. — Tráng-bình thanh (giọng tráng-bình: dấu huyền)
Bốn thanh trắc	{	3. — Thượng thanh (giọng thượng: dấu sắc)
		4. — Hạ thanh (giọng hạ: dấu nặng)
		5. — Khứ thanh (giọng khứ: dấu ngã)
		6. — Hồi thanh (giọng hồi: dấu hỏi)

Bởi vậy người ta thường gọi thanh theo thứ-tự: *huyền, sắc, nặng, ngã, hỏi*. Nhưng *Việt-nam tự-điền* lại theo thứ-

⁴⁶ *Việt-nam văn-phạm* Trần trọng Kim, Phạm duy Khiêm và Bùi Kỳ, tr. 4.

tự : *sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng*. Đó là vì trước khi định thứ tự trong cách gọi thanh, người ta chưa có một cách định loại cho thanh hầu-hỏi.

H. Maspéro, trong thiên khảo-cứu về *Ngữ miền Tráng-an dưới đời Đường*⁴⁷, khi so-sánh thanh Việt-Bắc với thanh Xiêm và thanh Tàu xưa có chia ra năm loại mà chúng tôi chỉ lược-trích những điều cần-thiết dưới đây :

		Việt-Bắc		Tàu
Bằng (égal).	{ Trên		Bằng trên	上平
	{ Giữa	a		
	{ Dưới	ă	Bằng dưới	下平
Lên (montant)	{ Trên	á	Lên trên	上上
	{ Dưới	ã	Lên dưới	下上
Xuống (descendant)	{ Trên		Khứ trên	上去
	{ Dưới		Khứ dưới	下去
Gãy (rompant)	{ Trên	ã	Nhập trên	上入
	{ Dưới	a	Nhập dưới	下入

Gạt ngoài mọi ý-tưởng đối-chiến vì chúng tôi không có đủ tài-liệu trong tay để khảo-xét lại ý-kiến ông Maspéro, mà đứng riêng về mặt thanh Việt, chúng tôi thấy không có lý gì phân-biệt *bằng* với *lên*, *xuống*, *gãy*, vì *bằng* chỉ đối với *trắc*. Thật ra thanh *trầm* trong ă là một thanh gần như *xuống* mà *bằng*, cũng như thanh *vút* trong á là một thanh *lên* mà *trắc*. Nói một cách khác, ta thấy rõ hai loại chính chia theo cao, thấp như sau đây :

Cao : *ngang, động, vút*.

Thấp : *trầm, chĩa, sụt*.

⁴⁷ *Le dialecte de Tch'ang ngan sous les T'ang*, tr. 3. Xem cả : *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite*, tr II.

Theo hai loại ấy, ta thấy rõ thứ-tự của thanh : *ngang, đồng, vút, trầm, chũu, sụt*. Thứ-tự này gồm có hai vẻ ba thanh cao và ba thanh thấp cùng bắt-dầu bằng một thanh bằng (*ngang, trầm*) và cùng tận-cùng bằng vẫn *ư* như được đánh-dấu một cách rõ-ràng, khiến từ các từ nhỏ cũng dễ phân-biệt. Và lại thứ-tự này không cứ người có-học mới nhận thấy. Người dân Việt không hiểu chút gì về âm-thanh, vì tai thính thì ít mà vì thiên-tính thì nhiều, cũng đã biết phân-biệt từ bao-nhiều đời nay. Ta hãy xem trong phép ghép tiếng họ điều-khiển thanh ra sao, một cách điều-khiển thật khéo-léo theo đó, nhờ nhận-xét, ta lập được thành luật thuận-thanh ⁴⁶.

Ngoài ra, trong các cuộc biến thanh, không những các thanh cao thường biến ra thanh cao, các thanh thấp ra thanh thấp, ngay những biến thanh từ cao đến thấp hay ngược lại cũng tỏ rằng những thanh đối nhau trên dưới có liên-lạc mật-thiết với nhau ⁴⁷.

97 3. — Bản-kê các dấu-thanh. — Dưới đây là bản-kê các dấu-thanh cũ xếp theo thứ-tự mới của thanh :

T H A N H		Dấu	Âm đơn	Âm hai
CAO	ngang		i	iê
	đồng	•	i	ĩê
	vút	^	i	ie
THẤP	trầm	v	i	ie
	chũu	~	ĩ	ĩê
	sụt	•	i	ie

⁴⁶ Xem *Phonologie vietnamienne* (Tome I).

⁴⁷ Xem *Phonologie Vietnamienne* (Tome II).

98 C. — VỀ VẦN. — Về vần, ta phân-biệt tên các loại vần, thứ-tự các vần và cách đánh-vần.

1. — Tên các loại vần. — Các vần có-thể chia ra ba loại lớn : *vần-chính* là vần có toàn âm-chính ghép thành, *vần-bán* là vần do âm-chính và âm-bán ghép thành, *vần-phụ* là vần do âm-chính và âm-phụ hay âm-chính, âm-bán và âm-phụ ghép thành. Những vần ấy còn chia ra nhiều loại khác theo chỗ đứng của âm hay theo số âm.

99 a) Các loại vần theo chỗ-đứng của âm. — Trừ vần-chính là vần trong đó có toàn âm cùng loại, vần-bán, vần-phụ còn chia ra :

vần bán-trước là vần trong đó âm-bán đứng “trước âm-chính”, như *wa, we*.

vần bán-sau là vần trong đó âm-bán đứng “sau âm-chính”, như *aw, ew*.

vần phụ-trước, vần phụ-sau là những vần trong đó âm-phụ đứng trước hay sau âm-chính.

Nếu đi sâu vào sự phân-biệt trước, sau, người ta còn có :

vần bán-trước bán-sau, như *way, wew, wêy*.

vần bán-trước phụ-sau, như *wan, wân*.

vần phụ-trước bán-sau, như *dew, koŵ, heŷ*.

vần phụ-trước phụ-sau, như *san, bênh*.

vần phụ - bán - trước, như *lwa, kwe*.

vần phụ-bán-trước bán-sau, như *kwew*.

vần phụ-bán-trước phụ-sau, như *lwan, vv*.

100 b) *Các loại vần theo số âm.* — Về số âm trong vần, người ta sẽ có những tên :

vần-một là vần do một âm lập thành.

vần-hai là vần do hai âm lập thành.

vần-ba là vần do ba âm lập thành, vv., cho đến *vần-bốn*, *vần-năm*.

Loại tên về số âm này còn kết-hợp với loại tên về chỗ-đứng của âm mà thành những tên như :

vần-một chính là vần chỉ do một âm-chính lập thành.

vần-hai bán là vần có một âm-chính và một âm-bán.

vần-ba phụ là vần có hai âm-chính và một âm-phụ.

Muốn cho rõ hơn nữa, người ta sẽ nói :

vần-ba phụ-trước phụ-sau để tỏ rằng âm-chính ở giữa hai âm-phụ như *ban*, *lắc*.

vần-ba phụ-trước bán-sau để tỏ rằng âm-chính ở giữa một âm-phụ và một âm-bán, như *baw*, *lẽy*⁵⁰.

101 2. — *Thứ-tự các vần.* — Các vần sẽ theo tính-cách âm đầu mà tính theo thứ-tự từ chính qua bán tới phụ :

a) *Vần-chính.* — Vần-chính thì xếp theo thứ-tự âm-trước, âm-giữa, âm-sau và gồm có 9 âm-chính và ba âm-hai :

e a o é á ô i ư u
iê uâ uô

50 Trên đây là những tiếng chuyên-môn mới rất cần trong học-âm-lời Việt cũng như phần đóng các tiếng trong quyển này. Người Pháp, người Anh, nếu có những tiếng như *dissyllabe*, *trisyllabe* (*dissyllable*, *trisyllable*) để chỉ "tiếng hai-vần, tiếng ba-vần", vẫn thiếu những tiếng riêng để chỉ "vần-hai, vần-ba" mà họ sẽ dịch là *syllabe à deux sons*, *syllabe à trois sons* (*two-sounded syllable*, *three-sounded syllable*). Và ta hãy tưởng-tượng tiếng "vần-ba phụ-trước bán-sau" họ sẽ dịch dài ra "sao."

102 b) Văn-bán. — Bốn âm-bán γ , $\tilde{\gamma}$, w , $\tilde{w}$ đi với các âm-chính lập thành những văn bán-trước hay bán-sau.

Các văn bán-trước ghép với các âm-bán lỏng. Ta có 18 văn bán-trước :

$\gamma e \quad \gamma a \quad \gamma o \quad \gamma \acute{e} \quad \gamma \acute{a} \quad \gamma \acute{o} \quad \gamma i \quad \gamma u \quad \gamma u$
 $w e \quad w a \quad w o \quad w \acute{e} \quad w \acute{a} \quad w \acute{o} \quad w i \quad w u \quad w u$

Các văn bán-sau ghép với các âm bán lỏng và chặt. Trong số các văn dễ phát-âm ta cũng có 18 văn bán-sau :

($e\gamma$) $a\gamma \quad o\gamma$ ($\acute{e}\gamma$) $\acute{a}\gamma \quad \acute{o}\gamma$ ($i\gamma$) $u\gamma \quad u\gamma$
 $\tilde{e}\tilde{\gamma} \quad \quad \tilde{e}\tilde{\gamma} \quad \quad \tilde{i}\tilde{\gamma}$
 $ew \quad aw \quad (ow) \quad \acute{e}w \quad \acute{a}w \quad (\acute{o}w) \quad iw \quad uw \quad (uw)$
 $\quad \quad \quad \acute{o}\tilde{w} \quad \quad \quad \acute{o}\tilde{w} \quad \quad \quad u\tilde{w}$

103 c) Văn-phụ. — Văn-phụ là loại văn giàu nhất vì có-thể ghép thành đủ các cách. Ta chia ra hai loại chính : phụ-trước và phụ sau⁵¹.

Các văn phụ-trước do bản âm-chính đem ghép với bản âm-phụ thành 216 văn :

1 — $he \quad ha \quad ho \quad h\acute{e} \quad h\acute{a} \quad h\acute{o} \quad hi \quad hu \quad hu$
 2 — $le \quad la \quad lo \quad l\acute{e} \quad l\acute{a} \quad l\acute{o} \quad li \quad lu \quad lu$
 3 — $re \quad ra \quad ro \quad r\acute{e} \quad r\acute{a} \quad r\acute{o} \quad ri \quad ru \quad ru$
 4 — $ve \quad va \quad vo \quad v\acute{e} \quad v\acute{a} \quad v\acute{o} \quad vi \quad vu \quad vu$
 5 — $fe \quad fa \quad fo \quad f\acute{e} \quad f\acute{a} \quad f\acute{o} \quad fi \quad fu \quad fu$
 6 — $ze \quad za \quad zo \quad z\acute{e} \quad z\acute{a} \quad z\acute{o} \quad zi \quad zu \quad zu$

⁵¹ Hai loại này người ta quen gọi một cách mập-mờ là *văn xuôi* (phụ-trước) và *văn ngược* (phụ-sau). Một cách gọi khoa-học khác chung cho cả các văn có âm-chính cuối là *văn mở* (syllabe ouverte) và các văn có âm-bán hay là âm-phụ cuối là *văn đóng* (syllabe fermée).

7	—	se	sa	so	sé	sâ	sô	si	sư	su
8	—	je	ja	jo	jé	jâ	jô	ji	jư	ju
9	—	xe	xa	xo	xé	xâ	xô	xi	xư	xu
10	—	be	ba	bo	bé	bâ	bô	bi	bư	bu
11	—	pe	pa	po	pé	pâ	pô	pi	pư	pu
12	—	de	da	do	dé	dâ	dô	di	dư	du
13	—	te	ta	to	té	tâ	tô	ti	tư	tu
14	—	ge	ga	go	gé	gâ	gô	gi	gư	gu
15	—	ke	ka	ko	ké	kâ	kô	ki	kur	ku
16	—	me	ma	mo	mé	mâ	mô	mi	mư	mu
17	—	ne	na	no	né	nâ	nô	ni	nư	nu
18	—	ne	na	no	né	nâ	nô	ni	nư	nu
19	—	ce	ca	co	cé	câ	cô	ci	cư	cu
20	—	ce	ca	co	cé	câ	cô	ci	cư	cu
21	—	ne	na	no	né	nâ	nô	ni	nư	nu

Những nhóm **th**, **tr**, **kh** còn cho ta :

22. — **the** **tha** **tho** **thê** **thá** **thô** **thi** **thư** **thu**
 23. — **tre** **tra** **tro** **trê** **trá** **trô** **tri** **trư** **tru**
 24. — **khe** **kha** **kho** **khê** **khá** **khô** **khi** **khư** **khu**

Những vần ở dòng 11 là vần chưa quen-dùng vì âm **p** đầu chưa từng gặp trong ngữ Việt, ít nhất là trong trạng-huống hiện tại của nó. Những cuộc khảo-xét của các ông H. Mapéro⁵², A. G. Haudricourt và A. Martinec⁵³, đã tỏ rằng

⁵² Xem *Études sur la phonétique historique de la langue annamite*. BEFEO, t. XII.

⁵³ Xem *Assourdissement et sonorisation d'occlusives dans l'Asie du Sud-Est*. BSL, t. XLIII, 1947.

xưa kia ta có p, và nhân số người biết ngữ Pháp vốn khá nhiều, những vần có âm ấy nên lấy thêm để làm giàu cho ngữ ta mà bắt-đầu dùng trong những tiếng dịch-âm.

Những vần có âm chặt **m̃, ñ̃, ỹ** là những vần khó đọc nên không cần kê đến.

Các vần phụ-sau chỉ ghép được với các âm-căn và ta có 98 vần :

- 1 — eb ab ob êb ăb ôb ib ub ub
- 2 — ep ap op ép ăp óp ip up up
- 3 — ed ad od êd ăd ôd id ud ud
- 4 — et at ot ét ăt ôt it ut ut
- 5 — eg ag og êg ăg ôg ig ug ug
- 6 — ek ak ok êk ăk ôk ik uk uk
- 7 — em am om ẽm ăm ơm im um um
- 8 — ẽm ăm ơm ẽm ăm ơm ỉm ưm ưm
- 9 — en an on ẽn ăn ôn in un un
- 10 — ẽn ăn ôn ẽn ăn ôn ỉn ưn ưn
- 11 — ẹn ăn ỏn ẻn ắn ốn ỉn ưn ưn
- 12 — ẻn ắn ốn ẻn ắn ốn ỉn ưn ưn

Những vần có chữ ngã ở những dòng lẻ 1, 3, 5, 7, 9, 11, là những vần dễ đọc nhưng chưa được dùng tới.

Những vần có chữ ngã ở những dòng chẵn 2, 4, 6, 8, 10 là những vần ít dùng, họa chăng ở trong Nam còn có : **ỉm, ưm, ỉt** trong những tiếng như : **im thĩn-thít, kẻu ưm-sũm.**

104 3. — Cách đánh-vần. — Dựa theo cách đọc chữ và xếp vần, cách đánh-vần cũng trọng thứ-tự từ dễ đến khó, khiến người mới học tập đến đâu hiểu đến đấy.

Người ta sẽ không còn thấy những lối đánh-vần vô-nghĩa, không biết trọng tình-cách của âm-thanh :

ka (ca) : xê-a ca

ok (oc) : o-xê oc nặng oc

xân (sân) : êt-xi-ấ-an sân

Vần biết những vần có âm-cân miệng cuối là những vần tới nay ra có hai thanh sắc và nặng mà không có các thanh huyền, bởi, ngã những lúc đánh-vần, dùng thanh ngang không phải là không được.

Vậy muốn dạy cho trẻ đánh-vần phải bắt học thuộc bản-chữ gồm có 9 âm-chính, 4 âm-bán và 26 âm-phụ. Rồi lần-lượt tập đánh các vần-chính, vần-bán, vần-phụ, để đi từ vần-một, vần-hai, cho đến vần-năm, mà luôn-luôn chú-ý đến phép ghép âm, ghép thanh,

105 a) Ghép âm. — Vài thí-dụ từ khó đến dễ cho ta thấy phép ghép âm ra sao :

Vần-chính : **iê** = i - ê ia

Vần bán-trước : **wi** = ư - i uy

Vần bán-sau lỏng : **lw** = i - ư iu

Vần bán-sau chặt : **e[>]y** = e - ây ay

Vần phụ-trước : **ta** = ơ - a ta

Vần phụ-sau lỏng : **am** = a - mơ am

Vần phụ-sau (mũi) chặt : **am** = a - âm ăm

84 IV. — CHƯƠNG TRÌNH SỬA-ĐỔI CÁCH GHÉP ÂM-THÀNH

Vần-ba : khi trẻ đã đủ sức đọc những vần-hai trên đây, ta hãy bắt đánh những vần-ba mà nhớ bao-giờ cũng tách âm-chính, âm-bán hay âm-phụ đầu ra mà để vần-hai sau riêng làm một khối :

Vần bán-sau : lêw = i - êu yêu

Vần bán-trước : wiê = ư - ia uya

Vần bán-trước bán-sau : weỹ = ư - ay oay

Vần bán-trước phụ-sau : wan = ư - an oan

Vần phụ-trước : kuô = cơ - ua cua

Vần phụ-sau : uôn = u - ôn uôn

Vần phụ-trước bán-sau : lôw = lơ - âu lâu

Vần phụ-bán-trước : hwa = hơ - oa hoa

Vần phụ-trước phụ-sau : ban = bơ - an ban

Vần-hai, vần-ba đã thuộc thì vần-bốn, vần-năm không còn gì là lạ nữa vì các vần đề đã mở-đường cho các vần khó.

Nói tóm lại, không kể những vần rắc-rối khác mà ta còn ghép được nhưng sẽ không có áp-dụng trong sự học, cách đánh-vần này chú-trọng vào việc đọc cho được thành tiếng mà không phải tách mỗi tiếng ra từng âm một cách lồi-thôi như cũ. Bởi vậy cái quan-niệm về một tiếng trong sự đánh-vần phải định rõ là : **sự kết-hợp của một âm đầu với một vần cốt**. Vần cốt này có-thể là một âm-chính, một vần-hai, vần-ba, vần-bốn. Nếu vần cốt chưa đọc được ta lại tách nó ra nữa, tách mãi cho đến khi đọc được cả tiếng, mà tách theo thứ-tự từ đầu đến cuối. Chính cái quan-niệm về tiếng này ta sẽ thấy rõ-ràng trong phép (biết-âm mà lập-thành các tiếng) nho rất nhiều trong ngữ ta⁵⁴.

54 Xem *Phonologie Vietnamiennne* (Tome II).

108 b) *Ghép thanh.* — Còn về năm thanh trong vần, ta đã biết là do ở âm-chính mà ra, thì phải cho trẻ nhỏ học ngay từ đầu cùng một lúc với 9 âm-chính không thanh, mà lần-lượt nhận cho rõ những chữ có dấu-thanh như từng chữ riêng :

e ê é è ô ẹ
a ă á à â ą, vv.

Rồi mỗi khi đánh-vần với âm-bán hay âm-phụ và từ vần-hai trở đi, luôn-luôn phải cho trẻ nhỏ làm quen với các vần đủ thanh mà nhớ rằng lúc đánh-vần chỉ kể thanh ở âm-chính mạnh. Thí-dụ :

Khi biết đánh-vần	{	lê	=	i	-	ê	la
		ây	=	â	-	yơ	ải
		ộn	=	ô	-	nơ	ộn
Thì đánh-vần	{	bi	=	bơ	-	i	bi
		ká	=	cơ	-	ả	cả
		độ	=	đơ	-	ộ	độ
Rồi đánh-vần	{	biê	=	bơ	-	ia	bia
		kảy	=	cơ	-	ải	cải
		độn	=	đơ	-	ộn	độn

Nhờ đó những vần như : iêw (*yếu*), uôn, ưâm (*ưôm*) sẽ đánh đúng là i - êu yếu, u - ôn uộn, ư - ơm ưôm.

Đã biết đánh-vần như vậy thì lúc đọc từng tiếng quan-nghe của trẻ nhỏ sẽ phân-biệt nổi âm mạnh, âm yếu ở chỗ nào, và lúc viết, nó sẽ bỏ được lỗi đánh dấu-thanh về sau cùng, mà biết ghép chữ như một người thợ sắp chữ, nghĩa là coi âm-chính mạnh liền với dấu-thanh làm một.

Ví-dụ như muốn viết **đàn**, cách viết thường là **đ a n** và dấu ˘ thêm sau cùng, thì cách viết cho đúng phải là : **đ ầ n** với dấu ˘ viết cùng một lúc với chữ **a**. Như vậy, ta sẽ tránh được những lỗi nhầm dấu có-thể xảy ra như **viêđ** thành **viếđ**, **múôn** thành **muốn**.

CHƯƠNG V

Giá-trị cuộc sửa-đổi này

Cuộc sửa-đổi này là kết-quả của những công-phu khảo-cứu về học-âm-lời Việt-nam và quốc-lẽ. Ta có-thể xét giá-trị nó về nhiều phương-diện, nhưng về phương-diện nào nó cũng nêu ra được một cái gì mới-mẽ.

107 A. — GIÁ-TRỊ KHOA-HỌC: SỰ KHẢO ÂM BẮC-NAM. — Đây là cái giá-trị cốt-yếu, vì chính nó là nền-tảng, chính nó là điểm-khởi cho các công-cuộc khảo-cứu về sau này mà đánh đổ những quan-niệm sai-nhầm đã ăn sâu vào óc người Âu-Tây mỗi khi họ bàn đến các ngữ Á-đông.

Có-lẽ người ta sẽ nói rằng từ lâu, người châu Âu đã thấy rõ mối quan-hệ giữa sức mạnh âm-phụ và lượng âm-chính đứng trước, khi những ngữ nhiều-vần kia đã biết dùng chữ kép để chỉ một âm-phụ mạnh — nên nhớ rằng không phải là “chặt”, là “mặt” — như trong những tiếng Anh hay tiếng Pháp. Nhưng những chữ kép *pp* và *nn* Pháp trong *apprendre*, học, *donner* cho, hay *pp* và *tt* Anh trong *happy*, sướng, *matter*, sự, không hề diễn-tả nổi cái giọng mà ta thấy trong *ap* (áp), *ăn* (ăn), *at* (ất) đối với *ab* (áp), *an*, *ad* (át). Đó là vì người Âu chưa nhận rõ được thể nào là giọng ngắn của âm-chính, thể nào là sự phát-đông “bắn” của âm-phụ.

Vậy muốn chứng-tỏ giá-trị khoa-học của những nguyên-tắc mới này, trước khi nêu ra những chương-trình khảo-cứu âm-thanh đầy-đủ ở những quyển sau, chúng tôi tưởng cũng nên nói qua về một phương-pháp khảo-cứu âm-phụ cuối, một phương-pháp chỉ có một mà không có hai, vì các phương-pháp của người Tây dùng tới nay chỉ là “trái phương-pháp khoa-học”. Một thí-dụ trước mắt là thiên khảo-cứu về Ngữ-miền Trung-dưới⁵⁵ của cố Cadière : ta hãy nhận thiên ấy mà khảo thêm về những biến-đổi của âm-phụ cuối giữa ngữ Bắc-Nam mà so-sánh phương-pháp mới với phương-pháp cũ.

⁵⁵ *Le dialecte du Bas-Annam. Esquisse de phonétique*, DEFEO, t. XI.

Sử nước Việt đã tỏ rằng về thời xưa, người Việt chỉ ở tới Thanh-hóa và Nghệ-an mà ít quan-tâm đến các vùng trong chưa được khai-thác, tuy đã có lúc những miền ấy ở trong tay mình. Mãi đến thế-kỷ XI miền Quảng-bình mới thực là chiếm hẳn được và do dân Nghệ-an vào mở-mang. Rồi từ thế-kỷ XV trở đi, người Việt dần-dần bành-trướng về phương Nam mà mở rộng đất-nước với những vùng chiếm được : Qui-nhon vào cuối thế-kỷ XV, Sông-Cầu năm 1611, Phan-rang năm 1653, Phan-thiết năm 1697, Saigon năm 1698, Hà-tiên năm 1714.

Riêng miền Nam nước Việt phần-nhiều do dân Bình-định (Qui-nhon) vào ở, nên sự sai-khác về tiếng-nói giữa miền Nam và miền Trung-dưới không có là bao, trong khi miền Trung-trên tách hẳn thành một khối ngữ-miền riêng-biệt. Như vậy, theo sự tiến-hóa của từng miền, một thứ ngữ gốc có từ thế-kỷ XI ở miền Bắc cho tới Nghệ-an đã biến-đổi và bị pha-trộn dần-dần khi tiến vào phương Nam mà hóa thành ba nhóm ngữ : ngữ Bắc, ngữ Trung-trên, ngữ Nam và Trung-dưới.

Ngữ Bắc nhờ là chỗ đất-nước cũ, cảnh vật xưa, nên đã tiến nhanh theo con đường thẳng mà ít bị pha-trộn. Ngữ Trung-trên trái lại vẫn khư-khư trong một giọng khắc-khổ vì tiến rất chậm. Đến ngữ Nam và Trung-dưới, tuy sự tiến-triển mới có trong vòng bốn thế-kỷ nay, nhưng nhờ những hoàn-cảnh thuận-tiện hơn, đã vượt ngữ Trung-trên mà đi gần đến ngữ Bắc. Người ta đã không nhầm mà coi ngữ Nam là trung-độ của hai ngữ Bắc và ngữ Trung, vì đứng về mặt âm-chính, ngữ Bắc thiên về giọng rộng, ngữ Nam thiên về giọng trung, còn ngữ Trung vẫn ở giọng hẹp. Biến-đổi tiêu-biểu nhất cho ta :

Trung	Nam	Bắc
(i)	(e)	(e)
mi	mẽy (mây)	mẽy (mây)
ni	nẽy (này)	nẽy (này)

Riêng đây, chúng tôi chuyên-khảo về những biến-đổi của âm-phụ cuối trong ngữ Nam, mà về mặt này, ngữ Nam đã biến-nhiều nhất. Chúng tôi phân-biệt những biến-đổi về điểm-phát và những biến-đổi về độ-chậm.

103 1. — Những biến-đổi về diêm-phát. — Những biến-đổi về diêm-phát bao giờ cũng đi từ âm-gan-lợi đến âm-màng-của hay ngược lại, mà độ-cham (chặt hay lỏng) lẫn đường-thoát (miệng hay mũi) vẫn không thay-đổi.

a) **Âm-gan-lợi** : đ, t, n, ñ. — Âm-gan-lợi miệng hay mũi thành âm-màng-của mà vẫn giữ nguyên giọng lỏng hay chặt, vì đáng lẽ đầu lưỡi phải áp vào gan-lợi thì người Nam đã để cuống lưỡi đánh lên màng-của.

		Bắc	Nam
MIỆNG	Lỏng : d > g sau : e, a, â, ô	héd (hét)	: hég (héc)
		mád (mát)	: mág (mác)
		bắđ (bót)	: bắg (bóc)
		đốđ (đốt)	: đốg (đóóc)
	Chặt : t > k sau : a, â, ư, u	mát (mất)	: mák (mắc)
		kắđ (cắt)	: kắk (cắc)
		xứđ (sút)	: xúk (súc)
		hút ⁵⁶	: húk (húc)
MŨI	Lỏng : n > ñ sau : e, a, o, â, ô, iê,	hên	: hêng (hèng)
		khwiên (khuyên)	: khwiêng (khuyéng)
		bạđ	: bạg (bạng)
		hắđ (hơn)	: hắg (hơng)
		ngon	: ngon (ngoong)
	Chặt : ñ > ɲ sau : a, â, ư, u	bắđ (bẩn)	: bắg (bảg)
		lắđ	: lắg (lảg)
		xừđ (sừn-sựt)	: xừg (sừng-sực)
		lủđ	: lủg (lủg)

⁵⁶ Nhờ cách khảo-xét này mà ta thấy *hét*, *đốt* phải viết là *héd*, *đốđ* vì có giọng lỏng ứng với *hég*, *đốg*, trong khi *hút* vẫn viết như cũ vì có giọng chặt ứng với *húk*.

Lời-chua. — $\tilde{N}$ chặt sau i không biến vì hai điểm-phát của n và của i gần nhau, thêm vào đó giọng chặt của âm-phụ rất hợp với giọng hẹp của âm-chính.

109 b) **Âm-màng-của $k, \tilde{n}$.** — Âm-màng-của lỏng không biến mà chỉ có âm chặt biến thành âm-gan-lợi sau riêng $e, \tilde{e}, i$, mà vẫn giữ nguyên giọng miệng bay mũi, vì đáng-lẽ cưỡng lưỡi phải đánh lên màng-của thì đầu lưỡi lại áp vào gan-lợi, theo sự hấp-dẫn của điểm-phát của âm-chính trước :

		Bắc	Nam
MIỆNG	Chặt : $k > t$ sau : $e, \tilde{e}, i$	$k\acute{e}k$ (cách) :	$k\acute{a}t$ (cắt)
		$\tilde{e}k$ (ếch) :	$\tilde{a}t$
		$c\acute{i}k$ (trích) :	$c\acute{u}t$ (trút)
MŨI	Chặt : $\tilde{n} > \tilde{n}$ sau : $e, \tilde{e}, i$	$e\grave{n}$ (anh) :	$a\grave{n}$ (ăn)
		$b\tilde{e}\tilde{n}$ (bệnh) :	$b\tilde{a}\tilde{n}$
		$d\grave{i}\tilde{n}$ (định) :	$d\grave{u}\tilde{n}$ (dựn)

Lời-chua. — Sự đổi điểm-phát của âm-phụ chặt cuối ($k > t, \tilde{n} > \tilde{n}$) cũng kéo theo sự đổi điểm-phát của âm-chính trước ($e > a, \tilde{e} > \tilde{a}, i > u$). Nhưng nếu âm rộng e đã thành hẳn âm rộng a , âm trung $\tilde{e}$ và âm hẹp i chỉ thành những âm lơ-lơ giữa $\tilde{e}$ và $\tilde{a}$, i và u .

Ngoài ra nếu một vài khi người ta thấy trong sách báo miền Nam những cách viết : *ngan* cho *ngang*, *hàn* cho *hàng*, đó là vì người-viết không còn tin ở mình mà đã dùng lẫn tiếng nọ vào tiếng kia, chứ không phải là theo một giọng miền nào cả.

110 2. — **Những biến-đổi về độ-chạm.** — Những biến-đổi về độ-chạm của âm-phụ cuối không động-chạm gì đến

điểm-phát, mà tùy theo từng loại âm-chính trước. Người ta nhận thấy ngữ Nam thiên về giọng chặt với hai âm bẹp **i, u** và về giọng lỏng với âm rộng **e**, trong khi ngữ Bắc thiên về giọng lỏng với **i, u**⁵⁷.

a) *Âm-môi* : **b, p, m, m̃**. — Âm-môi miệng hay mũi thành lỏng ở Bắc thì vẫn chặt ở Nam.

			Bắc		Nam
MIỆNG	{	Lỏng	:	b	{ húp (húp) :
		Chặt	:	p	: húp
MŨI	{	Lỏng	:	m	{ kùm (cùm) :
		Chặt	:	m̃	{ : kùm

111 a) *Âm-gan-lợi* : **d, t, n, ñ**. — Âm-gan-lợi miệng hay mũi sau **i** thành lỏng ở Bắc thì vẫn chặt ở Nam :

			Bắc		Nam
MIỆNG	{	Lỏng	:	d	{ mĩd (mĩt) :
		Chặt	:	t	{ : mĩt
MŨI	{	Lỏng	:	n	{ tín :
		Chặt	:	ñ	{ : tín

112 c) *Âm-màng-cửa* : **g, k, ŋ, ŋ̃**. — Âm-màng-cửa miệng hay mũi chặt sau **e** thành lỏng ở Nam nếu chính âm ấy không đổi điểm-phát để thành một âm-gan-lợi chặt (xem § 109) :

⁵⁷ Về phương-diện này ngữ Nam gần âm gốc hơn. : húp, kùm̃, mĩt, tín đều gốc ở những tiếng nhỏ có âm cuối chặt : húp 吸, kùm̃ (cùm) 揀, mĩt 密 (tiếng lắt của la-la-mật 波羅一), tín 信.

“giả” (vì chính là ở ngắn) trong *trầu*, *trấu*, để đi một thời mới đến ở thường (ơ) trong *trơ*, *trơn*.

Xem như vậy, thứ-tự âm đã không được theo mà thứ-tự lượng âm cũng bị coi thường nốt. Chính theo cách này mà quyền *Việt-nam tự-diễn* đã ra đời với thứ-tự : a, ă, á, e, ê, í, o, ô, ơ, u, ư. Nay với thứ-tự mới của các chữ âm-chính : e, a, o, ê, â, ô, i, u, u, với giá-trị về lượng của nó theo âm-phụ cuối, ta có-thể dựa vào thứ-tự âm-phụ cuối ấy mà xếp tiếng. Ta có bốn mẫu xếp như sau đây :

114 1. — Mẫu A. — Mẫu này chỉ thứ-tự cho các tiếng bắt-đầu bằng một âm-chính rộng hay trung :

Trước hết, ta có âm-chính đơn theo thứ-tự thanh :

a, ă, á, â, ã, ạ.

Rồi đến âm-chính ấy có âm-bán theo sau, vẫn ở trong thứ-tự thanh :

ay, ăy, áy, ây, ãy, ạy.

aw, ăw, áw, âw, ăw, ạy.

Rồi đến âm-chính ấy có âm-phụ theo sau, ở trong thứ-tự thanh và độ-chạm của âm-cuối :

ab, * ăb, áb, ...

ap, * ăp, áp, ...

ad, * ăd, ád, ...

115 2. — Mẫu I. — Mẫu này chỉ thứ-tự cho các tiếng bắt-đầu bằng một âm-chính hẹp :

Trước hết ta có như trên âm-chính đơn ấy theo thứ-tự thanh :

i, ỉ, í, ...

Rồi đến âm-chính ấy có âm-chính trung yếu theo sau, vẫn ở trong thứ-tự thanh.

iê, iê, iê . . .

Rồi đến vần-chính lập thành ấy có âm-phụ theo sau :

iêw, iêw, iêw . . .

iêb, *iêb, iêb . . .

Rồi đến âm-chính ấy có âm-bán hay âm-phụ theo sau như trên :

iw, iw, iw . . .

ib, *ib, ib . . .

ip, *ip, ip . . .

id, *id, id . . .

116 3. — Mẫu W. — Mẫu này chỉ thứ-tự cho các tiếng bắt-đầu bằng một âm-bán và chỉ là sự ghép âm-bán với các mẫu trên :

we, wê, wé..., we^ẽ, we^ẽ, we^ẽ . . .

wew, wêw, wéw . . .

web, *wêb, wéb . . .

wa . . .

wo . . .

wê . . .

wá . . .

wô . . .

wí . . .

117 4. — Mẫu T. — Mẫu này chỉ thứ-tự cho các tiếng bắt-đầu bằng một âm-phụ. Chúng tôi đã chọn t vì khác các âm khác, trừ k ở một vài trường-hợp, âm này còn lập thành được những nhóm th và tr. Đây cũng chỉ là sự ghép t với các mẫu trên :

te..., ta..., to..., tẻ..., tá ..., tồ ..., ti ..., tư..., tu. .

tye . . .

twe. . .

the . . .

tre . . .

Ta thấy cách dàn-xếp rõ-ràng và hợp-lẽ bao-nhiêu khi ta có một bản-chữ hoàn-toàn trong tay.

118 C. — GIÁ-TRỊ THỰC-HÀNH. — Tính-cách khoa-học của một sự-vật gì thường chỉ có một : hợp với nguyên-tắc, thí-nghiệm được, chứng-minh được, thế là đúng. Nhưng tính-cách thực-hành của một sự-vật có nhiều, chưa kể rằng cái quan-niệm của mỗi người đối với nó một khác. Ta hãy lần-lượt xét bản-chữ này trong sự viết, sự đánh máy, sự in và sự đánh tin-điện.

119 1. — Trong sự viết. — Trong sự viết, ta có toàn những chữ quen-dùng, nếu không trong ngữ Việt thì trong ngữ Pháp, trừ chữ *ŋ* tới nay chỉ mới thông-dụng trong phép

chuyển-viết âm-lời và các chữ *ŷ, w, m, n, ŋ*. Người ta sẽ lo rằng chưa quen với cách dùng chữ mới này chẳng ? Trên đời này không cái gì không học-tập mà biết được. Ta hãy lấy làm mãn-nguyện rằng ta đã có một cách chuyển-viết hợp với khoa-học lại giản-dị, và ta hãy tập cách ấy : thói-quen sẽ khiến lâu-dần những cái lạ cũng thành thường hết, miễn là những cái lạ ấy không trái với lẽ-phải.

Thật ra dù có vài chữ lạ, cách viết mới này vẫn tiện hơn cách cũ rất nhiều. Nhờ bỏ được dấu *◌* trên *a*, bỏ được các chữ *σ, đ*, rút ngắn được *ngh, ch, tr* trong vài ca, thì-giờ viết sẽ giảm đi nhiều vì các dấu cần đến cũng bớt đi. Nhờ sự bênh-vực chỗ-đứng cũ của dấu-thanh-căn-cứ vào các nguyên-tắc khon-học, ta sẽ chống lại được với ảnh-hưởng nguy-hiêm

của các chương-trình cải-cách gần đây chỉ có kết-quả là làm sai-lạc tinh-thần tiếng-nói và khiến chữ-viết chỉ còn là những dấu nhằng-nhịt của một lá bùa.

120 2. — Trong sự đánh máy. — Ta chớ nên lo rằng những máy-chữ hiện nay cản-trở cho sự áp-dụng bản-chữ của ta. Cái quan-niệm sai-nhầm và đáng thương rằng “người không có thì ta không nên có” là một quan-niệm nô-lệ phải bỏ hẳn. Nếu ta chưa chế được máy-chữ thì ta cũng đặt làm được những kiểu hợp với ta, miễn là ta biết đồng-lòng, nhất là rồi đây độc-lập, ngữ Việt thành thử ngữ chính trong nước, thì sự đặt làm một số máy-chữ lớn cho ta sẽ giảm được giá chế-tạo rất nhiều.

Máy-chữ của ta sẽ hơn máy-chữ ngoài 5 dấu thanh, một dấu η , trong khi một dấu-mũi $\wedge$ đủ tạo ra ba âm-chính trung : ê, â, ô, và một dấu $>$ đủ tạo ra những âm-phụ chặt :

$\tilde{y}$, $\tilde{w}$, $\tilde{m}$, $\tilde{n}$, $\tilde{\eta}$. Cộng gồm tám dấu mới là những dấu cần-thiết không phải dấu rườm. Sự nhiều dấu ấy sẽ là một điều đáng mừng, đáng lấy làm vinh chứ không đáng phàn-nàn : vì những dấu ấy không những chứng-tỏ một bản-chữ đầy-đủ mà còn phô-trương được những cái gì là đặc-biệt của ta.

121 3. — Trong sự in. — Hàng mấy chục năm nay, nghề in của ta vẫn phát-triển đều-đều tuy đã có người phàn-nàn về số chữ âm-chính có dấu-thanh quá nhiều khiến số hộp-chữ cũng nhiều theo. Thật ra đó không phải là một điều đáng ngại, nhưng nếu quả người ta mong bớt số hộp-chữ thì lối chuyển-viết này bỏ được hai chữ ă, ơ, cả chữ y có dấu-thanh mà người ta quen dùng lẫn với i, cộng gồm $(2 \times 6) + 5 = 17$ chữ âm-chính và bán. Các chữ này chỉ sửa một chút là dùng lại được.

Trái lại, nếu kể các chữ đơn của ng và nk, ta chỉ phải thêm sáu dấu mới, tức là số chữ giảm đi được cũng còn :

19 — 5 = 11, một con số không phải là nhỏ. Còn việc đặt dấu-thanh xuống dưới hay sang bên chữ, đó là công-việc của các nhà-in.

122 4. — Trong sự đánh tin-điện. — Về dấu tin-điện ta bỏ được ă, ơ là một điều rất hay vì tìm dấu cho hai chữ ấy cũng khó. Trái lại â của ta ứng với á Pháp, e ta ứng với ê Pháp, ê ta ứng với ê (hay é, e) Pháp, ô ta ứng với ố Pháp, ơ ta ứng với ư Pháp hay nếu không ta cũng tạo được một dấu mới từ ư, nghĩa là ngàn ấy chữ đều có dấu sẵn.

Về chữ âm-phụ, phần-nhiều các chữ trong bản-chữ mới đều có dấu trong bản-dấu Morse cả. Ngay đến chữ ẹ cũng có dấu của ch. Chỉ còn bốn chữ ỹ, ỳ, ỹ, ỹ, thì chúng tôi xin hiến một cách đặt là chấp dấu của m chẳng hạn với dấu của ẹ(ch) để ngụ ý “m chặt” và của n với của ẹ(ch) để ngụ ý “n chặt”, v.v. Thế là bản-dấu tin-điện của ta cũng xong mà không có gì là gò-ép cả.

Còn đến các dấu-thanh, ta có một cách tiện nhất là lấy dấu chữ-số thay vào mà đặt liền sau dấu chữ âm-chính có thanh. Thí-du nếu ta định rằng : ngang = 0, đổng = 1, vút = 2, trâm = 3, chũ = 4, sụt = 5, ta sẽ có :

bi = bi	biw = biw	biêw = biêw
bỉ = bỉ1	bỉw = bỉ1w	bỉêw = bỉ1êw
bí = bí2	bíw = bí2w	bíêw = bí2êw
bì = bì3	bìw = bì3w	bìêw = bì3êw
bị = bị4	bịw = bị4w	bịêw = bị4êw
bị = bị5	bịw = bị5w	bịêw = bị5êw

123 D. — GIÁ-TRỊ TIỂU-BIỂU. — Và lại, sắp bước vào một giai-đoạn lịch-sử mới, nước Việt-Nam chỉ tiến được nhờ sự cố-gắng của toàn-thể dân-nước trong công-cuộc kiến-thiết nước-nhà. Sự độc-lập và thống-nhất chính-trị chỉ là bề ngoài.

Điều cốt-yếu là sự độc-lập tinh-thần và thống-nhất lý-tưởng. Lúc này chính là lúc biểu-dương cái tinh-thần ấy, cái lý-tưởng ấy trong đoàn-thể Việt-nam, và một bản-chữ có tính-cách quốc-gia cần phải là cái tiêu-biểu rạch-rỡ nhất. Bản-chữ ấy, muốn được toàn-thể chấp-nhận, lẽ cố-nhiên còn phải vượt nhiều nỗi khó-khăn do sự tương-phản về các quyền-lợi và các thói-quen không những giữa các cách dùng địa-phương mà còn đối với các dùng quốc-lẽ.

124 I. — Cách dùng địa-phương. — Vấn-đề địa-phương là một vấn-đề quan-trọng. Ngữ nào cũng có những giọng miền và mỗi miền, theo tâm-lý chung, không nhiều thì ít, đều cho là mình có một cách phát-âm đúng mà ở chỗ khác đã làm sai-lạc. Nhưng đó là ca của các giống dân khác. Sự dân ta đã cho ta biết sự tiến-triển từ Bắc chí Nam của ta ra sao. Ngay chúng ta, không ai là không nhận rằng về thanh, dân Bắc nói rõ nhất, về âm, dân Trung và Nam phát các âm *r*, *tr*, *gi* dùng hơn dân một số miền ở Bắc trong khi dân Nam có một cách phát-âm riêng về *v* và các âm-phụ cuối.

Bao-nhiều chương-trình cải-cách chữ-viết ở các nước đã thất-bại cũng vì sự bất tương-hợp giữa các cách dùng địa-phương. Đó là một gương sáng cho ta soi, chưa kể rằng chương-trình này có tính-cách dung-hòa, biết làm vừa ý mọi người mà vẫn trọng tinh-thể một cuộc biến-chuyển hiện có về âm-thanh của ta.

Còn gì ngu-muội bằng lời nhận-xét của một quyền sách Pháp, đã từng dám xưng mình là một quyển bách-khoa (encyclopédie) : “ Giữa những giống người Việt, cả về mặt tinh-thần lẫn về mặt thể-chất, có những sai-khác không sao giảm được và ngăn họ không cho thấu rõ nhau, hiểu nhau. Hai người có-thể nói cùng một ngữ, họ vẫn là những kẻ lạ đối với nhau nếu họ không cùng một gốc ”⁵⁸.

⁵⁸ E. Teston và M. Percheron, *Indochine moderne*, tr. 307.

Đối với những lời sai sự-thực ấy, tưởng ta cũng nên vạch rõ một cái sự-thực, — nếu là sự thực, vì chúng tôi chỉ biết là do miệng một người Pháp đứng-dẫn nói ra, — mà cố Cadière đã thủ-thỉ với ta năm 1942 : “Đó còn là một điều làm cho người Việt rất sửng-sốt, khi người ta nói với họ rằng, cách đây mới năm mươi năm, ngữ Pháp chưa phải là ngữ mẹ-đẻ của hơn nửa số người Pháp, người Flandre, người Alsace và Lorraine, người Bretagne, người Basque, người Catalogne, người Corse, người Nice, và tất-cả những dân miền Nam nói ngữ Oc”⁵⁹.

Thật ra ngữ Việt không biết những cái rắc-rối lời-thời ấy, và dân Việt cũng vậy. Không thể sao Ch. Gosselin, trong quyển *l'Empire d'Annam* của ông, có thể nói một cách xác-đáng rằng dân Việt là “giống dân thuần-nhất mà ta tưởng-tượng được, từ những núi mạn-ngược Việt-Bắc đến biên-giới Cao-mên, cả về mặt nội-giống lẫn về mặt chính-trị và xã-hội”:

Hơn nữa, A. Chéon, một nhà khảo-ngữ xưa, cũng nhận rằng : “Những sai-khác mà người ta nhận thấy về thứ ngữ nói trong mỗi miền — Việt-Bắc, Việt-Trung và Việt-Nam, là phạm-vi của ngữ Việt — những sai-khác ấy dù chạm đến cả hân-tiếng, cả âm, cả thanh, vẫn còn xa mới có cái quan-hệ mà người ta muốn buộc cho nó một cách quá dễ-dàng, và không sâu-xa nhiều-nhất gì để đến nổi định được cho nó tính-cách một ngữ-miền thực”⁶⁰.

Dù sao, về chữ-viết, ta vẫn còn thiếu một lẽ-lỗi nhất-định : đó cũng là một dịp để ta nghĩ đến một chương-trình thống-nhất cách viết cách nói của ngày mai.

125 2. — Cách dùng quốc-tế. — Đối với cách dùng quốc-tế, phải biết phân-biệt cái hay với cái dở, cái cần với cái thừa.

⁵⁹ *Souvenir d'un vieil annamitisant*, INDOCHINE số 122, tr. 4.

⁶⁰ *Cours de langue annamite*, tr. III.

Chính vì chiều theo cách dùng quốc-tế mà chúng tôi đã thay *d* bằng *đ*, *đ* bằng *z*, *x* bằng *s*. Nhưng cái gì cũng có hạn, vì dù theo cách dùng quốc-tế, chúng tôi cũng vẫn đặt cái nguyên-tắc khoa-học lên trước nhất. Hi-sinh cái nguyên-tắc cho những lý-do vô-có tự trời Tây kia đưa lại như “chữ Tây không có những dấu như chữ quốc-ngữ, mấy-chữ Tây không có những dấu như chữ quốc-ngữ, từ-diện Tây không có những dấu cho chữ quốc-ngữ” là một cái nhảm không tha-thứ được. Cổ Hue, một người Pháp, cách đây 20 năm, đứng trước cảnh ngược-dời ấy đã phải thốt lên một câu đầy ý-nguĩa : “ Nhưng tôi lấy làm lạ rằng trong khi các dân văn-mình chế-tạo những máy thích-hợp với ngữ nước họ, thì người Việt dăm dít tan-hại ngữ mình để cho thích-hợp với những máy-in ngoài ! ”

Thưa ôi ! Một người nước ngoài, đứng về mặt lẽ-phải, cũng còn biết thế, huống chi là ta, dân một nước đứng trước cái ngay sau vô-dịnh của ngữ tổ. Cái tiếng “ quốc-tế ” đã làm mờ-án một bao-nhiều trí xét-doán và ta hãy nghĩ lại, tiếng ấy đã làm lợi cho ai, nếu không phải là cho vai kẻ đã ném tiếng ấy ra. Cái tư-tưởng nô-lệ cho người cần phải bỏ hẳn và trong mọi công-cuộc sửa-đổi, ta phải tự hỏi : sửa-đổi để làm gì, nếu không phải là để tiện cho ta trước hết. Lẽ tự-nhiên là khi nghĩ đến “ tiện cho ta ”, ta cũng nên nghĩ đến “ tiện với người ”, vì trong cuộc sống quốc-tế nhiều khi cần đến những cái “ tiện chung ”. Nhưng mỗi khi tuy gắng tìm mọi cách mà chỉ tiện được cho ta, cái tiện với người phải can-đảm mà gạt bỏ hẳn.

Và lại với những nguyên-tắc mới này, cách chuyên-viết ngữ Việt sẽ là một cách khoa-học nhất trong các cách chuyên-viết quốc-tế. — chúng tôi dám lớn tiếng nói như vậy, — thì cần chi phải chăm-chăm chú-chú theo người mà hi-sinh luôn những cái gì là hay là đẹp của ta. Chúng ta hãy nhận rằng :

Trước cách dùng địa-phương có cách dùng quốc-gia.

Trước cách dùng quốc-tế cũng có cách dùng quốc-gia.

Quốc-gia phải đặt trên cả và nó sẽ là một tiếng vô-nghĩa nếu người ta để nó bị sai-khiến bởi ảnh-hưởng nọ, ảnh-khung kia, dù ở trong hay ở ngoài.

CHƯƠNG VI

Bề đưa cuộc sửa-đổi này đến thực-hành

Một công-cuộc như công-cuộc này muốn đem được đến chỗ thực-hành, như chúng tôi đã nói, cần phải có sự đồng-ý của toàn-thể dân-nước, và cũng nên được sửa-soan cẩn-thận để tránh những sự lộn-sộn có-thể xảy ra, nhất là được ủng-hộ, khuyến-khích để chóng đạt đến những kết-quả tốt-đẹp và vững-bền.

126 A. — VIỆC SỬA-SOẠN. — Việc sửa-soan giữ một phần quan-trọng vì sửa-đổi chữ-viết chưa đủ mà phải sửa cho hợp với phép viết-đúng và phép đọc-đúng mà những chương-trình mới thường khiến sai-lạc về buổi đầu.

1. — Phép viết-đúng. — Phép viết-đúng mà người ta quen gọi là *chánh-tả* là phép ghi âm không những cho đúng với âm muốn phát mà còn cho hợp với các lệ-ước về chữ-viết. Cái lệ-ước ấy mỗi thời một khác theo sự tiến-hóa của ngôn-ngữ mà cũng theo khuynh-hướng của dân-tâm, nên chỉ là một điều tương-đối mà thôi. Bởi vậy cuộc sửa-đổi này sẽ nêu lên một phép viết-đúng khác với phép viết-đúng hiện có — ta vẫn phải gọi thế, dù phép sau này chính là “viết-sai” — nhất là về cách viết mấy chữ *tr*, *gi*, *s*, *x*, và cách ghép tiếng.

127 a) Cách viết chữ. — Về những chữ ấy, một chương-trình khảo-xét tường-tận theo nguồn-âm và theo trạng-thái hiện nay về phát-âm không có không được. Cách dùng *e* thay cho *tr*, *j* thay cho *gi*, *x* thay cho *s* và ngược lại, mà chúng tôi nêu lên trên kia chỉ là tạm mà thôi. Chúng tôi sẽ còn có dịp bàn về từng chữ trong một thiên khảo-cứu về sau để định lấy cách viết cho từng tiếng. Khoa nguồn-âm Việt sẽ còn dành cho ta nhiều cái lạ, và một vài thí-dụ chúng tôi đã nêu ra trên kia về cách dùng *tr* đủ chứng-tỏ điều ấy. Nhân đây chúng tôi đem thêm ra vài thí-dụ nữa về *tr*, chưa phải là để giải-quyết hẳn vấn-đề chữ ấy mà để các bạn có một quan-niệm tổng-quát về nó.

Tr có-thể gốc ở một âm đầu Khome, Tàu hay nbo.

Về âm Khơme **tr** thường ứng với một nhóm cần-rung **tr** gốc như trong *Trá-vinh* hay **tl** gốc như trong *tlan*. Tiếng sau này, ta đã đề nguyên thể mà dùng về thế-kỷ XVII⁶¹, rồi sau này mới biến theo nhiều cách :

t hóa-vần theo luật hóa-đồng, **a** có thanh huyền và **n** hóa-chặt mà cho **thầnlầ** (*thần-lần*).

n thành rung đầu lưỡi và **n** hóa-chặt mà cho **trầ** (*trần*).

t rung và **a** có thanh sắc mà cho **rầ** (*rần*).

Về âm Tàu **tr** thường ứng với một âm-cần-ép **c** như trong **tri** gốc ở âm Tàu **cư** 知 ; một nhóm cần-thở **th** như trong **trồ** (*trống-coi*), **trồ** (*tròng con mắt*) gốc ở âm Tàu **thố** 透 là âm còn biến ra âm nho **đồ** (*đồng*), cùng nghĩa ; một nhóm có ken-tròng hay ken-dầu :

Nhóm có ken-trong là nhóm do **r** “ken” vào trong tiếng, sau một âm-gan-lợi đầu **t** mà thành, như :

Tàu	Nho	Nôm thế-kỷ XVII	Nôm nay
通 twan	頓 dộn	tion	trồn

Nhóm có ken-dầu là nhóm do **t** “ken” vào đầu tiếng, trước một âm-rung **l** thành rung **r** :

Tàu	Nho	Nôm thế-kỷ XVII	Nôm nay
亂 lwạn	lwan	tlộn	{ trộn lộn

Đó là ta mới nói qua về âm **tr** của vài tiếng. Nếu ta xét rộng ra các tiếng khác, các âm khác, ta sẽ thấy rằng phép viết-đúng không giản-dị như ta vẫn tưởng. Đó là cả một công-phu tìm-tòi không thể nói rõ trong phạm-vi quyển sách này được.

⁶¹ Xem *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* của cố đ. Rhodes.

128 b) Cách ghép tiếng. — Ngoài ra, phép viết-dúng không những cốt ở sự ghi âm cho sát mà cũng cốt ở sự ghép âm cho đúng với tiếng phát ra. Lạ như tiếng *thần-lần* trên kia mà ta quen ghép thành hai tiếng *thần-lần* là sai : cả một món ghép tiếng còn phải xét lại vậy.

Đã lâu người ta vẫn thường nhắc-nhờ đến lối ghép liền tiếng. Từ những nhà cải-cách chữ viết như các ông Nguyễn văn Vĩnh với những tiếng *Chæclænj*, *Huizphongf* trong tờ *Trung-Bắc tân-văn*, Phạm xuân Thái với những tiếng *faqngflangf*, *zongruoqif* (1) trong quyển *Việt-ngữ cải-cách*, vv., đến những nhà-bọc trong số ấy có ông Hoàng xuân Hãn trong quyển danh-lừ khoa-học, vấn-đề nối liền tiếng đã thành một vấn-đề càng ngày càng được chú-ý đến.

Tiểu thay người ta đã bàn đến vấn-đề quan-trọng ấy một cách thiếu quan-trọng vì ai cũng tưởng chỉ một cái “nhảy” là đi được từ những tiếng có ngang-nối đến những tiếng hai-vần. Thật ra ghép liền là cả một vấn-đề có liên-cam-mật-thiết không những đến học-âm-ngữ mà còn đến học-nghĩa, học-meo, và không phải tiếng nào cũng ghép liền được với tiếng nào. Chúng ta còn có dịp xét về vấn-đề này⁶². Chúng ta hãy đi thông-thả cần-thận, vì có thông-thả mới có chắc-chắn và đỡ gặp những cái bất-ngờ.

129 2. — Phép đọc-dúng. — Trái với phép viết-dúng mà ta còn phải khảo kỹ, phép đọc-dúng chỉ ở trong vài nguyên-tắc, vì dựa vào cách phát-âm từng chữ đã chỉ rõ ở trên, ta có-thể đi đến những kết-quả mỹ-mãn.

Về âm đầu, phép này nói với các bạn người Bắc nhiều hơn trong những chữ *tr*, *gi*, *r*, và với các bạn người Nam riêng trong chữ *v* : một chút chú-ý sẽ giúp các bạn lập một cách dễ-dàng.

⁶² Dội xem *Khảo về tiếng ghép*.

Về âm cuối, phép này nói với các bạn miền Nam nhiều hơn. Đoạn sử miền Nam trên kia đã cho ta thấy rằng **người Nam chỉ là người Bắc dời ở vào miền Nam**, và đoạn khảo về những biến-đổi Bắc-Nam còn chỉ thêm rằng những sai-khác quan-hệ nhất gốc ở sự **lấn âm gan-lợi với âm-màng-của và ngược lại hay âm chặt với âm lỏng và ngược lại**. Vậy dù Bắc, Trung hay Nam, nếu ta chú-ý đến giá-trị mỗi âm, ta sẽ phát-âm không sai-lạc, dù với những chữ mới, những vần mới.

Vì âm cuối mới thật quan-hệ, chúng tôi xin các bạn nhận biết chỗ đối nhau về lỏng-chặt của hai loại âm cuối và ảnh-hưởng của mỗi loại đối với âm-chính trước :

Lỏng : ɣ, w, b, d, g, m, n, ɲ

Chặt : ɣ̣, ẉ, p, t, k, ṃ, ṇ, ɲ̣

Muốn tập phân-biệt như vậy, không gì hơn là dựa vào các vận thơ là những thí-đủ có-thể xếp-đặt theo từng điếm. Nhưng vận thơ vốn rất khó đặt với các tiếng miệng-cuối và cũng rất nghèo với các tiếng có m cuối, trừ những bài thơ tình ngịch mà gò-ép như của Hồ xuân Hương, ta chỉ có-thể xét các âm cuối **b, p, d, t, g, k, m** lẫn vào các bài thường.

130 a) Vận có ɣ̣ đối với ɣ̣ :

Thóy dầy.

Thế thấy nhân tình gấm cỗi thẹy.

Lạc nong̣ troṇg cieng̣ túy vầy dầy.

Hề khong̣ diêu lầy, khôṇn theng̣ zay.

Dã kó đong̣ tiêng̣ zã kụ̃ng hẹy.

Khôn-khéw cặ́ng kwa ba tặ́k lự̃ây.

Hặ́n-hoy khong̣ hặ́c mọ̣c bàn tẹy.

Xwí ra ợo kí ợi hân nũa,

Bạg kwá vớỵ, mà mỗn kwá mếỵ.

Nwien kớỵ Cự

Những tiếng có ỵ cuối đọc giọng thường như : thớỵ (thời), đớỵ (đời), thắỵ (thái), túỵ (túi), lặỵ (lợi), zặỵ (dại), vớỵ (vời), khác hẳn những tiếng có ỷ cuối đọc giọng ngắn : theỷ (thay), đầỷ (dầy), heỷ (hay), teỷ (tay), mếỷ (máy).

Đồng thời, ợểđ (chết), lặđ (lạt), hếđ (hết), mộđ (một), có đ cuối vì đọc bằng giọng thường, cũng như ợểg (chết), bạg (bac), có g cuối, đối với tắk (tắc) có k cuối đọc bằng giọng ngắn.

131 b) Vạn có w đối với ỷ :

Thu điêu.

Aw thu lợỷ-lợw nướg trợỷ vew,

Mộđ ợểg thwien kớỷ bé tẻw-tew.

Xớỷ biểg thew lán hây gặn tí,

Lá vạng trứợg ợó xẻ dưạ vew.

Từỷ mớỷ lá-lừỷ trắỵ seỷ gắỵ,

Nỏ cúk kweỷ-ko khék vắỷ tew.

Tựạ gợỷ ợm kẩn lờỷ ợắỷ dượg,

Ká dờỷ dợỷ-dợỷ zứợỷ ợắỷ bẻw.

Nwien Khwien

Những tiếng có w cuối đều đọc giọng thường như : **diêw** (điếu), **aw** (ao), **lêw** (lèo), **vew** (veo), **têw-tew** (lèo-teo), **thew** (theo), **vêw** (vèo), **tew** (teo), **bêw** (bèo), khác hẳn những tiếng có ẽ cuối đọc giọng ngắn : **kôẽw** (câu), **lôẽw** (láu), **dôẽw** (đầu).

Đồng thời, **môđ** (một), có đ cuối đọc bằng giọng thường khác **ngát** (ngắt), có t cuối đọc bằng giọng ngắn cũng như : **nưáđ** (nước), **chiếđ** (chiếc), **biếđ** (biếc), **trướđ** (trước), **đượđ** (được), có g cuối đọc bằng giọng thường khác **cúđ** (trúc), **khéđ** (khách) có k cuối đọc bằng giọng ngắn.

132 c) Vận có n đối với ñ :

Nẹ dừã ñ zẽ ñ lặ.

Dựá thuô thễ ñá ít ñiêw fen,

Dề rê kôñ zẽ ñ dỗ lặ ñàn.

Am Bẹk-vân rờ ñ ñàn-hứñ.

Zam hỏ ñ trăn vắ ñay ẹn.

Nễ ẹẽ hỏ mạt hwa là khék,

Dêm vắ hẻ lỏ ñ ợwịed ể ñen.

Cắ cắ thả-á ñ ñ ñ mắ biếđ,

Dỏ thì xon dỏ, mựđ thì đen.

Nwien Bĩ Khiêm

Những tiếng có n đều đọc giọng thường như : **fen** (phen), **ñàn** (nhân), **ẹn** (chen), **đen** (đen), **xon** (son), **đen** (đen), khác hẳn những tiếng có ñ cuối đọc giọng ngắn **vắu**, **trắu**, **ñiñ** (nhìn).

Đồng thời, am, dem, có m cuối cũng như đượg (đượg) có g cuối, ɲwɛ̃d (nguyệt), biêd (biết) có d cuối, đều đọc giọng thường trái với zẵm (dăm) có m̃ cuối, khék (khách), mựk (mực) có k cuối, mặ̃t (mặt) có t cuối đều đọc giọng ngắn.

133 d) Vận có ɲ đối với ɲ :

Nềw nằ̃m kỏ.

Ba jan lểw kỏ zây ợe xuân.

Rẻd fằ̃y nằ̃m ko bá fằ̃y kùông.

Ká kả nẻb vể̃y miên Bắk hằ̃y.

Rỏ̃̃ thiề̃ng uỏ̃n khú̃k ợỏ̃n Nam zữân.

Mộ̃d lỏ̃̃ cũ̃ng-hiề̃w bo kỏ̃n jủ̃.

Hay ợử kỏ̃̃ng-zẽ̃ nằ̃n ợửá vuông.

Kỏ̃̃ khuấ̃t baw-ñiề̃w thì kỏ̃̃ zủ̃ợy.

Ra swằ̃n dằ̃m-ằ̃m xề̃ sề̃̃ng-sạ̃̃.

Nwiền vằ̃n Jay

Những tiếng có ɲ cuối đều đọc giọng thường như : xuân (sương), kùông (cuồng), (thiề̃ng), zữân (dương), vuông, (vuông) sạ̃̃ (xang), khác hẳn những tiếng có ɲ cuối đọc giọng ngắn : rỏ̃̃ (rỗng), lỏ̃̃ (lông), cũ̃ (trung), kỏ̃̃ (cống), zẽ̃ (danh), xẽ̃ (senh).

Đồng thời, nẻb (nẻb) có b cuối cũng như rẻd (rẻt), mộ̃d (một) có d cuối, đều đọc giọng thường, trái với nằ̃m (nằm), dằ̃m-ằ̃m có m̃ cuối, khuấ̃t (khuất) có t cuối, Bắk (Bắc), khú̃k (khúc) có k cuối, đều đọc giọng ngắn.

134 e) *Thí-dụ chung cho các vần.* — Dưới đây là những đoạn trích ở Kim-Vân-Kiền, Cung-oán ngâm khúc, Chinh-phủ ngâm, mà ai cũng biết và có-thể suy ra mà đọc một cách dễ-dàng.

Kim Văn Kiêu

Trăm năm trông kờ nưây ta,
 Cữ tày cữ mặng khéw là géd nơw.
 Trảy kwa mộd kượng bề zôw,
 Nửg diêu trồn thảy mà doww-dấn lòn.
 Lạ jì bí xák tư fong,
 Trảy xeng kwen thóy má hỏn đến gen.
 Káw thám lẫn mã trứág dèn,
 Fong-tỉg kỏ lụk kòn ợwiên xủ seng.
 Rảg : nam Ja-tỉg ciêw Mỉg,
 Bốn fưág fảg-lạg hay kỉg vũg-vảg.
 Kỏ nà viên-ợway họ Vuág,
 Ja-tư ợi kủg thừág-thừág bắk cuợg.
 Mộd tray kon thứ rỏd lỏg
 Vuág-kwan là cữ nỏy zỏg nỏ ja.
 Dỏw lỏg hay á tỏ ợa,
 Thwí-Kiêu là ợi, em là Thwí-Vản.
 May kỏd-kék twiêd tỉg-thần.

Mỗy nữay mỗd vế mữay fân vện mữay.
 Vần sem caṅ-coṅ khág vầy,
 Khuôn traṅ dầy-dạn néd ngầy nằ-naṅ.
 Hwa kữay ṇok thốđ dwan-caṅ,
 Mếy thuô nữag tók, twiéd nữràng mỗw za.
 Klếw kàng xák-xắw mạn-mà,
 Xo bẻ tàỵ-xák lạy là fắn hân.
 Làn thu thwỉ, néd swắn xắn,
 Hwa gen thuô thắm liếw hân kém seṅ.
 Mỗd hay ṇiếṅ nữag ṇiếṅ theṅ,
 Xák dềṅ dòỵ mỗd tàỵ dềṅ hwa hay.



Kuṅ wán ṇắm khúk.

Klẻ thẻ kụk ữur in jắk mỗṅ,
 Mếy hwlén-vi mắ đốṅ khôn lữràng.
 Vẻ ợi aṅ-úóṅ xự thữràng,
 Kữṅ kòn tién dĩṅ khá thữràng lọ là.
 Dọỵ nữṅ kẻ thiên ma bẻk ợiẻđ,
 Hỉṅ thì kòn, bựṅ ợẻđ dọỵ nỏw.
 Thắw nằw khi mắỵ cón zỏw,
 Dả mạn tiềṅ khók bựṅ dỏw mà ra.

Khók vì nỡy thiếđ-tha xư thề,
 Ai bẽy trồ bãy bẽ nuẩg zôw.
 Trẩng rẩg đễn thwả bạg đởw,
 Từ xĩg kĩg kụ làm nỏw mễy lầ.
 Kụog thễg bạg hỏw kẩn máy tók,
 Lẩb kũg thỏg nư dúk bùog gan.
 Bễg trẩn dỏy dwạn tẩm kan,
 Lũa kẩ dỏđ rụod, zaw hàn kát za.
 Góđ zẻg-lẩy bũn fa xák xám,
 Mạt fỏg-trẩn nẩg rám mùy nỏw.
 Nỉ thán fủ thể mẩ đỏw,
 Bỏđ trỏg bẻ khỏ bẻw đởw bẻn mẻ.
 Mũy tụk lwị lửáy tẻ tẩn-khỏ.
 Dửẩg thẻ dỏ, góđ rỏ kị-khu.
 Xỏg kỏn kửẩ bẻ nẩp-nỏ.
 Cẻg thwẩn baw-ẻg lỏ-xỏ mạt gẻg.
 Trẻ tậw-hwẩ dẻg-hẻg kwẩ gẩn,
 Zát-zỉw gửẩy lẻn kạn mẩ cẩy.
 Lò kử nửg-nỏw xử dẩy,
 Bửk trẻg vẩn-kỏw vẻ gửẩy tẩg-thửẩg.

Cịn - fụ ẵm.

Thwã trảy dất nỡ kân jó bụy,
 Khék má hỡn ẵlẻw nỡ cwan-ẵiẻn.
 Seẵ kiẻ tham-thẳm từẵ trên,
 Vì ẵ gẻy-zủẵ ẵo nên nỡ nẻẵ.
 Trỡẵ cẵ thẻẵ lủẵ-leẵ bỡẵ ẵwẵiẻd,
 Khỏẵ Cam twẵn mã-mặẵ thủẵ mẻẵ.
 Cịn lẵn ẵưẵm bỡẵ traw tẻẵ,
 Nủẵ dẻm cẵlẻn bặẵ dặẵ ẵẻẵ swẵt cịn.
 Nủẵg theẵ-bẵ ba trẵm nẵm kủ,
 Ấw nủẵ treẵ kwan vủ từ dẻẵ.
 Xủ trảy xẵm ẵuk dủẵg mẻẵ,
 Fẻẵ kỡẵ là cỡẵ, nẻm tẻẵ xá nằẵ.
 Dủẵg rỏẵ-rỏẵ lủẵ dẻẵ kủẵ tiẻn,
 Bủẵ tiẻn dủẵ lỏẵ bẵn thẻẵ nằ.
 Tiẻn kả tiẻn trỡẵ sa-sa,
 Xỏẵ lẻn ẵon ẵy, wẵn ra kủẵ fỏẵ.
 Cẵn tủẵ trẻ vủn zỏẵ hằw-kẻẵd,
 Sẻẵ bủẵ-ẵiẻn theẵ vẻẵ daw-kủẵ.
 Thẻẵ liẻn mỏẵ tiẻn bẻ rỏẵ,
 Thủẵg ẵưẵm dẵ kủẵd cẵn zỏẵ zặẵ trảy.

Ci làm tray zăm nín ɿa nưá,

Jew Tháy xán nệ tự hõn maw.

Zá nĩa dew bưk giền baw,

Théd roy kỡw Vĩ ảw-ảw jỏ thu.

135 B. — VIỆC KHUYẾN-KHÍCH. — Bất cứ một công-cuộc nào, không phải ngày một ngày hai mà thành-tựu được, dù nó hay, nó phải đến dần. Nó cần có sự ủng-hộ khuyến-khích của mỗi tầng lớp các phần-tử trong xã-hội. Nhất là công-cuộc này vốn có liên-can đến mọi ngành hoạt động, từ văn-hóa qua kinh-tế đến chính-trị, thì sự thực-hiện nó càng phải dựa vào phong-trào ủng-hộ ấy. Ta có thể xét phong-trào ấy theo ba mặt văn-hóa, kinh-tế và chính-trị.

136 1. — Về mặt văn-hóa. — Chữ viết đặt ra cốt cho toàn quốc dùng và kẻ dùng nhiều nhất là người dân : sự ủng-hộ của quốc-dân lẽ tất-nhiên sẽ có ảnh-hưởng sâu-xa nhất. Nhưng những kẻ dẫn-đạo những hoạt-động văn-hóa, chúng tôi muốn nói các nhà-học, nhà-văn, cũng có một trách-nệm nặng-nề trong việc thực-hành những phương-pháp mới.

Giá-trị của phương-pháp này cố-nhiên còn tùy nơi các bậc học rộng hiểu nhiều định-đoạt. Nếu cần, chúng tôi sẽ có dịp bàn-cãi với các bậc ấy về từng điểm một, miễn là ta tìm đến được một sự thỏa-thuận chung dễ đồng-lòng hợp-sức tiến trên con đường đáng đi. Lúc này không còn là lúc chần-chừ được nữa, vì ta chỉ có hai cách : hoặc cương-quyết từ-khước một cái gì vô giá-trị, hoặc sốt-sắng thừa-nhận một cái gì hữu-ích. Có biết-bao nhiêu cái hữu-ích chỉ vì một chút dụt-dè mà vẫn thành vô-dụng, vì cái “ich” chỉ rõ-rệt được là sau khi nó có đất “dụng”.

Riêng ở các hội-học, các cơ-quan văn-hóa, chúng tôi trông-cậy rất nhiều vì không một công-cuộc hoạt-động nào thành-tựu nếu thiếu sự ủng-hộ của các đoàn-thể ấy.

Muốn vật muốn sự ở đời này phải thay-đổi mới tiến được. Nếu ta cứ khư-khư ôm lấy cái cũ mà sợ cái mới, làm sao đạt được đến chỗ tận thiện tận mỹ ? Chắc hẳn ta sẽ không như cổ Cadière, sợ rằng các sách sẵn có của mấy nhà-viết xưa sẽ không còn ai hiểu nữa, mà hi-sinh luôn những sách của ngày nay và ngày sau, cần cho một lớp người mới của hiện-tại và tương-lai.

137 2. — Về mặt kinh-tế. — Về mặt này, chúng tôi muốn nói với các nhà-in nhà-báo. Mỗi cuộc đổi-mới về bất-cứ ngành nào cũng dự-định trước những phá-hoại về kiến-thiết. Nhưng những « phá-hoại » của cuộc đổi-mới này sẽ không có gì là tổn-kém vì những chữ bỏ đều có-thể sửa đi một chút mà dùng lại được.

Trái lại cuộc kiến-thiết có phần khó-nhọc. Các ông chủ nhà-in sẽ phải thuê đúc thêm vài dấu mới. Các ông sẽ phải luyện lại tập thợ sắp-chữ của các ông, và có-lẽ phải uốn-nắn lại cả một số khách-hàng bỡ-ngờ. Nhưng các ông sẽ làm một cái gì đáng ghi vào sử in nước nhà vì chính các ông là những người khuyến-khích các nhà-văn, nhà-học trên con đường mới.

Các ông hãy tưởng-tượng rằng có những cây viết đầy hăng-hái muốn tiến trên con đường ấy mà con đường ấy không ai chịu chấp, tuy nó được vạch sẵn, thì lẽ tất-nhiên họ cũng đành chịu. Các ông chính là những kẻ « đắp đường » để đưa ngữ Việt tới chỗ vinh-quang, và những gương đổi-mới nghề in từ ngàn xưa ở các nước vẫn là cái gì đáng soi trong cuộc tiến-hóa của loài người. Chúng tôi xin lấy một thí dụ về sự thay-đổi cách viết trong ngữ Pháp, tức là một đoạn bài thơ *L'Yver* của Charles d'Orléans về thế-kỷ XV để các bạn so-sánh với chữ viết hiện nay :

Yver, vous n'estes qu'un villain,

Esté est plaisant et gentil,

En tesmoing de May et d'Avril,

Qui l'accompaignent soir et matin...

Cách viết về thế-kỷ XV thì như thế. Đến thế-kỷ XVI người ta bắt-dầu nhận thấy những điểm kém của bộ-chữ Pháp. Các nhà-in và cả các nhà học tìm mọi cách sửa đổi. Nhà-mẹo-ngữ Meigret đặt ra chữ *j* ; chữ *u* được tách-biệt khỏi chữ *v* ; dấu-phết và dấu-mũ được nhà-thơ Ronsard dùng trước nhất ; dấu-huyền do nhà kịch Corneille lần đầu đặt lên trên *e* trong *procès*. Hai nhà-in Geoffroy Tory phát-minh ra dấu-lược và Etienne, Dolet ra dấu-tách.

Phải chăng chỉ thiếu một chút hy-sinh, một chút can đảm là bao-nhiều dấu trên đây, những dấu tuy thường với ta nhưng rất « lạ » về thời xưa, đã bị vùi trong bóng-tối ?

Hướng chỉ ngày nay ta có những liên-đoàn nhà in-liên-đoàn báo-chí có-thể điều-hợp các hoạt-động của mỗi phần-tử một cách nhất-trí mà làm giảm được những nỗi khó-khăn về vật-chất. Những sự lộn-xộn mà người ta lo có-thể xảy ra trong các ngành kinh-tế vì những cách dùng chữ mới, văn mới này sẽ không có nghĩa nữa nếu những chữ, những văn ấy được áp-dụng một cách khéo-léo.

Vả lại làm việc gì cũng vậy, phải tuy hoàn-cảnh mà quan-niệm thêm lễ nên chăng của mọi hành-động. Theo

đã liến-bộ của ta, một ngày gần đây, ta sẽ đúc lấy được chữ, thì mấy dấu mới dùng cho toàn quốc sẽ không đến nỗi chịu những giá quá đắt như ta đã phải mua ở ngoài⁶⁹. Một chút hi-sinh buổi đầu không phải là hi-sinh mãi! Trái lại, đó cũng là dịp kích-thích ta trong sự tự cung-cấp lấy những cái ta cần. Ta còn phải nhờ ở ngoài, thì suốt một đời-sống của ta chỉ là cái bóng đáng-thương vật-vờ theo nhịp sống của người thời.

⁶⁹ Một chứng-cớ là nhân-giữ việc án-loát quyền sách này đã đúc được các dấu mới, tuy về mặt kỹ-thuật chưa được hoàn-hảo,

LỜI - KẾT

Nói tóm lại đây là một chương trình sửa-đổi không như các chương-trình khác vì nó được căn-cứ vào những nguyên-tắc khoa học.

Những nguyên-tắc ấy lại đặc-biệt hơn các nguyên-tắc khác, vì nó sẽ còn nêu lên một vấn-đề lựa chọn giữa nó và các nguyên-tắc của môn học âm-lời Âu-Tây, trước môn học âm-lời quốc-tế.

Chúng ta không còn phải lo về nguyên-tắc nữa.

Chúng ta hãy nghĩ đến thực-hành.

Sự thực hành ấy ở trong tay toàn-thể bạn-nước và chúng tôi không biết nói gì hơn là giao-phó nó cho các bạn.

Riêng phần chúng tôi, chúng tôi sẽ cố - gắng nữa, như chúng tôi đã cố-gắng từ nhiều năm nay, để chứng-tỏ giá-trị thực-hành của chương-trình này trong các công-cuộc khảo-cứu của chúng tôi. Những công-cuộc ấy sẽ lần lượt ra mắt các bạn để tỏ rằng nếu nguyên-tắc chuyển-viết âm-lời chỉ có « một » thì một phương-pháp chuyển-viết vừa khoa-học vừa thực-hành không phải là không được.

Nắm được phương-pháp ấy, ngữ Việt sẽ có-thể tự-hào là một thứ ngữ trước nhất đã khánh-thành một cái gì mới mẻ, hình-ảnh của năng-lực phát-triển của nó. Nhất là trong giai-đoạn quan hệ của lịch-sử Việt-Nam này sự phát-triển ấy càng phải khuyến-khích, vì liệu ta còn đợi đến bao-giờ ?

Riêng về sự sửa đổi cách viết và cách phát-âm, ta còn

nói được là cả một chương-trình làm-giàu âm Việt để mở-đường cho sự làm-giàu ngữ Việt. Dựa vào bộ-văn mới, chúng tôi xin phác ra đây số những tiếng đơn có-thể tạo ra được và dễ phát-âm :

9 âm đơn chính	loại : e , ê , i ,
3 vần.hai chính	» iê , ưa , uô
18 » » bán-trước	» wa , ye
18 » » bán-sau	» aw , ay
216 » » phụ-trước	» ba , sa
108 » » phụ-sau	» an , em
4 vần.ba chính-trước bán-sau	» uây , iêw
36 » » chính-trước phụ-sau	» iên , uân
1 » » bán-trước chính-sau	» wiê
5 » » bán.trước bán-sau	» way
324 » » bán.trước phụ-sau	» wan
72 » » phụ.trước chính-sau	» kiê
432 » » phụ.bán-trước	» hwa
432 » » phụ-trước bán-sau	» daw
2592 » » phụ-trước phụ-sau	» ban
25 vần.bốn bán-chiuh-trước phụ-sau	» wiên
24 » » phụ.bán-trước chính-sau	» kwiê
1296 » » phụ.bán-trước bán-sau	» hway
1616 » » phụ.bán-trước phụ-sau	» hwen
576 vần.năm phụ.bán.trước phụ-sau	» hwiên

7855

Đó là con số khá lớn về các vần không thanh trong đó số vần không đọc được hay đọc được mà chưa dùng đến không có là bao.

Những vần có thanh ngang ấy còn có thêm năm thanh, và nếu đề-ý rằng những tiếng tận-cùng bằng âm-

cần miệng như p, t, k không có ba thanh huyền, hỏi, ngã, ta có :

2596 tiếng không âm-phụ cuối có đủ 5 thanh, thành, : 12.845

2643 tiếng có âm-cản mũi cuối có đủ 5 thanh, thành, : 13.215

2643 tiếng có âm-cản miệng cuối chỉ có 2 thanh, thành : 5.286

7855 tiếng có thanh ngang : 7.855

Tổng-cộng : 39.221

Con số này đã bị « trừ hao » đến mấy nấc và đủ phùng-lò rằng số tiếng đơn trong ngữ Việt, nếu ta biết dùng cái kho âm quý-báu kia, sẽ không dưới 40.000. Con số ấy cũng sẽ không có gì là quá kni, trong quyển vị-tiếng Pháp-Xiêm của ông, Lunet de Lajonquière, khảo-xét về các cách ghép vần Xiêm, có ước số vần không thanh tới 39.000 mà còn nói thêm rằng « cái vật-liệu về âm ấy còn tăng nữa, gần gấp ba, bởi sự dùng các thanh, và nhân đó vượt thừa những cần-dùng của ngữ ấy » ⁶¹.

Ta hãy nên nghĩ đến kho âm của ta với bao nhiêu lối ghép tiếng và nói nghĩa. Nhưng cái kho âm ấy chỉ khai-thác được một cách có hiệu-quả nếu ta làm việc có phương-pháp và mạnh bạo áp-dụng những phương-pháp chính ta đã nhận là thích-hợp với ta.

Tương-lai không chờ ta như người ta vẫn nói. Ta phải đi đến nó mới được.

⁶¹ *Dictionnaire Français-Siamois*, tr. 25.

BIỂU - DẪN

vừa làm bộ-tiếng chuyên-môn

Biểu-dẫn này, ngoài việc giúp ta tìm những mục có quan-hệ đến một tiếng, còn là bản-dịch một số tiếng chuyên-môn Pháp cần riêng cho hai tập sách này.

Về phép đặt tiếng, như chúng tôi sẽ có dịp trình bày ở một tác-phẩm riêng, quyển *Con đường mới của ngữ Việt*, các tiếng hoàn-toàn đặt theo tinh-thần Việt. Bởi vậy, bên những tiếng có sẵn chỉ mất công hiểu ngược lại, như : ngữ-học thành học-ngữ, ngữ-âm-học thành học-âm-lời, còn những tiếng mà một phần chỉ là một tiếng Việt, như : thần-âm thành âm-mối, nha-âm thành âm-răng, hay những tiếng mới hẳn, như : chuyên-việt, màng-của, v.v. Bên mỗi tiếng, nếu có-thể, chúng tôi sẽ chưa thêm tiếng cũ, mà ta thấy trong quyển *Pháp-Việt tự điển* Đào duy Anh chẳng hạn, để bạn-dọc tiện bề so-sánh, và sẽ giảng-giải cho rõ nghĩa.

Về cách xếp tiếng, các tiếng trong quyển này vẫn xếp theo thứ-tự bộ-chữ cũ. Những số bên tiếng là số mục ở phần CVVKH, có *tr.* đứng trước là số trang ở phần NNHVN. Một số tiếng đáng ghép liền, nhưng chúng tôi tạm để nổi, mà đợi cho đến khi định xong phép ghép tiếng.

Những dấu-sao (*) sau một tiếng Pháp tỏ rằng tiếng ấy chỉ là tiếng dịch một tiếng chuyên-môn mới về học-âm-lời Việt mà không có trong ngữ-thuật Pháp.

Thêm dưới đây là một số chữ-tắt về mẹo-ngữ mà sau này chúng tôi sẽ có dịp giảng-giải.

tr. : tiếng-năng (verbe)

tr. : tiếng-tính (adjectif)

tiên. : tiếng-tên (nom)

tr. : tiếng-trạng (adverbe)

A

Âm tiên Son. Âm cao *haute.*

Âm chặt : son serré,

22-c. Âm dài : son long,

22-f. Âm yếu : son faible,

22-e Âm kêu : son sonore,

sonore, 21. Âm kín : son

fermé. Âm lỏng : son

lâche, 22-c. Âm mặt :

son sourd, sourde, 21. Âm

mạnh : son fort, forte

22-c. Âm mở : son ouvert.

Âm ngắn : son bref.

brève, 22-f. Âm thấp :

basse. Âm thường : son

normal.

Âm bán tiên Semi-vo-

gelle (bán-mẫu-âm), 22.

Âm-cản tiên Occlusive

(bế-tử-âm), 31.

Âm-cản-nửa tiên mi.

occlusive. Âm-cản-ép

tiên affriquée, 32.

Âm-cản-thở tiên oc.

clusive aspirée.

Âm-cúa tiên palatale

(khẩu-cái-âm), 30.

Âm-cuối tiên son final,

finale, tr. 47.

Âm-chính tiên voyelle

(mẫu-âm, nguyên-âm), 24.

Âm-chúm tiên labialisée.

Âm-đầu tiên son initial,

initiale, tr. 47.

Âm-đầu-cúa tiên Pré-

palatale, tr. 47.

Âm-ép tiên spirante, 30.

Âm-gan-lợi : x. âm - nôi.

Âm-giành : chỉ các âm

e, é, i, tr. 29.

Âm-giữa tiên médiate

22, tr. 2).

Âm giữa-chính son inter-

vocalique.

Âm-hai tiên diphtongue

(nhị-trùng-âm). 37. tr. 30,

Âm - hai - môi tiên bi-

labiale, tr. 27.

Âm-hẹp tiên, son étroit

22-c

Âm-họng tiên gutturale

(hầu âm).

Âm-hô tiên aspiration,

28.

Âm-ken tiên affixe.

Âm-ken-cuối tiên suffixe.

Âm-ken-đầu tiên préfixe.

Âm-ken-trong tiên infixe.

Âm-khì tiên : chỉ kh

(không có tên Pháp).

Âm-lời tiên son de la

voix, phonème. tr. 19.

Âm lưỡi tên *linguale*.
Âm-lưỡi-răng tên *dentilinguale*.

Âm-màng-cửa tên *vélaire*, tr. 27.

Âm - miệng tên *son buccal, buccale*, tr. 27.

Âm-môi tên *son labial, labiale*, tr. 27.

Âm - môi - răng tên *son dentilabial, dentilabiale*, tr. 27.

Âm-mũi tên *son nasal, nasale*, 22-d, tr. 27.

Âm-ngữ tên *son de la langue*.

Âm-nổi tên *alvéolaire*, 30, tr. 27.

Âm-phá tên *occlusive, explosive*. X. **Âm-càn**.

Âm-phì tên : chỉ âm *ph* (f) (không có tên Pháp).

Âm-phụ tên *consonne* (từ-âm, phụ-âm), 28.

Âm-răng tên *dentale* (nha-âm), tr. 31

Âm-rộng tên *son large, large*, tr. 26.

Âm-rung tên *vibrante* (chấn-động-âm), 29.

Âm-xát tên *fricative, continue* (chấn-thiệt-âm), 30.

Âm-sau tên *postérieure*, 26, tr. 29.

Âm-sau-chính tên *son postoccalique*.

Âm-suyt tên *chuintante*, 30.

Âm-thở tên x. **Âm-hô**.

Âm-trong tên *son interne* (= *médiale*).

Âm-trung tên *son moyen, moyenne*, tr. 29.

Âm - trước tên *antérieure*, 24, tr. 29.

Âm-trước-chính tên *son pré-vocalique*.

Âm-trước chúm *antérieure labialisée*.

Âm-uốn tên x. **Âm-suyt**.

Âm xì tên *sifflante*, 30.

B

Bộ tên *ensemble*.

Bộ âm tên : chỉ các âm trong một ngữ (không có tên Pháp).

Bộ-chữ tên *alphabet* (chữ cái, tự-mẫu), 95.

Bộ-máy tên *appareil* : nói chung các máy hợp thành một bộ.

Bộ-tiếng tên *vocabulaire* (tự-vựng).

Bộ-vần *tên ensemble des syllabes (d'une langue).*
101-103.

Bôlônya (*Bologna*) *tên Bologne : một thành-phố nước Ý.*

C

Cái *tt. majuscule.*
X. Chữ và Viêt.
Căn-tiếng *tên Radical (ngữ căn).*
Con *tt. minuscule.*
X. Chữ. và Viêt.
Chuyên-hóa *tt. dérivé.*
Chuyên-viết *tn. transcrire. tên transcription.*
Chuyên -viết âm - lời :

transcription phonétique.

Chữ *tên lettre. Chữ cái : lettre majuscule (chữ-hoa). Chữ con : lettre minuscule.*

Chữ-hai *tên digraph (Anh).*

Chữ-số *tên chiffre.*

Cửa *tên palais, 21.*

D

Dài *tt. long. Âm dài : son long. Lingue.*
Dài-âm *tên corde vocale (thanh-dài). 21.*
Dấu *tên signe.*

Dấu-câu *tên punctuation.*

Dấu - thanh *tên signe tonique, 35.37.*

Đ

Đánh-vần *tn. épeler, 104.*
Đầu-cửa *tt. prépalatal, tên, tr. 27.*
Điểm *tên point.*
Điểm-chạm *tên point de contact, 22 c.*
Điểm - phát *tên point d'articulation, 22-b, tr. 27.*
Điền - tiếng *tên dictionnaire : thứ vị-tiếng*

có ghi đầy-đủ các điền-tích về mỗi tiếng (từ-diễn).

Đóng *tt. fermé. Vần đóng : syllabe fermée.*

Đờ-cửa *tên palatogramme.*

Độ *tên degré.*

Độ-chạm *tên degré de contact, 22-c, tr. 37.*

Độ - khúc tên *degré d'aperture, aperture* 22-c.

Độ-mở tên *degré d'ouverture*.

Đối - nghịch tt. *opposé*, tên *opposition*.

Đối-nghịch tay-đôi : *opposition binaire*, **Đối-nghịch tay-ba** : *opposition ternaire*.

Đơn tt. *simple*.

Đơn-vần tt. *monosyllabique*.

Đuôi-của tên *lucette*, tr. 26.

Đường tên *voie*.

Đường-miệng tên *voie buccale*, tr. 27.

Đường-mũi tên *voie nasale*, tr. 27

Đường-rèn tên *voie de résonance*, tr. 27

E

Etpánha (Espana) tên

Espagne (Tây-ban-nha)

G

Gan-lợi tên X. Nôu.

Giá vị-trí (các âm), tr. 47.

Gọng tên *accent*.

Giữa - chính tt. *intervocalique*.

H

Helát (Hellas) tên *Grèce* (Hi-lạp).

Hẹp tt. *étroit*. Âm-chính hẹp : *voyelle étroite*.

Họ-tiếng *famille de mots*, tr. 66.

Họ - ngữ : *famille de langues*, tr. 24.

Hóa-của tn. *palataliser*.

Hóa-nêu tn. : hóa thành âm-nêu, (không có tiếng

Pháp). Sự hóa-nêu : *alvéolarisation*.

Hóa-họng tn. *gutturaliser*.

Hóa - màng - của tn *vélariser*.

Hóa-răng tn. *dentaliser*.

Hóa-vần tn : nói một chữ, một âm hóa thành một vần, như t trong *than* đã theo luật hóa-đồng mà hóa-vần thành *thần* trong *thần-lần*.

Học nl. *étudier*, tên *étude*.

Học-âm-lời tên *phonologie, phonétique* tr. 19.

Học-âm-lời miêu-tả : *phonologie descriptive*. tr. 26-35.

Học-âm-lời tác-dụng *phonologie fonctionnelle* (*phonologie*, tr. 35-48.

Học-âm-lời quan-hệ : *phonologie relationnelle*, tr. 48-54.

Học-âm-lời đối-chiếu : *phonologie comparative*, tr. 54-67.

Học-âm-lời tiến-hóa : *phonologie évolutive*.

Học-âm-ngữ ; cái học về các âm của một ngữ.

Học-dạng-tiếng tên : *morphologie*, tr. 24.

Học-dùng-tiếng tên : *lexicologie*, tr. 23.

Học-mẹo-âm tên *grammaire des sons*, 20.

Học-mẹo-ngữ tên *grammaire (générale de la langue)*, tr. 20.

Học-mẹo-lời tên *syntaxe (grammaire de la phrase)* tr. 20.

Học-mẹo-tiếng tên *grammaire des mots*. tr. 20.

Học-mẹo-văn tên *rhétorique*, tr. 20.

Học-nghĩa tên *sémantique*, tr. 20.

Học-ngữ tên *linguistique*, tr. 21.

Học-ngữ-động : *linguistique diachronique*, tr. 21.

Học-ngữ-tĩnh : *linguistique synchronique, statique*, tr. 22.

Học-ngữ-miền tên *dialectologie*, tr. 23.

Học-ngữ-nôm tên ; cái học về các tiếng và chữ nôm, tr. 22.

Học-ngữ-nho tên ; cái học về các tiếng và chữ nho, tr. 22.

Học-nguồn-tiếng tên *étymologie*, tr. 25.

Học-sử-tiếng tên *philologie*, tr. 23.

Học-thề-văn tên *stylistique*, tr. 20.

Học-ăn tên *oesophage*, tr. 26.

Học-thở tên *trachée-artère*, tr. 26.

Học-nói tên *souffle vocal*, tr. 26.

Học-thở tên *souffle respiratoire*, tr. 26.

I

Iran (*Iran*) tên *Perse* (Ba-Tu).

K

Ken tn. *fixer* X, Âm và Tiếng.

Ken-cuối tn. *suffixer*

Ken-dầu tn. *préfixer*.

Ken-trong tn. *infixer*.

Kép tt. *double* Chữ kép : lettre double.

Kêu tt. *fermé*.

Kiên-phát tên *mode articulaire*, tr. 28.

Kín tt. *fermé*. Âm kín : son fermé.

Khoang-mũi tên *cavité nasale*, tr. 26.

Khome tên *Khmer* = *Cambodge*.

Khung tên *crochet*.

L

Liềm tên *parenthèse* (dấu này giống hình lưỡi liềm, gọi là « ngoặc » thì không rõ).

Lực tên *intensité*.

Lưỡi tên *langue*, 21.

Lượng tên *quantité*.

M

Màng-cửa tên *voile du palais*, 21, tr. 26.

Mẹo-âm tên : các qui-tắc về âm - thanh trong mẹo-ngữ.

Mặt tt. *sourd*.

Mẹo-ngữ tên *grammaire* (văn-phạm).

Mẹo-lời tên *syntaxe*.

Mẹo-tiếng tên : các qui-tắc về tiếng trong mẹo-ngữ.

Mở tt. *ouvert*. Âm mở :

son ouvert. Văn mở : syllabe ouverte.

Móc tên *crochet*, *guillemet* : ta sẽ thấy rằng trong ngữ Anh còn chia móc đơn (*single bracktes*) và móc kép (*double brackets*) : vậy gọi là « ngoặc kép » cũng chưa ổn.

Mon-khome tên *Mon-khmer* ; một họ ngữ gồm có ngữ Môn, ngữ Khome và vài ngữ khác. **Môi** tên *lèvre*, 21, tr. 26.

N

Nấp-họng tên *épiglotte*,
tr. 26.

Nóu tên *alvéole*, 21, tr. 26.

Ngang tt. *transversal*,
tên *trait transversal*.

Ngang - nối tên *trait*,
d'union.

Ngang-ngăn tên *tiret*.

Ngăn tt, *bref, court*.

Nguồn - tiếng tên *éty-*
mologie (ngữ.nguyên).

Ngữ tên *langue*. **Ngữ**
chết : *langue morte*. **Ngữ**
nước : *langue nationale*,

Ngữ ngoài : *langue*
étrangère. **Ngữ** sống :
langue vivante.

Ngữ-giống tên : thứ **ngữ**
của riêng một giống.

Ngữ-miền tên *dialecte*,
tr. 23.

Ngữ-nho tên : nói chung
các tiếng-nho; tr. 22.

Ngữ-nôm tên : nói chung
các tiếng nôm tr. 22.

Ngữ-vùng tên *patois*.

Nhà-âm lời tên *phono-*
logue.

P

Phần-ken tên *affixe*.

Phần-ken-cuối tên
suffixe.

Phần-ken-dầu tên
préfixe.

Phần-ken-trong tên
infixe.

Phirénxê (*Firenze*) tên
Florence : một tỉnh của
nước Ý.

Phổi tên *poumon*, 21.

Poóctugan (*Portugal*)
Portugal (Bồ-đào-nha).

Q

Quan tên *organe*.

Quan-nói tên *organe de*
la parole.

Quan-nghe tên *organe*
de l'ouïe.

R

Răng tên *dent*.

Rèn tn. *résonner*. Sự
rèn : *résonance*.

Rôma (*Roma*) tên *Rome*
(La-mã).

Rung tt. *vibrer*.

S

Sắc-riêng tt. *trait*. Sắc
riêng thích-dáng : *trait*
pertinent, tr. 36.

Sau-chính tt. *post - vo-*
calique.

T

Tiếng tt. *mot*.
Tiếng miệng-cuối : *mot*
à finale buccale.

Tiếng mũi - cuối : *mot*
à finale nasale.

Tiếng-lặp tt. *mot re-*
doublé, tr. 53.

Tiếng-năng tt. *verbe*
(động từ).

Tiếng-nôm : tt. *mot vul-*
gaire.

Tiếng-nho tt. *mot sino-*
vietnamien.

Tiếng-tên tt. *nom* (danh
từ).

Tiếng-tính tt. *adjectif*
(tính-từ).

Tiếng-trạng tt. *adverbe*
(trạng-từ).

Tính-kêu tt. *sonorité*.

Thanh tt. *ton*, tr. 95.97.
Thanh bằng : *ton équi-*
libré.

Thanh cao : *ton haut*.

Thanh miệng : *ton buccal*.

Thanh mũi : *ton nasal*.

Thanh thấp : *ton bas*.

Thanh trắc : *ton incliné*.

Thường tt. *normal*.

Âm thường : *son normal*.

Trước-chính tt. *prévo-*
calique.

V

Vần tt. *syllabe*, 98.

Vần đóng : *syllabe*
fermée. Vần mở : *syllabe*
ouverte.

Vần-ba tt. *syllabe à*
trois phonèmes.

Vần-bán tt. *syllabe à,*
semi-voyelle, 98. Vần bán-
sau : *syllabe à semi-*
voyelle post-vocalique, 99.

Vần bán-trước : *syllabe à*

semi-voyelle pré-vocalique, 99.

Vân-bốn tên *syllabe à quatre phonèmes*.

Vân-chính tên *syllabe à voyelles*, 101.

Vân-hai tên *syllabe à deux phonèmes*, 100.

Vân-năm tên *syllabe à cinq phonèmes*, 100.

Vân-phụ tên *syllabe à consonnes*, 103.

Vân-phụ-sau : *syllabe à consonne post-vocalique*.

Vân-phụ-trước : *syllabe à consonne pré-vocalique*.

Vận tên *rime*.

Vị tn. *classer* ; xếp loại.

Không phải **vụng** như vẫn gọi lầm (x. VNTĐ ở tiếng **tự**, và PVTĐ ở tiếng *dictionnaire*).

Vị-tiếng tên *dictionnaire* (tự-diễn, tự-vựng). Xth.

Điền-tiếng.

Viết tn. *écrire*. **Viết-cái** : *écrire en lettres majuscules* (viết bằng chữ-cái). **Viết-con** : *écrire en lettres minuscules* (viết bằng chữ-con).

Viện-sách tên *bibliothèque* (thư-viện).

Viện-học tên *institut* (học-viện).

CÙNG MỘT TÁC-GIA :

TỬ-SÁCH

NGÔN-NGỮ NƯỚC NGOÀI

ĐÃ RA : VĂN-PHẠM ANH TOÀN-BỊ

(Phần thứ-nhất : Danh-từ)

Quyển mẹo-ngữ đầu-tiên khảo-xét ngữ Anh một cách chính-xác và khoa-học, với một biểu-dẫn tỉ-mỉ đầy-đủ giúp cho người-học tra-cứu được bất-cứ điều thắc mắc nào, với những phần giảng-giải về phân-sự các tiếng căn-cứ vào phép phân-tách (parsing) và phép đồ-biểu (diagramming) rất bổ-ích cho sự học ngữ Anh.

TỬ SÁCH

NGÔN-NGỮ VIỆT-NAM

SẮP RA : HỌC-ÂM-LỜI VIỆT-NAM

(Phần thứ-nhất : Học âm-lời miêu-tả)

PHONOLOGIE VIETNAMIENNE

(Ière Partie : Phonologie descriptive)

Một công-trình khảo-cứu đặc-biệt đặt nền-móng cho môn học-ngữ Việt-Nam mà mở đường cho các cuộc khảo-cứu từ-ngữ nước ngoài.

Nguyên-văn bằng ngữ Việt với bản-dịch ra ngữ Pháp để tiện việc đối-chiếu. Chứa-đựng nhiều phát-minh về âm-thanh Việt-nam chứng-thực bởi những cuộc thí-nghiệm ở Viện Âm-lời Pari (Institut de Phonétique de Paris), dẫn-giải bằng các hình-vẽ và hình-chụp.

CON ĐƯỜNG MỚI CỦA NGỮ VIỆT

Một tác-phẩm nghiên-cứu ngữ Việt đến gốc-rễ để nêu rõ những ưu-điểm cùng những khuyết-điểm mà bồi-bổ cho ngôn-ngữ ta.

Những nguyên-tắc đặc-biệt để làm cho ngữ Việt thêm tinh-thuần và phong-phú, nhất là trong phạm-vi các tiếng dùng khoa-học.

KHẢO VỀ TIẾNG GHEP

— Những nhận-xét tinh-vi về tiếng ghép Việt-nam theo những luật thuận-âm và thuận-thanh, với những biến-đổi về hình-thức qua âm và nghĩa.

— Những phương-pháp căn-cứ vào học-mẹo-ngữ, học-âm-lời và học-nghĩa để định lấy một phép ghép tiếng hợp lý, kể cả phép viết tên người.

— Một bản-kê đầy-dủ tất-cả những tiếng ghép Việt-Nam đặc-biệt nhất, với nguồn-gốc, ý-nghĩa và cách dùng.

KHẢO VỀ MẸO-NGỮ

Quyển I : Mẹo-ngữ tổng-quát.

Phần nghiên-cứu một cách tổng-quát các nguyên-tắc mẹo-ngữ ở các ngữ-sống tiêu-biểu nhất, như ngữ Anh, ngữ Pháp, ngữ Nhật, ngữ Trung-hoa, so-sánh với ngữ Việt.

Quyển II : Mẹo-ngữ Việt-nam.

Phần khảo-xét những đặc-tính của ngữ Việt để đặt nền-móng cho một môn mẹo-ngữ chính-xác, cải-thiện lề-lối dạy mẹo-ngữ ở các trường tiểu-học hay trung-học, và đưa học-mẹo-ngữ lên bậc đại-học.

TIẾP-TỤC SOẠN :

ĐIỀN-TIẾNG VĂN-CHƯƠNG VÀ NGÔN-NGỮ

Một tác-phẩm mở một kỷ-nguyên mới trong ngành biên-soạn « từ-điền » với những đặc-tính sau đây :

— Ghi đủ các tiếng nôm có từ xưa đến nay, còn thông-dụng hay đã phế-hủ, lưu-hành khắp đất Việt hay hạn-chế ở một vùng.

— Ghi đủ các tiếng nho với những thay-đổi về ý-nghĩa hay cách dùng, những biến-thể ra tiếng nôm, mà phân-biệt « nho xưa » với « nho nay ».

— Tìm nguồn-gốc chính-xác của mỗi tiếng qua các biến-đổi về âm và nghĩa mà dựa vào những nguyên-tắc học-ngữ, cùng những tài-liệu trong văn-chương.

— Giải-thích tất-cả các điển-tích gặp trong văn cổ kim đông-tây.

— Thiết-lập một hệ-thống tiếng-dùng về văn-chương và ngôn-ngữ mà bất-cứ người nào cầm cây-viết cũng cần biết.

Một tác-phẩm khởi-thảo từ trên mười năm nay, và sẽ là nền-móng cho một quyển **Điền tiếng Việt-Nam** đủ các tiếng-dùng khoa-học về tương-lai.

ĐÍNH-CHÍNH

Chúng tôi ân-cần xin lỗi bạn-đọc về một số nhầm-lẫn khá nhiều trong quyển sách này vì trước một loại khảo-cứu có nhiều dấu mới, trong những điều-kiện làm việc quá khó-khăn, sự kiểm-soát của chúng tôi dù gặt-gao đến đâu cũng đành không làm hơn được trước những gắng-sức về tri-não chỉ có hạn của thợ nhà in.

TRANG	DÒNG	IN LẦM LÀ	XIN ĐỌC LÀ
V	28	của	của
IX	1	Lời nói đầu	Lời nói đầu
1	lch. 1	Chính phải chưa là Poóctugan	Chính phải chưa là Póglugan
3	lch. 6	d'Annam	d'Annam
4	cuối	thời.	thời.
5	1	Phải chăug	Phải chăng
—	10	, Nhưng	. Nhưng
—	lch. 10	So-sánh với i	So-sánh với
6	1	Phải-chăug	Phải chăng
7	20	công-kích ¹ .	công-kích " ¹² .
8	cuối	không bao giờ	không bao-giờ
9	4	1905	1906
—	9	Ủy-ban	Ủy-ban
—	16	họ " :	họ :
10	6	đùng	đùng
11	15	giọng mạnh	giọng mạnh
—	25	hện nay	hiện nay
—	25	âm-sát	âm-ép
12	17	đư-định	dự-định
15	6	vào khoang	vào khoảng
—	8	chỉ-trích	chỉ-trích
16	27	Thật lạt mộ	Thật là một

TRANG	DÒNG	IN LÂM LÃ			XIN ĐỌC LÃ		
19	20	không lo. nhăm-lăn,			không lo nhăm-lăn.		
23	lch. 34	nấu			nấu		
25	25	cuối			đầu		
27	7	xuống			xuống		
33	10	lấy làm la			lấy làm lạ		
—	20	-chạm			Độ-chạm		
37	17	những			những		
39	9	kết-quả			kết-quả		
—	28	Những			Những		
41	4	người ta			Người ta		
—	6	đối voi			đối với		
43	cuối	pi			đi		
44	13	pầu			đầu		
45	7	l > Y			Y > l		
—	25	ndải			phải		
47	14	mã			mã		
57	cuối	cử (trữ)			cử (trữ)		
58	11	vả lại			vả lại		
—	lch. 43	zank, zànk			zan̄, zàn̄		
63	11	của Ty đã			của Tây, đã		
64	7	Những chữ âm-chính.			Những chữ âm-chính.		
67	24	d (do)			d (do)		
—	cuối	ṛ (àng), ñ (nhơ)			ṛ (àng), ñ (nhơ)		
70	3	ṛ âm-cản-ép :			ṛ, âm-cản-ép :		
72	18	ưá			ưá		
—	19	trước	iê		trước	i	iê
		(Chữ)	(Lông)	(Chặt)	(Chữ)	(Lông)	(Chặt)
73	7	h	he		h	he	
—	11	f	fâ		f		fâ
—	13	s	sí		s		sí
—	15	x	xu		x		xu
—	17	p			p		pín

Trang	Dòng	In làm là	Xin đọc là
31	7	(âm-sát)	(âm-phi)
»	12	(âm-sĩ)	(âm-xi)
»	17	(âm-uốn)	(âm-sát)
55	cuối	tr, th, kh	tr, th,
56	5	th, kh là những nhóm	th là nhóm
»	7	không hõnk	(bỏ cả)
»	12	bốn chữ-hai ch, nz, ng, nk	năm chữ-hai ch, kh, nz, ng, nh
58	8	(xem đoạn thêm vào	ở trang sau)
66	29	những nhóm th, tr, kh	những nhóm th, tr
67	3	x (sơ)	x (sơ), q (khor)
»	23	b (bơ)	q (khor), b (bơ)
73	15	(tiếp vào dưới xin thêm :) màng - của : chặt q : : qe :	
81	3	(tiếp vào dưới xin thêm :) 10 — qe, qơ, qo, qê, qố, qô, qí, qu, qu, rồi đổi các số 10 — (be...), 11 — (pe...), vv. thành 11, 12, vv.	
»	16	những nhóm th,	những nhóm th,
	19	tr, kh (bỏ cả dòng)	tr

Tất cả những tiếng *bội-chữ*, *bản-âm bản-tiếng*, *bản-vần* trong sách đổi thành : *bội-chữ*, *bội-âm*, *bội-tiếng*, *bội-vần*.

Xin cắt để dán vào phần cần bỏ - khuyết

Tr. 31 dưới dòng 17.

	Độ - chạm	Đường - rền	
		Miệng	Mũi
— Phần ép khi - trời là cuống lưỡi và màng-của : cuống lưỡi đưa lên, gần sát màng - của : hơi - nói lách qua khe hở mà ra (âm - khi),	Chặt	kh	

Tr. 58 dưới dòng 8.

76 bis c. Q thay cho kh. Còn lại kh là một âm-ép màng-của đơn không nên lẫn với kh là một âm-cân-hô do k và h lập thành. Ta có-thể lấy q để thay cho nó mà có :

Chặt : qe, qe, qo, qe, qe, qe, qe, qe, qe, qe

Vì giọng « khi » gần với giọng « xi » và giọng « hô » nên q khi thì thành s, khi thì thành h.

	Nho	Nôm
Q > S	} 積 qí (khi)	sôy (xây)
	} 顏 qaw (khảo)	saw (xảo)
	Nôm	Nôm
Q > H	qônk (không)	hônk (hông)

TRANG	DÒNG	IN LÂM LÃ	XIN ĐỌC LÃ
82	14	urm	urm
—	16	urn	urn
83	cuối	am	am
86	24	kẽw	kẽw
88	4	đường-thoát	đường-rẽn
90	10	ùm	kùm
—	11	kùm	kùm
98	8	Lorraine	Lorraine
99	23	chuyển	chuyển
105	3	cử	cử
107	7	kô	ko
110	10	Trần	Cần
111	11	nzuṅ	hũn
112	13	lwi	vị
—	26	có biết-bao nhiêu	có biết bao-nhiều
114	6	lên	lần
115	7	thứ	thứ
118	4	Nhữn vãng	Những vãng
120	6 hữu	Blabiale	Bilabiale
—	15 hữu	Son de la voix	Son de la parole
121	23 hữu	(ngũ-cán).	(ngũ-cán).
122	1 tả	chữ cá :	chữ cái :
—	24 tả	(khởi-diêm).	(khởi-diêm).
—	16 hữu	Đường rẽn :	Đường-rẽn :
—	19 hữu	Etpánha	Etpánha
123	10 tả	Etdier	Etudier
(126)	3	BỘ-SÁCH	BỘ SÁCH
(127)	15	tinh-thần	tinh-thuần

LỚP ANH - VĂN

NGÔN - NGỮ'

339, đường Phan-đình-Phùng

SÀI-GÒN



Do G.S. NGUYỄN BẠT - TUY điều-khiển và các
giáo-sư VIỆT-MỸ phụ-trách đã được tín-nhiệm
của toàn-thể các học-sinh và công, tư chức thủ-đô



LUYỆN THI TRUNG-HỌC VIỆT VÀ ANH

Có sẵn nhiều lớp từ đệ-thất đến đệ-nhị
THÁNG NÀO CŨNG MỞ LỚP MỚI



TÀI-LIỆU DẠY HOÀN-BỊ

- Bài dẫn-giải soạn sẵn thành sách
- Bài thực-hành in sẵn phát không
- Magnétophone để nghe lại bài cũ
- Đĩa-hát đủ loại để luyện giọng



PHƯƠNG-PHÁP NGÔN-NGỮ-HỌC MỚI-MỀ
BÀI-TẬP, DỊCH, LUẬN RA LUÔN